

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẬP-CHÍ

BÀN PHIÊM VỀ VĂN-HÓA ĐÔNG TÂY

So-sánh văn-minh Đông-phương với Tây-phương, còn vấn đề nào to-tát bằng ! Những đọc đến đâu đề đã lấy làm sợ thay.

Từ ngày Đông-phương với Tây-phương giao-tiếp nhau thân-mật đến cảm-hóa lẫn nhau về đường tinh-thần, đường trí-thức, những bậc đại-trí trong thiên-hạ đề ý nghiên-cứu về vấn đề ấy cũng đã nhiều. Nhưng vì cái phạm-vi nó to rộng quá, nên chưa ai xem được khắp và xét đến cùng. Đem Đông-phương với Tây-phương đối nhau, tựa-hồ như hai cái khối hồn-nhiên đem ra so-sánh. Kỳ-thực có giản-dị như thế đâu. Đông-phương với Tây-phương chẳng qua là hai cái tên chung bao-gồm biết bao nhiêu dân-tộc khác nhau, bao nhiêu văn-hóa khác nhau. Trong một cõi Tây-phương mà văn-hóa nước Pháp không giống văn-hóa nước Anh, văn-hóa nước Anh lại khác văn-hóa nước Đức ; nay nói chung văn-hóa Tây-phương thì là chỉ văn-hóa nước nào ? Tức cũng như nói chung văn-hóa Đông-phương là chỉ văn-hóa Ấn-độ, hay là văn-hóa Nhật-bản, hay là văn-hóa Trung-hoa ? Vẫn biết rằng các nhà nghị-luận là dùng phép tổng-quát, chỉ gồm lấy những tính-cách chung của văn-hóa cả một phương mà không xét đến những sự đặc-biệt trong văn-hóa của từng nước, và cứ đại-đề mà xét như thế thời văn-

hóa nước Pháp hẳn khác với nước Đức, nhưng cũng là đại-dồng tiểu-dị, sánh với nhau còn gần hơn là sánh với văn-hóa nước Tàu hay nước Nhật vậy. Song nhà nghị-luận muốn cai-quát cho đích-đáng thời phạm những văn-chương, triết-học, mỹ-thuật, tôn-giáo, luân-lý, chính-trị của các nước Thái-Đông Thái-Tây đời xưa đời nay, ít ra cũng phải thiệp-liệp và lĩnh-lược được hết, thời phán-đoán mới khỏi sai-lầm, nghị-luận mới được xác-đáng. Bậc thiên-tài như thế, cò-kim đã được mấy người ?

Hiện nay có nhà đại-thi-hào Ấn-độ RABINDRANATH TAGORE đã từng đem một cái tư-tưởng rất cao mà phê-phán về văn-minh Thái-Tây. Nhưng ý-kiến tiên-sinh siêng-viết quá, dầu có cái đạo-vị thâm-trầm, cái mùi thơ ngào-ngạt, mà tưởng không thiết cho sự yên-cầu của tâm-trí người ta đương buổi Á Âu xung-đột này (1).

Lại mấy năm trước có một nhà làm sách Nhật-bản tên là OKAKURA KAKUZO, học-văn yêm-bác, kiêm-thông cả Hán-học cùng Âu-học, soạn một quyển sách nghĩa-lý cũng sâu-sắc, khám-phá được nhiều điều, đề là « Lý-tưởng Đông-phương » (2), nhưng lập-luận có ý thiên, thiên vì lòng ái-quốc, cho rằng nước Nhật ngày nay là cái kho bảo-tàng chung để chứa hết cả tinh-hoa của thế-giới.

(1) Xem bài : Ông Tagore đối với văn-minh Thái-Tây, trong số này.

(2) Les Idéaux de l'Orient, par OKAKURA KAKUZO. Nguyên-bản bằng tiếng Anh, có dịch ra tiếng Pháp.

Xem như thế thì so-sánh văn-minh Đông Tây thật không phải là sự dễ. Các bậc tài cao học rộng còn chưa xét được đến nơi, tôi đây dẫu dám tự-phụ.

Song người nước ta bây giờ như đứng giữa nơi hợp-lưu hai cái văn-hóa khác nhau, trước mắt có cái cảnh hai dòng nước đổ lộn, chưa biết rồi sau trong đục ra thế nào. Kể bi-quan cho rằng nước càng xa nguồn tất càng đục; kể lạc-quan cho rằng nước có đổ lộn sức mới to. Bi-quan hay lạc-quan, chẳng qua là theo cái ý riêng của mỗi phái mà dự-tưởng sự kết-quả về sau này. Còn hiện nay thời cũng chưa ai biết ra thế nào cả, lòng còn phân-vân, trí còn bối-rối, chưa hay nên đối-phó với phong-trào ra làm sao.

Cứ thực ra thì kẻ thức-giả trong nước ta bây giờ, người nào cố-ý không đề tâm đến những chuyện xa-xôi ấy thì chớ, còn những người còn biết trọng điều nghĩa-lý ở đời, còn biết cho rằng ngoài sự danh-lợi còn có những lẽ quan-thiết cho nhân-tâm thế-đạo hơn, thời xem ra ai ai cũng như bỡ-ngỡ, bơ - thờ, thần - thơ, ngơ - ngác, như người lỡ bước lạc đường, bơ-vơ không biết nương-tựa vào đâu. Cho nên — nhất là trong hạng thanh-niên, — kẻ không có chí bị đâm-đuối trong cuộc ăn-chơi phóng-tung đã đành, kẻ có chí cũng đến hăm-hại vào chốn sâu-thẳm chán-chường.

Cái bi-kịch về tinh-thần đó, cái thảm-trạng trong tâm-trí đó, ông cha ta ngày xưa không từng biết, vì đương đời bế-quan toả-cảng, các cụ chỉ biết có một cái văn-minh học-thuật của Trung-hoa mà thôi, di-truyền tự thượng-cổ, tích-lũy đã lâu đời, thành như một nền văn-hóa riêng của nước mình, cục-cung tận-tụy, thành-thực phụng-thờ, lòng được chuyên-nhất, không phải chia xẻ ra làm đường, nên giữ được cái vẻ thái-nhiên yên-đàn.

Kịp đến buổi phong-hội mở-mang, Á Âu giao-thiệp, thời sự xung-đột hai cái văn-hóa Đông Tây bắt đầu từ đây. Trong bấy lâu, tuy cứ bề ngoài mà xét tựa-hồ như có bên thắng bên bại, bên tiến bên lui, tình-thế đã rõ-ràng ra đó, nhưng cứ thực-sự thời người minh đối với bên nào cũng còn lúng-túng dờ-dang, chưa quyết hẳn theo một phương-châm nhất-định. Bởi thế nên chí-hướng phát-phơ, tâm-hồn phảng-phất, thần-trí không được thư-xướng, mà trong lòng như mang một cái nổi áy-náy không yên.

Cũng muốn nhắm mắt mà theo mới, nhưng theo mãi rồi đến đâu? Nếu kết-quả chỉ gây ra một giống không Á không Âu, nửa Tây nửa Đông, tâm-phơ tâm-phất, lổc-cổc lông-bông, không nhà không nước, không cha không ông, thời cũng là uổng công vô-ích mà lại đề hại về sau. Cũng muốn khu-khu mà giữ cũ, nhớ lấy câu «giấy rách giữ lề», nhưng mà lại lăm nổi dờ-dang, «bỏ thương vương tội»; những cái nguyên-nhân tích-nhược trong bấy lâu, đeo-đẳng mãi thật cũng khổn!

Ấy tình-trạng những kẻ thức-giả trong nước ta thuộc về vấn-đề văn-hóa có cái vẻ bối-rối mà thâm-thương như thế. Đối với tình-trạng ấy, trách sao có lắm người sinh ra những tư-tưởng chán đời. Không phải đời đáng chán, bởi lòng không yên, trí không định, nên sự-nghiệp đến hững-hờ, mà công-danh đến dềnh-đoảng. Mà lòng không yên, trí không định, là bởi cái vấn-đề văn-hóa chưa giải-quyết xong.

Xét cho cùng, cái nguyên-nhân của mọi sự chệch-lệch trong xã-hội, mọi nổi bất-bình trong lòng người không phải là thuộc về luân-lý, không phải là thuộc về chính-trị, chính là một cái vấn-đề văn-hóa ấy vậy.

Văn-hóa là gì? Văn-hóa là cách đào-luyện tinh-thần người ta thế nào cho được thập-phần tốt đẹp, đề này-nó

ra những công-trình to-lát, sự-nghiệp lớn-lao mà đem tư - cách một quốc-dân đến tuyệt-phẩm. Vì người ta như cái cây, thời văn-hóa là cách trồng cây, bón cây, tưới cây, cho cây nở ngành xanh ngọc, kết-quả sinh-hoa, để tô-diêm cho cái vườn hoa của thế-giới.

Nay mầm Hồng chồi Lạc của ta cũng không phải là giống cỏ hèn của Tạo-vật ; sao nở để cho đến khô héo mà úa tàn ? Bởi vì ta bấy lâu lúng-túng chưa biết cách vun xới cho phải đường. Cứ trông theo lối cũ thời chỉ gầy được một giống cây non bộ, coi nó nhỏ-nhen li-ti, thấp-hẹp bần-cùn, đặt trong chậu sành chậu sứ, bệ cạnh tường hoa thì được, chứ đem ra nơi nắng cả gió to được mấy nả. Muốn trồng theo lối mới thời cũng chỉ mọc ra một loài lăm gủi giầy leo, quấn vào chung quanh cây lớn thời sống được, chứ thả ra mềm oặt đứng sao !

Nhân-tài nước ta cũng như cái cảnh giầy lăm gủi, cây non bộ đó, mong sao có ngày chiếm được địa-vị vẻ-vang trên thế-giới ?

Cho nên cái vấn-đề văn-hóa đối với nước ta là quan-hệ lắm. Vấn-đề này có giải-quyết được phải đường, thời nước ta mới có được nhân-tài xứng-dáng ; nước ta có nhân-tài xứng-dáng, thời mới mong sinh-tồn tự-lập được ở đời.

Tôi không dám tự-phụ rằng đã tìm được cách giải - quyết vấn-đề ấy. Nhưng bấy lâu nay, từ khi khôn lớn biết tư-tưởng đến giờ, vẫn lấy làm băn-khoăn khắc-khoải, lúc nào cũng như canh-cánh trong lòng, tưởng như sự hạnh-phúc cả một đời, sự vận-mệnh cả một nước là quan-hệ ở đó. Tôi không phải là người « đa-tư đa-cảm » như các bạn thanh-niên đời nay ; nhưng bầm-sinh ra vẫn có cái tính hay biết sợng biết khổ vì một cái lý-tưởng suông. Tưởng giả nghèo khổ đói

rét cũng có thể chịu được, mà trong lòng trong trí không có một cái lý-tưởng, một cái chủ-nghĩa đích-đang để làm trụ-cốt cho sự tư-tưởng hành-vi của mình, thời khổ không biết đường nào. Nói thế không phải là đem tâm-ly riêng mà phỏ bày cho thiên-hạ đâu. Thiên - hạ nào có thiết chi ! Nhưng nói thế là để tỏ rằng đối với cái vấn-đề văn-hóa này thành-thực và sốt - sắng là đường nào.

Vẫn biết rằng một lòng thành-thực sốt-sắng thật chưa đủ giải-quyết được một vấn-đề quan-trọng mà khó-khăn, nhưng không có tư-cách gì khác nữa thời thế cũng đủ để cùng các anh em đồng-bi trong nước giải-bày chút ý-kiến riêng.

Bọn ta sống giữa đời Đông Tây giao-thiệp, Âu Á một nhà, đối với văn-hóa Tây - phương, đối với văn - hóa Đông-phương, đối với tinh-thần Âu-châu, đối với tinh-thần Á-châu, phải nên có một cái thái-độ như thế nào ? Ấy cả cái vấn - đề là gồm trong một câu đó.

Gần đây đã thành một câu khẩu-dầu hễ bàn đến văn - minh Âu Á thì nói nên phải điều-hòa hai bên, giữ lấy cái hay mà bỏ những cái dở. Tôi đây cũng tin ở sự điều - hòa đó, vẫn lấy bốn chữ « Thờ nập Âu Á » làm lời cảnh-huấn riêng. Song nói dễ mà làm khó ; văn-minh không phải là vị thuốc, có thể cứ đồng cân mà hòa lấy cho đúng liều được. Văn-minh là một vật không hình-thể, không trọng-lượng ; văn-minh là thuộc về tinh-thần vậy.

Muốn điều - hòa hai cái tinh-thần khác nhau, phải biết dùng trí-tuệ một cách sáng-suốt khôn-ngoan, phải biết khảo - sát, thương - lượng, biện-biệt, phán-đoán, rồi mà châm-chước cho thích-trung. Khó lắm thay ! Lại khó hơn nữa, là cách giáo-dục trong nước tuyệt-nhiên không giúp được tí gì cho

sự điều-hòa ấy, không những không giúp được tí gì mà lại hầu như ngăn-trở cho không thành được. Vì rằng muốn điều-hòa tất phải có hai bên, mà nay giáo-dục chỉ chuyên về một bên, bên kia không biết đến, thì còn điều-hòa cái gì? Hiện nay cái hiềm-tượng đã rõ rồi đấy: phần nhiều những bậc thiếu-niên tuấn-tú trong nước, từ thừa nhỏ chỉ theo về một đường Tây-học, đối với văn-hóa Đông - phương, đối với lịch-sử nước nhà, mang-nhiên không biết một tí gì, như thế thời còn biết điều-hòa là sự gì nữa? Muốn điều-hòa, phải tham-bác cả đôi bên, nghiền-ngẫm cho thâm-thúy, rồi mới châm-chước cho vừa phải. Nếu chỉ đọc chuyên một phương-diện, thời thành ra thiên-lệch rồi.

Cho nên cái vấn-đề văn-hóa ở nước ta càng xét ra lại càng thấy khó-khẩn phiền-phức vô-cùng.

Trước hết có một cách giải-quyết cái vấn-đề ấy, mới coi tựa-hồ như giản-dị đơn-thỏa hơn cả, một số nhiều trong quốc-dân ta ngày nay như mơ-màng mà khuynh-hướng về hết. Kề giản-tiện thì cách này giản-tiện thật, giản-tiện quá! Là cứ thuận dòng nước mà chảy xuôi, không cần phải bần lòng đến sự gì nữa. Nghĩa là xóa hẳn cái vấn-đề đi, cho là không cần phải đề-khởi ra làm gì. Ngày nay các nước Âu-Tây cường-thịnh nhất trong thế-giới, văn-hóa của các nước ấy chắc là hay-ho tốt-đẹp vô-cùng. Ta cứ việc nhắm mắt mà ta theo, hà-tất phải nghĩ quanh nghĩ quẩn cho phiền. Có ngày theo được đến nơi, rồi cũng sẽ được như người ta, có lo gì? Vả văn-hóa ấy ngày nay có thể-lực rất mạnh, cơ-bỏ muốn tràn-ngập cả thế-giới. Dầu ta không muốn theo, cái phong-trào nó cũng lôi cuốn ta đi. Dữ-kỳ miễn-cưỡng phải theo, thà rằng vui lòng mà theo còn hơn.

Nói rút lại là theo phái ấy thời vấn-đề văn-hóa ở nước ta là một câu chuyện hảo-huyền, bất-tất phải bần đến. Nghĩ cũng tiện thật, nhưng mà nghĩ kỹ có lẽ chưa tiện chút nào. Dầu nay không muốn bần đến mà rồi có ngày cũng phải bần. Nếu không liệu sớm ngay từ giờ, rồi càng ngày càng thêm khó. Xưa nay không có nước nào bỏ căn-bản mình mà thành-lập được bao giờ. Phàm sự văn-hóa là phải vun-trồng tự nơi căn-bản mà đi. Nếu bỏ căn-bản của mình mà chuyên phóng chép của người, thời là công cái « dạ-tràng se cát bể Đông, nhọc-nhân mà chẳng nên công-chuyện gì! » Tự mình không có gốc sắn mà đi mượn của người, thời như người vay lãi mà ăn, sớm trưa tất có ngày phá-sản. Tình-cảnh ấy rất là nguy-ngập. Người Nam ta nếu tùy-tâm về Âu-hóa mà không hồi-cổ đến căn-bản mình thời không khác gì người đi vay nợ mà ăn, tất có ngày vỡ nợ. Vì Âu-hóa mà có cách nào hóa được hẳn như người Tây, thời còn hạnh-phúc nào bằng, chúng ta xin sẵn lòng ký cả hai tay. Nhưng cái lẽ không thể được; cổ-kim không có bao giờ có sự biến-hóa đến căn-bản như thế. Nếu trong khi biến-hóa mà không khéo châm-chước điều-hòa thời có cái nguy gây ra một giống dở-dang bác-tạp, căn-bản cũ mất hết mà tính-cách mới không thành, tức là một cái quái-vật trong nhân-quần, không biết liệt vào chủng-loại nào. Giống quái-vật ấy chỉ biết xuẩn-động quấy rối, không biết sáng-khởi kiến-thiết bao giờ. Giống quái-vật ấy là cái ác-ma của xã-hội, càng ngày càng nhiều thời xã-hội đến diệt-vong. Nói thế không phải là nói quá, cái triệu-chứng đã nghiệm thấy ngay quanh mình vậy.

Như vậy thời dầu người nhiệt-thành Âu-hóa, vì có cái trí phán-đoán sáng-suốt, tất phải hiểu rằng sự điều-hòa

là sự cần. Cái thuyết thuận dòng xuôi chảy, nhắm mắt mà theo phong-trào, là một cái thuyết sai-lầm vậy.

Nay đã biết điều-hòa là sự cần, thời phải nên điều-hòa ra làm sao? Như trên kia đã nói, sự này là thuộc về tinh-thần, về trí - tuệ, không thể cân-nhắc đo-lường được, không thể kê ra cân-lượng như cái đơn thầy thuốc vậy. Phải tùy ở mỗi người biết khéo dụng trí khôn mà châm - chước cho thích-nghĩ. Song cũng phải có mấy cái phạm-lệ chung để định cái thái-độ của người mình đối với hai văn - hóa Đông Tây nên thế nào.

Trước hết hẳn phải định nghĩa văn-hóa là gì. Như đã giải ở trên, văn-hóa là gồm cách đoàn-luyện tinh-thần người ta. Văn-hóa là dịch tiếng tây *culture*, nghĩa đen là cách cấy trồng. Người ta ví như cái cây thì văn-hóa là cách vun-trồng cho nảy - nở được hết cái tinh - hoa. Cây có trồng cây mới tốt, người có hóa người mới hay. Văn-minh với dã-man khác nhau là một bên có văn-hóa, một bên không. Như vậy thời văn-hóa là một sự cần, một dân một nước không thể khuyết được. Nước ta xưa nay vẫn xưng là « văn - hiến chi bang », nghĩa là đời nào cũng có văn-hóa, nên người thuận, tục tốt, xã-hội chỉnh-dốn, lịch-sử vẻ vang. Nay gặp đời giao - thông, thế không thể không ra tiếp-thụ văn-minh mới, thái-thái mà điều - hòa với cái tinh-thần cổ-hữu của mình. Ta phải tìm cách gây lấy một nền văn - hóa riêng cho nước ta, tham - bác cả hai tinh-thần Âu Á. Đó không phải là sự mơ-tưởng viễn-vọng, chính là một sự yếu-cần cho lẽ sinh-tồn vậy. Kể thực-giả trong nước phải nhận-chân lấy cái trách-nhiệm đó mà ra sức dấn-đương. Lại là việc lâu dài, không thể kể bằng tháng hằng năm, cũng không thể thành-công kết-quả ngay được. Nhưng phải biết rằng dân - tộc ta muốn tìm

đường giải-phóng, muốn tìm phương tự-lập, duy có cách đó mới mong kiến-hiệu được, còn ngoại - giả không có đường-lối nào nữa. Xin quốc - dân ta nhớ lấy cho rằng cứ tinh-thể nước ta ngày nay, vận - động về đường chính-trị không bằng vận - động về đường văn-hóa. Vấn-đề văn-hóa còn quan-hệ hơn vấn-đề chính-trị vậy.

Đó là điều cốt-yếu, mong những nhà có chí trong nước để tâm suy-xét, vì trong bài này không thể nói cho hết ý được.

Nay đã biết sự văn-hóa là quan-hệ, việc điều-hòa văn-hóa là sự cần, thời phải biết cách đối-đãi hai cái văn-hóa Đông Tây ra thế nào.

Ngày nay vì thời-thế, quốc - dân ta mỗi ngày một khuynh - hướng về đường Tây-học. Phần nhiều cũng là thuận dòng nước chảy xuôi, như trên kia đã nói, chứ có lẽ không mấy ai nghĩ đến cái tinh-cách, cái giá-trị của Tây-học thế nào. Hay là có, có nghĩ đến cái giá-trị sự học, nghĩ đến nhiều, nhưng nghĩ rằng học hết tiểu-học thì có thể làm được vài chục đồng một tháng, hết trung-học thời được giảm chục đồng, mà hết cao-đẳng thời được một trăm đồng, không kể còn những phẩm-hàm chiếu-đối, danh-dự xóm-làng là phụ thêm ở ngoài nữa. Cái giá - trị đó tuy cũng đáng trân - trọng thật, nhưng quyết không phải là giá-trị chân-chính của sự Tây-học.

Nay bất-luận vì có gì mà người nước ta xô theo về Tây-học, đã theo cũng phải biết rõ tinh-cách sự học thế nào. Tinh-cách ấy, muốn phân-tích ra cho tường thì phiền-phức lắm, nhưng có thể tóm-lắt lại đại-khái bằng một câu như sau này : *học-thuật của Thái-Tây là học-thuật về sự-vật, văn-hóa của Thái-Tây là văn-hóa về sự-vật*. Người Âu-Tây từ xưa đến nay chỉ chuyên-chủ khảo-sát sự-vật, khám - phá sự-vật, chinh-phục sự-vật, chi-phối sự-vật,

mà làm thế là chỉ có một mục-dịch lợi - dụng cho người ta được phú-cường (1)

Các hiền-triết phương Đông không thiết gì đến sự-vật, chỉ chủ dạy người ta sửa mình theo Đạo-đức, và ăn-ở với nhau trong xã-hội cho êm-thấm. Ấy cái đặc-sắc, cái giá-trị của văn-hóa Đông-phương là thế. Nếu cứ biệt-lập ra một thế-giới, không can-thiệp đến ngoài, thời Đạo-đức cũng đủ làm cho người ta sung-sướng. Nhân-nghĩa cũng đủ làm cho xã-hội hòa-bình. Nhưng cái văn-minh đạo-nghĩa ấy nhất-dân phải ra xung-đột với cái văn-minh công-lợi của Tây-phương kia, thời không sao địch nổi, chỉ thấy hết phen thất-bại ấy đến phen thất-bại khác, rồi mà càng ngày càng suy-sút đi, hầu như không còn có cơ hưng-thịnh lên được nữa.

Hai văn-hóa đã có tính-chất khác nhau như thế, thời đối với văn-hóa Tây-phương ta phải có cái chủ-ý thâu-thái, mà trong khi thâu-thái phải biết khéo kén-chọn; đối với văn-hóa Đông-phương ta phải có cái chủ-ý bảo-tồn, mà trong khi bảo-tồn phải biết khéo phát-huy.

Nói rằng thâu-thái, lại nói rằng kén-chọn, là không thể cứ toàn-thể, cứ y-nhiên mà thâu-nhập được; phải biết phân-tích, phải biết biện-biệt các phần mà chỉ chọn lấy phần nào có bổ-ích cho sự tăng-tiến của ta mà thôi. Việc này là thuần ở cái tài khôn-khéo của mỗi người, không thể định cách-thức sẵn được. Nhưng có một điều cốt-yếu, là rất không nên câu-nệ. Học Tây mà câu-nệ là hỏng.

Nói rằng bảo-tồn, lại nói rằng phát-huy, là cũng có cái ý phân-biệt ở trong đó, phần nào là phần cốt-yếu thì phải nên giữ-gìn, mà lại tổ-rạng cho sáng-sủa thêm ra. Vì rằng cái văn-hóa của Đông-phương ta ngày nay đương qua một hồi yếm-tế, không những ta cần phải

bảo-tồn lấy, mà ta lại phải cần biểu-dương lên. Đối với văn-hóa Âu-Tây ta nên hoài-nghi bao nhiêu, thời đối với văn-hóa Á-Đông ta lại phải nên đón-độc bấy nhiêu. Người Âu mê-tin ở Khoa-học, người Á mê-tin ở đạo-đức. Sự mê-tin trên có lẽ không chánh-đáng, vì đối với sự-vật mà mê-tin. Sự mê-tin dưới có thể thừa-nhận được, vì đối với một cái lý-tưởng mà mê-tin. Lý-tưởng ấy là cho rằng có thể lấy đạo-đức, lấy nhân - nghĩa mà giáo-hóa người đời, sửa-sang phong-tục, chỉnh-đốn xã-hội, mưu sự hạnh-phúc cho nhân-quần và sự hòa-bình trong thiên-hạ. Lý-tưởng ấy ta phải nên trân-trọng, vì là cái tinh-t túy của văn-hóa phương ta; ta phải nên giữ-gìn cho khỏi bị những phong-trào mới nó lay-chuyển đến đổ-nát đi mất. Ta phải nên phát-huy ra để làm cái đuốc sáng soi con đường tiến-hóa cho nước ta.

Như vậy thời văn-hóa Tây-phương là gồm ở Khoa-học; văn-hóa Đông-phương là gồm ở Đạo-học (2) Đối với Khoa-học ta phải nên có lòng công - lợi, đối với Đạo - học ta phải nên có bụng chân-thành. Hai đàng là cần cả, không đàng nào khuyết được. Nếu có Khoa-học mà không có Đạo-học thời như có vỏ mà không có ruột, không thể thành-lập được ở đời; nếu có Đạo - học mà không có khoa-học thời như có ruột mà không có vỏ, không thể xống-pha được với đời. Cho nên hai bên cần phải điều-hòa với nhau. Điều-hòa Khoa-học với Đạo-học, lòng công-lợi với bụng chân-thành, tức là điều-hòa hai cái văn-hóa Đông-Tây vậy.

Nói tóm lại, cả cái vấn-đề văn-hóa ở nước ta là ở sự phân-biệt và điều-hòa hai mối Đạo-học và Khoa-học vậy.

Điều đó tựa-hồ như tầm-thường ai cũng biết, mà về phần riêng tôi phải suy-nghĩ trong lâu năm mới hiểu thấu

(1) Những đoạn có chấm là bị tòa kiểm-duyệt xóa.

(2) Về Đạo-học và Khoa-học, xin xem lại bài « Học-phong và Sĩ-khí », N.-P. số 1, trang 1-5.

được hết lẽ. Nhưng đến khi hiểu được rồi thì thấy trong lòng được khoan-khoái, trong trí được vững-vàng, không còn băn-khoăn khắc-khoải như trước nữa.

Điều đó tuy tầm-thường như thế mà tôi hiểu được cho là một sự phát-minh đáng kỷ-niệm trong một đời. Còn sự phát-minh nữa, cũng tầm-thường cho thiên-hạ mà cũng đáng kỷ-niệm cho riêng tôi, là phát-minh được một cách phương-tiện để giúp cho sự điều-hòa như trên kia.

Sự tác-dụng thiết-yếu nhất của thần-trí người ta là sự tư-tưởng. Dẫu văn-hóa phương nào nước nào cũng là phát-nguyên ở một cái mối tư-tưởng trong lòng người mà ra. Nhưng nếu cái tư-tưởng ấy cứ u-u âm-âm ở trong lòng, thời như vô-hình vô-trạng, không biết dẫu mà dò-xét được. Tất phải phát-biểu ra lời nói mới gọi là thành-hình. Lời nói tuy là cái áo của tư-tưởng, mà tư-tưởng tất phải do lời nói mới biểu-lộ ra được, thời lời nói cũng tức là cái cơ-quan « thực-hiện » của tư-tưởng ; lời nói quan-hệ vô-cùng. Nay người trí-thức ở nước ta, — là nói người trí-thức thời, còn kể tầm-thường thời có mấy khi dùng đến tư-tưởng, — từ xưa đến nay, tư-tưởng bằng tiếng gì ? Có thể nói rằng các nhà cựu-học hầu hết tư-tưởng bằng chữ nho cả, mà các bậc tân-học cũng phần nhiều tư-tưởng bằng chữ Pháp hết. Tư-tưởng bằng thứ chữ nào là trong óc hồ nghĩ ra một cái ý-tưởng gì thời liền tự-nhiên diễn ra bằng thứ chữ ấy, hoặc diễn thành câu rõ-ràng, hoặc diễn u-âm trong trí. Như thế thời nhà nho học không mấy khi là không ám-diễn tư-tưởng mình bằng chữ nho, mà nhà tây-học không mấy khi là không ám-diễn tư-tưởng mình bằng chữ tây. Như thế thời dẫu là tư-tưởng riêng của mình mà một nửa thành ra tây hay

tàu vậy. Huống nhiều khi lại là tư-tưởng mượn !

Tôi lấy cái đó làm khổ - tâm, bèn nghĩ ra một cách phương-tiện để bổ-cứu, cách phương-tiện này chính là khởi-diểm của sự-nghiệp tôi về đường quốc-văn. Tôi nghĩ rằng : Có sao người nước ta không tư-tưởng bằng tiếng ta ? Hoặc cho tiếng ta còn non-nớt, thời có tập đến dùng đến mới thành ra già-giặn được. Vả lại lời nói già-giặn là ở như tư-tưởng già-giặn. Chỉ sợ tư-tưởng non-nớt, không sợ lời nói non-nớt. — Từ đó tôi gia-công thí-nghiệm và tự đặt lệ riêng cho mình rằng : phạm tư-tưởng gì mà không nói ra được tiếng ta thì chưa phải là tư-tưởng của mình, còn là tư-tưởng mượn cả. Thí-nghiệm trong bấy lâu, xem ra cũng hơi có kiến-hiệu. Lại nhận ra rằng cách đó chính là một cách rất diệu để giúp cho sự điều-hòa hai cái văn-hóa như trên kia, vì những tư-tưởng trong sách Tây sách Tàu phải diễn ra tiếng ta cả, khác nào như qua cái óc ta lọc đi một lần, để cho sự « tiêu-hóa » biết đường nào ! Nếu cứ để trườn-trườn như trong sách, cứ giữ nguyên-chất của người ta, thời chỉ dùng đến sức ký-ức để nhớ lấy và truyền đi, lắm khi hãy còn sống-sượng, trí - não không thể dung-nạp được, không thể « tiêu-hóa » được, chỉ giao-dịch ở ngoài cửa miệng mà thôi. Nay đem dân-diễn ra tiếng ta, tức là biến nhuỷễn ra cho dễ dung-hóa vào khí-huyết tinh-tủy của ta, cho dễ cùng nhau điều-hòa trong óc ta vậy.

Mấy sự « phát-minh » đó, thật là tầm-thường, chẳng lấy gì làm lạ-lùng cả. Nói ra đây, thật là lời « bàn phiếm », nhưng hoặc có ai chưa kịp nghĩ tới, thời cũng mong giúp được cho sự nghiên-cứu về vấn-đề văn-hóa một đôi phần vậy.

THƯỢNG-CHI.

ÔNG TAGORE ĐỐI VỚI VĂN-MINH THÁI-TÂY⁽¹⁾

Lời tuyên-cáo của Đông-phương

Mới rồi tôi đi thăm những nơi chiến-trường nước Pháp, những miền bị tàn-phá trong khi chiến-tranh, rất lấy làm cảm cái cảnh lặng-lẽ tiêu-diêu, như hầy còn in dấu - vết những sự đau-dớn khổ-sở của kẻ chiến-sĩ đã ra sức chống với cái chết mà nay nằm trong những gò-dống ngồn-ngang này. Nhân thế mà tôi mơ-màng tưởng-tượng ra một cái quái-vật gớm-ghe, không có hình-trạng phân-minh, không có ý-nghĩa rõ-ràng, nhưng có hai cánh tay để đánh, để phá, có cái miệng há để cắn, để nuốt, có cái óc giương ra để đón lấy những sự ám-muru hiểm-độc.

Cái quái-vật ấy nó có thân-thể sống được, có ý-chí quả-quyết, nhưng nó không có nhân-tính hoàn-toàn; nó là một cái bụng dục lớn (*une passion*), cũng có sức sinh-hoạt mà không có tính-cách sinh-hoạt hoàn-toàn: nó chính là cừu- địch dữ nhất của sự sinh-hoạt vậy.

Tôi đã được cái hàn-hạnh giao-tiếp với các nhân-vật, các đất - nước Tây-phương. Tôi đã được cùng người cùng cảnh ở đây chia sự sầu-khổ, chia lòng hoài-vọng; tôi biết rằng người đây cảnh đây cũng yêu-cầu một đấng Tuyệt-đích như tôi, dù những kẻ không

tin nữa mặc lòng. Tôi chắc rằng cái đại-hào-quang văn-hóa ở Âu-châu này mà tắt đi, thời cả Đông-phương chúng tôi cũng sẽ chìm-dắm vào trong cõi tối-lắm.

Tôi công-nhận rằng hiện đời nay nhân-loại Tây-phương đã được cái thiên-chức giáo-hóa cho thế-giới, và Khoa-học của Tây-phương đã thắng-đoạt được vật-chất, hiện đương muốn giải-thoát cho linh-hồn người ta được ra ngoài cái ngục tối của vật-chất; mà tôi nói thế không thấy cái lòng tự-ái nó bị kích-thích một chút nào.

Vì lẽ đó, tôi lại càng hiểu rõ rằng cái tôn-chỉ chung của các nước Tây-phương không phải là một cái tôn-chỉ tác-thành cho người ta, chính là một cái tôn-chỉ đè-ép tuyệt-diệt người ta, đem cái độc hại linh-hồn mà làm cho một dân-tộc lớn đến mê-mẩn tinh-thần, đem một đám mây mờ kinh-ngạc mà che ám cả cái tiền-dò ở trước mắt, làm cho cả từng giống người đến lầm-thau, đến không còn có khí-phách, nghị-lực gì nữa. Tôn-chỉ ấy không có cái sức tinh-thần để điều-hòa, để liên-lạc người ta, không biết cảm-giác về cái « đại-nhân - cách của loài người » (*le sentiment de la grande personnalité humaine*).

(1) Dịch bài *Le Message de l'Orient* của ông RABINDRANATH TAGORE, đăng trong tạp-chí *La Vie des Peuples*, năm 1921. — Năm 1921, ông TAGORE có sang du-lịch Âu-châu và đến diễn-thuyết ở các kinh đô lớn. Khi đến Paris có một hội họ mời ông diễn-thuyết; ông diễn bằng tiếng Anh, bình-phẩm về văn-minh Thái-Tây. Đại-khái nói rằng văn-minh Thái-Tây về đường tinh-thần có cái tình-cách duy-kỷ, có cái mãnh-lực phá-hoại, có cái dục-vọng đế-quốc; về đường hình-thức có cái chủ-nghĩa mây-mốc, có cái chủ-nghĩa trục-lợi, có cái cơ-quan chính-trị. Văn-minh Tây-phương đương hăng-hái mạnh-mẽ vô-cùng, có sức chi-phối cả Đông-phương, nhưng không biết rằng các dân-tộc yêu-hèn cũng có một cái sức mạnh vô-hình là lòng tin ở một cái lý-tưởng hòa-bình bác-ái, sức mạnh ấy tưởng không đáng khinh. — Bài diễn-thuyết đề là « Lời tuyên-cáo của Đông-phương » (*Le message de l'Orient*) có dịch ra chữ Pháp trong tạp-chí *La Vie des Peuples*, dưới bài dịch lại đây một bài của ông Bác-sĩ MAURICE CROISSET, giáo-thụ trường Đại-Học Paris, trả lời lại ông TAGORE. Nay dịch cả hai bài ra quốc-văn để công-đồng-làm.

Sự quan-hệ nhất đời nay là sự Tây-phương gặp nhau với Đông-phương. Một sự gặp-gỡ hệ-trọng cho loài người như thế, muốn cho có kết-quả tốt thời phải sinh ra một cái cảm-kích lớn-lao, có tính-cách sáng-tạo và có độ-lượng khoan - hòng. Thượng - đế đã chọn những hạng phiêu - lưu - vô - sĩ Tây-phương để ra tay mà khuông-phù cho thời-đại này, điều đó không còn ngờ nữa; những hạng ấy đã được Thượng-đế cho khí-giới giáp-trụ, nhưng chưa biết quan - niệm tới cái lòng trung-thành với nghĩa-vụ khiến cho khỏi bị ma-vương cám-dỗ mất thần-hồn.

Ngày nay thế - giới cùng với Tây-phương cùng chịu khổ. Nếu Tây-phương không làm nên cái công-trình tác - thành cho loài người thời Tây-phương đều làm cho thế - giới tuyệt-diệt. Tài-liệu cho sự tác-thành ấy là ở trong tay khoa-học; nhưng cái công tác-thành là ở một cái lý-tưởng thuộc về tinh-thần.

Có một điều hiển - nhiên, là Tây-phương giao-tiếp với Đông-phương đã một thế - kỷ nay, mà trong tâm - trí người Tây-phương chưa thấy nảy-nở ra một cái lý-tưởng hào-biệp để giúp cho thời-đại này phát-đạt được hoàn-toàn, chỉ thấy đặt những chông gai để phân-cách nhau; cũng có chịu khó chịu nhọc, tổn của tổn công thật, nhưng vì cái lòng duy-kỷ về quốc-gia, làm cho chính trong các nước Tây-phương với nhau lại sinh ra ghen-ghét và cạnh-tranh lẫn nhau; chỉ trông thấy cùng nhau sáu-xé, phò-bày ra cái lòng kiêu-ác tham-tàn.

Tưởng phải nên làm thế nào cho người ta, cho các nước bỏ được cái lòng sai-kỵ nhau mới được. Tôi thấy người Tây-phương biết thương yêu nhân-loại, biết hi-sinh mình cho chân-lý, cho công - nghĩa, tôi lấy làm một cái bài học lớn và một sự cảm-hứng cao cho tôi. Danh-giá cao-thượng

của Tây-phương là ở như cái trí-tuệ hoạt-bát và minh-mẫn, và ở như bụng công-lâm biết đem mình tận-tụy cho sự hạnh-phúc của loài người. Tôi đã biết cái hay của Tây-phương như thế mà tôi lại bình-phẩm về cái cơ-quan mãnh-liệt nó chi-phối cuộc văn-minh của Tây-phương. là tôi bình-tĩnh mà nói, không có chút buồn-rầu oán-hận gì cả.

Sức mạnh của Âu-châu là một cái bụng dục, không phải là một cái lý-tưởng. Nó càng làm cho Âu-châu đắc-thắng bao nhiêu, đến ngày phải tỉnh sồ lại càng thấy tổn-hại cho Âu-châu bấy nhiêu. Triệu-chứng đã rõ ràng ra đó. Sô-sách cũng sắp đến ngày phải tỉnh đây. Đã sắp đến lúc Âu - châu sẽ nhận biết rằng trong bấy lâu đi đồng-chinh tây-phật, xâm-lược thế-giới để trục-lợi cho mình, tức là làm tổn-hại cho tâm-linh, suy-sút cả nhân-cách của mình vậy.(1)

Các ngài xem ngay lịch - sử Ấn-độ chúng tôi thì biết. Nước chúng tôi đã từng sản được một đấng dạ cả trí cao, gây nên một khúc nhạc rất trang-nghiêm về linh-hồn; khúc nhạc ấy là lòng từ-bi bác-ái đối với vạn-vật. Khúc nhạc ấy đã vượt qua những bề rộng, núi cao, bãi lớn, khiến cho các dân-tộc ở những xứ - sở rất khác nhau, ngôn-ngữ phong-tục thật không giống nhau một tí nào, mà thành ra gần được nhau, không phải gần nhau để tuốt gươm ra đâm nhau mà tranh lấy mỗi lợi, nhưng gần nhau để cùng nhau ăn-ở hòa-bình êm-ái. Ấy đó mới gọi là công tác-thành cho loài người.

Có lẽ ta nghĩ đến thế thời hiển ngay rằng nhà thi-nhân Tây kia thấy Tây - phương với Đông-phương cách-biệt nhau mà nói ra câu rằng: « Đông là Đông, Tây là Tây, hai bên đó không bao giờ gặp nhau », là chưa nghĩ chín. Văn biết rằng hiện nay Đông-phương với Tây - phương chưa sản

(1) Đây giải bỏ mất một đoạn.

lòng gặp nhau thật. Nhưng lẽ đó là bởi Tây-phương từ xưa đến nay chưa từng cho ta cái nhân - đạo của Tây-phương bao giờ ; mới cho ta cái máy-móc mà thôi. Cho nên câu nói của nhà thi-nhân kia nên sửa lại thế này mới phải : « Người là người, máy là máy, hai cái đó không bao giờ hợp nhau. » Mớ giấy công-văn không phải là cái giấy liên-lạc người ta với nhau ; cái triện quan không phải là một cách chân - chính để thu - phục được lòng người. Làm con người mà phải hàm ơn một tập bút-lục, phải trồng-cây vào một mảnh giấy quan có văn - lý mà không có ý-tử, tưởng cũng là một sự đau lòng vậy.

Sự người Âu - Tây sang ở Đông-phương ngày nay là một sự dĩ-nhiên. Người Đông - phương chúng tôi nhờ sự gần-gũi đó mà có được lợi tí gì, là nhờ cái nhân - đạo của Tây - phương. Chữ đem pháp-luật sang, đem chính-trị, võ-bị sang, cũng chưa đủ. Người ta còn cao hơn cả những cái đó.

Chúng tôi có cái quyền để trước, được yêu-cầu Tây - phương phải giúp chúng tôi. Nếu Tây - phương có cái gì đem cho chúng tôi, thời sự đó không nên như một cái vật ở ngoài mà tiếp-phụ vào, phải tự trong lòng thành-thực của kẻ có của cho, kẻ ấy đã có của thì phải có trách-nhiệm về của ấy xấu hay tốt vậy.

Người ta đã gặp nhau đến ăn-ở với nhau, thời sự gặp-gỡ ấy phải diễn ra thành mỹ-thuật, đem cái đẹp mà hóa các nhân-vật thành những nét bút thiên-cổ, chứ cứ đem những hình-thể chính-trị chẳng ra gì thời chỉ thêm gây ra rối-loạn khổ-sở mà thôi. Xưa kia đất Ấn-độ bị các dân Hồi chinh-phục, người Ấn-độ đem nhân-đạo mà đối-dãi với người Hồi ; thành ra hai bên đều có lợi cả ; gặp buổi loạn-li hay lúc thái-bình, hai bên cũng đồng-tâm hiệp-lực với nhau, như hai cái luồng

sóng sinh-hoạt đã đỡ lộn làm một vảy. Nhưng mà cái giải đồng-tâm ấy lại buộc khăng - khít cả đôi bên bằng văn-chương, bằng âm-nhạc nữa, nên lại càng bền-chặt thêm, mà có cái sức cảm-hóa rất mạnh. Thế mới thật là khoan-hồng quảng-dại vậy.

Chứ còn cách giao-tiếp với nhau chỉ lấy lợi làm chủ thời làm cho đê-hạ mất con người đi ; làm cho yếm-tắc mất cái tâm-tĩnh cao sâu của người ta đi ; làm cho phá-hoại mất những cái công mỹ-xảo của loài người, đến không tài nào khôi-phục lại được mà cũng không biết tiếc.

Mấy năm trước, hồi tôi dời thành *Calcutta* để đi sang du-lịch Nhật-bản, có một sự làm cho tôi rung mình sồn tót, như thiên-hạ cố-ý ngạo-mạn cho đau lòng, là trông thấy ở hai bờ sông Hằng-hà nhan-nhãn những nhà máy làm bị gai. Tôi trông thấy thế mà kích-dộng tới tâm - não, là tôi nhớ đến những năm còn nhỏ, bấy giờ chỉ có cái cảnh tràng-giang này là bày cho tôi một cõi trang-nghiêm-thế-giới có trực-tiếp với cái tinh-ý rất sâu-xa của tôi.

Thành *Calcutta* này vốn là một thành-phố đột-khởi, trong thái-độ không có gì là chút tinh-ý thâm-trầm cả. Tự-hồ như trong lai - lịch chốn này, hồi nguyên - thủy có một vị Tài - thần giương cờ há miệng ra mà hét rằng : « Xin mở ngôi hàng ở đây ! Xin mở ngôi hàng ở đây ! » thế là tức-khắc dựng lên thành *Calcutta* vậy. Sự thành-lập ấy thật không có một cái ý-tử cao-thượng, không có một cái khi-vị nên thơ gì cả. Chung quanh đấy không có gì là những sự kỷ-niệm lổ-lao về lịch-sử, những dấu-vết các sự-nghiệp oanh-liệt của đời xưa, hay là các thảm-trạng đau-dớn của người trước. Duy chỉ có giải tràng-giang là còn có vẻ trang-nghiêm một chút.

Tôi được cái hạnh-phúc sinh ra

hồi những con kênh-nghe phun khói là các nhà máy kia chưa chiếm nuốt mất một phần lớn hai bờ sông, hồi bên sông bấy còn những bậc đá xuống tận mặt nước, bị sóng nước vỗ-về, khác nào như những cánh tay dài của các làng xóm chung quanh vươn ra để ôm lấy lòng sông vậy.

Nhưng từ khi tôi trông thấy đám nhà máy gai, thời trong tâm trong trí tôi áy-náy, vẫn tự hỏi rằng : « Thau ói ! những bị gai này để làm gì ? » Tôi vẫn biết rằng bị gai cần dùng lắm. Tôi xin sẵn lòng để cho cái nghề qui-hóa ấy có một địa-vị trong xã-hội, nhưng tôi xin các ông làm bị gai cũng phải biết cho rằng nghề ấy phải có ngăn mà thôi, và làm người cũng phải có lúc thư-thải, cũng phải có nơi thanh-thoi để mà di-duyệt tỉnh-tĩnh, để mà đoàn-viên hội-hợp, để mà hưởng cái thú êm-dềm trong gia-đình, trong xã-hội.

Nếu không chịu công-nhận cho thế, nếu không biết hạn-chế mà cứ để cho sự buôn hàng kiếm lợi nó xâm lấn hết cả, thời không còn có ái-tình, không còn có mỹ-thuật, không còn có chân-lý, không còn có công-nghĩa, không còn có từ-bi bác-ái gì ở đời nữa. Những dân nhà quê trồng gai kia, quanh năm chỉ lo đói khát, bị bọn tư-bản nó làm hại, nó mưu-mô với nhau, chế-tạo cho thật nhiều, bán buôn cho thật rẻ, thế là chết ; mà bọn giết người không dao đó, thời nó lờ-lãi tới năm trăm phần trăm (500 o/o), nó nằm lên bạc xéo lên vàng mà không biết nhục.

Một người nhân-từ chính-trực, quảng-dại khoan-dung, biết vị nghĩa quên mình, ấy là cái hình-ảnh nhân-cách hoàn-toàn. Chứ một người làm bị gai thời nó nhỏ-nhen cục-súc quá, tưởng cũng không đủ mà làm giảm được cái giá-trị của nhân-cách vậy.

Sự công-lợi chẳng qua là một phần phụ-thuộc trong nhân-sự ở đời, không

nên để cho nó vượt qua cái địa-vị của nó, không nên để cho nó làm quá cái quyền-hạn của nó. Nó không được có quyền làm mất cái thi-vị của cuộc đời, làm cho nhụt cái cảm-giác về lý-tưởng của ta, đem những cái sự-nghiệp thô-bỉ mà phò là tiêu-biểu sự phú-cường. Trong cái vòng-khuôn hoạt-động của ta mà ta phải chịu để cho sự phá-hoại vô-cùng với sự chế-tạo vô-cùng nó mượn những tên to-tát để xâm-lấn hết cả, thì ta cũng hèn thật. Cái đó nó làm cho tắt những lửa sáng trong linh-hồn ta, rồi trong xó tối đó, nó làm cho tắt cả lương-lâm ta đi nữa, đến không biết tu-sĩ là gì nữa ; đến không biết lòng ham-muốn tự-do là gì nữa.

Trong cuộc dụ-lich của tôi ở Tây-phương vừa rồi, tôi thấy rằng cái lý-tưởng tự-do đã kém sút và không có công-hiệu rồi. Trong việc chính-trị, trong sự giao-tế, như có một cái không-khí đàn-áp đè-nén. Về thời-dại quân-chủ, quanh mình ông vua là cái không-khí ám-muờu yếu-bãnh cả; những kẻ có quyền-lợi khác nhau như vây lấy ông vua bằng cái lưới sàm-báng siểm-nịnh, mưu lợi-dụng ông vua cho đạt tới cái đích của mình. Ngày nay sự mưu-mô yếu-bãnh lại công-nhiên thi-hành đối với dân cả một nước. Đem cái khói độc những sự mơ-màng võng-tưởng, mà làm cho dân mê-mẩn tinh-thần đi ; dùng sự khủng-hoảng về tài-chính mà thúc-giục dân làm những điều bậy-bà ; lấy lời phỉnh-nịnh mà thu-vét của-cải dân ; đem tiền-bạc và một cách ngoại-giao giáo-quyết để luyện cho tâm-lý dân.

Tôi nhận thấy hiển-nhiên rằng cái lý-tưởng về tự-do ở Tây-phương ngày nay đã trở nên khinh-bạc đi nhiều, và cái tâm-lý của các nước Tây-phương bây giờ không khác gì cái tâm-lý bọn « súc-nó » ngày xưa, bắt những dân-chúng phải kéo cày để phụng-sự cho mình. Cái tâm-lý ấy mỗi ngày một lan rộng ra, làm cho lắm cái cảnh-tượng bất-

nhau bất-nghĩa, độc-ác tàn-nhân rồi cũng thành ra nhảm đi.

Không có cái ác nào xấu - sa bằng cái ác của kẻ bất hòa. Những kẻ đã hoại-linh-hồn mình đi để theo cái lòng trục-lợi, để tìm lấy sự quyền-thế, thời bao giờ cũng như bị con ma khủng-khoảng, con ma nghi-ky nó ám - ảnh; đã mang lòng ngờ-sợ thời táng-thất cả lương-tâm mà sinh ra độc - ác; như không có đủ độ-lượng mà dãi cào kẻ khác được tự-do; chỉ biết chằm-chút chiều-luồn cho được lòng kẻ quyền-thế, thành ra không những thuận-nhận sự bất-nhân bất-nghĩa, mà lại a-tùng vào đấy nữa.

Tôi du-lich ở Tây-phương mới rồi, thấy cái thế-lực của tiền - bạc và cái thế-lực của sự tuyên-truyền cổ-dộng thật là mạnh-bạo vô-cùng, tôi nghiệm ra tôi mới hiểu rằng sự tự-do chân-chính là sự tự-do thuộc về tinh-thần, về hồn-tinh, chứ không phải ở ngoài phụ vào được. Người nào có lòng thương-yêu kẻ khác, biết dãi kẻ khác được tự-do, thời người ấy mới thật là có tự-do. Người nào dãi người ta như nô-lệ thời cũng bước mình vào kẻ nô-lệ; người nào xây tường vách để ngăn-chắn kẻ khác tức là xây tường vách để ngăn-chắn sự tự-do của mình; người nào nghi-ky sự tự-do của kẻ khác thời tự làm giảm mất quyền tự-do của mình, rồi sớm trưa có lúc chính mình tự mắc vào cái lưới nô - lệ của mình chẳng ra. (1)

Nhưng cái sức mạnh nó có thể tự nó tìm được cái thế-quân - bình không? Sức mạnh không những phải chống-đối với sức mạnh, lại phải chống-đối với kẻ yếu nữa, vì chính cái nguy không quân-bình là ở đó.

Kẻ yếu là một cái nguy to cho kẻ mạnh, cũng như bãi phù sa là cái nguy cho con voi lớn. Kẻ yếu không giúp được sự tiến-bộ, vì không có sức

chống-cự, nhưng mà làm ngăn-trở cho sự tiến-bộ. Những kẻ có quyền mạnh tuyệt-đối mà lạm-dụng quyền ấy đến vô-độ thường quên rằng làm như thế là gây ra một cái sức mạnh vô-hình đối lại, sớm trưa có ngày làm cho mình đến diệt-vong. Kẻ bị uất-ức hay nuôi cái giận ngấm ở trong lòng, lại nhờ được phép quân-bình của Tạo-vật giúp cho mạnh thêm. Không-khi bao giờ cũng phải đều nhau, nếu có chỗ nào nhẹ và thừa đi thời tức-khắc sinh ra gió-bão, không sức nào cản được. Lịch-sử đã nhiều lần chứng-nghiệm như thế, và xét ra ngày nay đương thấy những cái sức gió-bão uất-tích lại trong lòng nhân-loại bị khổ-nhục.

Thế mà trong tâm - lý kẻ cường-quyền không chịu công-nhận, vẫn khinh-thường cái sức mạnh vô-hình của kẻ yếu.

Sự ngu-muội đó không khác gì con trùng độc nhấm gan óc những kẻ cường-quyền. Ta chẳng từng nghe nói có những cái lâu-thành hào sâu lũy dày mà nhất-đán bị tan-tành, chỉ vì cái sức uất-tích của kẻ yếu, dư? Nhà chính-trị chỉ biết đếm cái số bàn tay sắt cầm được thanh gươm, nhưng không có con mắt siêu-việt trông thấy cái bàn tay lớn vô-hình nó lảng-lặng nắm lấy tay kẻ yếu mà chực sẵn đợi giờ. Kẻ mạnh đồng-minh hiệp-lực với nhau, khiến cho kẻ yếu phải cạy đến sức Trời.

Tôi hô-hào lên những lời cảnh-cáo như thế cũng biết rằng như người nói giữa bãi sa-mạc. Tây-phương mà còn cứ dựng hòa-bình bằng mây-móc như thế thời chỉ thêm nuôi cái sức ngấm gió-bão nó uất-tích lại ở trong cõi đại-lục Đông-phương vậy.

Tây-phương không hiểu rằng nhờ khoa-học mà có cái sức mạnh vô-cùng, cũng bị khoa-học nó cám-dỗ đến tự mình hại mình, ra quyết - đấu với

(1) Đây phải bỏ mất một đoạn.

những kẻ yếu-bèn, không biết rằng những kẻ ấy đã có Thượng-đế ám-trợ vậy. Trong thế-giới có hai cái tôn-giáo tiêu-biểu lòng hoài-vọng rất cao của loài người, tin-ngưỡng ở cái chân-lý tiềm-tàng trong lòng người, là chân-lý của ái-tình.

Hai tôn - giáo ấy không có dạy người ta phải nô-lệ thế - giới bằng thương-quyền và bằng võ-lực. Một đạo tin ở ông cứu-thế sắp tới đây, ông Phật tương-lai này, là ông Di-lặc, sẽ đem lòng bác-ái mà dựng cõi hòa-bình. Một đạo thời đợi đấng Cơ-đốc-cứu-thế, vì ngài đã tuyên-truyền sự bác-ái trong quần-sinh, dạy người ta ai ai cũng nên coi nhau như anh em vì đều là con của Thiên-chúa cả, tức là tuyên-truyền sự hòa - bình trong thế-gian. Sự hòa-bình ấy mới là sự hòa-bình chân-chính. Đức Cơ-đốc không từng nói sự hòa-bình là cách chính-trị tối nhất, vì chính-trị không phải là sự chân-chính. Chính-trị là sự kể-lợi thương-công, mà thương-công kể-lợi không bao giờ át được cái sức hỗn-độn của dục-tình, vì dục-tình chính là ái-tình bị sai-lạc đi, tức phải dùng đến sức ái-tình chân-chính để chữa sửa lại.

Liệt-cường còn muốn liên-hiệp nhau để chỉ mưu sự yên-đàn, sự lợi-lộc cho nhau, để củng-cố những cái sự-nghiệp bất-nhân bất-ngĩa từ trước, để định-hoãn lại về sau sự trừng-trị các tội-lỗi, còn muốn mưu những sự tham - lam cướp bóc, thời sự đồng-minh ấy cũng chẳng được bèn, sớm trưa tất có ngày xung-đột nhau, mà xung-đột một cách dữ-dội hơn trước.

Cái gì gây ra cuộc chiến-tranh vừa rồi? Tức là lòng duy-kỷ của mỗi nước về đường lợi-quyền. Dấu hình - trạng có khác mà tính-chất cũng một. Lòng duy - kỷ ấy còn coi như một sự thần-thánh bất-khả xâm-phạm, còn sùng-tín như một cái tôn-giáo, nhưng một tôn-giáo như thế, dấu có đời nhà thờ, đời

thầy tu, cũng không cứu-tế cho loài người được. Chúng ta phải biết rằng thế-giới đã nhờ khoa-học, nhờ thương-nghiệp, thực - hành được cuộc thống-nhất về đường vật-chất và thu-hoạch được sự phú - cường, nay muốn cho được hòa - bình, cũng phải nên thực-hành lấy sự thống-nhất về đường tinh-thần cho cả loài người vậy.

RABINDRANATH TAGORE

Lời đáp lại của Tây-phương

Ông TAGORE khuyên chúng ta nên ngẫm-nghĩ, quay về mình và tự xét mình, điều đó tôi cũng đồng-y với ông. Chúng ta nên tự xét mình, nhưng mà ngoài những lỗi của chúng ta nặng thật, ngoài những tội mà lịch-sử có thể trách Tây-phương ta nhiều thật, chúng ta nên biết rằng chúng ta cũng có một vài cái công nay không thể bỏ quên đi được.

Trước hết tưởng không nên đem hai cái danh-hiệu phảng-phất mà đối nhau một cách giản-đơn quá : một bên thì Tây-phương, một bên thì Đông-phương. Về phần riêng tôi, tôi cho cái tiếng Tây-phương ấy khí rộng quá, tôi thấy nó bao - hàm những chất khí tạp quá, và thật tôi không dám chịu trách-nhiệm tất cả những sự xảy ra ở đó.

Muốn xét cho công-bằng thời phải phân - biệt các chất ấy với nhau. Về Đông-phương cũng vậy.

Nhưng hăng cứ cho Tây-phương là một cái toàn-thể thuần-nhất ; vậy thời Tây - phương đã làm được những gì trong lịch-sử ? Tôi tưởng tuy vậy chứ Tây - phương cũng làm được lắm sự-nghiệp lớn-lao vậy.

Một cái tệ cũ nhất và thâm nhất của loài người, là cái tục súc-nô (*esclavage*). Nếu xét ngược lên lịch-sử đời xưa, thời có thể nói rằng thấy nước nào cũng có. Tôi không biết có dân

nào nước nào trong thế-giới đã xướng ra bổ tục ấy trước nhất. Tôi chỉ thấy ở Tây-phương khởi ra sự bãi-nô trước nhất; đó chẳng phải là một sự tiến-bộ về-vang của Tây-phương ư?

Sự tiến-bộ ấy dần-dần mà làm thành, bởi sự tư-tưởng mở-mang, sự cảm-tình phát-đạt, nghĩa là những cái làm ra văn-minh thuộc về tinh-thần. Cái tục súc-nô vốn là một tục lệ-ác, thế mà trong bao lâu ta thấy những bậc danh-hiền đại-triết trong thiên-hạ không ai từng công-nhiên phản-đối cả. Ở Hi-lạp đời xưa, ông ARISTOTE lại công-nhận là một sự nên. Rồi dần-dần trong tâm-trí người ta mới thấy có tấn-tới; về thế-kỷ mới rồi, đầu đầu cũng khởi lên kháng-ngại, rồi các cường-quốc ở Tây-phương đành chịu bỏ những cái lợi nhỡn-tiền của mình, xướng lên bãi cái tục mãi-nô cùng súc-nô và đồng-tình với nhau thực-hành sự đó.

Đó là một sự lớn-lao tưởng đủ làm về-vang cho những dân-tộc Tây-phương kia, tuy cũng có nhiều điều lỗi phải sửa, nhưng bao giờ cũng chăm xem-xét mình luôn, sửa-sang mình luôn, và bởi không chịu theo một cái chủ-nghĩa nhần-nhục, lại theo một cái chủ-nghĩa hoạt-động, cho nên dầu không thể biến-hóa được mình đi, — ai là người biến-hóa được mình hẳn, — nhưng cũng có thể chữa sửa cho hay hơn tốt hơn lên.

Tôi lại xin nói qua về một điều khác nữa, muốn biện-bạch một câu. Tôi xét ra ông TAGORE có lòng ghét riêng về máy - móc. Cái cơ-giới-chủ-nghĩa cũng đáng chê thật, nhưng tôi tưởng đối với máy - móc cũng không nên nghiêm-khắc quá mà thành ra mất sự công-bằng, muốn xét lịch-sử cho hết lẽ, thời thấy rằng máy-móc cũng có công to với người ta lắm.

Tôi mới nói về tục súc-nô; có một điều làm cho ở Nam-Mĩ trong lâu năm người ta không chịu bỏ tục ấy, là người

da trắng không thể nào làm được nghề bông. Thợ giống da trắng làm bông thời tất hại đến sức khỏe, nên phải bắt người hắc-nô làm.

Rồi sau nghĩ ra một cái máy làm bông tiện lắm. Nhân đó mà sự bãi bỏ tục súc-nô mới có thể thi-hành được. Ấy là một việc kể ra dễ thi-dụ; còn có thể kể ra nhiều việc như thế nữa.

Thái-Tây lại có một cái lý-tưởng lớn-lao nữa, là cái lý-tưởng nhân-loại bình-dẳng. Xét ở Đông-phương không thấy đâu có cái lý-tưởng như thế. Thấy hầu hết mọi nơi, đều là bất-bình-dẳng cả, có nơi coi sự bất-bình-dẳng ấy như một cái tôn-giáo; ngay Ấn-độ, há không phải là nơi xã-hội chia ra giai-cấp và trong dân-gian biệt ra một hạng cùng-dân hạ-hộ ư?

Ở Âu-châu chúng tôi không phải là không có lắm nỗi bất-bình; nhưng xét trong lịch-sử chúng tôi, từ đời xưa đến đời nay, bao giờ cũng thấy ra sức chống với sự bất-bình đó, bao giờ cũng thấy tỏ lòng ham sự bình-dẳng, có lẽ không bao giờ tới được hoàn-toàn, và còn gặp nhiều sự ngăn-trở lắm, nhưng thấy ngày ngày có tấn-tới và mỗi ngày lại mỗi hơn.

Sau nữa tôi lại nhận thấy một điều, tôi không dám nói rằng đặc-biệt cho Tây-phương, nhưng thấy ở Tây-phương phát-đạt hơn ở các nơi khác: là sự hăng-hái về đường học-vấn, lòng nhiệt-thành tìm-tòi sự thực.

Chúng tôi lấy làm một cái danh-dự của loài người là biết ham tìm sự thực, biết đối với những sự ma-gi-nhiên trong vũ-trụ mà có bụng hăm-hở muốn khám-phá cho rõ. Tây-phương từ xưa đến nay chẳng vấn nhiệt-thành tận-tụy về đường đó ư? Trước là Hi-lạp; sau Hi-lạp là La-mã, rồi đến đời Trung-cổ, tuy chưa có được những phương-pháp học-vấn hoàn-toàn mà vẫn gia-cố gắng sức

ngiên - cứu, giải - quyết các vấn - đề khó-khăn. Nhất là ngày nay thấy cái lòng ham tìm-tòi sự thực nó mạnh-mẽ, nó hăng-hái, nó ảnh-hưởng biết dường nào ! Ấy là cái công học-vấn của Thái-Tây đó.

Sự học-vấn là một sự lớn-lao ; xét cho cùng có lẽ là cái sự - nghiệp cao-thượng nhất, vô-tư-kỷ nhất của người ta. Ta tìm-tòi nghiên-cứu, không phải vì một cái lợi vật - chất trông thấy, nhưng vì cái bụng ham biết, vì một cái thiên-chức phó cho loài người, tựa-hồ như Trời sinh ra người để mà làm việc đó. Chúng tôi nghĩ rằng người ta là một giống có lý-tính, thời mọi sự phải cố mà tìm cho ra lẽ phải. Chúng tôi gia-công gắng-sức, tận - tụy cùng-cung mà theo đuổi về sự học, cho là cái công-nghiệp vĩ-dại nhất của loài người.

Xét về một phương-diện khác thời tôi tưởng cũng không nên quên mấy cái luật tiến-hóa của loài người. Trời sinh ra người ta như bây giờ, không thể không đi chiếm-cứ mặt địa-cầu, không thể không đi chinh-phục khắp thế-giới. Vitrên mặt đất có một nơi nào mà người dân vì một cơ gì phải tiến-hóa chậm không có đủ sức mà khai-khẩn kinh-doanh, thời không có sức gì ngăn được những dân khác mạnh-mẽ hơn tìm đường đến mà giúp-dỡ. Tôi cũng biết rằng sự giúp-dỡ ấy nhiều khi thành ra những cách bạo-động xâm-lược, thật là một điều đáng tiếc đáng giận ; nhưng mà trong sự bạo-động xâm-lược đó, xét ra có một cái nguyên-lý tôi cho là phải, là người ta cần phải lợi-dụng những tài - sản thiên-nhiên của Tạo-vật, ở đâu có phải biết lợi-dụng, không nên bỏ phí.

Bởi thế nên người Tây-phương phải đi đến những xứ mà người ta gặp nhiều sự nguy-hiểm khó-khăn. Nhiều khi

phải dùng cách võ-doán, bắt người dân theo những luật-pháp nghiêm-khắc, đối với người dân đến bạo-hành, là bởi những dân ấy còn thật-thà kém-cỏi quá, không biết tự mình khai-thác đất nước mình. Những cái cách võ-doán ấy, lắm khi cũng lạm-dụng quá-đang thật, ta rất nên phản-đối, ta rất nên công-kích. Nhưng mà cái luật sinh-tồn của loài người như thế, ta cũng phải biết mới được.

Muốn kết - luận mấy lời này, tôi tưởng nên cầu cho những dân-tộc vì một cơ gì mà phải chịu phần kém bây giờ, không kém về đường tinh-thần thời là kém về đường vật-chất, nên hết sức làm thế nào cho theo kịp bằng người. Đó là một cách phản-đối có hiệu-lực hơn cả.

Đến ngày mà những dân-tộc ấy tự mình làm nổi những sự-nghiệp mà các dân ngoại-tộc hiện nay đương làm ở đất nước mình chỉ vì tài giỏi hơn mình mà thôi, thời tự-khắc được bình-đẳng ngay, lẽ tự-nhiên như thế. Trong thế-giới bấy giờ sẽ không có giống hơn giống kém gì nữa, hết thấy đều bằng-đẳng cả.

Xem đó thời lời kết của tôi rút lại cũng là giống với ý-kiến của ông TAGORE. Chủ-ý tôi là muốn rằng hoặc dùng phương-pháp khác ông mặc lòng, mà cũng tới được mục-dích như ông, nghĩa là người Tây-phương với người Đông-phương mỗi ngày một hiểu biết nhau, một thân-cận nhau, cùng nhau đồng-tâm hiệp-lực để làm thế nào cho trong thế-giới được thêm sự công-bằng và có lẽ cũng được thêm lòng ân-ái, như ông TAGORE đã cầu-nguyện và tôi cũng nối lời cầu-nguyện như ông.

MAURICE CROISSET

HOA-ĐUƠNG dịch

PHÁP-DU HÀNH-TRÌNH NHẬT-KÝ (1)

XVII

Thứ năm 15 tháng 6

Xem xong ở vùng thành *Reims* rồi, đến 5 giờ rưỡi chiều thời lên xe-lửa đi ra *Verdun*. Đến nửa đường, ở nơi gọi là *Saint-Hilaire*, phải đổi xe. 8 giờ rưỡi tối mới đến *Verdun*, nhưng mặt trời chưa lặn hẳn, còn trông rõ phố-phường. Nói là phố-phường, nhưng thật là tàn-phá cả. Cũng có ít nhiều nhà mới dựng lên, nhưng nhà cũ đổ nát còn ngồn-ngang cả. Thành *Verdun* này là một nơi yếu-tắc (*place-forte*) trấn mặt Đông nước Pháp, nên trong mấy năm chiến-tranh quân Pháp với quân Đức đánh nhau ở đây dữ lắm. Thành ở hai bên bờ sông *Meuse*, địa-thế hiểm-yếu, chung quanh những tường lũy, những cửa ô, những hầm, những ụ, kiến-trúc kẻ đã kiên-cố, nên trong bốn năm trời quân Đức dùng đến một trăm tám mươi vạn người (1.800.000) hết sức đánh mà không lấy được. Sự chống giữ thành *Verdun* này, thế-giới cho là một cái đại-chiến-công-đệ-nhất trong lịch-sử. Chung-quanh thành *Verdun*, cách mấy dặm, lại có một dãy đồn lũy cũng kiên-cố lắm, như đồn *Vaux*, đồn *Douaumont*, v.v., sáng mai sẽ đi xem một lượt. Vùng này đã thành một nơi kỷ-niệm về chiến-tranh, nên khách du-lịch ngoại-quốc đến đông lắm. Bọn mình vào nhà trọ tên là *Le Cog Hardi*, thấy người Pháp ít mà người các nước thật nhiều, nhất là người Anh người Mỹ, v.v. Ăn cơm tối, ngủ đây rồi sáng mai đi xem thành-phố và các đồn các lũy.

Định 10 giờ sáng đến thăm nhà thi-sảnh thành *Verdun*, để tỏ lòng kính-

phục cái hùng-uy của các quân tướng Pháp trong bốn năm đã liều sống chết mà chống giữ thành này, khiến cho quân Đức đến thất-bại và Đồng-minh được toàn-thắng. Vậy sáng dậy sớm đi dạo chơi các phố. Chỉ trông thấy quanh mình nhan-nhãn những nhà đổ tường xiêu. Song đã có nhiều phố dựng lên nhà mới, hàng quán la-liệt, buôn-bán sầm-uất. Nhờ có khách du-lịch các nơi đến đông, nên thành-phố đã có cái cảnh vui-vẻ. Xem ra đây là chỗ quân đóng, nên có cái khí-vị riêng, cái khí-vị nhà quân vậy. Buổi sớm hôm nay trời sáng-sủa bảnh-bao, nên trông phong-cảnh không có vẻ tiêu-diệu như chiều hôm qua mới đến. Ở *Verdun* này nghe nói có thứ kẹo ngon có tiếng. Anh em đi chơi đã mệt, bèn vào hàng kẹo mua mỗi người mấy trăm « gam ». Ở nơi chiến-địa có khác, đến kẹo cũng nặn ra hình súng, đạn, cối-xay, đại-bác. Ai nấy ăn giảm mười viên « trái phá », rồi trước mười giờ về trọ nghỉ để đi ra nhà thi-sảnh.

Nhà thi-sảnh này cũng bị tàn-phá, nay mới sửa qua lại. Đến nơi có ông thị-trưởng ra tiếp ở trong phòng hội-dồng. Quan Cai-trị *Eutrope* thay mặt các phái-viên An-Nam nói mấy lời đề tỏ lòng cảm-phục dân thành này vì sự can-dảm chịu nạn trong bấy lâu. Ông thị-trưởng trả lời kể cái cảnh khổ-nạn của dân *Verdun* trong bốn năm ròng-rã không mấy ngày là không nhận được mấy trăm mấy nghìn quả phá của quân Đức ở từ phía bắc vào. Đoạn rồi ông đưa cho xem một tấm biển gắn những huy-chương của các nước tặng

(1) Xem *N.-P.* từ số 58.

thành Verdun: Bắc-dầu-bội-tinh của nước Pháp, « mền-day » quân-công của nước Anh, nước Nga, nước Ý, nước Nhật, v. v.. Khi ra về các phái-viên có để lại mấy trăm quan đề quyền vào việc trùng-tu thành Verdun.

Ở nhà thị-sảnh ra, liền đi ra nơi nghĩa-địa *Faubourg Pavé* ở ngoài thành. Đây có sáu nghìn cái mả những lính tử-trận, là những người còn nhận được xác chôn tử-tế, chứ phần nhiều thời sau mới nhặt được xương, rời-rạc mỗi nơi một mảnh, không còn biết là ai nữa. Số quân Pháp chết trận ở vùng Verdun này ước có tới 40 vạn người. Phái-bộ có thừa một vòng hoa để viếng ở nghĩa-địa.

Về ăn cơm trưa ở nhà trọ, rồi lên xe ô-tô của công-ti *Le Bourgeois* đi thăm các trận-địa và đồn-lũy ở quanh thành. Kể thì đến hơn một chục nơi là những nơi xung-yếu đánh nhau dữ mấy năm trước, nhưng không thể đi cho khắp được. Vậy chỉ định đi đồn *Vaux*, đồn *Douaumont*, và nơi gọi là « Hầm lưỡi lê » (*Tranchée des baïonnettes*) mà thôi. Vả trừ nhà binh-học-chuyên-môn thời xem-xét địa-thể mới có ích-lợi, chứ chúng mình trông chỗ nào cũng như chỗ nào, cũng một cái thảm-trạng phá - hoại đảo-diễn như thế, cũng những gò đồng bang hốc như thế cả. Mặt đất đứng xa trông lỗ-chỗ như một nắm « rong đá » (*éponge*), mà cứ như thế đến hàng chục cây-lô-mét. Có chỗ trái phá lớn nổ quật đất lên thành một cái vực sâu, rộng bằng cái hồ cái ao. Mà những nơi ấy trước kia toàn là những làng xóm đông-dúc người ở cả. Đến một chỗ người ta chỉ cho chúng tôi nói: « Đây là làng Mỏ; chính chỗ ta đứng đây là nhà thờ làng. Làng này bị bắn dữ quá đến bao nhiêu nhà ở cho chỉ nhà thờ tan-tành hết, và bị vùi lấp hay là bắn ra mấy nghìn mấy trăm thước ngoài xa. Trận xong rồi, tìm không biết làng ở đâu nữa.

Mãi mới nhận được chỗ này là nhà thờ, là đoàn phỗng chừng như thế, chứ không còn dấu-vết gì nữa. Bây giờ chỉ có cây câu-rút chôn đây, để cho người sau biết đây là làng Mỏ. » Xem thế thì biết sự phá-hoại dữ là dường nào. Đồn *Vaux*, đồn *Douaumont* chắc khi xưa là xây dựng kiên-cố lắm, bây giờ cũng chỉ còn đồng đất đồng gạch lù-lù đó thôi, không còn nhận biết ra qui-mô một nơi pháo-đài đồn-lũy gì nữa. Người hướng-đạo có thấp nển cho chúng tôi vào xem các hang hầm và đường tụy - đạo. Trong đó lắm chỗ quanh-co ẩn-khuất, kẻ cũng đã hiểm, nhưng đi ghê quá, có nơi như sắp đổ sụp vào đầu, người ta phải đặt gióng để giữ. Một cái đồn hiểm như thế này, tưởng-tượng như cái tổ chuột bay tổ kiến vậy. Thế mà quan quân ở trong này hàng tháng hàng năm, nhiều khi đoan-tuyệt giao-thông với đại-quân ở phía sau, chung quanh bị vây cả, đạn bắn xuống như mưa, mà đồ ăn hết, nước uống không có, lại bị trái phá nổ chôn sống ở trong hầm không biết bao nhiêu mà kể, cái khổ thật không bút nào tả cho được. Ông văn-sĩ HENRY BORDEAUX có làm một quyển sách tả về sự thất-thủ đồn *Vaux* và cái cách quan tư RAYNAL coi đồn chống lại với quân Đức thế nào. Thật là một vị tướng anh-hùng, dẫu sau thế cũng không thể giữ được nữa, bị quân Đức bắt, mà người Đức cũng phải phục, dãi một cách đặc-biệt, vẫn dễ cho đeo gươm. Đồn *Vaux* này bị quân Đức quân Pháp đánh đi lấy lại mấy lần, bây giờ tan-tành không còn gì nữa. Chỉ còn mấy đường tụy-đạo, lúc trước đầy những xác người chết hôi-thối và những quả phá đạn lựu, có cái chưa nổ, nguy-hiểm lắm; gần đây quan binh mới cho sửa dọn để khách du-lịch vào xem.

Đồn *Douaumont* đại-khải cũng như thế. Cạnh đồn có một nơi gọi là « Hầm

lưỡi - lê ». Nguyên chỗ này là một đường hầm-hố của quân Pháp đóng. Một hôm quân sắp tiến lên để sang chiếm dãy nằm bên kia của quân Đức, đã cắm lưỡi lê (*baïonnettes*) vào đầu súng, chỉ đợi lệnh là nhảy lên, chợt có một quả phá cực lớn rơi vào, đánh bật đất lên che kín cả dãy hầm, cả toán quân đều bị chôn đứng, lưỡi lê hãy còn chỏ-chỏ trên mặt đất như một đám chông. Sau quan binh cứ để y-nhiên như thế, cho rảo lấy để làm kỷ-niệm. Một người nhà giàu nước Mỹ tên là GEORGES E. RAND quyền tiền để xây chung quanh như bình một cái má cực lớn, đứng ngoài trông vào hãy còn thấy những đầu lưỡi lê trên mặt đất. Người Mỹ này sau khi quyền tiền xây má được ít lâu thời đi tàu bay bị ngã chết. Ngoài cửa có cái biển đá khắc đề rõ cả như thế.

Cách đây một ít, có một nơi để xương các quân lính chết trận (*ossuaire*). Những quân lính chết ở các đồn-lũy và trận-địa quanh thành *Verdun* này nhiều quá, sau chỉ tìm thấy xương tan-tác trên mặt đất, dưới hầm-hố, không nhận biết là của ai nữa. Vậy phải chia trận-địa ra làm mấy khu, đánh số rõ-ràng, rồi những xương nhất được ở khu nào để riêng ra khu ấy, đặt tạm vào mấy chục cái quan quân một chỗ, để đợi hoặc là thiêu di, hoặc là xây má mà chôn lấy. Chỗ quan này dựng cái nhà xoàng, đặt bàn thờ có ông cổ coi, khách thập-phương đến quyền tiền nhiều lắm. Bước chân vào chỗ này, thấy thương-tâm vô-cùng. Phần nhiều những người đến đây là có cha con anh em chết trận ở gần đây cả, nét mặt sầu rầu, giọt châu lã-chã, coi thảm quá ! Có người bước ra về lại còn lấy cái thiệp-danh để lại, gài lên trên áo quan ! Chẳng biết người thân của mình có ở trong đồng xương này không, và có biết gì nữa không ? . . .

Trời đã chiều bèn quay xe trở về *Verdun*. Quan binh trong thành có bụng tốt cho người đưa anh em đi xem các đường tụy-đạo chạy ngầm quanh lũy thành, như một dãy phố dưới đất, mà sâu tới mười-tám hai-mươi thước. Trong cũng rộng như các hầm rượu ở thành *Reims*, mà có phòng-bị kiên-cố hơn. Khi nào nguy-cấp thì quân lính trong thành ẩn vào đây mà bắn ra. Người ta có chỉ cho chúng tôi cái buồng quan Thống-tướng PÉTAİN thường ở đây mấy bữa thế quán đương nguy-kịch để cầm quân cho tiện. Quan PÉTAİN này là người rất có công to trong trận *Verdun*, ở đây xem chừng ai cũng kính - phục lắm, nói đến ngài thời chỉ gọi chổng là « *Le Maréchal* », nghĩa là « *Tướng-quân* ». Xem xong rồi, chúng tôi có ký tên vào quyển sổ kỷ-niệm, trong đó có chữ ký của vua quan và khách du-lich các nước nhiều lắm, người Tàu người Nhật ký bằng chữ nho, thật là đủ các thứ người, đủ các thứ chữ.

Về trọ nghỉ được một chút thời vừa đến giờ ra ga, lên xe lửa về *Paris*. Xe chạy từ 5 giờ 50 phút, mãi đến 10 giờ rưỡi đêm mới tới Kinh-đô. Bữa cơm tối ăn ở trên xe lửa. Trong hành-khách ngồi cùng toa có hai vợ chồng già ở xa lắm, đến *Verdun* để nhận má con, nhưng không tìm thấy, nay lui-thui về, trông mặt buồn quá ! Than ôi ! một phen chiến-tranh này đã tốn mất bao nhiêu nước mắt của loài người !

Thứ sáu 16

Ba ngày vừa rồi thật là đầy-dặn Du-lich thế mới gọi là du-lich. Sơn nếu ngày nào cũng đi như thế thì nhọc quá. Và mắt trông toàn là cảnh điêu-tàn thảm-đạm cả, trong lòng cũng không thấy vui gì. Người ta thường nói văn-minh có hai mặt : một mặt vui-vẻ tươi-cười, một mặt ảm-sầu u-rũ. Cảnh ảm-rũ ở Kinh-đô, chiều

chiều hàng mấy trăm ô-tô nối đuôi nhau chạy quanh cửa Khải-hoàn, cái chạy thẳng vào « Rừng », cái ở « Rừng » đi lại, một bên thì vùng thái-dương đỏ ối sắp lặn ở chân trời, ánh sáng thừa còn phản-chiếu trên đường dài sơn hắc-in lấp-loang như tấm gương to, một bên thì những lầu-đài san-sát, nhấp-nhỏ trong đám cây rậm xanh rì, trên mái hấy còn rã bóng tà-dương, dưới nhà đã thấy đèn điện sáng nhoáng, đó là cái mặt vui-vẻ của văn-minh. Mà cái cảnh buồn-rầu của văn-minh là cảnh chiến-trường mình vừa qua mấy bữa trước đây : lại là cảnh mấy xóm thợ-thuyền lam-lủ ở ngay chốn kinh-đô này ; lại là những bi-kịch hằng ngày xảy ra trong xã-hội, đây rầy trên báo-chương, chớ gì giết vợ, vợ giết chồng, cha giết con, con giết cha, nhân-ngãi giết lẫn nhau, khẩu súng lục-liên hầu thành như cái cơ-quan tất-yếu của xã-hội để giải-quyết những vấn-đề khốn-nạn về kinh-tế, vì muốn việc ở đây, cho đến việc ái-tình nữa, rút lại cũng là một vấn-đề kinh-tế cả.

Hôm qua đi mệt, sáng nay ngủ kỹ đến mười giờ mới dậy, không đi chơi được đâu cả. Buổi trưa này, hội « Đông-Pháp Công-thương-ủy-hội » (*Comité du Commerce et de l'Industrie de l'Indochine*) có mời các phái-viên ăn tiệc ở hiệu cao-lâu *Le Doyen*, có quan Thượng-thư SARRAUT làm chủ-tọa. Hội này là họp cả những tay « sù » có quyền-lợi to ở bên ta, như các chủ công-ti rượu, công-ti mỏ, công-ti xe lửa, công-ti vận-tải v. v. (1)

Các phái-viên đến dự tiệc hôm nay, quá nửa mặc áo gấm hết : có thể trông mới đẹp. Nhưng mà những ông Tây ăn tiệc bữa này, toàn là những người đã ở qua bên ta cả, đã từng sai-khiến người ta cả, còn có lạ gì cái vẻ áo gấm

của người Nam-Việt mình. Tiệc xong tất phải có diễn-thuyết. Quan Thượng-thư đứng lên diễn, đại-khái nói về sự giàu có ở bên mình, và tân-dương cái công những nhà công-thương Pháp giúp cho sự giàu có đó. (1)

Ở cao-lâu ra, ông nghị-viên Nam-ky OUTREY đưa các phái-viên vào Hạ-Nghị-viện xem. Bữa nay Nghị-viện vắng lắm, các ông nghị-lơ-thơ có mấy chục ông, còn người xem thì lại ít nữa. Là bởi hôm nay không có bàn chuyện gì quan-hệ. Khi mình đến thời thấy một ông nghị dương diễn-thuyết về giá thóc-lúa, xem chừng cũng ít người thích nghe. Cho nên anh em ở xem chừng nửa giờ rồi về.

Cả buổi chiều hôm nay là ông nghị OUTREY định đưa anh em đi thăm các nhà báo lớn ở Paris, đã có tin trước cho các nhà ấy biết, nên đều có sẵn-soạn đón-tiếp cả.

3 giờ 1/2 đến nhà báo *Le Journal*. Nhà này to nhất ở Paris; vào trong như một cái lầu-đài menh-mông bát-ngát, bốn bề rất những bức vẽ đẹp của các tay danh-họa đời nay. Nhà báo người ta như thế, chẳng bù với các báo-quân của mình ! Ngay trong bọn mình đây, cũng có hai ông chủ báo, chứ chẳng vừa ! Hai ông « chủ » hôm nay phải một bữa ! Đến thăm nhà báo, hai ông là tay làm báo « danh-gia » ở nước nhà, tất phải thay mặt anh em mà nói mấy lời chúc mừng bạn « đồng-nghiep » bên qui-quốc : ấy mới rầy ! Nhưng mà thôi, cũng dành liều quấy-quá vài lời cho xong chuyện ; mình là dân đàn em, đâu có sơ-suất cũng chẳng ai chấp nào. Vậy hai anh em chia nhau : ông Vĩnh nói ở nhà *Le Journal*, mình nói ở nhà *Le Matin*. Hùng-bien quá, không nhớ nói những câu gì nữa !

(1) Bỏ mất một đoạn

Nhà báo nào cũng có đặt tiệc «sâm-banh» để mừng các phái-viên, và đưa đi xem các buổi máy.

4 giờ 1/2 đến nhà báo *Le Matin*, nhà này cũng lớn chẳng kém gì *Le Journal*. Hai tờ báo này là phổ-thông nhất ở nước Pháp, trong dân-gian đọc nhiều lắm, mỗi ngày xuất-bản có tới mấy trăm vạn số.

5 giờ 1/2 thời đến nhà báo *La Liberté*. Nhà báo này nhỏ, nhưng chủ-bút là ông AYMARD, trước làm thầy kiện ở Sài-gòn, nên ông nghị Nam-kỳ đưa các anh em đến thăm nhân thể.

Tối đi xem Hội-Chợ Neuilly ở ngoài hành-phố Paris. Những hội-chợ này là cuộc mua vui của hạng bình-dân

nước Pháp, bán hàng có ít mà các trò chơi rất nhiều, thường thường là những trò đánh số, bắn giải, ngựa máy, v.v.. Đi chơi những chỗ này để nghiệm được cái tâm-lý những kẻ thường-dân ở đây: xem ra tính ham chơi và nhẹ dạ, tự-nhiên, không kiêu-sức. Lắm trò tưởng là trò trẻ con, mà người lớn cũng vào chơi, không ngưng-ngập gì cả. Anh em vào một nơi đề là « cái nhà xoay »: bước chân vào bị quay nhào đi một cái, ngã rúi người xuống. Chơi thế mới sướng! Thế mà các anh các chị xem ra khoái lắm.

(Còn nữa)

P. Q.

Lời văn đẹp, tư-tưởng hay

Je suis persuadé que l'humanité a de tout temps la même somme de folie et de bêtise à dépenser. C'est un capital qui doit fructifier d'une manière ou d'une autre. La question est de savoir si, après tout, les insanités consacrées par le temps ne constituent pas le placement le plus sage qu'un homme puisse faire de sa bêtise. Loin de me réjouir quand je vois s'en aller quelque vieille erreur, je songe à l'erreur nouvelle qui viendra la remplacer, et je me demande avec inquiétude si elle ne sera pas plus incommode ou plus dangereuse que l'autre. À tout bien considérer, les vieux préjugés sont moins funestes que les nouveaux: le temps, en les usant, les a polis et rendus presque innocents.

...

Plus je songe à la vie humaine, plus je crois qu'il faut lui donner pour témoins et pour juges l'Ironie et la Pitié. L'Ironie et la Pitié sont deux bonnes conseillères; l'une en souriant nous la rend aimable; l'autre qui pleure nous la rend sacrée...

ANATOLE FRANCE

Tôi chắc rằng nhân-loại đời nào cũng vậy, cũng có một mớ bầy nhiều sự cuồng-dại phải tiêu-dùng ra, khác nào như cái vốn phải đặt lãi, không đặt cách này thì đặt cách khác. Có một điều là rút lại những sự dồ-dại đã từng-trải lâu đời rồi có lẽ là một cách tiện-lợi nhất cho người ta đặt lãi cái vốn khồng-dại của mình. Mỗi lần tôi thấy một cái tệ cũ mất đi, tôi không mừng, mà tôi lại nghĩ đến cái tệ mới nó sắp đến, tôi lấy làm lo mà tự hỏi rằng cái sau này nó có tệ hơn và hại hơn cái trước không. Xét cho phải, cái tệ cũ còn không hại bằng cái tệ mới: là nó đã qua lâu ngày, như đã mòn, đã trơn đi rồi, hầu như vô-tội vậy.

...

Tôi càng nghĩ đến sự đời, lại càng tưởng nên phải lấy sự Trào-phúng và sự Bi-thương làm chủ và làm chứng cho đời người, sự Trào-phúng và sự Bi-thương là hai bạn tốt lắm; một bên cười làm cho đời người đáng yêu, một bên khóc làm cho đời người đáng kính...

Mĩ-thuật nước Pháp



Tình mẹ con

Bức họa của Bà VIGÉE-LEBRUN (1755-1842)

tự vẽ mình và con gái, hiện ở viện bảo-làng Le Louvre

KHẢO VỀ ĐỊA-DƯ VÀ LỊCH-SỬ

TỈNH QUẢNG-YÊN (1)

Tỉnh Quảng-yên là một tỉnh ở về duyên-hải, địa-thể rất rộng, phía đông giáp đến núi Phán-mao địa-phận Khâm-châu nước Tàu. Tây giáp huyện Thủy-dương, Đông-triều, và phủ Kinh-môn, lấy sông Bạch-đăng và Uông-giang làm giới-hạn. Nam giáp hải-phận huyện Nghi-dương, An-dương. Bắc giáp lâm-phận huyện Yên-bắc tỉnh Lạng-sơn. Xét về lịch-sử duyên-cách, khi đời Tần thời đất Quảng-yên thuộc về quận Nam-hải, đời Hán thuộc về quận Giao-chỉ, đời Đường đổi làm Võ-an-châu, sau đổi làm Hải-môn-trấn, đời Lê đời Lý gọi là Hải-dông-lô 海東路, sau đổi làm An-bang 安邦, lại đổi làm An-quảng-trấn 安廣鎮. Minh-mệnh từ-niên mới đổi làm Quảng-yên-trấn 廣安鎮, Minh-mệnh thập-tam-niên (1832) mới gọi làm tỉnh Quảng-yên 廣安省.

Thống-hạt. — Quảng-yên nguyên trước thống-hạt chỉ có một phủ là Hải-dông; hai huyện là: Yên-hưng, Hoành-bồ; ba châu là: Tiên-yên, Vạn-ninh, Vạn-dồn. Sau phân phủ Hải-dông làm hai phủ là: Hải-ninh và Sơn-định. Nhưng nay thống-hạt chỉ có 3 huyện là: Yên-hưng, Hoành-bồ, Cát-hải. Còn ngoài Vạn-ninh lại phân ra một đạo riêng.

Thành Tiên. — Tỉnh-ly Quảng-yên nguyên trước đóng ở xã Cồ-lũng huyện Kim-thành phủ Kiến-thụy Hải-dương. Gia-long tam-niên mới dời tỉnh-ly ra đóng ở trên một cái núi thuộc xã Quỳnh-lâu huyện Yên-hưng, địa-thể núi ấy hình như người tiên, cho nên

gọi là núi Tiên (Tiên-sơn), mà cũng gọi là thành Tiên (Tiên thành), chính là nơi tỉnh-ly đóng bây giờ. Xét thành Quảng-yên mới đắp từ năm Minh-mệnh thập-niên, nhưng còn tựa theo núi mà đắp thành bằng đất, vì chân thành nhiều đá không thể đào hào được. Đến năm Tự-đức thứ mười hai, mới xây thành gạch, chu-vi dài 295 trượng, một trước cao 9 thước, tả hữu và mặt sau cao 8 thước. Mở ra ba cửa thành: cửa hậu và cửa tả cửa hữu, đoạn trước bề hoành 38 trượng 2 thước, đoạn giữa hoành 36 trượng 4 thước 8 tấc; lại một đoạn nữa hoành 2 trượng 9 thước. Đoạn sau hoành 6 trượng 5 thước 2 tấc. Từ cửa tiền đến đằng sau núi trường 82 trượng 8 thước. Mẽ ngoài cửa thành lại có đắp một cái lũy gọi là Nguyệt-tiêm-thồ-lũy. Nguyệt-lũy ở về cửa tiền trường 15 trượng, cao 5 thước, dày 7 tấc. Tiêm-lũy ở về phía cửa tả trường 15 trượng 7 thước, cao 4 thước, dày 7 tấc. Lại còn một Tiêm-lũy nữa ở về phía cửa hữu trường 7 trượng 5 thước, cao 4 thước 5 tấc, dày 7 tấc. Nhưng nay thì đã khác xưa nhiều.

Phong-tục. — Đất Quảng-yên về phần núi phần bể rất là quân-mục, ruộng nương cây cấy thì ít, phần đất nước mặn thì nhiều. Về tổng Hà-bắc huyện Yên-hưng thì phong-tục chất-phác kiệm-uớc; về tổng Hà-nam thì nhân-dân cũng có làm nghề buôn-bán, nhưng phong-tục kiêu-bạc. Dân về vùng Nghiêu-phong thì dữ-tợn hay thích sự chiến-dấu. Theo đạo Gia-tô thì có xã Yên-trì thuộc huyện Yên-

(1) Bài này nên xem nối với bài « Chari vịnh Hạ-long » N.-P. số 82.

hưng là to nhất đến hàng mấy nghìn đình. Còn những làng Lương-trị, Trà-cổ, Xuân - ninh về ngoài huyện Hải-ninh, làng Đôn-lương về ngoài huyện Nghiêu-phong, cũng có theo đạo Gia-tô.

Vật-sản. — Mùa màng thì phần nhiều cấy mùa, cấy chiêm thì không có mấy, khoai đậu và các thứ rau cũng có ít nhiều. Lâm-sản thì có gỗ lim, gỗ sến cùng các thứ gỗ danh-sắc, tre nứa, mây, song, cũng có cả. Loài cầm thì có công, gà rừng. Loài thú thì có hổ, báo, hươu nai, lợn lòi, dê rừng. Hải - vật thì có đồi-mồi, tôm bễ, cua bễ, hải-sâm, sa-trùng, sò, chai, ốc. Các tạp-vật thì có lụa mộc, sáp vàng, mật ong, đường cát, đường phèn, mộc-nhĩ, nhân, mít, phật-thủ, lê, đào, các thứ có đủ cả. Tụ-trung có thứ vỏ đồi-mồi ở Nghiêu-phong dùng làm đồ rất tốt, nhấm ở làng Lương-trị thì có tiếng rằng ngon.

Sông Chanh bến Ngự. — Sông Chanh là một con sông chảy qua bến Ngự Quảng-yên. Nguyên sông ấy tự sông Bạch-dằng chảy xuống, rồi chảy về phía nam qua xã Lưu-kê, lại có một con sông Bùi-xá hợp-lưu chảy vào, rồi chảy mãi ra cửa bể Nghiêu-phong. Vậy muốn qua chơi An-bang thì tất phải qua con sông ấy. Vua Trần Thánh-tôn khi xưa đã có một bài thơ ngự chơi phủ An-bang rằng :

朝遊浮雲嶼。

Chiêu du Phù-vân kiệu,

暮宿明月灣。

Mộ túc Minh-nguyệt-loan.

忽然得佳趣。

Hốt-nhiều đắc giai-thú,

萬象生毫端。

Vạn tượng sinh hảo đoạn.

Nghĩa là :

Non Phù-vân sớm dạo,
Vịnh Minh-nguyệt đêm qua.
Cảnh-tượng đầu thú lạ !
Trên ngòi bút hiện ra.

Vua Lê Thánh-tôn cũng có ngự đến An-bang trị-sở, có thơ rằng :

安邦郡治海天涯。

An-bang quâu-trị hải thiên nha,

四顧山多水亦多。

Tứ cố sơn đa thủy diệc đa.

積土北環青岌嶺。

Tích thổ bắc hoàn thanh ngấp-ngập.

重崖南擁碧嵯峨。

Trùng nhai nam ủng bích ta-nga.

雖敷心腹腎腸語。

Tuy phu tâm phúc thận tràng ngữ.

其奈澆漓薄惡何。

Kỳ nại kiêu-ly bạc-ác hà.

地有肥饒民衆富。

Địa hữu phì-nhiều dân chúng phú,

威王未必遯烹阿。

Uy-vương vị-tất cự phan A.

Nghĩa là :

Quận-trị An-bang bến bờ khơi,
Núi cao bốn mặt nước lưng trời.
Non xanh phía bắc ngán xa thăm,
Làn biếc miền nam ngút tuyệt vời.
Dù hết lời khuyên tâm-phúc đó,
Nhưng quen thói cũ bạc-kiêu rồi.
Quận A (1) nếu quả dân giàu thịnh,
Chi phải oai vua trách tới nơi.

Ấy đất An-bang khi xưa còn cho là ở tận bên trời góc bể, thế mà các vua triều Trần triều Lê cũng đã ngự qua đến An-bang cả, hoặc-giả vì thế mà bến Quảng-yên thành tên là bến Ngự chăng ?

Sông Bạch - dằng. — Sông Bạch-dằng là một con sông lớn nhất tỉnh Quảng-yên, phía đông-ngạn thuộc về

(1) Quan đại-phu nước Tề cai-trị quận A, thường được tiếng khen là đất tốt dân giàu, nhưng không thực, phải vua Uy-vương quả trách đem giết đi.

xã Yên-hưng huyện Yên-hưng, tây-ngạn thuộc về xã Đoan - lễ huyện Thủy-đường (nay là Thủy-nguyên.) Thủy - trào sâu 2 trượng, 5 thước, thủy-tịch sâu 1 trượng 7 thước, rộng 200 thước, giữa sông có một bãi ám-sa, bến đò ngang ở đó mông-mênh rất rộng. Sông Bạch-dăng chia làm 3 chi-lưu: 1^o chi chảy về phía đông qua xã Yên-hưng gọi là sông Chanh; 2^o chi chảy về phía tây qua huyện Thủy-đường là Mĩ-giang; 3^o chi chảy về phía bắc qua xã Yên-tri là sông Cồn-khoai. Lại phân một chi nữa là Uông-giang tiếp-giáp đến xã Nhiếp-khê gần tỉnh-hạt.

Ấy sông Bạch-dăng là một con sông lớn như thế, mà lịch-sử sông Bạch-dăng lại có mấy hồi rất là quan-hệ đến vận-mệnh nước Nam nhà. Như hồi Tiễn-Ngô, chúa Nam-Hán là Lưu Cung sai thái-tử Hoảng Thao đem thủy-quân kéo vào sông Bạch-dăng chực để đánh Ngô-vương Quyền mà cứu cho Kiều-Công Tiễn là đứa đầy-tớ phản thầy giết mất Dương Đình-Nghệ, Ngô-vương Quyền bèn phục quân ở Bạch-dăng, sai dẽo cọc bịt sắt nhọn, cắm ở hai bên sông, thừa khi thủy-trào tràn lên thì đem quân khiêu-chu ra khiêu-chiến dữ cho quân Tàu đuổi theo. Đến khi nước trào xuống thì dẽo xô quân ra đánh. Thuyền quân Tàu mắc vào cọc bị chìm đắm rất nhiều, quân-sĩ chết mất đến quá nửa, bắt giết được thái-tử Hoảng Thao. *Việt-sử diễn-ca* có câu rằng: "*Bạch-dăng một trận giao-phong, Hoảng Thao lạc-phách Kiều-Công nộp đầu.*" Đó là một lần đánh đón quân Tàu khi mới kéo vào sông Bạch-dăng.

Lại một lần nữa là về đời nhà Trần. Khi quân Nguyên sang xâm-lấn nước ta, Trần Hưng-Đạo phải ra đóng đồn ở Vạn-kiếp để chống nhau với quân

Nguyên. Lại sai Trần Khánh-Dur làm Văn-dồn-phó-tướng để giữ chặn mặt bắc không cho quân Tàu kế-tiếp lương sang. Khánh-Dur phục quân ở cửa Lục (tức là Hạ-long) đón đánh được tướng Nguyên là Trương Văn-Hồ, cướp được hơn 50 chiếc thuyền lương. Quân Nguyên vì thế hết lương phải kéo về. Khi về đến sông Bạch-dăng thì Trần Hưng-đạo - vương đã sai cắm chông ở dòng-sông và phục binh để đón đánh. Một một thì Hưng-đạo-vương thúc quân đuổi theo xông vào đánh. Quân Tàu bị mắc chông đắm thuyền, giết chết rất nhiều, máu loang đỏ cả khúc sông. Bãi sông được tướng Nguyên là Ô Mã-Nhi. *Việt-sử diễn-ca* có câu rằng: "*Bạch-dăng một cõi chiến-trường, xương phơi trắng dất máu mòng đỏ sông.*" Đó lại là lần thứ hai đón đánh quân Tàu khi kéo về qua sông Bạch-dăng. Thế thì sông Bạch-dăng chẳng là một con sông yếu-hại (1) có quan-hệ đến vận-mệnh nước nhà lắm ru?

Vua Trần Minh-tôn có bài thơ vịnh sông Bạch-dăng rằng:

挽雲劍戟碧煙痕。

Vấn vân kiếm kích bích toản-ngoan,

海辰吞潮捲雪深。

Hải thận thôn trào quyên tuyết-lan.

綴地花鉞春雨霽。

Xuyết địa hoa diên xuân vũ tễ,

撼天松籟晚風寒。

Hám thiên tùng籁 lãn văn phong hàn.

山河今古雙開眼。

Sơn hà kim cổ song khai nhãn,

胡越贏輸一倚闌。

Hồ Việt doanh thâu nhất ỷ lan.

江水滄涵殘日影。

Giang thủy đĩnh hàm tàn nhật ảnh,

錯疑戰血未曾乾。

Thác nghi chiến-huyết vị tăng can.

(1) Phần hiểm-yếu của mình thì là phần hại cho giặc.

Nghĩa là:

Kiểm trở ngang mây núi tuyết vờ,
Ngon trào trắng xóa cuốn doanh khơi.
Mưa xuân rêu diêm hoa từng đám,
Gió tối thông reo sóng lừng trời.
Non nước xoay vòng kim cổ chóng,
Việt Hồ ngấm cuộc được thua chơi.
Chiến-trường mấy độ trên sông đó,
Đổ lững vừng hồng giọt máu tươi.

Đức Dục-tôn cũng có một bài cổ-phong tả cái trận Ngô-vương Quyền đánh giết Hoảng-Thao ở trên sông Bạch - đằng rằng:

白藤江而波流急。
Bạch-đằng giang diện ba lưu cấp.
白藤江心樁杙立。
Bạch-đằng giang tâm xoang đặc lập.
奇兵倏走又倏來。
Kỳ-binh thục tầu hựu thục lai.
百萬漢軍魚腹入。
Bách vạn Hán-quân ngư-phúc nhập.
公羨賊弘操擒。
Công-Tiến quắc, Hoảng-Thao cầm.
詭謀妙運由一心。
Quỷ-mưu diệu-vận do nhất-tâm.
白藤江水未爲深。
Bạch-đằng giang thủy vi vi thâm.

Nghĩa là:

Trên mặt sông Đằng sóng trôi cấp.
Dưới lòng sông Đằng chông cắm ngập.
Kỳ-binh nấp đâu chợt xông ra,
Quân Hán trăm vạn chạy không kịp.
Chém Công-Tiến, bắt Hoảng-Thao,
Bởi lòng sâu sắc trí mưu cao,
Sông kia sâu mấy chửa là bao!

Cụ Nguyễn Trãi 阮瑤 qua sông Bạch-đằng có câu rằng:

關河白二由天設。
Quan-hà bạch-nhị do thiên thiết,
豪傑功名此地曾。
Hào-kiệt công danh thử địa tằng.
— Non sông sẵn hiềm trời xây đó,
Hào-kiệt lừng danh nhờ chốn này.

Xem thế thì cái lịch-sử sông Bạch-đằng cũng đáng nên kỷ-niệm lắm thay!

Cụ Trương Hán-Siêu 張漢超 về đời Trần đã có bài phú Bạch-đằng-giang, lời rất hùng-hồn, dịch ra như sau:

白藤江賦

BÀI PHÚ SÔNG BẠCH-ĐẰNG

(3)	(2)	(1)	而	至。	禹	海	客
胸	相	謝	曰。	元	方	不	九
中	如	靈	吾	氣	壯	經	江
曾	子	運	與	本	志	閱	五
不	虛	詩	汗	神	猶	胸	湖
芥	賦	掛	漫	列	關	吞	三
蒂	吞	帆	期	子	如	雲	吳
	若	拾	于	若	也。	夢	白
	夢	海	九	土		者	粵
	者	月	埃	謂		飲	人
	八	之	應			百	跡
	九	上	放			(3)	所

Khách có kể: Chèo bè hơi trắng, buồm mây giông gió. Sớm ngọn Tương kia, chiều hang Vũ nọ. Vừng-vẫy Giang Hồ, tiêu-dao Ngô Sở. Đi cho biết đây, đi cho biết đó. Trầm Vưu-mộng chửa ở trong kho tư-tướng, đã biết bao nhiêu, mà cái chí-khi tứ-phương, vẫn còn hăm-hở!

(2)	(1)	空	吟	颺	水	浮。	大	乃
亦	窺	司	凝	折	天	接	灘	口
壁	九	馬	昨。	戟	色。	波	迴	今
賦	疑	遷	念	沉	景	於	東	中
山	浮	遊	豪	江	景	無	潮	流
川	沅	江	傑	枯	三	秋	頭	縱
相	湘	淮。	之	骨	秋	鴈	抵	子
繆		上	已	盈	邱	落	白	長
鬱	乎	會	往。	嘆	嘆	岸	之	遠
蒼	蒼	探	蹤	然	不	瑟	相	是
		穴。	之	樂	瑟		經	(1)

Mời học thói Tử-Trường, bốn bề
ngao-du ; qua cửa Đại-than, sang bến
Đông-triều, đến sông Bạch-dăng, đứng-
đỉnh phiếm-chu. Trắng xóa sông kênh
muôn dặm, xanh rì dặng ác một màu ;
nước trời lộn sắc, phong-cảnh vừa
thu ; ngàn lau quạnh-cối, bến lách diu-
hiu. Giáo gầy đầy sông, cốt khô đầy
gò. Ngâm-ngùi đứng lặng, ngắm cuộc
phù-du. Thương kẻ anh-hùng dấu vắng
tá, mà dây dẫu vết vẫn còn lưu !

操辰之聖曰舟。裴我江
之吳戰擒此抵杖。何邊
故氏地。鳥重余或求。父
洲破與馬興而掉或老。
也。弘昔兒二言孤扶謂

Kia kia bên sông, phụ-lão người
dâu ; lượng trong bụng ta, chùng có
sở-cầu. Hoặc gậy chống trước, hoặc
thuyền bơi sau, vái ta mà thưa rằng :
Đây là chỗ chiến-dịa của vua Trần
bắt giặc Nguyên, và là nơi cổ-châu của
vua Ngô phá quân Lưu đấy !

紀。自勢兮昏決。其旗當
謂強。將兮南。办旂其。
投劉。戰。無北。纛旆。舳
輾。龍。彼光。對起。龍。繼
可之必天。壘。雌。貅。千
掃計烈地日雄六里。
南詭。之。凜月未軍。旌

Đương khi : Muôn đội thuyền bày,
hai quân giáo chỉ. Gươm tuốt sáng lòe,
cờ bay đỏ khé ! Tướng Bắc quân Nam,
đôi bên đối lũy. Đã nổi gió mà bay
mây, lại kinh-thiên mà động-dịa. Kia
Nam-Hán nó mưu sâu, nọ Hồ-Nguyên
nó sức khỏe. Nó bảo rằng phen này
đạp đổ cõi Nam, tưởng chừng cũng dễ !

千雪至之飛赤凶既
古恥。今陣。灰。壁。徒而。
稱再江須。杆之披。皇
美。造流。叟堅。師。靡。天
之終送會。談。孟。助
功。不。死。澠。笑。德。順。

May sao : Trời giúp quân ta, mây
tan trận nó. Khác nào như quân Tào
Tháo bị vỡ ở sông Xích-bích khi xưa,
giặc Bồ Kiên bị tan ở bến Hợp-phì thừa
nọ. Ấy cái nhục tầy trời của họ, há
những một thời ; mà cái công tái-tạo
của ta, lưu-danh thiên-cổ.

古賊如之壘雖
(1) 人閑韓會之然。
今問元兮(1) 惟鷹設自
年興阿限英此揚險有
賊道台涕。風江若賴宇
閑王入臨可想大灘傑固
猶賊寇江想捷水以有
言勢富流口碑由之尊江
易如良。兮碑不大戰安山。
也。何。陳厚刊。王國盟信
對仁顏。懷之。士津天
曰。宗

Tuy vậy, tự thừa có trời có đất, vẫn
có giang-san. Trời đặt ra nơi hiểm-trở,
người tinh lấy cuộc tôn-an. Hội nào
bằng hội Mạnh-tân, như vương-sư họ
Lã ; trận nào bằng trận Duy-thủy, như
quốc-sĩ họ Hàn. Kia trận Bạch-dăng
này mà đại-thắng, bởi chung đại-
vương coi thế giặc nhàn. Tiếng thơm
còn mãi, bia miệng bao mòn ; nhớ ai
sa giọt lệ, hồ minh với nước non !

人兮無浪浪。大行
兮聞盡兮洪江且
俱名。仁朝濤兮歌
泯。匪人宗。巨浪曰。

Rồi vừa đi vừa hát rằng :

Sông Đàng một dải dài ghè !

Luông to sóng lớn dờn về bề Đông.

Trời Nam sinh kẻ anh-hùng,

Tầm kènh yên lặng nou sông vững-vàng.

德險不古不洗明。曰。客
之兮。在昇敢甲就二從
莫惟關平。勸兵。此聖而
京。在河信兮。胡江兮廣
懿之知千塵兮並歌

Khách lại nổi mà hát rằng :

Vua Trần hai vị thánh-quân,
Sống kia còn dấu tầy-phần giáp binh.
Nghìn xưa gấm cuộc thắng-bình,
Tai đầu đất hiểm bởi mình đức cao.

Giếng Mát-rồng. — Gần Văn-miếu huyện Yên-hưng thuộc về địa-phận xã Quỳnh-lâu có núi Long-sơn, ở đó có một cái giếng, tục gọi là giếng Mát-rồng, nước trong mà ngọt.

Bàn cờ-tiên. — Ở về địa-phận xã An-cư có núi Lôi-âm, mạch núi ấy từ Hải-dương chạy xuống, đến đó đột-khởi lên một ngọn núi, cảnh-sắc thanh-tú. Trên đỉnh có một hòn đá lớn vuông rộng chừng năm sáu trượng, không có cây cỏ gì mọc cả, tương-truyền là bàn cờ tiên, hoặc gọi là chợ Trời. Gần đấy có chùa Lôi-âm sáng-tạo tự năm Quang-thuận đời Lê, cũng là một cảnh chùa rất đẹp.

Tỉnh Quảng-yên có rất nhiều quần-sơn quần-đảo bao-học, mà cũng nhiều đảo nhiều núi có danh tiếng, kể như sau này :

Núi. — 1) Núi Cẩn-dao, hình núi thẳng vót lên mà tròn giống như cán dao, ở về đông Cát-hải.

2) Núi Cao-lô, ở về phía tây Nội-hải, núi đất mà hiểm, cây mọc um-tùm, bốn mặt có nước vòng quanh, sóng gió ồn-ào, thuyền không thể đậu lâu được.

3) Núi Na-quảng, núi này trông trẻ trông dẫu, dân ở đấy vẫn làm nghề hái dâu chăn tằm lợi lắm.

4) Núi Ba-soi, núi đá mà dưới chân có đất, mọc chia làm ba ngành.

5) Núi Hang-gió, dưới núi có một cái hang, vừa dung độ và chiếc thuyền, các thuyền đi về nếu gặp mưa gió thì núp vào đấy tiện lắm.

6) Núi Bồi-dỗ ; núi này tự trên đỉnh núi xuống đến chân núi, đất đều đỏ như son.

Đảo. — 1) Đảo Cát-bà, ở về hải-phận xã Chân-châu tổng Hà-liên, phía bắc có hang Vàng, phía đông có các cù-lao Tùng-thu, Soi-mai, Lỗ-dầu ; phía nam gần đảo Cát-ông. Thuyền đánh cá thường đi lại ghé đậu ở đó.

2) Đảo Vạn-cảnh, ở về hải-phận xã Quan-lan, phía đông có đảo Trà-bản, phía tây có đảo Vạn-than.

3) Đảo Cát-vàng, gần đảo Vung-vang, bốn mặt đều có cát vàng.

4) Đảo Vân-dồn, ở về cửa bể Vân-dồn, cao trót-vót ở giữa bể.

5) Đảo Chàng-sơn, phía đông có đảo Vạn-la, phía nam là cửa Đại-hải. Có núi Đông-chàng, Tây-chàng, Bờ-cát, tiếng chung đều gọi là Chàng-sơn. Thuyền đi vòng quanh hai ngày mới khắp được bốn mặt đảo. Lại có nhiều vũng to, bên tả là vũng Thanh-lam, bên hữu là vũng Tây-chàng. Ở giữa có một con sông gọi là Thông-dồng-giang. Cù-lao ấy đất tốt, có một làng người Tàu ở đó, gọi là làng Hương-hóa.

6) Đảo Đầu-kê, đảo này ở về xã Phù-long, hai ngọn núi đứng song-hàng, hình như cặp gà chọi, cũng có tên là núi Cặp-gà.

7) Miêu-đảo, đứng ở giữa bể hình như con mèo ngồi, nên gọi là Miêu-đảo.

8) Đảo Đám-dải, liên-lạc một dãy núi đá, ngoài có Cái-vang, Cái-dòng-đục chảy vòng quanh ở phía trước, rất là nham-hiểm.

9) Đảo Cảnh-độc, trong đảo có một cái đồng lớn, rộng thênh - thang có thể dung được đến nghìn người, thực là một đồng thiên-tạo tự-nhiên, chạm khắc như vẽ.

10) Đảo Hoa-cái, gần đảo Cảnh-độc, trong đảo cũng có đồng, nhưng không rộng mấy, và nhiều đá lồi-chồng.

11) Đảo Đông-ma, đảo này có chín ngọn.

12) Đảo Vạn-la, phía tây gần đảo Vạn-mâu.

13) Hang Bạt-cốc, ở về hải-phận xã Gia-luân, cửa hang nước chảy xoáy mạnh lắm, người ta đi thuyền ít khi dám gần đến đó.

Cửa bể. — 1) Cửa Bạch-đăng, cửa bể này là một cửa bể chính tự sông chảy ra bể, phía đông thuộc xã Hải-yến tổng Hà-nam, phía tây thuộc về xã Phục-lễ huyện Thủy-đường. Thủy-trào sâu 6 trượng, thủy-tịch sâu 3 trượng 4 thước, rộng 472 trượng.

2) Cửa bể Nghiêu-phong, cũng có tên là cửa bể Đôn-lương, phía nam bắc có bãi cát, phía đông thuộc xã Phù-long, phía tây thuộc tổng Đôn-lương, thủy-trào sâu 4 trượng 4 thước, thủy-tịch sâu 3 trượng 1 thước, rộng 450 trượng.

3) Cửa Vân-dồn, ở về hải-phận xã Quan-lan, ngoài cửa có hòn Mai-đảo, nên lại gọi là Mai-hải-khẩu, bên hữu có đảo Ngọc-vượng, bên tả có đảo Cảnh-cước, trong cửa bể lại có đảo Phụng-hoàng đứng ở giữa bể, phía trong tức là Vân-dồn-hải-khẩu. Về phía tây lại có sông Chạo-lai. Cửa bể ấy thủy-trào sâu 1 trượng 8 thước, thủy-tịch sâu 1 trượng, rộng 140 trượng.

Đời vua Lý Anh-tôn trong khoảng năm Thiệu-minh (1138) người các nước Qua-oa, Tiêm-la có lại họp buôn-bán ở cửa bể ấy, xin vua cho mở làm trang Vân-dồn, để làm chỗ cho tàu thuyền thương-khách đi lại buôn-bán.

4) Cửa Lục-hải, tức là Vịnh Hạ-long, ở về phía nam huyện Hoàn-hồ, thủy-trào sâu 5 trượng 9 thước, thủy-tịch sâu 5 trượng, rộng 79 trượng 3 thước. Hai bên tả hữu có những con sông sau này chảy vào :

1^o Sông Trí-xuyên, nguồn từ các khe nhỏ ở sơn-phận làng Trí-xuyên chảy ra, rồi hợp-lưu với sông Võ-uy chảy ra cửa Lục ;

2^o Sông Bang-giang, nguồn từ các khe nhỏ ở sơn-phận làng Võ-uy chảy ra, rồi hợp-lưu với sông Võ-uy chảy ra cửa Lục ;

3^o Sông Mân-giang, nguồn từ các khe núi Đèo-dài chảy ra, đến xã Yên-mĩ, tục gọi là Đá-bạc, qua Mân-sơn rồi chảy ra cửa Lục ;

4^o Kênh Đồng ở về phía bắc Lục-hải, hình nó thẳng như cái ống đồng, cho nên gọi là kênh Đồng.

Trong cửa Lục có những hòn núi như sau này :

1^o Núi Phụng-các, tục gọi là hòn Dốc, bốn mặt xung quanh đều có nước cả, phía tây-nam thì nông mà phía đông-bắc thì sâu hơn, người ta cho là một hòn núi Trấn-thủy.

2^o Núi Truyền-đăng, ở về phía đông cửa Lục, thuộc hải-phận xã Giáp-khẩu tổng Yên-mĩ. Hoặc gọi là núi Đọi-dền, tục truyền khi xưa chúa Mạc chạy ra đây, có sai lính chực ở núi ấy để thấy quân Trịnh kéo ra thì thắp đèn lên làm hiệu, nên gọi là Truyền-đăng. Truyền rằng trong núi có cái hang sâu có một cái ghế đá tràng-kỷ và một cái hình đá như người lính nằm chết khô, với cái vạc dầu bằng đá hầy còn di-tích. Mè sau núi ấy có một chỗ cửa hang nước suối chảy xuống, tắm rất mát. Núi thuần đá cả mà cảnh-sắc tiêm - tú. Năm Quang-thuận thứ chín (1468) vua Lê Thánh-tôn có đề thơ ở vách đá núi ấy, nên tục lại gọi là núi Đề-thơ (1).

3^o Núi Xà-dầu, ở về phía nam núi Truyền-đăng, trên đỉnh núi có hình đá

(1) Sự-tích và thơ đã tường kể ở bài chơi vịnh Hạ-long kỳ Nam-Phong 82.

như đầu rắn, tục gọi là Đầu-mối. Khi xưa đi bề thường trông ngọn núi ấy làm đích.

40 Núi Thanh-lãnh, ở về hải-phận xã Lũ-phong, vì trên đỉnh núi có hòn đá hình như người đàn-bà đứng thanh-lãnh ra, cho nên tục gọi là bà Thanh-lãnh.

50 Núi Tử-tiêu, gần hòn Thanh-lãnh, một dãy núi liên-lạc có một ngọn cao vót hơn cả, trên đỉnh có đá như hình người. Gần đấy lại có một ngọn núi hình tròn như dưa, tục gọi là Hòn-Đũa. Khi xưa đi bề vẫn trông đó để làm đích.

Xét các cửa bề thuộc tỉnh Quảng-yên, chỉ có cửa Bạch-dăng là tự cửa sông chảy thẳng ra bề. Còn như các tổng Hà-liên, Văn-hải ở về ngoài bề, và các núi Đại-độc, Vĩnh-thực liên-lạc trên bờ bề ở về ngoài Tiên-yên, tự-trung có từng đoạn-lạc vòng-quanh, nước bề vẫn chảy lưu-thông cả, thỏ-nhân ở đấy, cũng gọi là cửa bề, nhưng không như các cửa bề khác tự sông chảy thẳng ra bề.

Các đồn-lũy. — Khi xưa cũng đã đặt ra các đồn-lũy kiên-cố, không kể Nguyệt-lũy ở tỉnh-thành Quảng-yên, lại còn đồn Nhất-tự ở xã Yên-hưng, đồn Đồ-lá ở xã Quỳnh-lâu, đồn Cách-cốc ở xã Hưng-học.

Các cửa tuần. — Khi xưa cũng đã đặt ra các cửa tuần để lấy thuế: Cửa tuần Suối ở về xã Yên-hưng, coi về thượng-lưu sông Chanh. Cửa tuần Bồ-câu ở về xã Phong-niên là một chi thuộc về cửa Suối. Ngoài Văn-ninh có cửa tuần Yên-lương ở về xã Yên-lương. Lại còn ba sở nữa để đánh các thuế nân, thuế tạp-mộc.

Các linh-từ. — 1) Đền Tiên-yên, ở về xã Tiên-yên. 2) Đền Tam-trĩ, ở về xã Tam-trĩ. 3) Đền cửa Suối, ở về

Cầm-phả, thờ một vị tướng-quân, người ta thường gọi là Đền-ông.

Thủy-trình. — Ngày nay các thủy-trình đã có tàu-thủy chạy thông-dồng khắp cả, rất là tiện-lợi. Nhưng đây cứ theo như địa-dư cũ lược kể về lối thủy-trình đi thuyền như sau này: Tự sông Chanh bến Ngự Quảng-yên qua giang-phận xã Lưu-kê tổng Hà-nam, rồi rẽ về phía đông qua bãi Tuần-châu Hoàng-lỗ thì đến cửa Lục (tức vịnh Hạ-long) thuộc huyện Hoàn-bồ, thủy-trình đi độ 1 ngày.

Rẽ về phía bắc qua sông Tri-xuyên đến huyện - lý Hoàn-bồ, đi độ ba trống canh.

Lại tự huyện-ly ấy ra sông Tri-xuyên, qua cửa Lục rẽ về phía đông qua núi Truyền-dăng (núi Đề-thơ) theo men núi ra cửa Suối (Cầm-phả); rẽ về phía đông đến sông Ba-chầy, qua sông Hà-trường thì đến châu-ly Tiên-yên (đó chính là đồn sở Hà-trường ngày xưa), đi ước độ 2 ngày rưỡi.

Lại tự châu-ly ấy ra sông Hà-trường, rẽ về phía đông qua con sông Đàm-hà, Hà-cối, lại qua Mĩ-sơn, Mạc-sơn, cứ theo mé trong cửa bề mà đi, đến thẳng Ngọc-sơn, là đến phủ-ly Hải-ninh, thủy-trình ước độ 2 ngày.

Lại một đường nữa qua sông Chanh đi về phía đông qua giang-phận xã Lưu-kê, rồi chuyển về phía nam đến cửa bề Nghiêu-phong là tới huyện-ly Nghiêu-phong, ước độ nửa ngày.

Lại tự sông Chanh rẽ về phía tây qua sông Bạch-dăng quay về nam thì đến huyện-ly Nghiêu-phong cũng chừng độ nửa ngày.

Lại tự huyện-ly ấy ra cửa Nghiêu-phong rẽ về phía đông, qua cửa Văn-đồn độ 2 ngày đường.

Tự Văn-đồn đến cửa Đối độ ba trống canh.

Tự cửa Đồi đến cửa Nội độ 3
trống canh.

Tự cửa Nội đến cửa Mô độ 3 trống
canh rưỡi.

Tự cửa Mô đến cửa Hứa độ 3 trống
canh

Tự cửa Hứa đến cửa Hạp độ 1 trống
canh.

Tự cửa Hạp đến cửa Vạn-mặc độ 2
trống canh.

Tự Vạn-mặc đến cửa Con (Tiểu-hải-
khẩu), độ 2 trống canh.

Tự cửa Con đến cửa Đại độ 3 trống
canh.

Tự cửa Đại đến cửa Tân độ 1 ngày.
Ước chừng đến Hải-ninh (Mong-cái)
độ hơn 6 ngày.

Lại một đường tự huyện-lỵ Nghiêu-
phong ra cửa Nghiêu-phong rẽ về
phía Nam qua hải-phận tổng Vân-hải,
đến đảo Chàng-sơn, ước độ 3 ngày nữa.

Đại-khai theo như thủy-trình trên
này đi vòng quanh khắp các cửa bể
vùng Quảng-yên thì ước-lược như thế.
Nhưng nếu gặp phải sóng gió thì không
nhất-dịnh được. Sau này sẽ lục-dăng
một bài ca giặm dờ tự sông Cẩm ra
Hải-ninh, để các ngài am-thuộc hải-
trình xét thử.

Bài ca giặm dờ (1)

Kể từ sông Cẩm mà ra,
Thâu kênh Nam-triều bắt ra Giải-dầu.
Cửa Giỗ lại có hang Luồn,
Thâu kênh Bô-lợi tới miền Tuần-châu.
Nào nào cửa Lục nơi đâu?
Cửa Lục lại có lối thâu kênh Đồng.
Vua Thánh-tôn trị vì thiên-lý,
Đặt bài thơ còn để lại đây.
Nou Đều, giếng Hạm đâu đây?
Bên kia Đâu-mỗi bên này Sà-cong.
Kể chưa xong nào bà Thanh-lãnh,
Ông Thầy-tiêu khiêu-nạch đã lâu.

Hà-tú lại có Chôn-khẩu,
Ao Hanh chẳng tắt đề sâu mấy trùng.
Kia hòn Đa chông cao nghi-ngút,
Hòn Một nọ lại tới hòn Hai.
Đá-bàn thăm-thẳm bên ngoài,
Bên kia Cát-bạc bên này Đốc-thống.
Miếu Đức-ông là nơi cửa Suốt,
Khách vắng-lai thường mộ cúng dâng.
Vạn-hoa chốn ấy ngát lừng,
Cáp-tiên có giếng giữa rừng trong thay!
Qua Soi-giây bắt sang ghềnh Đám,
Tới Hòn-quay sẽ tạm nghỉ-ngơi.
Trông ra Hòn-gạc xa vời,
Kia voi Hà-nửa nọ voi Đám-hầu.
Khe càng sâu lắm trượng (2) ở giữa,
Qua Dù-di tới cửa Tân-yên.
Khen ai khéo đặt cho nên,
Một bên vững Vặt một bên Vua-bà.
Nhác trông ra nước sâu bằng dơi,
Quần nhao-nhao vội nghĩ rằng vui.
Trời làm một trận gió xuôi,
Bát sang ghềnh Cuối là nơi Hà-trang.

Giặc Tàu-ô. — Tỉnh Quảng-yên vì
ở về ngoài duyên-hải tiếp-giáp với
nước Tàu, xưa kia thường có giặc
khách quấy nhiễu, trong Sử chép là
thủy-phỉ 水匪, hay là Tề-ngôi-hải-phỉ
齊槐海匪, tức là quân giặc bể, ta
thường gọi là giặc Tàu-ô. Các cổ-lão
truyền rằng: Bọn này nguyên là những
quân khách ở duyên-hải thường dùng
thuyền to bằng chiếc thuyền mảnh của
ta, dăng sau lái có một ngăn vuông che
kín để làm phòng ẩn thuốc phiện, ngoài
mạn thuyền sơn đen, cho nên gọi là
Tàu-ô. Tàu ấy chạy bằng cánh buồm,
mà buồm nó thì có những cái gong tre
hoặc gong bằng mây đặt ngang, để làm
cho căng cánh buồm ra, hơi khác với
cánh buồm thuyền ta. Nó thường đi
hàng đôi ba chục chiếc để đánh cá
ngoài bể. Nếu nó gặp thuyền mảnh của
ta thì nó sẵn đến ăn cướp, nhất là nó
hay đón những thuyền mảnh trong
Huế trong Nghé chở ra, để cướp lấy

(1) Bài ca này ký Nam-Phong 82 trước có lục đăng mấy câu, nay lục cả toàn-văn để bị-khảo.

(2) Trượng là hải cát nổi ở giữa sông.

dầu lạc và các thực - phẩm, cho nên gọi là giặc Tàu-ô.

Cuối đời Lê vì trong nước có loạn Tây-sơn, nên quán giặc khách thừa-cơ tràn sang châu Vạn-ninh. Khi đức Cao-hoàng ta ra bình-dịnh Bắc-bà, năm Gia-long nguyên-niên (1802) có sai Tổng Phúc-Lương 宋福樑, Nguyễn Văn-Vân 阮文雲 ra dẹp đảng giặc khách ở ngoài Vạn-ninh, bắt được đảng-khòả rất nhiều, rồi sai quan trấn Yên-quảng giải những quân tù-binh giặc ấy đem nộp trả nhà Thanh. Thế là bọn giặc khách khi bấy giờ đã yên.

Đến năm Gia-long canh-ngọ (1810) lại có bọn giặc chạy tàu buồm tràn sang mặt bể thuộc về địa - phận Cao, Liêm, Quỳnh, Lôi bốn phủ. Quan Tàu ở Khâm - châu có tư sang Bắc - thành (Bắc-kỳ) hẹn cho đem binh-thuyền ra phòng-tiết Triều-dinh sai Nguyễn Văn-Hạnh đem binh-thuyền ra đóng ở Vạn-ninh. Đảng giặc ấy kéo về đầu-hàng với quân ta rất nhiều. Quan Tổng-trấn Bắc-thành lại sai đem bọn tù-binh ấy nộp trả Tàu.

Đến năm nhâm - thìn Minh - mệnh thứ mười ba (1832) quan Tổng - đốc Hải - an là ông Nguyễn Công - Trứ 阮公著 ra kinh-lý ngoài Quảng-yên, ông có tâu về triều-dinh rằng: « Ngoài Quảng-yên nhiều đất bỏ hoang, có thể khai - khẩn ra được đến hàng nghìn mẫu. Nhưng vì dân ở đấy chỉ quen nghề đánh cá nghề buôn, chớ không thích làm ruộng. Vậy xin theo cách lập đồn-diễn, phái lính - thú cấp tiền công-nhu cho ra ở đấy khai-khẩn làm ăn, chỗ nào nên đắp đê-bồi thì cho tùy-nghị khởi-trúc. Đến lúc thu-gặt được bao nhiêu thóc thì chia làm ba phần : hai phần nộp kho, còn một phần thì quân-cấp. Khi nào thành diễn thì cho dân quân - lính, theo lệ công-diễn mà đánh thuế. » Vua Minh-mệnh theo lời tâu, cho ông Nguyễn Công-Trứ

hội-dồng với quan Tuần - phủ Quảng-yên là Lê Đạo-Quảng 黎道廣 thân-hành ra xem xét, mở ra được đất hoang 3500 mẫu, thuộc về xã Lưu - khê, Vị-dương, Yên-phong. Lại xin phái lính-thú Quảng-yên và lính cơ Hải - dương ra đắp một khúc đê dài hơn 2740 trượng để giữ nước mặn, rồi lượng lưu binh-lính ở đấy lập ra đồn-diễn.

Quan Tuần-phủ Quảng-yên Lê Đạo-Quảng lại đem binh ra ngoài cửa Tân-di tuần-tiểu. Sai quan tri - châu Phan Văn-Vị đem quân thổ - dũng ra tuần-tiểu tận núi Tây-chàng, đánh bắt được tướng giặc là Nguyễn Đình-Thông.

Đến năm quý-tị Minh-mệnh thứ mười bốn (1833), trong Nam thì có Lê Văn-Ngôi (tức Phó-vệ Ngôi hay là Khôi, đầy-tớ ông Tả-quân Lê Văn-Duyệt) nổi lên lấy cả Nam-kỳ lục-tỉnh ; ngoài Bắc thì Tuyên, Cao, Thái, Lạng tỉnh nào cũng có giặc. Khi ấy Lê Đạo-Quảng đã dời làm Tuần-phủ Lạng-Bình đem quân ra Tiên - yên, dò thám được đảng giặc Lạng-sơn là Lê Văn-Liệu (em Lê Văn-Ngôi) chiêu-dụ bọn phu mô người Tàu đến 3000 người và bọn thổ - dân làm thành một đảng giặc, chia ra một mặt làm ngành-trở đường Bắc-ninh, một mặt vây thành Lạng-sơn và làm nghề đường Quảng - yên. Lại còn bọn giặc ở châu Yên-bác tên là Thế Đường đảng-khòả đến 600 người, nó đi phiến-dụ những nhân - dân về mạn rừng Quảng-yên làm cho tao-dộng cả lên.

Năm giáp-ngọ, ngoài Quảng-yên lại có đảng giặc lần-lút là Hoàng Ất-An, nó thông với đảng dật-phỉ là Vũ Tiến-Hiền ở châu Tư-lục bên Tàu định họp ở Na-dương để khởi-loạn.

Năm mậu-tuất Minh-mệnh thứ mười chín, ông Nguyễn Công-Trứ lại ra làm Tổng-dốc Hải-An, quân-dốc đại-dội binh-thuyền chia đường ra tận đảo Chàng-sơn để vây bắt giặc bề, chém

giết được nhiều, lại bắt được cả thuyền-sau khi-giới, và khám xét ở đó chừng độ 50 nóc nhà, đều bắt được đồ tang-vật ăn cướp. Ông Trứ lại đem binh-thuyền đi tuần các hải-phận ngoài Hoa-phong. Chân-châu, lập đến 60 chiếc thuyền giặc khác, hai bên đánh nhau. Quân-vệ Nguyễn Văn-Ngũ đánh bắt được 3 chiếc thuyền ván nhỏ và khi-giới của giặc. Sau gặp cơn gió to lại kéo quân về đóng ở Vân-dồn. Khi ông Trứ ở Vân-dồn, nghe tin báo có hơn 50 chiếc thuyền giặc khác ở ngoài núi Ý-cầm, ông liền chia ra 5 toán quân đương đêm kéo ra. Nhưng gặp cơn gió đông to, sóng bề dữ, gần sáng mới kéo ra đến nơi, đuổi theo đánh bắt được một chiếc thuyền của đảng giặc khác.

Sau ông Trứ lại ra tiền-phỉ ngoài Chàng-sơn một lần nữa, ông có tàu xin lập một đồn ở làng Vượng-thôn thuộc Vân-dồn; một đồn ở làng Vĩnh-thực thuộc Vạn-ninh; một đồn ở làng Xuân-áng thuộc Hoa-phong. Khi ông Trứ đóng binh-thuyền ở Vân-dồn thì có hai bang Ngư-hộ người Tàu là Khai-vĩ và Hà-khồ đem nộp một tên tướng giặc là Lý Công-Tổng và 16 tên giặc, hơn 50 cái thủ-cấp cùng là thuyền bè khi-giới đều dâng nộp cả; và xin nộp sản-thuế lưu ở ngoài bể làm nghề đánh cá. Ông Trứ cấp thưởng cho 100 đồng bạc và 100 vuông lương, khuyên bảo bọn ngư-hộ ấy về Tàu. Nhưng bọn ấy xin theo lệ dân Minh-hương xin lưu ở đó làm dân. Sau ông Trứ tâu lên vua lại ban-cấp cho 500 quan tiền, và sắc bảo phải chọn một nơi nào dễ an-sáp bọn khách ấy. Nếu chỉ sớm đi rồi về tạm ở trên mặt bể thì lập-tức đuổi đi.

Ông Trứ lại bắt chém được bốn tên giặc ở Chàng-sơn, rồi chiêu-an nhân-dân được 180 người lập làm một làng đặt tên là làng Hương-hóa 向化里,

chia làm 4 giáp: đông, tây, nam bắc, đặt Lý-trưởng, Giáp-trưởng để cai-quản, cho đăng-bạ nộp thuế, thuộc về châu Vân-dồn. Ông Trứ lại bắt những tên đầu-mục hai bang Khai-vĩ, Hà-khồ khai rõ số thuyền số người biện-tại để đăng-bạ nộp thuế. Nhưng bọn khách nói rằng vốn quen ở trên mặt nước, lên ở cạn thì không có đường sinh-lý. Chỉ có bang Khai-vĩ xin lưu lại một nhà tên Tiền Thành-Đức nam phụ 5 người cho chia làm hai bến ở về dưới chân núi Đông-sơn. Ấy về hồi năm Minh-mệnh, ông Nguyễn Công-Trứ đã có công kinh-lý ngoài Chàng-sơn là nơi tổ giặc khách xưa nay.

Đến năm Tự-đức thứ mười lăm (1862) ở Bắc-kỳ không tỉnh nào là không có giặc, người ta gọi là giặc năm thập-ngũ, mà to nhất là đảng giặc Quảng-yên. Khi ấy ở Bắc-ninh; thì có cai-tổng Nguyễn Thịnh (Cai Vàng) vây hãm thành Bắc-ninh. Cao-bình, Thái-nguyên thì có Ngô Côn, Lý Hợp-Thắng, Lưu Vĩnh-Phúc, Hoàng-Thắng-Lợi đánh phá tỉnh-thành; Tuyên-quang, Sơn-tây thì có Nông Hùng-Thạc hợp với tướng giặc khác là Hoàng Anh lấy mất thành Tuyên-quang; Lạng-sơn thì có Tô Tử là bọn giặc Tàu đánh phá tỉnh-thành giết mất ông Đoàn Thọ. Đó là phần nhiều những đảng giặc khác bên Tàu tràn sang hợp với thổ-dân Nùng Mán mà làm giặc. Khi ấy những bậc đại-thần như ông Nguyễn Tri-Phương, Trương Quốc-Dụng, Võ Trọng-Bình đều phải đi quân-thứ dẹp giặc cả. To nhất là giặc Quảng-yên, bọn giặc này là bọn giặc bề, có một tên đạo-trưởng tên là Trương làm mưu-chủ, suy-tôn tên Tạ Văn-Phụng mạo-xưng là Lê Duy-Minh là dòng-dối họ Lê làm minh-chủ, tướng giặc là Tiền-quân Đột, Hậu-quân Ước làm đầu-mục, tụ họp ở các vùng bề ngoài châu Tiên-yên phủ Hải-ninh,

giao-thông với cả các đảng giặc ở Hải-dương, Bắc-ninh, Sơn - tây, Thái-nguyên, Tuyên-quang, Thanh, Nghệ, và các đảng giặc Khách. Khi ấy vua Tự-đức thấy thế giặc nhiều-như-ong càng ngày càng to, có sai ông Nguyễn Đình-Tân 阮廷賓, làm Hải-an kinh-lược-sứ, ông Nguyễn Tư-Giản 阮思簡 làm Tham-biện quân-vụ. Nhưng không được việc, ông Nguyễn Đình-Tân phải triệt-hồi, ông Tư-Giản phải cách-hiệu. Đảng giặc tràn đến vây tỉnh-thành Hải-dương. Tể-thần dâng thư cáo-cấp. Vua Tự-đức lại sai ông Trương Quốc-Dụng 張國用 làm Thống-đốc Hải-an quân-vụ đại-thần, ông Phan Tam-Tĩnh 潘三省 làm Hộ-lý tổng-đốc, ông Đặng Hạnh 鄧杏, Lê Xuân 黎春 làm Đề-đốc, đem quân Thanh, Nghệ ra đánh. Còn ông Trương Quốc-Dụng là cử-nhân Quốc-Quân 國璫 cũng xin mộ-đúng đi tòng-quân. Lại sai ông Đào Trí 陶致 ra làm Hải-an Tham-tán đại-thần. Quan - quân tự Hưng-yên kéo xuống đánh tau-phục được phủ Bình-giang, rồi tiến lên giải vây thành Hải-dương. Nhưng bốn mặt thành đều là ụ súng hổ chông của giặc, đường nghẽn chưa thể giải vây được. Sau ông Trương Quốc-Dụng, ông Đào Trí phải mưu bày trận-địa đến hơn một tháng mới xong, khởi đánh hai trận rất dữ-dội, chém được 450 thủ-cấp, bắt được hơn 100 tên giặc, bấy giờ mới giải vây được tỉnh-thành Hải-dương, đường phủ Bình-giang mới thông-đông đi lại được. Quan-quân thừa - thắng đánh tràn xuống Nam - sách, Kinh-môn. Quân giặc trốn ra Quảng-yên, lũ tên Ước tên Độ lui ra chiếm-cử ngoài Cát-bà, Đổ-sơn. Ông Trương Quốc-Dụng đóng quân ở Quảng-yên, sai Nguyễn Dũng, Nguyễn Tiễn-Lục phòng-tiết mặt Lạng-giang, Lê Quang-Tiến, Bùi Huy-Phan ra tuần-tiểu mặt bờ. Sau toàn quân của quan Thủy-đạo

Thống-chế Lê Quang-Tiến đánh được một trận ở Hà-nam (tên tổng thuộc Quảng-yên). Quân giặc còn hơn 500 chiếc thuyền kéo ra đóng ở Cát-bà, Đổ-sơn, gặp phải trận bão, thuyền giặc đắm mất nhiều, tên Độ là cử-khởi thì ốm chết. Quan-quân thấy thế giặc đã nùng, bèn chia quân ra làm ba đạo mạo-hiểm kéo ra ngoài hải-đảo là nơi sào-huyệt của giặc để đánh. Không ngờ đạo Hậu-quân bị giặc đón đánh, bỏ chạy. Còn đạo Tiền-quân, Trung-quân thì phải giặc đánh nghêu dường, quan Đề-đốc Quang-Tiến, quan Hộ-phủ Huy-Phan đều nhầy xuống bờ tự-tận. Lại một trận đánh nữa ở tổng Hải-bắc thì quan Hiệp-thống Trương Quốc-Dụng, quan Tân-lý Văn Đức-Khuê, quan Tân-tương Trần Huy-Sách đều ngộ-hại, binh-biên chết hại và thất-lạc mất nhiều. Quan Chương-vệ Hồ Thiệu phải giặc bắt, không chịu khuất, tự-tử.

Khi ấy vua Tự-đức thấy Quảng-an mãi chưa yên, lại sai ông Nguyễn Tri-Phương 阮知方 làm Tổng-thống Hải-an quân-vụ. Các cổ-lão truyền rằng: Khi ông Nguyễn Tri-Phương ra tùi đóng quân ở dinh làng Hàng Hải-phòng, ông nghĩ rằng quân giặc cũng là dân cả, nên cái phượng-lược của ông dẹp giặc không cần phải đánh với. Trước hết ông thông-sức cho các nơi để có những đũa nào hiệp-tòng nó có đi về dân làng thì cứ cho nó tự-do, không tra-hỏi những-nhiều gì cả. Lại cho mời những bậc tón-trưởng trong làng khuyên bảo lấy hòa-phúc cho về chiêu-dụ lấy dân em về yên-nghịệp làm ăn; những đũa nào đã về yên-nghịệp tội hoặc cho làm lý-trưởng, hoặc cho làm khản-thủ, chớ không hỏi chi cái tội-lỗi trước. Vì thế đảng giặc càng ngày càng tan về, thế giặc càng ngày càng cùng-sức, phải từng-thể đi ăn cướp vặt, thì ông lại sai quân đi phòng-tiểu. Có khi thuyền giặc đến hơn 300 chiếc, tự ngoài đảo Phú-

long, Cát-bà, chia làm ba đường vào ăn cướp, thì lại bị chém bắt được rất nhiều, phải lui. Có khi thuyền giặc tràn cả vào sông Lang-thâm, Vô-dịnh (thuộc Hải-dương) dụng hỏa công đánh phá thủy-dồn sông Cẩm, bắt mất quan Thống-chế Nguyễn Doãn, thì lại bị quân bộ đánh đuổi đi. Có khi quân giặc vào phá các đồn ở Quỳnh-lâu, Yên-tri, thì lại bị quan Tân-lý Đặng Trần-Chuyên đánh đuổi. Lại có quan Đốc binh Ông Ích-Kiểm 翁益兼, Đề đốc Mai Thiện 枚善, là tay tướng giỏi xin ra tiền giặc, đánh nhau với giặc hơn mười trận đều thắng-trạng cả. Sau có toán giặc hơn 100 chiếc thuyền đậu ở ngoài sông Dĩ-hàn (Hải-ninh). Ông Ích-Kiểm đem binh dũng đem ra phục ở La-phù đón đánh, thu phục được Hải-ninh. Ích-Kiểm thừa-thắng đuổi theo đến núi Dĩ-hàn. Thuyền giặc chừng còn độ bảy tám mươi chiếc phải chạy ra ngoài vũng Ngọc-sơn. Lại đánh một trận ở sông Gia-luân, lại bắt được Đô - thống giặc là Phan Văn-Khương, và tên ngụy Oánh; sau đuổi đánh mãi ra ngoài quần-đảo Hải-ninh bắt được hết các tướng giặc là tên Phụng, tên Ước và các đảng-khòả đều tống nộp về Kinh, thế là dẹp yên được đám giặc ở Quảng-yên, từ năm nhâm-tuất cho đến năm ất-sửu ròng-rã bốn năm năm trời mới yên.

Vùng Quảng-yên xưa nay mà có tiếng là nơi tổ giặc, là vì có những đảng tàu-ô giặc khách thường hay lần-lút ở đó. Nhưng các vua triều ta khi trước cũng đã kinh-lý đến nơi, cũng đã có bến, có thành, có cửa tuần đề đánh các thứ thuế, có đồn-lũy đóng các cửa bể đề phòng giặc cướp, các thủy-trình đi lại gần xa nông sâu thế nào, cũng đã biết cả. Thế thì xưa nay

vẫn lấy đất Quảng-yên làm một nơi trọng-yếu về mặt hải-phòng, mà đất Quảng-yên thực là một nơi thủy-quốc có nhiều cảnh-vật phong-phú, vua Lê Thánh-tôn đã có bài thơ thuật cái phong-thổ An-bang như sau :

海上高峰翠玉立。

Hải thượng cao phong quần ngọc lập,

星羅棋布翠峰嶸。

Tinh la cơ bố thủy tranh vánh,

魚鹽如土民趨利。

Ngư diêm như thổ dân dẩu lợi,

禾稻無田稅薄征。

Hòa đao vô điền thuế bạc chinh,

波向山屏低處湧。

Ba hướng sơn bình đề xứ dũng,

舟穿石壁隙中行。

Chu xuyên thạch-bích khích trung hành,

邊氓久樂承平化。

Biên manh cửu lạc thừa bình hóa,

四十餘年不識兵。

Tứ thập dư niên bất thức binh.

Nghĩa là :

Tron-von ngọc truốt ngất cao-phong,

La-liệt như sao núi chập-trùng.

Cá muối lời dân nghề sẵn có,

Chiêm mùa thuế ruộng nhẹ như không.

Lô-xô lớp sóng sườn non vỗ,

Len-lỏi con thuyền kềm đá thông.

Hơn bốn mươi năm nhuần đức hóa,

Thừa-bình nào biết cuộc binh-nhung.

Ấy cái cảnh-tượng đất Quảng-yên khi xưa đã mở-mang ra tốt-đẹp như thế, dọc đến câu thơ : « Hơn bốn mươi năm nhuần đức hóa, thừa-bình nào biết cuộc binh-nhung », thời đủ biết bờ cõi Quảng-yên xưa kia vẫn là nơi bề êm sóng lặng. Trời Nam muôn thủa non sông đó, người Nam ta nên mau mau qua chơi vịnh Hạ-long !

ĐÔNG-CHÂU

KHẢO VỀ CỎI-RỄ DÂN AN-NAM⁽¹⁾

Trong bản dịch trứ - danh về sách *Sử-ký* Tư-mã Thiên của ông EDOUARD CHAVANNES, ông có nhờ cái thiên-tài về sử-học rất sâu-sắc mà gián-tiếp xướng ra một cái thuyết nói rằng giống người An-Nam chính là thuộc về người nước Việt về đời tiền-cổ Tàu, nước này ở vào phía Bắc tỉnh Triết - giang ngày nay và bị diệt về thế - kỷ thứ 4 trước Gia-tô giáng-sinh. Tôi nay muốn phục lại cái thuyết ấy, bàn rộng cho rõ ra, và xét xem hợp với sự-thực trong sử-sách thế nào.

Năm 221 trước Gia-tô, hời vua Tần Thủy-hoàng-đế mới thống-nhất nước Tàu, dựng nền Đế - quốc, thời những đất tiếp-giáp về phía Tây, phía Nam và Đông - Nam nước Tàu bấy giờ có thể chia ra làm hai miền lớn:

1^o Về phía Tây và Tây - Nam là những xứ các « Tây-Nam Man » 西南蠻 ở, đối với bây giờ thì là : gần toàn-hạt tỉnh Quý-châu ; phía Nam tỉnh Tứ-xuyên ; cả tỉnh Vân-nam ; các sơn-phần trong bán - đảo Ấn-độ-Chi-na (Đông-Pháp) ; phía Bắc và phía Đông Ai-lao, các miền thượng-du Bắc-kỳ và Trung-kỳ.

2^o Về Đông-Nam và phía Nam là những xứ giống « Bách-Việt » 越 ở, hiện nay thuộc về những tỉnh sau này : phía Nam tỉnh Triết-giang và toàn-hạt tỉnh Phúc-kiến, Quảng-đông, Quảng-tây ; xứ Bắc-kỳ, phía Bắc và phía giữa xứ Trung-kỳ cho đến đèo Hải-vân.

Thuộc về các xứ trong miền thứ nhất (Quý-châu ; phía Nam Tứ-xuyên và Vân-nam), thời chỉ xin nói rằng

tuy ông WYLIE năm xưa (1883) đã có dịch hai thiên 95 sách *Tiền-Hán-thư* và 116 sách *Hậu-Hán-thư*, nói về các rợ Tây-Nam-man, và dịch cũng cần-thận lắm, nhưng hiện nay lịch-sử cũ về các dân ấy cũng chưa khỏi-phục được đích-xác. Thiên 116 sách *Sử-ký* và những lời bàn về thiên ấy, hiện chưa ai lợi-dụng. Vấn-đề này mà nghiên-cứu cho kỹ-càng thì kết-luận được nhiều điều hay về lịch-sử và địa-dư về trước kỷ-nguyên của những miền người Tây, người Miêu - tử, người La - la, người Mường ở về phía Nam nước Tàu, Ai-lao, Thượng-du Bắc-kỳ và Trung-kỳ.

Trong bài này chỉ nói những xứ thuộc về miền thứ hai mà thôi (phía Nam Triết-giang, Phúc - kiến, Lương-Quảng và Nam-Việt).

Chính ở trong một phần về miền ấy, nói cho đúng thì về phía Nam Quảng-Tây, và phần dưới Bắc - kỳ và Trung-kỳ, là xét trong sử thấy có người An-Nam ở từ thế kỷ thứ III trước Gia-tô. Còn về trước thế-kỷ thứ IV trước Gia-tô thời không có sử-sách nào chứng rằng người An-Nam đã có ở những xứ ấy. Có một điều chắc, sẽ có chứng-cớ rõ-ràng sau này, là người An-Nam không phải là dân gốc của đất nước Nam ngày nay.

Sử có chép rõ dân An-Nam tràn vào đất Ấn - độ - Chi - na, từ Bắc xuống Nam, lần-lần thế nào, nhưng không nói đích năm nào bắt đầu vào đất Bắc-kỳ, như trên kia đã nói, chỉ biết rằng về giữa thế-kỷ thứ ba trước Gia-tô, cả xứ Bắc-kỳ và phía Bắc cùng phía Nam Trung-kỳ, đã có người An-Nam ở rồi. Như thế thời có

(1) Dịch bài của ông LÉONARD AROUSSEAU in trong tạp-chí trường Báo-cổ Hà-nội, quyển XXIII, năm 1923. Ông AROUSSEAU là giáo-thụ ở trường Báo-cổ, kiêm giảng Khoa Hán-văn và Nam-sử ở trường Cao-đẳng Hà-nội.

lẽ tới phía Nam Quảng-tây cũng đã khá lâu rồi, ít ra là một nửa thế-kỷ trước, về phần riêng tôi tưởng cũng không đến lâu hơn nữa. Người An-Nam tràn xuống gặp các thổ-dân, những thổ-dân ấy yếu-hèn, rời-rạc, không có thể-thống gì, chắc cũng không chống cự lại được mạnh lắm. Cứ xem như thế này thì biết người An-Nam đoạt được các dân ấy cũng dễ, là mãi về thế-kỷ thứ 17 sau này, tràn xuống phía Nam, gặp những dân còn mạnh-mẽ hơn nhiều, chống lại dữ nhiều, kẻ tình-thế còn khó-khăn hơn biết bao nhiêu, thế mà chiếm được hết những hạt tự Sông-Cần cho đến Sài-gòn có trong khoảng tám-mươi-bảy năm, từ 1611 đến 1698. Vậy thời có thể cho là người An-Nam ở trên tràn xuống tới phía Nam tỉnh Quảng-tây, chậm là về đầu thế-kỷ thứ 3 và mau là về cuối thế-kỷ thứ 4 trước Gia-tô. Không có gì chứng rằng trước hồi ấy người An-Nam đã có ở đây, vậy thời khởi ra câu hỏi như sau này: Người An-Nam đời bấy giờ là người nào và ở đâu mà đến đây?

Sách cổ nhất có nói rõ-ràng về người An-Nam là sách *Hoài-nam-tử*, sách này có thể chắc là về năm 135 trước Gia-tô. Trong sách nói rằng về đời Tần Thủy - hoàng - đế (trong khoảng năm 221 và 214 trước Gia-tô), quân Tần xuống chinh-phục các đất Nam-phương của người Việt giết người Dịch-hu-tống 譯吁宋 là vua rợ Tây-Âu 西嘑.

Tên Tây-Âu (西嘑, hay là 西甌) ấy là chỉ đất Bắc-kỳ và người Bắc-kỳ về đời hấy giờ.

Tên «Âu», trong sách cổ thường thấy nói đến.

Tự thế-kỷ thứ 1 trước Gia-tô, sách *Sử-ký* Tư-mã Thiên chép lại một đoạn

trong *Chiến-quốc - sách* (thế-kỷ thứ 3 trước Gia-tô), đã có câu rằng: « 翳髮文身 錯臂 左衽 甌越 之民也. *Tiền phát, văn thân, thác tí, tả nhậm, Âu-Việt chi dân dã* », nghĩa là: Cắt tóc, vẽ mình, khoanh cánh tay và cài áo về bên tả, ấy là tục dân Âu-Việt.

Người đời sau chú-thích về đoạn sách ấy như sau này:

Ông Lưu Bảo 劉寶 về đời Tấn (thế-kỷ thứ 4-5) nói rằng: « 金珠崖 僞耳 謂之甌人 是有甌越 *Kim Châu-nhai Đam-nhĩ vị chi Âu-nhân, thị hữu Âu-Việt* », nghĩa là: Nay những người quận Châu-nhai Đam-nhĩ, gọi là người Âu, cho nên có tên Âu-Việt.

Ông Trương Thủ-Tiết 張守節 về đời Đường (737 sau Gia-tô) nói rằng: « 按屬南越 故言甌越也. 輿地志云. 交趾周時爲駱越. 秦時曰西甌. 文身斷髮避龍. 則西甌駱又在番吾之西南. 越及甌駱皆華姓也. 世本云. 越掌姓也. 與楚同祖是也. *Ấn: thuộc Nam-Việt cổ ngôn Âu-Việt dã — Dư-địa-chỉ vân. Giao-chỉ Chu thời vì Lạc-Việt, Tần thời viết Tây-Âu, văn thân đoạn phát tị long, tặc Tây-âu-lạc hựu tại Phiên-ngô chi Tây-Nam; Việt cập Âu-lạc giai tính Mị dã. — Thế-bản vân: Việt Mị tính dã, dĩ Sở đồng tổ thị dã.* » Nghĩa là: «Xét: thuộc về Nam-Việt cho nên gọi là Âu-Việt. Sách *Dư-địa-chỉ* nói rằng: Đất Giao-chỉ về đời Chu là Lạc-Việt, về đời Tần là Tây-Âu; người dân vẽ mình cắt tóc để tránh giống giao-long. Lại gọi là Tây-Âu-Lạc vì ở Tây-Nam thành Phiên-ngô (1). Người Việt và người Âu-lạc đều thuộc về họ Mị. Sách *Thế-bản* nói rằng: Người Việt thuộc về họ Mị, cùng với người nước Sở cùng tổ. »

Đoạn *Sử-ký* cùng với những đoạn

(1) *Phiên-ngô* 番吾 đây chắc là chép lầm, phải chửa là *Phiên-ngu* 番禺 là tên thành Quảng-dòng ngày xưa.

chủ-thích tôi dẫn trên đó là giúp cho sự khảo-cứu được nhiều lắm.

Những cái tục kể ở đây là tục chung những dân về thế-kỷ thứ 3 và thứ 2 trước Gia-tô ở về các miền Lương-Quảng và Bắc-kỳ bây giờ. Các dân ấy không có phân-biệt gì nhau cả. Những dân ở về phía Nam các miền ấy đã chắc là dân An-Nam về trước kỷ-nguyên Gia-tô rồi, thời có thể kết-luận rằng toàn-thể những dân hai tỉnh Quảng-dông, Quảng-tây và đảo Hải-nam về thế-kỷ thứ 2 trước Gia-tô đều là giống An-Nam cả. Gồm chung cả các dân ấy chỉ có một tên Việt (越 hay là 越). Lại các dân Việt, hoặc thuộc về địa-phận An - Nam, hoặc thuộc về Quảng-dông hay Phúc-kiến, cũng đều thuộc về một họ Mị cả. Như thế thời người Phúc-kiến với người An-Nam về thế-kỷ thứ ba trước Gia-tô chắc là có mật-thiết - quan-hệ với nhau về đường chủng-tộc.

Nay xét ra tên Việt ấy, về giữa thế-kỷ thứ 4 trước Gia-tô, lại là tên một nước mà thủ-đô ở vào nơi thành Thiệu-hưng 紹興, tỉnh Triết - giang ngày nay. Theo ý tôi thì dân nước Việt ấy chắc là cùng một giống với các dân Việt phía Nam, nghĩa là người An-Nam vậy.

Sách *Sử-ký Tư-mã Thiên* về thiên « Việt-thế-gia » có câu rằng : « Tò ông Việt Câu-tiến là đồng-dôi vua Vũ...; có tục vẽ mình cắt tóc... » Trong câu ấy cũng có bốn chữ : *văn thân đoạn phát* 文身斷髮, như trong đoạn *Chiến-quốc-sách* (thế-kỷ thứ 3 trước Gia-tô), đoạn *Sử-ký* (cuối thế-kỷ thứ 2 trước Gia-tô) và đoạn *Tiền-Hán-thư* (thế-kỷ thứ 1 sau Gia-tô) nói về tục chung của các dân Việt, Việt phương Nam và Âu-Việt (người An-Nam).

Một quyển sách cổ nữa nói riêng về sự tuyệt-diệt nước Việt, đề là Việt-

tuyệt-thư 越絕書 (thế-kỷ thứ 1 sau Gia-tô) cũng có câu rằng : « Vua Việt Câu-tiến ở một xứ về men bờ Đông-hải và cai-trị một dân mọi-rợ có tục vẽ mình. » Tên cũng giống, tục cũng giống, như thế thời chắc là chữ Việt đó về thế-kỷ thứ ba trước Gia-tô là chỉ chung một giống người ở các tỉnh phía Nam nước Tàu và đất An-Nam ngày nay.

Cùng một tên giống là Việt, cùng một tên họ là Mị, cùng một phong-tục như nhau, ta có thể kết-luận rằng người An-Nam là cội-rễ tự nước Việt cũ, lập lên ở miền Thiệu-hưng tỉnh Triết-giang không biết vào đời nào, và mới thấy chép trong sử lần thứ nhất vào cuối thế-kỷ thứ 6 trước Gia-tô. Nay thử xét xem lời kết-luận ấy có sách cũ nào làm chứng-cứ nữa không.

Nước Việt về thế-kỷ thứ V và chia ba hai phần đầu thế-kỷ thứ IV trước Gia-tô, đã qua nhiều buổi thịnh-suy. Được toàn-thịnh là vào khoảng năm 472, đời vua Câu-Tiến 句踐. Đất bấy giờ phía Bắc gồm cả tỉnh Giang-tô và phần Nam tỉnh Sơn-dông.

Câu-Tiến là vua rợ « Ô-Việt » 於越. Ô-Việt 於越 hay là Hu-Việt 吁越 có lẽ là tên giống Việt viết đủ âm đủ chữ, rồi sau đọc tắt là Việt mà thôi.

Câu-Tiến chết năm 465; các vua sau không giữ được hoàn-toàn cái cõi đất lớn-lao mà ông đã gây dựng được. Năm 379, nước Việt chỉ còn giữ được bờ cõi cũ lúc đầu, là tỉnh Triết-giang ngày nay. Năm 333 trước Gia-tô thì bị nước Sở diệt mất hẳn; vua cuối cùng bị giết chết; đất nước thì bị chinh-phục và kiêm-tính vào nước Sở cho đến tả-ngạn sông Triết 浙江 (sông Hằng-châu ngày nay).

Nước Việt bấy giờ bị tan; dân Việt cũng phải li-tán đi, chắc là bị đuổi về

phía Nam dãy núi bây giờ gọi tên là Đại-dữu-lĩnh 大庾嶺. Dãy núi ấy tiếp dãy Nam-lĩnh cho đến bể, chạy qua cả tỉnh Triết-giang, hướng Tây-Nam Đông-Bắc, theo một đường từ phía Nam huyện Kim-hoa 金華 cho đến phía Nam Ninh - ba 寧波 (Ning-p'o) ngày nay. Quần-đảo Chu - sơn 舟山 (Tchousan) là rớt dãy núi ấy.

Sách *Sử-ký* nói rằng : « Sau những sự biến đó thời nước Việt bị lìa tan. Con cháu các chi nhà vua tranh nhau đề cướp quyền ; người thì xưng vua, người thì xưng chúa ; đều ở men bờ bể về phía Nam sông Triết. »

Xem đó thời rõ là sau năm 333 dân nước Việt cũ bắt đầu tràn dần xuống phía Nam. Phần nhiều bỏ hẳn những đồng đất phì-nhiều ở phía Bắc Dữu-lĩnh, đi men bờ bể, quanh dãy núi về phía Đông và bắt đầu di-cư xuống miền Nam.

Bọn dân di-cư đó phải có người cai-trị. Những người thuộc về nhà vua cũ tranh nhau quyền ấy. Nhưng không ai nhất-thống được cả. Sách *Sử-ký* nói : « Người thì làm vua ; người thì làm chúa. » Nghĩa là trong đám dân chạy trốn đó, không bao lâu chia ra làm nhiều bọn ; bọn nào phục vua nào chúa nào thì theo vua ấy chúa ấy. Trong khi chạy trốn, gặp xứ nào tiện-lợi thời định-cư ở đấy. Giống Việt tản-mát ra như thế, thành ra vô-số những nước « chư-hầu » nhỏ, về thế-kỷ thứ III trước Gia-tô đã gọi tổng - danh là « Bách-Việt 百越 ».

Trong Bách-Việt đó, phần nhiều là những rợ nhỏ, không có thế-lực gì ; nhưng có mấy nước trở nên mạnh lắm. Như ở vùng Ôn-châu 溫州 (phía cực-nam tỉnh Triết-giang), có một phần dân Việt lập nên một nước gọi là « Việt-đông - hải 越東海 » ; ở vùng Phúc-châu 福州 và Tuyền-châu 泉州 (Phúc-kiến), có một nước giống Việt

nữa gọi là « Mân-việt 閩越 » ; lại ở vùng tỉnh-thành Quảng-đông và hạ-lưu sông Tây-giang, có nước « Nam-Việt 南越 », rồi về sau bành - trướng mãi ra phía Tây và phía Nam.

Ngoài ba tốp lớn đó, gọi là « Tam Việt 三越 », còn có nhiều tốp nữa đồng-thời lập lên ở miền Quảng-tây và Bắc-kỳ ngày nay. Có một tốp cũng khá to gọi là « Lạc-Việt » 雒越 (hay là 駱越), hay là « Tây-âu - lạc 西甌雒 » hay là « Tây-âu » 西甌, tốp này chính là dân An-Nam về thế-kỷ thứ IV và thứ III trước Gia-tô.

Nói tóm lại, nước Việt bị diệt năm 333 rồi thời dân Việt di-cư xuống phía Nam, lập thành ra những nước chư-hầu, có bốn tốp là lớn nhất, ở về vùng : 1° Ôn-châu (Triết-giang) ; 2° Phúc-châu (Phúc-kiến) ; 3° Quảng-đông ; 4° phía Nam Quảng-tây và Bắc-kỳ. Bốn tốp đó chắc là thành-lập tự cuối đời Chu, nghĩa là vào khoảng cuối thế-kỷ thứ IV và đầu thế-kỷ thứ III trước Gia-tô, vì trong sách *Trang-tử* đã có nói đến tên Nam-Việt, và về đời Chu đã có tên Lạc-Việt. Nay ta nghiên-cứu kỹ về từng tốp một, sẽ thấy đều là giống Việt cả, và đều là phát-tích tự nước Việt bị diệt năm 333 trước Gia-tô vậy.

A. — Tốp ở miền Ôn-châu (Triết-giang), gọi là « Đông-Âu » 東甌.

Tốp này là tốp thành - lập trước nhất, ít ra thời cũng đồng-thời với tốp thứ nhì ở dưới này, vì hai tốp có mật-thiết-quan-hệ với nhau ; nơi trung-tâm không có cách xa phía Nam đất Việt cũ mấy tí. Tên nước là Việt-Đông-hải, hay là Đông-hải ; nơi thủ-đô tên là Đông-Âu 東甌, và ở về đất châu Ôn ngày nay (Wen-tcheou), tức là đất Vĩnh-gia 永嘉 hay là Vĩnh-ninh 永寧 cũ (tỉnh Triết-giang).

Người dân gọi là Đông-Âu-Việt hay là Đông-Âu. Con sông Ôn-châu chảy

qua nơi thủ-đô gọi là Âu-giang 甌江, tên ấy ngày nay vẫn còn.

Ngoài tên Việt là tên chung cả giống hay cả xứ, đây lại thấy một tên riêng nữa là tên Âu, tên này quan-hệ lắm. Âu có lẽ là tên một chi trong giống Việt; cũng có lẽ là một tên khác chỉ cả giống Việt. Hai tên « Âu-Việt » đi kèm với nhau thấy từ thế-kỷ thứ III trước Gia-tô.

Dân Việt châu Ôn này có khi lẫn với dân Việt Phúc-kiến, gọi tổng-danh là Đông-Việt, ngay từ đầu thế-kỷ thứ III trước Gia-tô đã thấy lập thành nước phân-minh. Năm 221, vua Tần Thủy-Hoàng diệt nước ấy, kiêm-tính vào quận Mân-trung mới đặt ra, gồm cả dân Việt Phúc-kiến nữa. Vua chúa hai nước và con cháu về sau làm tù-trưởng trong rợ mình, dưới quyền nhà Tần thống-trị. Các tù-trưởng ấy rồi sau giúp nhà Hán diệt nhà Tần, hai nước lại được khôi-phục; vua Cao-tổ năm 202 dựng lại nước Mân-Việt, là nước Việt ở Phúc-châu; vua Huệ-đế dựng lại nước Việt-Đông-hải là nước Việt ở Ôn-châu. Huệ-đế chọn một vua Mân (閩君) tên là Dao 搖 để làm vua Đông-hải cai-trị dân Đông-Âu ở Ôn-châu; năm 154, con cháu vua Dao theo vua Ngô để phản nhà Hán; sau Ngô bị thua, dân Đông-Âu giết vua Ngô để khỏi tội với Hán; nhờ đó người Tàu mới để cho yên lành.

Về sau, năm 138, Mân-Việt đánh Đông-Âu, Đông-Âu cầu-cứu người Tàu; quân Mân-Việt phải lui về. Mấy năm sau, vào khoảng năm 138 và 135, người Đông-Âu muốn khởi xung-đột với anh em đồng-chúng mình ở Phúc-kiến, bèn xin phép nhà Hán cho di-cư vào trong nội-địa nước Tàu. Nhà Hán thuận cho, vua Đông-Âu tên là Vọng 望 suất bốn vạn dân vào hàng nước Tàu và định-cư ở quận Lư-giang 廬江, trong khoảng sông Giang sông Hoài (tỉnh

An-huy bây giờ). Vua được phong chức Quảng-vũ-hầu 廣武侯. Thế là nước Việt-Đông-hải mất, đất thời sáp-nhập vào cơ-dở nhà Hán và phần nhiều người thời đồng-hóa vào dân Tàu.

Người Đông-Âu là giống Việt, điều đó là chắc hẳn. Sách *Sử-ký* nói rõ rằng Vua Đông-hải tên là Dao và vua Mân-Việt đều là dòng-dối vua Việt Câu-Tiền cả; tên họ là Sô 騶. Một nhà làm sách tên là Từ Quảng 徐廣 (đầu thế-kỷ thứ V sau Gia-tô) nói rằng có sách chép chữ Lạc 駱 thay vào chữ Sô 騶. Từ-mã Trinh (đời Đường) thời cho rằng chữ Sô là viết lầm. Có lẽ tên họ là gồm cả hai chữ Sô-Lạc 騶駱 chăng? Dù thế nào mặc lòng, lời Từ Quảng nói đó là một cái tài-liệu quý cho ta, vì tỏ ra rằng người Âu thuộc về giống Việt ở vùng Ôn-châu có lẽ tên họ cũng là Lạc. Như thế thời là cùng dòng giống với người Việt họ Lạc, gọi là Lạc-Việt 駱越, tức là người An-Nam sẽ nói sau này.

B. — Tóp ở miền Phúc-châu (Phúc-kiến), gọi là Mân-Việt 閩越.

Tóp này ở tiếp ngay phía Nam tóp trên, có cái quan-hệ dòng giống mật-thiết với tóp trên. Hai tóp trong lâu năm cùng nhau chung một vận-mệnh. Năm 221 cũng bị nhà Tần lấy để làm quận Mân-trung, năm 202 được vua Cao-tổ nhà Hán khôi-phục lại. Vua tên là Vô-chư 無諸 bị nhà Tần hạ xuống làm bậc tù-trưởng, đến bấy giờ mới lại được phục làm vua Mân-Việt. Đông-đô ở Đông-trị 東治 (là Phúc-châu ngày nay); khoảng năm 202 và 192, đất Mân-việt gồm cả các hạt trước thuộc về quận Mân-trung nhà Tần; tháng 6 năm 192, một vua Mân ở phía Bắc tên là Dao được phong đất Ôn-châu, bèn khôi-phục nước Việt-Đông-hải, xin thần-phục nhà Hán.

Hai nước Việt-Đông-hải và Mân-Việt, tuy huyết-thống gần nhau, mà hòa-thuận không được mấy lâu. Trên

kia đã nói, năm 154 dân Việt-Đông-hải là Đông-Âu chực phẫn nhà Hán, rồi sau giết vua Ngô. Con vua Ngô là Tử-Câu 子駒 bấy giờ trốn sang Mân-Việt nhờ người Mân-Việt sang đánh người Đông-Âu. Năm 158, người Mân-Việt mới quyết định khởi-hiến với nước láng - giềng là nước anh em mình. Nhưng dân Đông-Âu được quân Tàu đến cứu-viện, người Mân-Việt phải đánh tháo lui.

Song, cái lòng hiếu-chiến của người Mân-Việt vẫn chưa được thỏa. Ba năm về sau, năm 135, tràn xuống phía Nam đánh nước Nam-Việt. Nam-Việt vốn thần-phục nhà Hán, quân Hán đến cứu. Vua Mân-Việt tên là Dĩnh 郢 ra địch với quân Hán. Em vua tên là Dư-thiện 餘善 biết rằng không địch nổi nào và sợ vua Hán thù bên giết anh là Dĩnh đem đầu nộp tướng Hán. Tướng Hán được thế bằng lòng, không đánh nữa, đem quân về Tàu. Cháu vua Dĩnh tên là Sứ, chúa đất Do 繇 君 丑, không can vào việc mưu phản nhà Hán, được lên thay làm vua. Sứ được phong là « Việt-Do-vương » 越 繇 王. Dư-thiện sau khi giết được vua Dĩnh rồi có quyền-thế to trong dân Mân-Việt, đến tự-xưng làm vua mà vua Do không thể cấm được. Nhà Hán biết rằng Dư-thiện có quyền-thế mạnh, cũng cứ để mặc cho làm; lấy cớ rằng có công hồi vua Dĩnh kháng-cự với Triều-dinh, bèn phong cho làm Đông-Việt-vương 東 越 王 và cắt cho một phần đất Mân-Việt của vua Do. Như thế thời vào khoảng 135 và 112, đất Mân-Việt chia ra làm hai nước: một nước Mân-Việt thuộc quyền vua Do, một nước Đông-Việt thuộc quyền Dư-thiện.

Nhưng lòng tham của Dư-thiện chưa được thỏa; năm 111 trước Gia-tô, công-nhiên kháng-cự với Triều-dinh. Đánh mấy trận đầu được, lấy làm tự-phụ,

tự-xưng là Võ-dế 武帝. Năm 110, nhà Hán bèn cử đại-quân xuống đánh, vua Do bấy giờ tên là Cư-cổ 居股 theo lệ thường mưu giết Dư-thiện, thế là việc xong. Các vua quan hai nước Đông-Việt và Mân-Việt được Triều-dinh phong tước và thái-ấp cho, còn dân hai nước thì đem di-cư trong nội-dịa, vào khoảng sông Giang sông Hoài (tỉnh An-huy) là nơi hai-mươi năm trước các anh em Đông-Âu ở Việt-Đông-hải đã tình-nguyện thiên-cư đến đây. Sách *Sử-ký* chép: « Bấy giờ đất Đông-Việt thành đất hoang-tịch ».

Thế là ngay tự thế-kỷ thứ nhất trước Gia-tô, nước Tàu đã, hoặc dùng cách cưỡng-bách, hoặc dùng cách ôn-hòa, đồng-hóa cả các rợ về giống Việt ở phía Đông, tức là ở đất hai tỉnh Triết-giang Phúc-kiến ngày nay.

Người Mân-Việt, và cố-nhiên cả người Đông-Việt nữa, cùng một dòng giống với người Đông-Âu. Vua chúa là dòng-dối Việt Câu - Tiễn và cùng một tên họ. Xem như người Việt ở Phúc-kiến cũng có tên Âu thì đủ biết là cùng giống.

C. — Tóp ở Quảng-dông, gọi là Nam-Việt 南 越.

Tóp Nam-Việt thành-lập ở Quảng-dông cũng sớm. Tên « Nam-Việt » đã thấy trong sách *Trang-tử* (thế-kỷ thứ IV và thứ III trước Gia-tô); trong *Lễ-ký*; trong *Sử-ký* về năm 213 trước Gia-tô; trong *Việt-tuyệt-thư*, v.v.. Vậy thời tên ấy có trước năm 207 trước Gia-tô là năm Triệu Đà dựng nước Nam-Việt nhiều. Song muốn biết lịch-sử các dân Việt về phía Nam trước khi người Tàu đến vào năm 221, không phải là dễ vậy. Có lẽ là ngoài nước Nam-Việt chính-danh, còn có nhiều những nước nhỏ yếu nữa, ở rời-rạc nhau, không có thể-thống bằng các dân Việt ở phía Đông và gọi tên chung là

« Bách - Việt » như trên kia đã nói chẳng. Lại cũng khó biết được rõ cái khu-vực những giống ấy ở về thế-kỷ thứ III trước Gia-tô; có lẽ ở vào cả vùng hạ-lưu sông Tây-giang, và lại ở lan đến cả các miền trên tỉnh Quảng-đông và Quảng-tây, về phía Bắc sông ấy.

Ấy chính những rợ ấy bị quân nhà Tần bốn lần đầu xuống đánh và phục được vào khoảng năm 221; chính những địa-hạt của các rợ ấy năm 214 bị lập thành hai quận Nam-hải và Quế-lâm. Lại chính trong khu - vực ấy, ở ngay nơi tỉnh-thành Quảng - đông bây giờ, năm 207, người quan Tàu tên là Triệu Đà xưng độc - lập và dựng ra nước Nam-Việt. Nước này lại sáp-nhập tất cả các rợ Việt về phía Nam Quảng-tây, về cực-tây-nam Quảng-đông và ở bán-đảo Ấn-độ - Chi-na nữa. Lại thêm cả đảo Hải - nam, ở đây cũng có một ít người Việt về giòng Âu đến ở. Nước Nam-Việt ấy sẽ được độc-lập cho đến năm 111 trước Gia-tô, bấy giờ thời cũng bị nuốt cả vào nước Tàu như các rợ kia.

Thế là các dân Việt ở Quảng-đông và Quảng-tây cũng bị đồng - hóa vào Tàu như các dân đồng-chủng ở Phúc-kiến và phía Nam Triết-giang vậy.

D. — Tóp ở phía Nam Quảng - tây và miền Bắc-kỳ Trung-kỳ.

Tóp này trong sử gọi tên là Lạc-Việt về đời Chu, Tây-Âu, Tây-Âu-lạc hay là Âu-Lạc về đời Tần. Tóp này chính là gồm các dân An-Nam về thế-kỷ thứ III trước Gia-tô. Khu-vực của các dân ấy ở về đầu thế-kỷ thứ III trước Gia-tô thì không thể biết được rõ, nhưng về cuối thế-kỷ ấy thì tức là gồm một phần to quận Tượng, từ phía Nam Quảng-tây cho đến tỉnh Quảng-nam (Trung-kỳ) bây giờ. Có lẽ về phần cực - nam quận ấy thời trong lâu năm hãy còn

mới có ít dân lơ - thơ mà thôi, và về đời Tần, ở dưới Hải-vân-quan chắc chưa có mấy người ở.

Vậy thời những tên cổ nhất của người An-Nam là mấy tên vừa kể trên kia.

Còn tiếng « Giao-chỉ 交趾 », người ta thường cho là tên thứ nhất của sách Tàu gọi người An-Nam, thời mãi về sau những tiếng Lạc-Việt, Tây-Âu và Tây-Âu-lạc nhiều mới thấy trong sách nói rõ ra nghĩa như thế. Trong *Lễ-ký* và *Lã-thị Xuân-thu* có dùng tiếng Giao-chỉ để chỉ chung một cách mập-mờ cả các dân ở Nam-phương. Không có gì chứng rằng những dân ấy là người An-Nam. Mãi đến năm 207, Triệu Đà đặt ra quận Giao-chỉ, bấy giờ tên Giao-chỉ mới thật là chỉ rõ đất Bắc-kỳ. Theo ý tôi thì tên ấy trước là một tên chung chỉ đất, không phải là chỉ rõ một dân-tộc nào. Xem như dùng để đặt tên quận thì đủ biết. Và tôi đã nghiệm ra rằng về đời Tần đời Hán không có một tên quận cũ nào là dùng tên dân hay tên rợ mà đặt. Mãi về sau tên quận Giao-chỉ mới dùng rộng ra để chỉ người dân trong quận, trước còn là người ở Bắc-kỳ, rồi sau là gồm cả người An-Nam.

Vậy thời muốn khảo về chủng-tộc và lịch-sử các dân cũ ở trung-châu Bắc kỳ bây giờ, phải tra các tên khác, chứ không bằng cứ ở tên Giao-chỉ ấy được. Các tên khác ấy thì có hai tên *Lạc* và *Âu* phải xét kỹ xem.

Tên *Lạc* tức là tên họ các vua Mân-Việt và Việt-Đông-hải, như trên kia đã nói, lại là tên một « dân Lạc », chính là chỉ dân An-Nam; một tên đó là cái dấu rằng người Việt ở nước Việt của Tàu với người Việt ở nước Lạc-Việt An-Nam hai bên có quan-bệ về dòng-giống với nhau. Lại người An-Nam ngày nay thường dùng tên Việt để chỉ nước mình, mà chữ Việt ấy cũng viết giống như chữ Việt tên nước

Việt ở Triết-giang. Sau khi nước ấy bị diệt thì cái tên Việt ấy dùng để chỉ chung những nước nhỏ và những bộ-lạc do nước ấy mà tản ra và lâu năm vẫn ở ngoài thanh-giao Triều - đình Tàu. Đến sau, khi các dân Việt ở nội-địa Tàu bây giờ đã sáp-nhập vào Tàu cả rồi thì tiếng Việt ấy dùng để chỉ riêng về người An-Nam. Và lại các truyện truyền-ký về cội-rễ người An-Nam đều nói rằng người An-Nam gốc tự « Bách-Việt », và tự dân Lạc là một rợ trong các rợ ấy.

Đến như tên *Ấu* thời lại càng chứng rõ về chủng-tộc người An-Nam lắm. Người An-Nam về thế-kỷ thứ III trước Gia-tô với người dân miền Ôn - châu (Triết - giang), không những cùng là giống Việt, mà lại là cùng một chi trong giống ấy, là chi *Ấu*. Cứ xem như người Việt ở Ôn - châu gọi là « Đông-Ấu », mà người Việt ở Bắc-kỳ, nghĩa là người An-Nam, gọi là « Tây-Ấu » thì đủ rõ, không còn nghi - ngờ gì nữa.

Những chúa dân các dân Việt di-cư xuống miền Nam Quảng-tây và đến tận Bắc-kỳ ngày nay về thế-kỷ thứ IV và thứ III trước Gia-tô là cùng một dòng một họ với các vua Việt đến định-cư ở Ôn-châu, Phúc-châu và Quảng-đông vậy.

Vậy thời ta có đủ chứng-cớ mà nói quyết rằng người An-Nam ngày nay là dòng-dõi trực-tiếp của người nước Việt bị diệt năm 333, và tiên-tổ ngày xưa, về thế-kỷ thứ VI trước Gia - tô, đã ở miền tỉnh Triết - giang nước Tàu ngày nay, vào khoảng lưu-vực con sông cùng tên ấy.

Nay có thể suy ngược lên xa hơn nữa, về trước thế-kỷ thứ VI trước Gia-tô, và xét xem chính những vua lập ra nước Việt ở trên sông Triết kia là phát-tích tự đâu không ?

Ta đã biết rằng người An-Nam cũ tên họ là Mị, mà người nước Sở 楚 cũng tên họ là Mị, nghĩa là hai bên cùng một tổ.

Vậy thời thử xét về mặt nước Sở, có lẽ tìm thấy dấu-vết gì chăng.

Lịch-sử nước Sở đã có trong *Sử-ký Tư-mã Thiên* (quyển 40) của bác - sĩ CHAVANNES dịch ra chữ Pháp. Lại Cố ALBERT TSCHEPE cũng làm một quyển sách đề là « Lịch-sử nước Sở » (*Histoire du royaume de Tchou*, 1122-223 trước Gia-tô), in trong bộ « Chi-na-học tạp-trước tùng-thư » (*Variétés sinologiques*, số 22), xuất-bản ở Thượng-hải năm 1903, sách bề-bộn, phê-phán thường không đích-đáng, nhưng sưu-tập được nhiều những tài-liệu có ích.

Nước Sở mới xuất-hiện trong lịch-sử Tàu lần thứ nhất vào khoảng thế-kỷ thứ XII-XI trước Gia-tô ; nơi trung-tâm-diểm về chính-trị là ở trên bờ sông Dương-tử, vào miền thành Qui-châu 鄢州 tỉnh Hồ-bắc ngày nay. Đại-khai khu-vực nước ấy là gồm hai tỉnh Hồ-bắc Hồ-nam bây giờ, nhưng có mấy hồi bành-trướng ra rộng hơn nữa. Năm 333 trước Gia-tô, nước Sở đánh được nước Việt, chiếm-cử cho đến phía Bắc sông Triết, rồi diệt hẳn nước Việt. Sau sự chinh-phục đó, người Việt bị người Sở đuổi, lìa tan ra và bắt đầu di-cư xuống phía Nam, theo đường bẻ. Chính nước Sở thời mãi đến năm 223 trước Gia-tô mới bị nhà Tần đánh lấy.

Xét thiên thứ 40 sách *Sử-ký Tư-mã Thiên* nói về nước Sở thời thấy có mấy điều nên so-sánh với những điều ta đã biết về các dân ở phía nam nước Tàu ngày xưa. Như sử chép rằng về thế-kỷ thứ IX trước Gia-tô một vua Sở phục được đất Dương-Việt 揚越, nghĩa là chính cái vùng sắp xuất-hiện ra nước Việt (vùng Triết-giang). Có lẽ đó là khởi-diểm nước Việt, mà vua Việt

với vua Sở cùng tên họ là Mị cả. Như vậy thời có thể suy ngược về dòng-dõi người An-Nam mãi đến thế-kỷ thứ IX trước Gia-tô và kết-luận rằng tiền-tổ người An-Nam trước khi thuộc về nước Việt đã thuộc về nước Sở rồi, nước Sở ấy hồi bấy giờ bờ-cõi rộng lắm, gồm một phần to về trung-lưu hạ-lưu sông Dương-tử và hầu hết địa-hạt tỉnh Hồ-nam ngày nay. Vậy thời theo ý tôi cho nơi phát-tích cổ nhất và xa nhất của người An-Nam là miền trung-lưu sông Dương-tử, tức là miền Hồ-bắc và Hồ-nam, ở giữa khoảng thành Nghi-xương 宜昌 và hồ Động-dinh 洞庭 bấy giờ, thủy-tổ dân ấy phát-hiện ra ở đây vào thế-kỷ thứ XI trước Gia-tô và đến thế-kỷ thứ IX thời tự đẩy dời đi, xuống lập thành ra nước Việt ở bờ bề Đông - hải (1). Hai tốp người Sở và người Việt hồi đầu chắc là không xuống khỏi phía Nam dãy Nam-lĩnh, và mãi về sau này, vào năm 333 trước Gia-tô, người Việt thành kẻ thù của người Sở đã lâu rồi, bị người Sở đánh tan đi, mới bắt đầu lan xuống các miền ở phương Nam nước Tàu, qua phía Nam tỉnh Triết-giang.

Thuyết này lại đúng hệt với các tục-truyền trong sử nước Nam, nói rằng nước An - Nam hồi đầu gọi là nước Văn-lang 文郎, mà phía Tây giáp Ba-Thục (là miền Trùng-khánh và Thành-đô ở Tứ-xuyên bấy giờ), phía Bắc giáp Động-dinh-hồ (trên tỉnh Hồ-nam).

...

Vậy thời về thế - kỷ thứ XI trước Gia-tô, nước Sở mới xuất - hiện ra

trong lịch-sử Tàu, mà nước này người nhiều đất rộng, gồm một phần to tỉnh Lương-Hồ. Sau đến thế - kỷ thứ IX, một chi vua nước Sở, thuộc họ Mị, theo đường sông Dương-tử dời xuống chiếm ở phần đất phi-nhiên về hạ-lưu sông Triết. Có lẽ đến đây bèn dựng ra một nước độc-lập tên là Việt, cùng họ Mị, nước này mãi đến thế-kỷ thứ VI trước Gia-tô trong sử mới thấy nói.

Nước Việt ấy, — sự này cũng là sự thường trong lịch-sử đời phong - kiến nước Tàu, — sau thành cừu-địch với nước đàn anh là nước Sở, bị Sở đánh diệt mất vào năm 333 trước Gia-tô.

Tự bấy giờ trong sử mới chép rõ cái phong - trào nam - tiến của các rợ Việt, từ khi bị mất nước năm 333, liền dời bỏ miền Thiệu-hung (Triết-giang), kéo nhau chạy về phía Nam, bôn-tàu trên đường trường, lập ra được mấy nước vận-mệnh có khác nhau.

Trong đám dân di-cư ấy, trước hết có hai tốp Đông-Việt định-cư ở phía Nam Triết-giang và ở Phúc-kiến, rồi về cuối thế-kỷ thứ II trước Gia-tô bị nước Tàu đồng-hóa hẳn.

Các tốp khác thời đi mãi xuống, đến Quảng-dông và phía Bắc Quảng - tây ở lại, thành ra các rợ Nam - Việt, rồi sau cũng đồng-thời chịu một số-phần như các anh em ở miền trên.

Sau hết, ở cực-nam Quảng - tây và giáp-giới Tây - Nam Quảng - đông, ở Bắc-kỳ và phía Bắc Trung-kỳ, thời có tốp Tây-Âu giống Việt, gọi là rợ Lạc, tức là người An-Nam, cũng bắt đầu đi tự bờ sông Triết-giang về thế-kỷ thứ

(1) Sách *Sử-ký*, quyển thứ 4, có nói về rợ « Kinh-man » 荆蠻, là những rợ về hồi đầu nước Sở, ở vùng Hồ-nam bấy giờ; trong cũng có câu rằng: 文身斷髮, nghĩa là vẽ mình cắt tóc, câu ấy một nhà chú-thích về thế-kỷ thứ II cắt nghĩa như thế này: 常在水中故斷其髮文其身以象龍子故不傷害, nghĩa là: những rợ ấy thường ở dưới nước, ăn cắt tóc vẽ mình để giống hình con rồng, cho khỏi giảo-long hại. — Xem như thế thì người thổ-dân ở đất Sở cũng cùng một tục với người giống Việt vậy.

IV trước Gia-lô, mà đi xa hơn cả các tốp kia, nhưng vì thế nên không phải bị cái số-phận các anh em ở lại giữa đường. Tự đầu thế - kỷ thứ III trước Gia-lô, đã lập thành nước, gồm từ phía Nam Lương-Quảng cho đến đèo Hải-vân, đời đời giữ được mãi tính-cách riêng của giống mình. Nhờ được tình-trạng về địa-dư và lịch-sử tiện-lợi cho mình, có đủ sức giữ được khỏi mất giống sau khi bị người Tàu chinh-phục về khoảng năm 221-214 trước Gia-lô và sau khi Triệu Đà dựng nước Nam-Việt (năm 207-111 trước Gia-lô) ; lại nhờ được cơ-hội tốt, về đời nhà Triệu, định-cư được cho giống mình ở đất Ấn-độ-Chi-na này, thâm-căn cố-đế ở đây, khiến cho cái hấp-lực rất mạnh của nước Tàu lớn-lao kia không thể nuốt di được, và sau này bị nội-tuộc Tàu trong mười-một thế-kỷ luôn mà vẫn giữ được giống, không đến nỗi tuyệt-diệt.

Người An-Nam có sức sinh-hoạt rất mạnh, cho nên bao nhiêu những nguyên-nhân có thể làm cho diệt-vong một nước mới thành-lập không thể thắng nổi cái sức mạnh đó. Ngay từ đầu thế-kỷ thứ III trước Gia - lô, về đường chủng-tộc đã nghiêm-nhiên làm chủ-nhân-ông cả các đồng các lũng xứ Bắc-kỳ, lập nên một xã-hội phong-kiến càng ngày càng thịnh ; rồi cái sóng di-dân cứ tràn mãi xuống phía Nam, làn sóng đưa đi thật xa, mà khởi-diểm là từ các dân Việt miền Triết-giang bên Tàu về thế-kỷ thứ IV trước Gia-lô

vậy. Đến cuối thế-kỷ sau thì đã đến miền trung-ương xứ Trung-kỳ. Đến đây thời gặp những rợ giống khác, các rợ này sau sẽ lập nên một nước cường thịnh gọi là nước Chiêm-thành, nên phải dừng-lại đây lâu.

Bấy giờ công gây-dựng cơ-đồ đã làm được một phần to rồi, người An-Nam sẽ thành nước từ đây. Cái sức tấn - tới mạnh-mẽ như thế, con cháu sau này giữ được mãi, trong mấy mươi đời gia-công quyết-dấu, kỷ được mới nghe, đến năm 1471 thời thắng được nước Chiêm-thành, là kẻ thù nghìn năm của mình, thuộc về dòng-giống khác, văn-minh khác. Bấy giờ tha-hồ mà vùng-vẫy về phía Nam, cuối thế-kỷ thứ XV đến miền Qui-nhơn, năm 1611 đến Sông-Cầu, năm 1653 đến Phan-rang, năm 1697 đến Phan-thiết, năm 1698 đến Sài-gòn, năm 1714 đến Hà-tiên. Trong khoảng tiền-bán thế-kỷ thứ XVIII, chiếm-cứ cả đất Nam-kỳ ngày nay, thế là hoàn-toàn cái công-nghiệp bành-trướng của giống mình.

Bấy giờ đã gây-dựng được xong một cõi đất-nước to rộng như ngày nay, mới dừng lại, thỏa lòng rằng đã không phụ cái công tấn-tới của tổ-tiên ở miền hải-tân nước Tàu đời xưa và tự-cao rằng đã kinh-quá hai-mươi-bai thế-kỷ cạnh-tranh mới đề-lạo được nên một cái tổ-quốc vẻ-vang thật như Trời tựa mình mà đặt ra cho nòi-giống vẫy-vùng vậy.

THƯỢNG-CHI dịch



HAI CÁI PHONG-TRAO CÁI-CÁCH TRONG THẾ-GIỚI ĐỜI NAY: ÔNG WILSON VÀÔNG LÉNINE (1)

Trận lớn vừa rồi quả là một cuộc tranh-đua trong các dân-tộc về cách tổ-chức về kinh-tế và xã-hội, cho nên hai bậc vĩ-nhân đứng vào hai địa-vị phản-trái nhau trong bốn năm tranh-chiến không phải là hai vị võ-tướng, chính là hai bậc « mục-dân » (*conducteurs de peuples*), hai tay cải-cách xã-hội, tiêu-biểu hai cái chủ-nghĩa phản nhau: chủ-nghĩa « liên-bang » (*fédéralisme*) và chủ-nghĩa « cộng-sản » (*communisme*). Hai bậc ấy là ông WILSON (Uy-nhĩ-đốn) nước Mĩ và ông LÉNINE (Lý-ninh) nước Nga.

Người ta ở đời, lúc từ-trần mà xuống cửa-nguyên, nếu là một kẻ tầm-thường không có sự-nghiệp gì xuất-sắc, chẳng qua là một con số trong dân-số một nước, thời bà-con bè-bạn tỏ lòng xót-xa thương-tiếc, thường nói một câu: « Tội-nghiệp! Anh ấy, bác ấy mất đi thế, chả biết có biết mình rằng chết không? » Nhưng nếu vào hạng những người lỗi-lạc, những người tiêu-biểu, những người có tài-trí đã in dấu-vết vào thời-đại mình, thời lúc thác đi, người đời lại ngơ-ngác mà tự hỏi rằng: « Chẳng hay đã làm trọn được sự-nghiệp chưa? » Nghĩa là hỏi rằng: « Chẳng hay có biết rằng chết thế là hết không? Chẳng hay có biết rằng mất đi là thiệt cho đời không? »

Hai ông LÉNINE và WILSON cùng mới tạ-thế, cách nhau có ít ngày. Nay đọc đến tên hai người, không thể không tự hỏi rằng: « Chớ sự-nghiệp đã

thành chưa? Hay là chết thế là hết? Hay là công-phu còn lại đó, không đến nỗi mất hẳn? »

Các nước Âu-châu đã sắp đến ngày có thể hợp nhau lại thành một cuộc liên-bang, thành một cuộc « Âu-châu Hợp-chúng-quốc » (*Etats-Unis d'Europe*), theo như tư-tưởng ông WILSON chưa? Hay là sắp cam-tâm theo cái chế-độ cộng-sản rất nguy-hiểm kia của ông LÉNINE đã sáng-lập ra ở nước Nga? Đối với hai chủ-nghĩa ấy, một bên là Hội Vạn-quốc, một bên là phong quá-khích, các nước Âu-châu như đã già-cổ, nhọc-nhắn, nặng-nề, chậm-chạp, phần thì bị bọn trung-lưu cầm quyền làm ra mặt cao-kỳ, không biết lo-liệu, phần thì bị bọn giàu nổi nhờ chiến-tranh được giàu-sang mờ mắt không biết đến việc thiên-hạ nữa, thành ra bấy lâu vẫn do-dự chưa biết quyết theo bên nào. Người Âu-Tây nhất-diệu thì chưa công-nhận Hội Vạn-quốc, nhất-diệu thời đề cho cái chủ-nghĩa cộng-sản mình vẫn ghét vẫn sợ xưa nay, nhưng không biết ghét biết sợ một cách đủ mạnh để ngăn-giữ được, nó lan dần đến mọc rễ sâu vào một dân-tộc đông người nhất trong cõi mình; không biết rằng trong hai đường ấy tất phải chọn một đường, chứ không có con đường thứ ba nào nữa, không theo bên nọ thời theo bên kia, và đến đây là giữa chỗ hai đường gặp nhau, chứ không phải là giữa chỗ ngã-tư có thể rẽ được vậy; nếu không biết đồng-minh với nhau thành một

(1) Dịch một bài luận-thuyết trong « Thế-giới Tạp-chí » (*Revue mondiale*). — Ông WILSON tàu dịch là Uy-nhĩ-đốn, làm Giám-quốc nước Mĩ trong khi chiến-tranh; ông LÉNINE, tàu dịch là Lý-ninh, là giám-quốc nước Nga sau khi cách-mệnh.

cuộc liên-bang lấy Hội Vạn-quốc làm gốc, đề mà chế lại cái sức mạnh lớn quá của nước Hoa-kỳ và đặt một cái giới-hạn chắc-chắn để ngăn cách với nước Nga quá-khích, thời sự khủng-hoảng về kinh-tế ngày nay tất làm cho ngã vào cái vực cộng-sản mất. Chỉ có hai đường: muốn theo Wilson hay muốn theo LÉNINE thì theo ! Hai cái đường đó đã bày ra từ hồi đình-chiến năm 1918. Ngày nay cũng vẫn chỉ có hai đường như thế; một là theo về chế-độ Liên-bang, hai là theo về chế-độ Cộng-sản. Tình-thế không có thay-đổi. Các nước Âu-châu ngày nay, hết nước nọ đến nước kia, xoay ra mặt chính-trị chuyên-chế cả, xem đó thời rõ biết cái chính-thể đại-nghị (*le parlementarisme*) đã đến hồi thất-bại, vì chỉ biết khu-khu những món lợi nhỏ trong nước, không đủ sức mà giải-quyết được những vấn-đề ngoại-giao to-tát.

Người cầm quyền chuyên-chế là tiêu-biểu một thời-kỳ thoái-bộ về chủ-nghĩa quốc-gia (*régression nationaliste*), nhưng thực là dọn đường sẵn cho bọn ủy-viên quá-khích vậy.

Đầu năm nay trong chính-cục các nước đã xảy ra nhiều sự biến, mà lại thêm chết mất hai người thực là hai mặt tiêu-biểu một đời: WILSON và LÉNINE. Nhân-loại muốn xét mình thế nào, cứ soi vào hai cái gương tây liếp đó là đủ biết.

Ông WILSON là một người Âu-châu thượng-hạng. Ông tuy là dân Mỹ-châu mà ông thực người Âu-châu, cũng như các người đồng-bang ông, vì hết thấy người Mỹ ở Hòa-kỳ bây giờ là dòng giống tự Âu-châu, mà lý-tưởng cũng theo về Âu-châu cả.

Tên ông là THOMAS-WOODROW WILSON, sinh năm 1856 ở Staunton (đất Virginie). Cha mẹ vốn người xứ Ecosse, sang ở Mỹ-châu từ năm 1808. Ông là

thuộc vào hạng người Mỹ mà tổ-tiên bỏ thế-giới cũ sang thế-giới mới không phải là chỉ có mục-dịch kiếm cách làm giàu mà thôi.

Ông và cha ông Wilson đều là nhà trí-thức. Một người làm nghề in và nghề báo; một người làm linh-mục ở phương Nam, là nơi các bang (*Etats*) vừa giữ được cái chủ-nghĩa chính-truyền về Dân-chủ của các nhà sáng-lập ra Dân-quốc, lại vừa giữ được cái thói-cách cao-thượng của các nhà quý-phái Âu-châu, như thái-độ phong-nhã, tính-cách thanh-cao, kiêu-đạo như thế cũng là một sự lạ.

Ông WILSON không giàu cái cách-trí-tinh-thần (*esprit scientifique*). Đó là cái khuyết-diểm của ông. Lại xét hồi ông còn đi học và mới ra làm thầy kiện, thời biết ông cũng không có cái óc một nhà pháp-luật, khéo biện-nạn các điều-luật, khéo đem cái hình-thức mà che mắt người ta... Đó lại là cái ưu-diểm của ông. Ông WILSON chính là một nhà triết-học, có trí tổng-quát, mà tính-cách ông là tính-cách một người xứ Ecosse, nghĩa là hiền-lành, nhưng cương-ngạnh.

Năm 1856, khi trận Nam-Bắc-chiến-tranh khởi ra thì ông mới có 10 tuổi, trận xong, ông mười-bốn tuổi. Nghĩa là trận xảy ra giữa lúc ông đương tuổi thành-đồng, là tuổi mọi sự cảm-giác dễ in sâu vào trong óc, khó mất đi được. Vào khoảng năm 1880 và 1890 thì ông đã là người đứng tuổi, theo về việc chính-trị, bấy giờ thấy quốc dân hết sức làm-lụng mà tài-chính trong nước vẫn phải gánh nặng vì cái nợ chiến-tranh, chưa đủ chỉnh-dốn lại sự kinh-tế rối-loạn, ấy là trận đánh bốn năm trời mà kết-quả hòa nhau, không bên nào phải bồi-thường bên nào cả.

Cái hai chiến-tranh, cái thảm chiến-tranh, ông đã trông thấy từ bấy giờ vậy. Sau này ông tất phải giữ cái chủ-nghĩa chủ-hòa.

Ông là con một vị linh-mục, nên giàu cái lòng tôn-giáo, hơn những người tân-tiến ở nước Mỹ bây giờ có ý thiên về mặt triết-lý trong đạo Thiên-chúa, chứ không có lòng sùng đạo nhiệt-thành như người trước nữa.

Lại nước Mỹ là một nước hoạt-dộng nhiều, mà ông tuy không phải là tạng yếu-duối, nhưng cũng không phải là người có sức mạnh. Cho nên có tính đa-cảm, song lại bị cái bản-chất là người *Ecosse* hiểu biện-luận, làm cho tự mình cứ chống lại với cái cảm của mình. Phần tình-cảm sốt-sắng với phần ý-chí nguội-lạnh thường chiến-dấu nhau luôn như thế, khiến cho tư-tưởng có khi không được quả-quyết minh-bạch. Hồi đầu làm thầy kiện, thật không được đắc-lợi. Không có cái tinh đường-đốt, không có cái thuật biện khéo đến tự mình cảm cả mình, như người đóng trò mơ-tưởng là mình làm thật, lại không có cái gắng-lực quèn mình đến sáp-nhập hẳn vào những mối quyền-lợi nhỏ của kẻ khác.

Ông có tính tự - kỷ, có tính hay nghĩ, thật là một nhà tư-tưởng, nhà văn-sĩ. Hay ưa khái-niệm về mọi sự, nên những việc vụn-vật ông bất-tiết. Ông không mấy khi chịu theo phương-diện của kẻ khác. Chỉ sinh-hoạt trong vòng tư-tưởng riêng của mình.

Ấy cái đặc-sắc của ông ở đó, mà sự nguy-hiêm cho ông cũng ở đó. Người ta trách ông phần nhiều vì cái tính ấy. Ông chỉ biết theo cái ý riêng của ông mà thôi, nên tựa-hồ như một người câu-chấp tự-chuyên. Ông là một nhà cải-cách vậy (*un réformateur*).

Đến khi ông chuyên về nghiệp dạy học và làm sử, thời nổi danh-giá lắm. Đó mới thật là cái đường lối chân-chính của ông: diễn tư-tưởng mình bằng một quyển sách, hay giảng nghĩa-lý cho học-trò nghe, ấy đó là ông sở-trường nhất.

Ông không có tư-cách ra đối-cãi với kẻ khác, khi ông làm đốc trường Đại-học *Princeton*, rồi làm tổng-đốc *New-Jersey*, ông có ý tự-chuyên, không chịu nghe ai, không chịu dễ cho ai bài-bác mình, là cái tính tự-nhiên như thế, chứ không phải có bụng nhỏ-nhen gì. Ông là một người biết tự-cao vậy.

Khi ông được bầu làm Giám-quốc nước Mỹ thời cái tình-hình sự bầu-cử ấy thế nào cũng không được rõ lắm. Nghe đâu có vận-dộng mà cũng có tình-cờ. Trong việc này có một người yêu-hãnh, một tay mới-giới, hành-dộng cũng kỳ, mà có lẽ mắc lừa vì đó, người ấy tên là quan năm HERVEY. Nhờ có tay ấy xoay-xoà mà ông Tổng-đốc *New-Jersey* được làm Giám-quốc Hoa-kỳ. HERVEY này rồi sau xem ra hối, vì hồi tuyên-cử năm 1916, hết sức công-kích ông WILSON mà cổ-dộng cho thượng-nghị-viên EVANS HUGHES, thuộc đảng cộng-hòa, ông này nhờ đảng mình có thế-lực đã xuýt nữa được bầu. Nói tóm lại thì ông WILSON là người thuộc đảng Dân-chủ mà lại là người Nam-phương, được bầu làm giám-quốc thật là một sự ngẫu-nhiên, thừa-cơ đảng cộng-hòa bị phá-u-lia vậy.

Ông WILSON làm Giám-quốc đã dựng nên sự-nghiệp rất lớn-lao. Trong khi tại-chức thật là một niềm chính-trực, một dạ trung-thành, hết sức mưu việc nước; duy chỉ trách được một điều, là thành-thực quá, có khi xử-sự khí vụng vậy. Trong nước đã làm được hai việc quan-trọng: một là đặt luật định sự làm việc của trẻ con, hai là lập ra nhà «Liên-bang Trữ-kim Ngân-hàng» (*Banque fédérale de Réserve*). Ông làm hai việc đó là ông gián-tiếp đả-kích hai bọn «đại công-nghiệp» và «đại tài-chính», hai bọn này vẫn cùng nhau vận-dộng để chi-phối nước Hoa-kỳ, thật là một cách áp-chế về chính-trị, là cái vết xấu của đảng cộng-hòa, kết-liên với đảng bảo-thủ.

Ở nước nào theo chính-thể Nghị-viện ngày nay cũng vậy, ở Mỹ cũng như nước khác, chính là bọn nhà nghề, nhà buôn, nhà «băng», lấn quyền Nghị-viện mà sai-khiến việc nước.

Dẫu người ngoài đứng quan-sát, cái cách «chính-trị con buôn» (*mercantile*) của nước Mỹ đó cũng tỏ ra một cái cảnh-tượng đáng ghê sợ, vì cách nó xoay-vặn u-ám mà sức nó chuyển-động rất mạnh. Mà lối ấy không gọi là lối «phủ-ông chính-trị» (*Ploutocratie*) được. Vì chỉ những kẻ nào có buôn-bán, có doanh-nghiệp, có sinh-sản, có chế-tạo mới có quyền-thế mà thôi. Người giàu mà không làm gì thời chỉ có quyền-lợi thuộc về của - cái mình, chứ không có thế-lực gì đối với Chính-phủ. Bọn «chính-trị con buôn» đó, họ khôn-ngoaan vô-cùng, vậy mà ông WILSON dám ra tay đối-dịch với họ, đặt được hai luật đó là thật đối với họ thắng được hai trận, một luật là hạn-định sự làm việc của trẻ con để ngăn-cấm nhiều cách tệ-lam của bọn công-nghệ, một luật là lập ra một nhà Liên-bang-Ngân-hàng, để cho những người dân di buôn làm ruộng thoát-li được khỏi quyền áp-chế quá-dáng của những bọn tài-chủ lớn.

Ông WILSON là một nhà thuần lý-tưởng mà lại chuộng kinh-nhiệm, giống phần nhiều người về loài *Anglo-Saxons*; ông có tính cương-ngạnh, nên thường phải bỏ cõi tư-tưởng mà ra cõi thực-tế. Đã được lên cầm quyền Chính-phủ, tất phải ra hết sức thực-hành. Ông gia-công gắng sức thật đã nhiều vậy. Phàm nhà lý-tưởng, bao giờ cũng hay suy-xét quá, nên trước mắt lúc nào cũng bày ra vô-số các phương-diện, không biết theo về mặt nào, thành ra ngăn-trở sự hành-động. Bởi thế nên ông quả-quyết bao giờ cũng chậm.

Ông thường làm những quyền sách

nhỏ để tóm-tắt sự quan-niệm của ông về người ta, về sự đời. Thử trích một vài câu trong một quyển sách ấy cũng đủ lượng được cái tư-tưởng của ông. Như ông nói rằng :

«Người ta không phải là một giống thuần-lý, và sống vì tình-cảm nhiều hơn là sống vì nghị-luận. Nếu lúc nào cũng cứ chăm-chăm chú-chú đi tìm lấy một cái chủ-nghĩa mà theo, thời mất đến mờ đi và cái nguồn nhân-ái trong lòng đến khô cạn đi mất. Ta ở đời cần phải thực-nghiệm về tính-tình người ta hơn là ngồi mà suy-lý cho trúng-cách.»

Ấy cả nhân-cách ông WILSON là gồm trong một câu đó.

Trong một bài bàn văn-tất như thế này về một nhân-vật lớn-lao như thế ấy, không thể nói cho hết được, tất phải chọn lấy một vài điều cốt-yếu mà thôi. Nay xét ông WILSON trước khi chiến-tranh, và giữa buổi nghị-hòa, thời thấy tính-cách ông như gồm cả trong mấy câu trên đó : Ông là một người đa-cảm, sống về tình-cảm mà không vội kết-luận, một nhà lý-thuyết biết rằng lý-thuyết là nguy-hiểm mà không thể không lý-thuyết được; một nhà biện-luận, biết rằng sự biện-luận không thể tin được, nên muốn tìm cách thực-nghiệm về tính-tình người ta.

Có biết thế thì mới hiểu được làm sao ông từ-trừ mãi không tham-dự vào chiến-cục, vì cho sự chiến-tranh là ghê-gớm, nhưng sau ông cũng quyết tham-dự, vì cái quân-quốc-chủ-nghĩa (*militarisme*) ông lại còn ghê hơn là sự chiến-tranh, mà muốn ngăn sự bạo-động tai-hại không gì bằng dùng cách bạo-động phản lại. Nước Mỹ đối với việc Âu-châu vốn vẫn lãnh-dạm, lại nhân lúc Âu-châu phải đình-dốn cả công-việc, được một dịp làm giàu không biết bao nhiêu mà kẻ, như thế mà quyết được cho một trăm mười triệu

con người đương giàu-có sung-sướng nhất-đần bỏ chốn thanh-nhàn mà vào nơi tranh-chiến, khó-khăn biết bao nhiêu, nhọc-nhần biết bao nhiêu !

Giữa cuộc Âu-chiến, ông WILSON được tái-cử, phần nhiều là nhờ về của dân-bà thuộc về phái chủ-hòa, vì từ trước đến bấy giờ ông vẫn giữ cho nước Mĩ không can - thiệp đến việc chiến-tranh, thế mà cách mấy tháng sau ông cả quyết đem được nước Mĩ tham-dự vào chính-cục.

Trong bụng ông tin rằng nước Mĩ không thể đứng ngoài cuộc được, nhưng ông không quyết được sớm, không đòi được dư-luận trong nước sớm hơn, là vì ông không phải là một người có sức chuyển-động được công-chúng, không phải là một tay hùng-biến hăng-hải, nói mà cảm-kích lay động được người ta, khiến cho thiên-hạ dễ xô mà theo mình, như ông THÉODORE ROOSEVELT vậy. Ông cũng không có cái vẻ nghiêm-trang, lẫm-lẽ, khắc-khổ, trịnh-trọng như ông MAC KINLEY. Ông không có cái khí hăng-hải, cũng không có cái oai tôn-trọng. Ông chỉ có cái lương-tâm rất nghiêm-nhật, bụng suy-nghĩ rất cẩn-thận, như một người sùng đạo hằng ngày hằng giờ xét mình xét người để đem thánh-giáo cao-xa châm-chước với sự đời thấp-hệp. Ông biết mình lắm, biết sự khuyết-diểm của mình. Mà xử-sự chỉ có một mình, vì loah vốn nhu-thuần mà phải làm ra người cương-ngạnh, nên những lúc phân-vấn do-dự biết ngổ cùng ai, sợ nếu để cho người biết là mình do-dự thì không khỏi cho là mình nhu-nhược mất. Lại bị cô-độc, vì trong đảng mình không có người có giá-trị, nhiều tay khá bỏ sang đảng cộng-hòa là đảng có tư-bản, thành ra không nương-tựa vào ai được. Lối diễn-thuyết của ông có văn-chương, có nghĩa-lý, có cái vẻ thuần-túy, như bài văn ông hàn-lâm, nhưng không có sức mãnh-liệt, nói lên như sấm như sét,

chuyển-động người ta khiến cho đổi ý mà theo mình. Tuy vậy mà ông kiên-nhẫn, cần-cù, u-âm một mình, lấy tình-cảm làm tài liệu mà quả-quyết được đại-sự, không nói cho ai biết mà mưu được thành-công.

Ấy ông WILSON dự-bị việc chiến-tranh như thế ; ông mưu-tính cuộc hòa-bình cũng thế. Ông có làm nên công không ? . . . Sự hòa-bình ngày nay vẫn còn phảng-phất, vì công ông không thành. Ông dự được người Mĩ châu hiểu rằng sự chiến-tranh là cần, mà ông không dự được người Âu-châu hiểu rằng sự hòa-bình cũng là cần. Ông đã trông rõ cái tật của Âu-châu, tuy bề ngoài là trọng chủ-nghĩa Dân-chủ, mà bề trong vẫn chiến-miên trong những chế-độ Quân-chủ và Thần-quyền, dẫu những nước theo chính-thể cộng-hòa cũng vậy, cho nên muốn cho hòa-bình thì phải hóa Âu-châu theo về Dân-chủ hết và hợp các dân-tộc hiện nay đương chia-rẽ nhau thành một cuộc liên-bang (*une démocratisation fédérative des peuples divisés*). Ông quen thói quyết-nghị một mình, suy-nghĩ đã kỹ-càng lắm mới thảo ra cái dự-án về Hội Vạn-quốc, thực là phá-hoại cả những cách ngoại-giao bí-mật của Âu-châu (trong các máy chính-trị cũ-kỹ của Âu-châu thì cái máy ngoại-giao ấy là cũ-kỹ hơn cả), thế mà nhất-đần phải ra hiệp sức cùng làm với những tay quyền-mưu giáo-quyết thượng-hạng, như : CLÉMENTEAU, là một tay cự-phách về lối phản-đối, LLOYD GEORGE là một tay khôn-ngoa hay biến-báo, ORLANDO, là một tay khéo mưu-mô huyễn-diệu. Ba người ấy trong việc nghị-hòa chỉ nghĩ cách vận-động cho chính-trị nước mình, đảng mình mà thôi. Duy có ông Wilson thời thật-thà hơn cả, muốn cho ý-kiến mình thắng mà không chịu vận-động trong dư-luận nước mình. Thành ra « thập-tứ điều » của ông, hay

biết đường nào, mà không ai xét đến, chủ-nghĩa « dân-tộc tự-quyết » (*libre-détermination*) của ông cao-thượng biết thế nào, mà không ai để tâm đến.

Nếu đặt ra Hội Vạn-quốc, có thể đem những vấn-đề ấy ra mà công-dồng nghị-luận cho cả thế-giới biết được, nhưng ra đến hội-đồng ông cũng bị thất-bại, vì ông là người trọng ở lý-tưởng, tin ở nhân-đạo, mà bị một lũ chính-khách hoài-nghĩ, chỉ khu-khu biết một nước mình mà thôi, họ đánh lừa.

Ông thay mặt nước Mỹ xướng ra cái chủ-nghĩa Vạn-quốc-liên-hiệp là cho nước Mỹ một cái danh-dự tối-cao, gây cho một tiếng thơm thiên-cổ, thế mà người Mỹ không biết đến, thấy ông bị thua ở các hội-nghị không hiểu là làm sao. Bấy giờ các đảng phản-đối ông mới nổi lên nhao-nhao, cả quốc-dân bị hoặc ở cái tư-tưởng quốc-gia chật-hẹp, tựa-hồ như ra sức mà phá đổ cái công-nghiệp của ông. Đảng cộng-hoà bảo-thủ thừa-thế dấy lên, những bọn nghị-viên như LODGE, là một kẻ đồ-kỵ nhỏ-nhen, kết-liên với những tay « dân-chủ cực - đoan » (*démagogues*) như JOHNSON và BORAH, lại được những bọn tư-bản đã ú của còn muốn được nhiều của hơn nữa, phụ-trợ ở ngoài, bèn hết sức công-kích và ra tay phá hòa-uớc, khiến cho Nghị-viện Mỹ đến không duyệt-y.

Ông WILSON bèn ra quyết-đấu. Nếu người Mỹ không công-nhận hội Vạn-quốc thì Âu-châu cũng không công-nhận nốt, và các nước Âu-châu mỗi ngày lại một phân-lia nhau, xa cách-nhau, rồi đến cạnh-tranh hỗn-dộn, lại thoái - bỏ về đời trung-cổ u - ám, cho đến ngày ngập vào trong luồng sóng quá - khích, hiện nay đương điên-đảo cả nước Nga. Bấy giờ ông mới đem vấn-đề ra thảo-luận trước quốc-dân. Ông thu - thập hết tinh - thần

khí - lực đề cử - động trong dân-gian, kích - thích cái lòng khoan - hồng quảng - đại của quốc - dân, gọi hồn nước cho khởi phục lại những cái lý-tưởng cao-thượng của ông cha.

Ông đi hết bang nọ sang bang kia, thành này sang thành khác, qua các ấp nhỏ cũng dừng lại để diễn-thuyết cho quốc-dân hiểu cái lẽ nên phải duyệt-y hòa-uớc và công-nhận Hội Vạn-quốc, nhưng ông đi đến đâu cũng có một bọn phản-đối theo sau quyết-y phá-hoại công-nghiệp của ông và cắt đứt giây quan-hệ nước Mỹ với Âu-châu. Người dân nghe ông nói cũng cảm cái lòng thành-thực của ông mà xiêu lòng; có lẽ ông sắp thắng được đảng cừu-dịch. Có lẽ dư-luận sắp xoay về với ông. Nhưng ông vốn người yếu mà ông quá cậy ở sức khỏe của ông, một buổi chiều ngày 26 tháng 9 năm 1919, ông đương diễn-thuyết ở một tỉnh nhỏ trong hạt Texas, mới bắt đầu phải dừng lại không nói ra tiếng nữa. Cái khi-giới của ông là tiếng nói, dùng quá bị gãy vầy. Ông vừa phải bệnh tê, vut-chốc thành bán-thần-bất-toại, người ta phải vội đem ông về Washington. Thế là ông mắc với cái chết từ bấy giờ. Ông còn sống mấy năm nữa cũng là sống thừa, càng thêm buồn trông thấy những việc mưu-tính của mình hỏng cả. Đầu năm nay ông mới mất. Kẻ thù của ông bây giờ cũng biết công ông, biết ông là một bậc « đại-công-dân » (*un grand citoyen*), một bậc vĩ-nhân của nước mình, ai cũng phải phục; nhưng tiếc thay, khi chậm quá.

Giữa ngày bậc vĩ-nhân của thế-giới đó nhắm mắt, thời tinh-thế Âu-châu thấy thêm rối-loạn: nước Đức thời nguy vì bọn tư-bản lập công-ti để chi-phối việc nước đến đem nước vào chốn vực thẳm hang sâu; nước Anh thời muốn lia với Âu-châu, chỉ giao-thiếp trong thuộc-địa mình mà thôi, biệt-

lập ra một thế-giới, nhưng trong nước còn đương khổ về cái nạn thợ không việc làm ; nước Pháp thời kinh-suất can-thiệp vào việc chiếm-cứ sông Ruhr và việc vận-dộng phân-li ở hạt sông Rhin, thành ra nhiều sự rắc-rối lồi-thối ; quân Thổ-nhĩ-kỳ thì đốt phá thành Smyrne ; nước Ý-dại-lợi thời thuộc quyền chuyên-chế của đảng « pha-xi » (*fascisme*), mới rồi đem tàu chiến đến bắn đảo Corfou của Hi-lạp ; nước Tây-ban-nha cũng vừa qua một phen chinh-biến, quyền nước về tay một đảng quân-nhân chuyên-chế ; người Arméniens thì bị người Thổ-nhĩ-kỳ bách-hại giết-tróc, mà người Thổ thì khôi-phục được thành Constantinople, có ý muốn bài-trừ cả người Âu đi. Trong khi ấy thì đảng quá-khích ở nước Nga, hết sức củng-cố thế-lực của mình, và hiện nay Chính-phủ quá-khích đã được nhiều nước thừa-nhận và khôi-phục ngoại-giao rồi, tức là công-nhận cái sự-nghiệp của WLADIMIR ILLITCH UULIANOFF, biệt-hiệu là NICOLAS LÉNINE, là người có công thứ nhất sáng-lập ra nước « Sô-Viét Liên-hang Cộng-hòa-quốc » (*République fédérative des Soviets*), tức là tên mới của nước Nga ngày nay vậy.

LÉNINE này tuy là người Âu-châu mà không phải thật giống Âu-châu, những đồ-dệ ông cũng phải chịu rằng ông có tính-cách người Á-châu (*un Asiate*) hơn là người Âu-châu. Ông cũng có cái tư-tưởng thần-bí như ông WILSON, nhưng ông chỉ biết phương-diện kinh-tế của xã-hội mà thôi, ông muốn lấy Kinh-tế mà cải-tạo nước Nga, cải-tạo cả thế-giới nữa. Các tôn-giáo triết-lý của Á-châu cho vũ-trụ là một mớ binh-ảnh mơ-màng phảng-phất, người ta là một mây-may chim-dắm ở trong, thật là trái với cái cá-nhân-chủ-nghĩa của đạo Thiên-chúa Âu-châu. Người Nga tuy ở đất Âu-châu mà thật thuộc về tinh-thần Á-châu, nên không lấy cái nhân-thân

mình làm trọng, gặp sao hay vậy, phất-phơ xoay về mặt nào cũng được, dè ai sai khiến cũng được. LÉNINE bèn lợi-dụng một cái dân dễ khiến như thế để thi-hành chủ-nghĩa phá-hoại cái xã-hội tư-bản, gây dựng xã-hội cộng-sản của mình. LÉNINE thật là trái hẳn với WILSON ; một người trân-trọng nhân-cách bao nhiêu, một người khinh-rẻ nhân-cách bấy nhiêu ; một người cho người ta là quý nhất trong vũ-trụ, một người cho người ta là cái đồ dùng mà thôi. LÉNINE đã có cái chỉ-cải-cách xã-hội như thế, bèn thiếp-liệp qua các văn-minh Thái-Tây, thân-thái lấy những tri-thức cùng phương-pháp có thể dùng để thi-hành chủ-nghĩa mình. Đối với mọi sự mọi vật chỉ cốt lợi-dụng được cho chủ-nghĩa mình mà thôi, còn ngoại-giả không thiết đến.

Nghĩ hai người cách nhau thật là xa quá. WILSON thời trân-trọng cẩn-thận, trước khi xử-sự hay suy-nghĩ trù-trù, không dám tự-tin ở mình quá. LÉNINE thời câu-chấp một cái ý riêng của mình, mà dùng cách bạo-động để bắt sự-vật phải uốn theo. WILSON thời không biết tình-thế Âu-châu, cũng không thuộc tình-thế nước mình, chỉ châu-tuần trong cỏi lý-tưởng, hằng ngày tìm cách điều-hòa châm-chước cái lý-tưởng của mình với sự-thực trước mắt. LÉNINE thời thông-thuộc cả nhân-tình chế-độ của các nước Âu-châu, nhưng ngoan-ngách cố-chấp, muốn thi-hành ngay cái chủ-nghĩa của mình cho đến cực-đoan, dù dùng cách bạo-động mặc lòng, chứ không chịu mất công điều-hòa châm-chước với ai cả.

Trong hai người, người Nga là một tay hành-động quả-quyết, người Mỹ là một nhà tư-tưởng mơ-màng. Một người là giống dã-man vì cần dùng mà phải có văn-hóa ; một người là giống văn-hóa lạc-lối, vì có lương-tâm quá mà thành khắc-khổ. Lối diễn-thuyết của WILSON là dùng văn-chương

hoa-mĩ đề mặc cho một cái ngu-ý thâm-trầm, ngu-ý ấy thỉnh-thoảng lộ ra lời nói như gân-cốt ở trong da-thịt vậy. Lời diễn-thuyết của ông có lý-luận. Lời diễn-thuyết của LÉNINE thì như pháo nổ, như đạn vỡ, không có văn-chương, không có thuyết - lý gì cả, chỉ có những sự thực chông-chất lên thành vô-số những câu vụn-vặt vắn-tắt, xô nhau đẩy nhau, đụng nhau chạm nhau mà thành lời, chứ không có văn-pháp gì cả, chẳng có khai, thừa, chuyển, hợp gì cả. Khác nào như một cái tăng đá ném giữa đám người đông. Lời diễn-thuyết của ông là lời quyết-đoán, không phải lời nghị-luận vậy.

WILSON không có nửa chừng đòi phương-pháp của mình. Ông có tính tự-cao, không chịu thú-nhận sự sai-lầm bao giờ. LÉNINE thì không biết xấu-hổ là gì, sai-lầm điều gì, công-nhiên thú nhận, công-nhiên sám-hối. Ông nói : « Năm ngoái ta làm bậy nhiều, ước gì năm nay bớt đi được. Năm ngoái đã đuổi cả bọn tri-thức không cho can-thiệp vào các cơ-quan chính-trị, võ-bị, hành-chính, các xưởng thợ, nhà máy. Thành ra mọi sự hỏng cả. Ta không thể bỏ bọn « bua-gioa » (*bourgeois*) đó được. » Bèn cho gọi về để lợi-dụng. Trước cũng bách-hại bọn nhà buôn, bắt bao nhiêu cửa hàng đóng hết. Sau thấy sự giao-dịch đình-dốn cả, lại phải gọi về cho mở hàng.

Cái chủ-nghĩa của ông là về đường kinh-tế trong xã-hội cũng như trong sự giao-tế của người ta, không có ai là người được hưởng lợi, không có ai là người phải lợi-dụng. Ở nhà trường phải dạy lấy một bọn thanh-niên thoát-li cả mọi sự lung-lạc của gia-đình, của tôn-giáo, của tục-truyền, lớn lên thành mỗi người như một phần vô - danh trong cái máy lớn quốc - gia, ai cũng như ai, không có cá-nhân đối với cá-

nhân nữa, và không có ai có của-cải gì tây-riêng của mình cả, làm cho tất hết cái ngôi cạnh-tranh trong xã-hội.

Ta đừng nói rằng một xã-hội như thế không thể có được. Ngay bây giờ, ở nước Nga đã thế rồi đấy. Cối Tây-Âu nếu sớm không biết liệu, thì rồi cũng có ngày đến thế; hiện nay còn là thời-đại nước nọ với nước kia đối nhau, mà nước nọ với nước kia thành - lập được là nhờ một bọn trung - lưu - xã-hội, nhờ bọn « bua-gioa » đó, cung-cấp cho nhà-nước những nhân-tài có óc khôn chăm-chỉ, có của - cải tích - lũy, biết dành-dịn, biết siêng - năng, làm như cái khung cái cốt cho xã-hội, cái nền cái gốc cho quốc-gia; nhưng nếu nước nọ với nước kia cứ xung - đột nhau hoài, cạnh-tranh nhau hoài, gây ra một cái tình-thế rối-loạn, làm cho bọn trung-lưu đến tiều-mòn, đến tan-tác đi, thì bây giờ trong mỗi nước chỉ còn trên một bọn số ít người rất giàu-có lũng-đoạn cả của-cải, dưới một số nhiều người nghèo-đói rách-rưới, khổ-sở lắm-thần, đến ngày ấy thì cái phong-trào quá-khích, cái chủ-nghĩa cộng-sản sẽ tràn ngập hết cả, không thể nào ngăn được vậy.

Nếu Âu-châu không chịu công-nhận cái chủ-nghĩa của ông Wilson, không chịu lập ra một lối chính-trị liên-bang để dần-dần sửa - sang chỉnh - đốn việc kinh-tế trong xã-hội, dần-dần đổi lại cái chế-độ về nhân-công, chuyển-dịch của-cải từ bọn tư-bản sang bọn lao-động, — sự đó là cần, duy thi-hành bằng chủ-nghĩa liên - bang thời tiếm-tiếm mà không đến nỗi tai - hại, chứ thi-hành bằng chủ - nghĩa cộng - sản thời bạo-tợn mà diên-đảo hết, — nếu Âu-châu không biết theo ông Wilson như thế, thì cái sự - nghiệp dữ - dội kinh-hồn của ông LÉNINE kia đến hành-trương ra khắp thế-giới mất.

Hai người nay cùng chết cả rồi.

Nhưng ông WILSON chết thời cô-độc, không bạn không bè. Quốc - dân Mỹ cũng gọi là thương hảo tiếc huyền mà thôi. Còn người Âu - châu thời nhàn dịp này lại bởi mớ những sự sai-lầm của ông ra mà chỉ - trích. Đến ông LÉNINE thời cũng chết một ngày mùa đông giá lạnh, nhưng cái chết của ông rực-rỡ biết dường nào; ông chết mà ông hiển thánh, ông thành thần vậy. Sao thân-thể hai người mà khác nhau đến như thế !

Nay thử hỏi trong hai người rồi người nào thật được thành thần ?

WILSON hay là LÉNINE ? Không người nọ tất người kia, không có ai khác nữa.

Trong hai cái phong-trào trong thế-giới ngày nay, phong-trào liên - bang của ông WILSON và phong-trào cộng-sản của ông LÉNINE, tất có một cái thắng, một cái bại. Nếu phong - trào liên-bang mà thắng thì sự-nghiệp văn-minh của Thái-Tây sẽ có cơ bảo-tồn được ; nếu phong-trào cộng - sản mà thắng thì không biết thế - giới sẽ đảo-diễn đến thế nào . . .

HỒNG-NHÂN dịch

BÀN VỀ LỊCH-SỬ NƯỚC TÀU(1)

IV

Nói về lịch-sử hủ-bại

(khoảng năm sáu mươi năm gần đây)

Cứ xem như hai phen biến-cổ đã kể ra như trên, thì nước Tàu bấy giờ cơ-hồ không có cái khí-sắc lập-quốc ở Á-Đông này nữa. Lỗi đó tại về đâu ? Nước Tàu tự đời Doanh-Tần cho đến đời Mãn - Thanh, khoảng hơn hai nghìn năm, vẫn là một nước hoàn-toàn quân-chủ chuyên-chế, vận nước dù hay dù dở, toàn quan-hệ ở một ông vua. Vua Tàu bấy giờ, đã là những ông vua kém hèn, không bằng những đời hùng-chủ trước ; trong tự triều-đình, ngoài đến biên - cương, rất là một lũ quan-lại hủ-bại. Đảng hủ-bại ấy, cũng có hai phái. Một là phái vũ-nhân, đại-đề là những Mãn-tộc, bất-học vô - thức, chuyên lối quyền-thế hiếp người. Hai là phái văn-nhân, đại-đề là những phái Hán-tộc, con nhà bát-cổ, chuyên lối phú-quí tự mình. Biết đâu đến nước, biết đâu đến dân, biết đâu đến thế-giới. Cho nên đời

bấy giờ, không những ở ngoài thì phong-trào như sấm như sét, mà ở trong cũng giặc-dã như lửa như trời.

Năm 1850, về cuối đời vua Đạo-quang, có người dân ở Quảng-dông, là Hồng Tú-Toàn 洪秀全, trốn sang Quảng-tây khởi-loạn, tự-xưng là Thái-bình-vương ; đồ-đảng là Dương Tú-Thanh 楊秀清, Phùng Văn - Sơn 馮雲山, Vi Xương-Huy 韋昌輝, Thạch Đạt-Khai 石達開, Trần Ngọc-Thành 陳玉成, đều xưng vương cả ; quân giặc đều cắt bím để tóc, theo phục-chế nhà Minh, đời gọi là Phát-tặc ; binh-thể cường-thịnh, tràn lên đánh tỉnh Hồ-bắc, đại-doanh ở Vũ-xương võ ; rồi thuận dòng Tráng-giang xuống đánh Nam-kinh, đại - doanh ở Kim-lăng lại võ ; quân-quan nhà Mãn-Thanh chết tróc nhiều lắm, không thể sao duy-trì được nữa, tự sông Dương-tử trở về phía nam, và đất Ba-Thục, hồ một nửa nước, đều bị quân giặc chiếm-cứ cả ; rồi Thái-bình-vương

(1) Xem N.-P. số 80, 81, 83.

lấy Nam-kinh làm kinh-thành. Bấy giờ liệt-cường sang buôn-bán ở nước Tàu, như nước Anh, nước Pháp, nước Mỹ, nguyên bấy lâu vẫn ghét nhà Mãn-Thanh là khi-trá hủ-bại, không cảm-tình gì với, ý cũng mong cho Thái-bình-vương khởi lên, để mà chinh-đốn lại nước Tàu.

Năm 1860 về đời vua Hàm-phong, Thái-bình-vương đem quân vào tỉnh Triết-giang, cướp đất Ninh-ba, lại toan lấn sang đất Thượng-hải, đất Thượng-hải bấy giờ đã thuộc về tô-địa của các nước rồi, các nước sai sứ ra bảo Thái-bình-vương rằng nên bảo-hộ lấy quyền-lợi cho người ngoài chớ có xâm-nhiều. Ngờ đâu Thái-bình-vương lại ngu quá, không nghe, các nước phải đem quân ra phòng-ngữ, các nước đã lấy làm giận lắm rồi. Sau lại nghe Chư-vương trong tộc-dân tranh nhau xưng vạn-tuế; như Thái-bình-vương thì xưng là vạn-tuế, còn kỳ-dư thì đều xưng là cửu-thiên cửu-bách cửu-thập-cửu tuế, chỉ nhường Thái-bình-vương có một tuổi mà thôi. Các nước mới xét ra rằng cái bọn Thái-bình-vương kia hành-vi cử-dộng, chỉ là tuồng lưu-khấu, trò nhi-hí dấy thôi, không thể thành được đại-sự, mà nếu để cho nước Tàu loạn-lạc mãi, thì cuộc thương-mại của thế-giới, trở-lực biết dường nào. Mới đưa thư cho Thanh-định, ước-ký đem quân vào giúp để hội-liều.

Bấy giờ trong nước Tàu lại sinh ra được một kẻ vĩ-nhân là ông Tăng Quốc-Phiên 曾國藩, là người cứng-cáp và khôn-ngoaan lắm. Ông nguyên là một kẻ nhà nho, học-thức thâm-thủy, tay trắng khởi lên luyện quân, mà nhất-vị trung-thành với chính-phủ; lại dùng được những các viên nho-tướng như Tăng Quốc-Thuyên 曾國荃, Lý Hồng-Chương 李鴻章, Tả Tôn-Đường 左宗棠, đều là những

người có học-thức cả. Chính-sách ông là bắt đầu về cái chính-sách giao-biếu với các nước, bảo-hộ lấy thương-quyền cho ngoại-nhân. Nhưng ông không dám phiền đến binh-lực của các nước, xin với các nước giúp cho về đường quân-nhu mà thôi. Ông lại thân với nước Anh nhất, bấy giờ có một viên quan võ nước Anh là Qua-dăng sang đất Tàu giúp ông về việc biên-chế quân-đội, cho nên quân ông có tiết-chế lắm. Kỳ-thủy ông thu-phục tỉnh Hồ-nam, rồi tiến lên thu-phục tỉnh An-huy, để làm nơi căn-cứ. Năm 1864, lại thu-phục được đất Phú-dương, đất Gia-hung, đất Tô-châu, đất Hàng-châu nữa; bọn chư-vương trong tộc-dân, thứ-dệ chết dần, tộc-thể cũng đã dần suy. Sau trong tộc-dân lại sinh ra một người rất kiệt-hiệt là Lý Tú-Thành 李秀成, cơ-hồ địch-thủ với ông. Nhưng tướng ông là bọn Lý Hồng-Chương cũng thâm-trầm và cả gan lắm. Rồi sau thu-phục được Nam-kinh, bắt được Lý Tú-Thành, tộc-dân mới tan. Hồi ấy là hồi vua Đồng-trị, giặc ấy thủy-chung mười-lăm năm. Về sau người Tàu có người đã bàn rằng nếu hồi ấy không có ông Tăng Quốc-Phiên, thì nước Tàu chắc đã bị qua-phản ngay từ bấy giờ. Tài ông Tăng Quốc-Phiên ứng-biếu với liệt-cường, không phải là hèn; công ông Tăng Quốc-Phiên bình-tĩnh được đại-loạn, không phải là nhỏ vậy.

Từ bấy giờ các nước bên Âu, Mỹ kinh-trọng thầy trò ông lắm; trong khi giao-thiệp với nước Tàu, cơ-hồ chỉ biết có thầy trò ông, mà không biết có Bắc-kinh-triều-đình là chủ nữa. Từ đó, trong chính-cục nước Tàu, thầy trò ông nổi gót nhau đứng vào cái địa-vị trọng-yếu. Nhưng thầy trò ông đối với các nước bên Âu, Mỹ, mới biết có cái hình-thức phú-cường mà thôi; như việc hải-

quân, việc thương-cực, cũng có lưu-ý, và phái học-sinh sang Âu Mỹ học vũ-bị; trong một vài việc đó, cũng có thực-hành; còn về đường tinh-thần, như chính-thuật với học-thuật bên Âu Mỹ, thì thấy trò ông còn ù-lý lắm; nên chi quốc-vận nước Tàu, vẫn không tiến lên được. Nhưng cũng không khắc-trách thấy trò ông được, những đảng vương-công quan-lại ở Bắc-kinh bấy giờ, phần nhiều là đảng hủ-bại, thường phản-đối ông, sự-sự làm ngăn-trở ông; xem như năm 1870 ông xử một việc Thiên-tân giáo-án thì khắc-rõ. Việc ấy có can-thiệp với nước Pháp, mà lỗi tại người Tàu. Ông lấy công-lý ra ông xử, đem đầy mấy viên tham-tàn quan-lại, đem xử mấy đứa bạo-đồ, và đền-bồi cho nước Pháp. Cái đảng hủ-bại ở Bắc-kinh nó nhao-nhao lên, nó bảo ông là mị-ngoại, nó trỏ ông là mại-quốc-lặc, ông phải từ-chức ngoại-bộ mà về. Than ôi! phá thành thắng giặc thì dễ, chứ phá óc những người hủ-bại có dễ đâu! Sau ông mất, học-trò ông là Lý Hồng-Chương đứng lại chống-chế với phong-trào, đời đã thuộc về đời vua Quang-tự.

Chức Lý Hồng-Chương thì Tổng-thống Bắc-dương-quân-vụ, Trục-lệ tổng-dốc, kiêm ngoại-bộ đại-thần; chức-trách không phải là không trọng, phẩm-vị không phải là không cao, nhân-vật không phải là không xứng-đáng. Nhưng trong hai-mươi năm, trên thì bà Thái-hậu cầm quyền, dưới thì đảng hủ-bại đắc-chí, chỉ là truyện rẻ cũ áo cũ, rách dẫu vá dấy mà thôi. Nghe đâu Lý Hồng-Chương đã có câu phát-pi-ẩn rằng: « Trung-quốc ta to-lớn như thế này, mà không có cái chính-sách gì tự-cường-tự-lập, há những đáng lo, mà cũng đáng hồ.» Thương-ôi!

Nước Tàu bấy giờ đối với thế-

giới, đã thành ra cái danh-từ lão-dại-dễ-quốc, lão-dại-bệnh-phụ; ngoài thì phong-trào Âu Mỹ, một ngày một thấy bành-trướng, một bước một thấy khấn-bách; trong thì chính-phủ dân-bà, một chước một thấy lung-túng, một sự một thấy nhục-nhân, ưu thì thắng, liệt thì bại, đó chẳng phải là cuộc thiên-diễn tự-nhiên đấy hay sao?

Nay kể qua về cái chính-sách của các nước đối với nước Tàu về đời bấy giờ. Như nước Anh, nước Pháp, nước Mỹ và các nước, khi đến đất Tàu, chỉ chú-trọng về sự buôn-bán, chẳng qua cả sông thì đông chợ, nhiều người thì vui nhà đầy thôi, chứ cũng không ai có chí gì xâm-lược lấy thổ-địa nước Tàu cả.

Duy có nước Nga, vị-trí đối với nước Tàu thì Đông, Tây, Bắc, tiếp-giáp ba phía, cái chính-sách đối-dãi với nước Tàu, trong bốn năm mươi năm, đã có một cái chính-sách riêng; hai nước chơi với nhau thân, thỉnh-thoảng lại có một cái mặt-ước với nhau về sự cương-giới. Rồi về sau, địa-giới nước Nga tiếp-giáp đến tận đất Triều-tiên, đường thiết-lộ Tây-bá-lợi-à bỏ mãi xuống đến Lữ-thuận mà đất Mãn-châu ở Đông-tam-tĩnh cơ-hồ như thuộc-địa nước Nga. Sau người Tàu cũng tỉnh-ngộ, quốc-dân đã có bài Phú ưu-thời, trong Phú có câu rằng: « *Thỉnh khan Do-thái chi tiền-trần, ư kim hà tại? Tô vấn Đại-Thanh chi chính-phủ, đáo ư tri vô?* » (請看猶太之前塵。於今何在。借問大清之政府。到底知無。) Xem ra thì ngu thay Mãn-Thanh chính-phủ, ngu thay Mãn-Thanh chính-phủ! Chứ người Nga khi quốc-vận phượng-hưng, đi khuếch-sung lấy thổ-địa, cũng là một cái lệ tự-nhiên của thế-giới, chứ trách gì người Nga. Đó là kể về đời Nga Nhật chưa chiến-tranh về trước, từ khi có sự Nga Nhật chiến-tranh về sau, thì hình-thế bên Đông-phương lại

đổi khác đi. Song, chính-phủ nước Tàu, đã là chính-phủ hủ-bại, không đủ cái tư-cách lập-quốc, thì đi đâu mà chẳng bị thiệt-thòi. Nay, lại xem chính-sách người Nhật-bản đối với nước Tàu.

Nước Nhật-bản ở về ba cái đảo con-con phía Đông-hải, xưa kia đối với nước Tàu, tuy rằng vẫn tự - chủ, nhưng cái địa-vị chỉ là đứng vào hàng nước Triều-tiên, nước Xiêm-la đó mà thôi. Tự khoảng năm sáu mươi năm nay, người Nhật - bản tỉnh-ngộ sớm, biết giao-thiệp với liệt-cường, biết cái-cách lấy chính-thế ; gia-dĩ quốc-tùy thì sẵn-sàng có trật-tự, quốc-dân lại cố-gắng mọi sự học-hành, cho nên quốc - bộ tấn-lối nhanh lắm. Lại gì người con gái đã dậy-thì, phần diêm son tô, cũng muốn mở mặt ra với thế-giới, cho có kẻ biết mình. Nhưng còn vương có nước Tàu, chẳng khác gì một mụ già điếc ngáy điếc ngốc, mình tiền mình của, béo trọc béo tròn, ngồi lù-lù ngay ở trước mặt.

Tự hồi Trung Nhật chữa gây ra sự chiến-tranh về trước, người Tàu đối với người Nhật, vẫn gọi là giống Nụy-nô, cái danh-dự đặt linh-sự, đặt công-sử, mở thương-vụ, mở tô-địa ở nước mình, chỉ hứa cho những nước văn-minh cường-dại ở châu Âu châu Mỹ mà thôi, chứ giống Nụy-nô kia bé người không được chơi trò, không được hưởng cái danh-dự ấy. Lại chi, không có danh-dự thì không có quyền-lợi, người Nhật-bản tất không chịu khép cửa ngời yên.

Song khi đó, người Nhật-bản muốn tranh quyền với người Tàu, tất là phải chú-ý về cái vấn-đề Triều-tiên. Nước Triều-tiên là nước ở cửa ngõ Nhật-bản, mà xưa nay vẫn là nước phiên-thuộc của nước Tàu, người Nhật-bản không có thể vô-cố mà can-dự được. Năm 1893, chợt nước Triều-tiên có cái nội-biến Đông-học-dảng. Viên Thế-

Khải 袁世凱 bấy giờ hiện làm công-sứ ở Triều-tiên, báo tin về Chính-phủ Tàu, đem quân sang dẹp loạn. Khi quân Tàu sang đất Triều-tiên, cũng thấy quân Nhật-bản sang đất Triều-tiên, hai nước điều-dinh việc nội-chính cho Triều-tiên không xong, rồi sinh ra sự quyết-liệt. Đến khi giao-chiến, thì quân Tàu liên-chiến liên-bại, Áp-lục, Liêu-dông, Lữ-thuận, Uy-hải các nơi hiểm-yếu về phần hải-lục của Tàu, đều bị quân Nhật chiếm-cử cả. Thảm nhất là cái hạm-đội ở Bắc-dương, tay Lý Hồng-Chương hết sức kinh-doanh, trong hai-mươi năm, tốn-phí bao nhiêu công-của, mà nhất-đầu tan-tành như không. Cũng là bởi viên hải-quân đề-đốc bấy giờ là Đinh Nhữ-Xương 丁汝昌 có can-đảm hết sức đối-dịch, không chịu đầu-hàng ; sau còn vài chiếc tàu ốm, biết rằng sự-thế không làm gì được nữa, rồi tự-vẫn mà chết ; than ôi thảm thay ! Rồi chính-phủ Tàu phải phái Lý Hồng-Chương sang tận Nhật-bản lập hòa-uớc đền binh-phí, lại cắt-nhượng đất Đài-loan (*Formose*), đất Liêu-dông cho Nhật-bản, và từ rầy người Tàu đãi người Nhật-bản, cũng phải đãi như người các nước ở châu Mỹ châu Âu. Từ đó người Nhật-bản, mới được phò mặt ra với liệt-cường. Bấy giờ liệt-cường thấy người Nhật làm khí quá-dáng, mà nước Tàu bị thiệt-thòi to, sợ có ngại đến cuộc hòa-bình ở Á-Đông ; rồi nước Nga, nước Pháp với nước Đức phải ra tay bắt Nhật-bản trả Tàu đất Liêu-dông, chỉ cho được chiếm-lĩnh đất Đài-loan mà thôi. Phen ấy, nước Tàu tuy bị nước Nhật - bản đánh thua, nhưng quốc-dân ít có phần oán người Nhật-bản, là bởi có trận thua ấy, thì cái sự - tình hủ-bại của đảng Chính-phủ sẽ hiển-lộ ra, mà cái chí-khí duy-tân của đảng quốc-dân lại hăng-hải lên. Đến năm 1903, cách mười năm nữa, lại khởi lên có sự Nga, Nhật

chiến-tranh. Nhật được Nga thua, cái quyền-lợi ở Đông-tam-tĩnh, trước kia về Nga, sau này lại về Nhật. Nước Nhật-bản đối với nước Tàu, có ba cái thái-độ khắt-ố, trước kia kềm-hèn thì kềm-cự, trung-gian đặc-chỉ thì khinh-miệt, sau này lợi-dụng thì thừa-cơ. Cho nên người Tàu đối với người Nhật-bản, bấy lâu nay vẫn không có chút cảm-tình nào.

Lại nói nước Đức đối với nước Tàu nữa. Nước Đức xưa nay vốn không có nơi linh-thổ nào ở xứ Á-Đông này là quan-hệ với phương-diện cạnh-tranh mà phải bắc-mắc về đường quân-vụ. Cứ lẽ ra thì chỉ nên tỏ nghĩa hòa-bình, thân-thiện với các nước ở phương Đông, để mong phát-đạt về đường buôn-bán, há chẳng phải là một nước khôn-ngoaan đứng-dẫn dư? Thế mà trông thấy nước Tàu bị thua với Nhật-bản, chực miềng té nước theo mưa, từ cõi Cực-Tây, sang cõi Cực-Đông, chiếm lấy đất Giao-châu của Tàu, sáng ra một nơi quân-cảng, cái chí ấy toan để làm gì? Không những là tham-lam cường-bạo, mà cũng là ngu, về sau xuýt nữa làm cổ sấm cho người Nhật-bản. Nếu các nước Đông-minh mới rồi không tỏ lòng công-nghĩa, thì miềng đất Giao-châu ấy, bao giờ lại về được nước Tàu.

Chánh-phủ Tàu đối với liệt-cường đã lắm sự thất-bại như vậy, còn về phần đối với quốc-dân thì thế nào? Quốc-dân Tàu biết rằng cái Chính-phủ hủ - bại ấy, không có thể tin cậy được, trong nước mới sinh ra hai đảng Cách-mệnh. Một đảng Cách-mệnh về chính-trị, cầm cái chủ-nghĩa phù-hoàng, cứ tôn vua Quang-tự nhà Mãn-Thanh làm vua, để trong nước dễ có trật-tự, chỉ cải-cách chính-thể chuyên-chế ra chính-thể lập-hiến mà thôi. Đảng ấy thì tiến-sĩ Khang Hữu-Vi 康有爲 làm đầu, và học-sĩ Ông

Đổng - Hòa 翁同和, Tuân-phủ Trần Bảo - Châm 陳寶箴, chí - sĩ Lương Khải - Siêu 梁啟超, Khang Quảng-Nhân 康廣仁, Đàm Tự-Đổng 譚嗣同, Lưu Quang - Đệ 劉光第 các người vân-vân. Những đảng ấy trong tay không có chút thế - lực gì, chỉ nhờ nhờ thư-cục với báo - cục được vài tháng, rồi đảng thủ-cự ở Bắc - kinh họ đập đổ ngay đi, người thì phải chết, người thì phải chạy ra nước ngoài; năm Mậu-tuất chính-biến, tức là năm đó.

Được vài năm, trong nước Tàu lại khởi ra một cái loạn - đảng, gọi là Nghĩa-hòa-đoàn. Đảng ấy đại - đề là những dứa ngu-dân, phát-phần không phải lối, ái-quốc không phải đường; cầm cái chủ-nghĩa bài-ngoại, coi người ngoại-quốc như cừu-thù. Cái đảng thủ-cự ở Bắc-kinh lại liên - hợp với nó, giết sứ - thần, phá sứ - quán của các nước, hành-vi cử - động cực dã-mạo. Vua Quang-tự với bà Thái - hậu phải tị - nạn ra Di-hòa-viên. Bấy giờ nước Anh, nước Nga, nước Pháp, nước Đức, nước Mỹ, nước Nhật, nước Áo, bảy nước phải liên-binh vào Bắc-kinh dẹp yên cái loạn - đảng ấy, rồi vua Quang-tự với bà Thái - hậu mới lại được về. Từ đó chính - phủ Bắc-kinh càng ngày càng thấy hủ-bại, cái giá-trị Mãn-tộc càng ngày càng thấy dơ-duộc xấu-xa, quốc-dân Tàu mới khuynh - hướng về đảng chúng - tộc cách-mệnh.

Đảng cách-mệnh về chúng - tộc thì cầm cái chủ-nghĩa hưng Hán diệt Mãn, cải-cách chính-thể quân-chủ ra chính-thể cộng-hòa. Đảng ấy thì Tôn Dật-Tiểu 孫逸仙 làm đầu, còn Chương Bính-Lân 章炳麟, Ngũ Đình - Phương 伍廷芳, Hoàng Hưng 黃興, Hồ Hán-Dân 胡漢民, Uông Tinh - Vệ 汪精衛, các người nữa nhiều lắm, bàng-bạc uất - tích, kẻ đã hơn hai-

mười năm. Đến năm 1912, có một viên quan võ là Lê Nguyên-Hồng 黎元洪 khởi lên ở Hồ-bắc, thủ-xướng cuộc cộng-hòa; rồi các tỉnh ở miền nam, đều hùn với Lê mà theo về cái chủ-nghĩa ấy cả, lập dân-quốc-chính-phủ ở Nam-kinh, Tôn Dật-Tiên tự hải-ngoại về làm lâm-thời tổng-thống. Miền bắc thì có một viên đại-thần là Viên Thế-khải 袁世凱 làm đầu; còn Đường Thiệu-Di 唐紹怡, Phùng Quốc-Chương 馮國璋, Đoàn Kỳ-Thụy 段琪瑞 các người, vân-vân, đều là hàng quan - lại, cũng hùn với Viên, bách vua Mãn - Thanh là vua Tuyên-thống phải thoát-vị, mà nhường lại quốc-quyền cho Hán-tộc. Nước Tàu bấy giờ chia ra hai đảng. Một đảng Bắc-kinh. Một đảng Nam-kinh. Đảng nam nhường quyền chính-trị cho đảng bắc, để cầu lấy hợp-nhất, rồi Viên Thế-Khải làm đại-tổng-thống ở Bắc-kinh, Lê Nguyên-Hồng cũng lên Bắc-kinh nhận chức phó-tổng-thống; tổ-chức ra nước cộng-hòa.

Cứ như vậy, thì cái sự-nghiệp cộng-hòa chẳng dễ-dàng lắm ru? mà cái giá-trị cộng-hòa chẳng rẻ-rúng lắm ru? Kia như châu Âu châu Mỹ, trải bao nhiêu mưa gió, phí bao nhiêu tư-tưởng, mới đúc nên được hai chữ cộng-hòa. Thế mà nước Tàu bấy giờ đương là một nước hủ-bại, trong khi chớp mắt, đã biến ngay ra được là nước cộng - hòa, chẳng lạ lắm ru? Song, nước Tàu ngoại mười-năm nay, chẳng qua là mới có cái danh-từ cộng-hòa yết lên ở bề ngoài đấy thôi. Chứ về phần nội-dung, thì thật còn là một nước đại-bất-hòa. Xét ra cái tình-trạng bất-hòa của dân-tộc nước Tàu, cũng có nhiều nguyên - nhân lắm. Nhưng muốn xét cái nguyên-nhân sự bất-hòa, trước hẵng xin thuyết-minh ra cái nghĩa chữ hòa.

Cái danh-từ cộng-hòa tuy rằng mới,

nhưng cái tinh-thần chữ hòa đã rõ-rệt từ xưa, thánh-hiền bên Đông-phương đã từng giảng đến, chỉ người ta ít có kẻ biết xét đến mà thôi. Ông Khổng-phu-tử có nói: « Quân-tử hòa nhi bất đồng, tiểu-nhân đồng nhi bất hòa 君子和而不同。小人同而不和。 » Nghĩa là quân-tử ở với nhau, thì hòa-mục thân-ái, tương-trợ tương-thành, mà không có a-dua bè đảng; tiểu-nhân thì chỉ a-dua bè đảng, có quyền thì tương-xu, có thế thì tương-phụ, có lợi thì tương-tranh, không có hòa-mục thân-ái, tương-trợ tương-thành. Người hiền-tướng nước Tề là ông Ân-Anh 晏嬰 lại có nói: « Hòa, như hòa canh, nhược dĩ thủy tế thủy, thủy năng thực chi. 和。如和羹。若以水濟水。誰能食之。 » Nghĩa là cái đạo nhân-quần hòa-hợp với nhau, ví như hòa canh, béo như vị dầu, ngon như vị thịt, ngọt như vị đường, cay như vị ớt, chua như vị dấm, mặn như vị muối, nhạt như vị nước lã, trong bấy nhiêu vị, đều có tinh - chất, đều có giới - hạn, vị nào nên pha trước, vị nào nên pha sau, vị nào là gia-vị, vị nào là chính-vị, phải điều-hòa cho đúng phép, thế mới là hòa; nếu chỉ biết là sự hòa, mà không xét đến chân-lý, đem các vị quân-binh đồ lộn cả lại với nhau, thì ai ăn được. Học-trò ông Khổng là thầy Hữu-Nhược 有若 cũng có nói: « Lễ chi dụng, hòa vi quý, tiên vương chi đạo tư vi mỹ, tiểu đại do chi; hữu sở bất hành, tri hòa nhi hòa, bất dĩ lễ tiết chi, diệc bất khả hành dã。 » 禮之用。和爲貴。先王之道斯爲美。小大由之。有所不行。知和而和。不以禮節之。亦不可行也。 Nghĩa là trong khi nhân-quần tổ-chức với nhau, cốt lấy cái mục-dịch hòa làm quý; cái đạo tiên-vương sở dĩ được ưu-mĩ, là vì có cái tôn-chỉ hòa, mà sự lớn sự nhỏ, đều noi trong khuôn hòa-mục mà làm, như thế tưởng đã là hay rồi, mà xem ra lại thấy nát

những sự lợi-ích không làm di được, là vì có sao ? Là vì chỉ biết cái mục-dịch hòa là quý, mà thiên về cái chủ-nghĩa hòa, không biết đem trật-tự lễ-pháp để tiết-chế cho nhân-quần, thì chắc là nát mãi, cũng không bao giờ có thể làm được những sự lợi-ích.

Cứ như những lời thánh-hiền thí-dụ thủy-huấn như trên, thì cái tinh-thần cộng-hòa, tưởng đã rõ-ràng ở đây cả rồi. Nếu dân-tộc Tàu thực-hành được những cái tinh-thần ấy, thì cũng có thể tiến lên được đến cõi cực-diêm văn-minh. Nhưng mà không, dân-tộc nước Tàu ngày nay, chỉ là sự rần rớn nổi rần bé dấy thôi, khiến cho quốc-vận hết nạn nọ đến nạn kia. Cộng-hòa gì đâu, bất-hòa đấy ! Nay sẽ kể ra cái nguyên-nhân bất-hòa.

Một là đấng hủ-bại của nhà Mãn-Thanh còn sót lại, chưa đào-thải hết. Hai là trong khi cách-mệnh, nhiều kẻ vũ-phu ít học thừa-loan khởi lên. Ba là nước Tàu to quá, Bốn là tự hồi dân-quốc sơ-khởi, địa-phương nào tự-lập lấy địa-phương ấy, cuộc cát-cử đã thành. Năm là quốc-dân mới thoát-ly ra ngoài vòng chuyển-chế, còn đương tưng-sinh, chưa biết yêu-mến trật-tự. Sáu là quốc-dân còn ít người có hoàn-toàn-tư-cách làm nghị-viên. Bảy là quốc-dân quen thói cách-mệnh, quen lối độc-lập, chưa biết yêu chính-phủ, chưa biết đoái toàn-cục. Những cái nguyên-nhân ấy, thuộc về hiện-tượng, tuy có rồi như canh hẹ, nhưng cũng dễ xét. Lại còn vài cái nguyên-nhân nữa, thuộc về ẩn-tính, thái-trạng rất nguy-hiểm, ảnh-hưởng rất sâu-xa, mà cái phương-pháp bỏ-cứu tưởng cũng rất khó-khăn.

Nước Taunguyên là một nước rất cổ-văn-minh, ngoại bốn nghìn năm nay, trong lịch-sử hiện đã có giá-trị, quốc-dân rất phong-phú về cái chủ-nghĩa phục-tông. Bao nhiêu kinh - truyện của thánh-hiền, cho đến cách-ngôn

minh - huấn của lịch-dại danh-thần danh-nho, chất lại đã như núi, chứa lại đã như rừng, phát-minh về đường luân-lý, phổ-diễn về đường trật-tự. Cho nên trật gọi là thiên-trật, tự gọi là thiên-tự; thiên là gì? thiên tức là công-lý, quốc-dân mà có cái đức-tình phục-tông công-lý, thực là cái hạnh-phúc của loài người, mà thực là cái của báu vô-giá ở thế-gian. Gia-dĩ những thi-ca của xã-hội sở ngậm-vịnh, những náo-tử của tổ-tiên sở di-truyền, những mỹ-thuật của quốc-dân sở quan-cảm, những luân-lý của gia-đình sở kết-cấu, dân - tộc Tàu có thể bỏ cả đi được không? Hẳn không. Thế mà nhất-dân kiến-quốc là dân-chủ, là cộng-hòa, là bình-dẳng, là tự-do, chẳng khác gì cái đồ vuông mà lại dấy cái nắp tròn; cái đồ là quý mà cái nắp cũng là quý, chỉ hiềm về một nổi đầu Ngô mà mình Sở dấy thôi. Chính như người bác-sĩ nước Mĩ là ông Cồ-dức-nặc khi làm tổng-thống-phủ cố-vấn-đại-viên ở Tàu, cũng phản-nàn rằng chế-độ dân-chủ không thích-hợp với dân-tộc Trung-hoa. Xét ra lần đệ-nhất Cách-mệnh ở Vũ-xương, quốc-dân hoan-ngheh lắm, cho nên chỉ vài tháng mà thành-công, nhưng quốc-dân hoan-ngheh đó, chẳng qua là quốc-dân ghét người Mãn đã lâu, hoan-ngheh về sự cắt bím dấy mà thôi, chứ cũng không mấy người hoan-ngheh gì cái chủ - nghĩa dân - quốc, chủ-nghĩa cộng - hòa. Hiện nay, trên tự phái quân-phiệt, dưới đến phái đại-biêu nghị-viên, phần nào là phần tùy-tâm dân-quốc, tùy - tâm cộng - hòa, tưởng cũng ít mà trở ra được.

Dân-tộc nước Tàu ngày nay, không phải là không có người nào biết được cái tinh-tủy cộng-hòa, nhưng số ấy thì tưởng còn ít lắm. Trừ những người đã lịch-duyet lão-luyện ở hải-ngoại về không kể; còn thì phần nhiều là những bọn thiếu-niên khách-khí, mới đi du-học về. Bọn thiếu-niên ấy, khi

ở bên Ba-lê, bên Luân-đôn, bên Nữu-uớc, thì chưa thấm vào đâu ; khi về đến đất Tàu, thì đã kẻ là danh - giá. Nếu ở về cái nước đã có trật - tự thì con đường tiến - hóa, cứ tuần - tự mà lên, thật là có ích, mà cũng không hại gì. Nhưng lại ở về cái nước thời - cục đương phân-vân, hành-vi ngôn-luận, đều được tự-do. Đại-dễ cái đức - tính những kẻ thiếu-niên, đối với cuộc ký-vãng thì thường cho là trần - hủ, đối với cuộc hiện-tại thì thường cho là bó-buộc, mà thường hay có cái mộng-tưởng hảo-huynh về cuộc tương - lai, cũng là do về cơ não - thức hay còn phù-bạc, học - vấn chưa được sâu-xa. Gia-dĩ cái phong-trào quá-khích nước Nga xúc-tiếp ở gần ngay đó, bọn thiếu-niên nước Tàu há lại không bị ít nhiều ảnh-hưởng hay sao. Vài cái nguyên-nhân bất-hòa kẻ ra như trên đó, là cái nguyên-nhân thuộc về tinh - thần, kẻ xem thời-cục nước Tàu, tưởng cũng nên xét đến.

Lại xét ra, dân - tộc nước Tàu hiện nay cũng có một hạng người thuần-lương an-hảo, không say - sưa gì cuộc cộng-hòa, mà cũng không can-đự gì cuộc bất-hòa. Hạng ấy đại-dễ là những người chăm-chỉ thực-nghiệp, cần-mẫn làm-ăn, hoặc canh-nông ở nội-dịa, hoặc buôn-bán ở hải-ngoại. Và những người học-vấn đã hơi khá, có Khổng-giáo tinh-thần ; đối với gia-dình, chăm sự hiếu-đễ ; đối với xã-hội, mong sự tiến-bộ ; đối với bang-quốc, chán

sự binh-cách, mà mong sự an-ninh. Hạng người ấy thật là cái đặc-tính của dân-tộc nước Tàu xưa nay, mà hạng người ấy tưởng còn là số nhiều. Nếu chính-phủ nước Tàu mà ra chính-phủ, đề-tuê những hạng dân tốt ấy lên con đường tiến-bóa, thì cái thời-kỷ hạnh-phúc, tưởng cũng không xa gì.

Kể thực-giả xem lịch-sử nước Tàu, cũng mong rằng một ngày kia Chính-phủ nước Tàu sớm có thể-thống mà chỉnh-dốn lấy chế-độ văn-minh, học-giả nước Tàu sớm có học-thuyết mà điều-hòa lấy văn-hóa Đông-Tây, thì nước Tàu sẽ có cái danh-dự là một nước lớn ở trong thế-giới. Chứ hiện nay thì thật là còn hủ-bại lắm. Người ta chỉ biết rằng văn-ngệ là hủ-bại, thủ-cụ là hủ-bại, chuyên-chế là hủ-bại, bốn năm mươi năm nhà Mãn-Thanh về trước là hủ-bại, nhưng biết đâu rằng tư-tưởng là hủ-bại, duy-tân là hủ-bại, cộng-hòa là hủ-bại, trong mười năm Dân-quốc sau này lại là hủ-bại. Luận-giả đối với thời - cục nước Tàu, chỉ biết cầu lấy nguyên-lý như vậy mà thôi ; còn về phần tương-lai biến-thiên ra thế nào, thì cũng không biết đâu mà dám dự-đoán. Nay bằng xin tả qua về cái lịch-sử bất-hòa của nước Tàu trong mười năm nay như sau.

(Còn nữa)

TÙNG-VÂN



BÀI KÝ PHONG-THỎ TỈNH VINH-YÊN

Núi sông ruộng đất bao giờ cũng thế, nhưng mở - mang san - sửa, thời tại ở người; nhờ khí tốt trời đất bầm-sinh ra người bao giờ cũng thế; nhưng trình-độ tiến-hóa, mỗi thời mỗi khác; như thời-đại dùng đồ bằng đá thời sự tiến-hóa còn chậm; thời-đại dùng đồ bằng sắt thời sự tiến-hóa đã hơi chóng; đến thời-đại dùng đồ bằng các loại kim, và các máy hơi nước, hơi điện, thì sự tiến-hóa lại càng chóng lắm. Châu Âu châu Á cùng một lẽ ấy, đó là cái lệ thường từ xưa đến nay vẫn như vậy.

Tỉnh Vinh-yên này nguyên trước thuộc tỉnh Sơn-tây, từ tháng chạp năm Thành-thái thứ 11 (Janvier 1899) nhà nước Bảo-hộ thấy địa-thế ở về bên tả sông Hồng-hà, di lại việc quan không được nhanh-chóng, mới đặt riêng là tỉnh Vinh-yên. Lý-sở ở xã Tích-sơn, tổng Định-trung, huyện Tam-dương, thống-trị tất cả 5 phủ huyện là: phủ Vinh-tường, huyện Yên-lạc, huyện Tam-dương, huyện Lập-thạch, huyện Bình-xuyên (huyện Bình-xuyên nay trước thuộc tỉnh Thái-nguyên, năm ấy mới sáp vào tỉnh Vinh-yên). Khi mới đặt tỉnh thì quan Công-sứ LOMER làm Thủ-biến, quan Án-sát Đỗ Phú-Túc làm quan tỉnh. Đến nay đã 25 năm, người thêm nhiều, ruộng mở rộng, hiện bây giờ số đinh được 49.735 người, thuế sưu được 124.375 \$ 50, số ruộng được 191.025 mẫu, thuế ruộng được 151.925 \$ 30, cộng cả thuế đinh thuế điền được 276.302, \$ 80, cũng là một tỉnh bậc trung ở xứ Bắc-kỳ.

Núi thì có:

1) Núi Tam-đảo cao ước 1200 thước, trông xa thấy ba chòm núi đứng liền với nhau, như ba cái đảo, nên gọi núi Tam-đảo, chạy dài từ huyện Tam-dương, huyện Bình-xuyên đến tổng Thiện-kế tổng Hội-kế châu Sơn-dương tỉnh Tuyên-quang;

sau lưng núi này là địa-phận tỉnh Thái-nguyên, bên tả thì có núi Độc-tôn cao hơn.

2) Núi Lộng-sơn ở tổng Tam-lộng huyện Bình-xuyên, hình tròn như cái trống, nên người ta gọi núi Trống.

3) Núi Sáng sơn thuộc về tổng Đạo-kỷ, huyện Lập-thạch, chạy dài vào tổng Hữu-vu châu Sơn-dương tỉnh Tuyên-quang, trong núi này có quặng đất phẳng rộng, ước 5, 6 mẫu An-Nam, bốn bề cây-cối quanh bọc, hình-thể sâu hiểm, năm Duy-tân thứ hai, dư-đăng giặc Đê Thám ẩn núp trong núi ấy, quan-quân tiểu-nã lâu mới bắt được.

Sông thì có: Sông Đáy, sông Lô, từ tỉnh Phú-thọ chảy về cùng hội lại ở phần sông xã Bạch-hạc gọi là ngã-ba Hạc. Lại có con sông phát-nguyên từ núi Tam-đảo đi qua phủ Vinh-tường huyện Yên-lạc, huyện Bình-xuyên, rồi chảy vào phần sông tỉnh Phúc-yên.

Sông Cà-lồ là sông chánh của con sông lớn, cửa sông ấy ở về bờ bên tả sông lớn, thuộc địa-phận huyện Yên-lạc, bây giờ cửa sông ấy lấp rồi, mùa hạ mưa to thì nước sông cứ theo dòng sông chảy qua huyện Bình-xuyên rồi đổ vào sông Nguyệt-đức tỉnh Phúc-yên.

Đầm thì có một cái đầm gọi là đầm Bạc ở về huyện Tam-dương, dài rộng và sâu, quanh năm không lúc nào cạn. Lại có một cái ngòi, tục truyền ngòi ấy là khi trước ông Sứ-quân Nguyễn Khoan đóng đồn quân ở xã Vĩnh-mô huyện Yên-lạc đào ra cho nên dân ở đấy gọi là « Nguyễn-gia-loan » 阮家灣.

Danh-lam thắng-tích thì ở trên đỉnh ngọn núi bên hữu núi Tam-đảo có một cái chùa bằng đồng thờ bà Tây-Thiên Thần-Mẫu rất thiêng, người ta không ai đi đến, chỉ có những Mán rừng thường theo đường tắt vịn cây chèo đến thối.

Ở tổng Miêu-duệ huyện Tam-dương có núi Đinh-sơn, người ta nói lúc triều nhà Trần bị giặc Nguyên lại đánh, có anh em họ Lê bảy người, đóng đồn quân ở núi này, rồi vắng chiều vua đi đánh giặc, lúc giặc đã yên thì anh em lại về núi ấy, cùng hóa đi cả một ngày, những dân ở gần đây nhiều nơi thờ làm Phúc-thần, triều vua các đời đều có sắc phong. Trên đỉnh núi có cái ao, sườn núi có cái lăng bảy giờ vẫn còn.

Đền Bắc-cung ở huyện Yên-lạc thờ thần núi Tân-viên, có tiếng rất thiêng, dân ở chỗ ấy kể xa người gần, cầu khẩn rất đông, quan Huyện sở-tại theo cách-thức cải-lương sai làm một hòm « Két », giao cho dân sở-tại tổng Đông-lỗ tổng Thư-xá, thu lấy những tiền công-đức để sửa-sang đền miếu, ngày thêm rực-rỡ.

Quán Tam-thanh ở xã Bạch-hạc huyện Bạch-hạc thờ thần Bạch-hạc, có ba quả chuông lớn đúc cùng từ đời nhà Trần nhà Lê, bây giờ vẫn còn, dân sở-tại giàu-có lắm, sửa-sang quán ấy rất là rộng-rãi, hai bên tả hữu vu một bên làm trường học, một bên làm trường công-nghệ, có ý thi-hành việc cải-lương cho có thực-hiệu.

Phong-tục thì dân ở tỉnh này đều quê-thuần-hòa.

Nhân-vật tỉnh này quan văn quan võ đời nào cũng có, như xã Sơn-dông huyện Lập-thạch có ông Trần Nguyên-Hãn, giúp vua Thái-tổ nhà Lê mở nước, là người bày-tôi khai-quốc công-thần, dân xã ấy lập đền miếu ở chỗ nhà cổ-trạch của ngài thờ làm Phúc-thần.

Xã Yên-lạc huyện Yên-lạc có ông Phạm Công-Bình thi đỗ Trạng-nguyên năm Trinh-khánh thứ 3 đời vua Huệ-tôn nhà Lý. Xã Lý-hải huyện Bình-xuyên có ông Đào Sư-Tích thi đỗ Trạng-nguyên năm Long-khánh thứ 3 đời vua Tuệ-tôn nhà Trần, làm quan đến chức Hành-khiển (Tướng), ông Nguyễn Duy-Tự (quán xã Yên-lau huyện Bình-xuyên) làm quan Thái-tể triều nhà Lê. Ông

Nguyễn Khắc-Cần (quán xã Trung-hà huyện Yên-lạc) thi đỗ Tiến-sĩ đời vua Tự-đức nguyên-niên, quan làm đến Tuần-phủ. Ông Nguyễn Văn-Độ (xã Nhật-chiều) thi đỗ Tiến-sĩ năm thứ 9 đời vua Tự-đức, làm quan Án-sát suơng Tân-lý tỉnh Cao-bằng, ông Nguyễn Văn-Ái (xã Thu-ích) đỗ Tiến-sĩ đời vua Tự-đức năm thứ 22, làm Tân-lý quân-thứ tỉnh Bắc, hiện có tên chép ở trong Đăng-khoa-lục.

Sản-vật. — Ở núi Tam đảo có sản cũ nâu duộm vải, ở xã Sơn-bình có sản thứ tre hoa, ở đầm Bạc có thứ đất thó trắng dân ở đây quanh năm vẫn lặn xuống nước lấy đất ấy để làm nôi ấm đồ dùng, hoặc xe chõ hoặc người gánh đất ấy đi lại không lúc nào nghỉ; cá ở trong đầm ấy rất ngon. Ở sông Hạc lại có thứ cá anh-vũ rất quý.

Nghề làm ruộng, có nhiều đồn-tiền:

1) Đồn-diễn Bắc-bình là của ông tây Gilet.
2) Đồn-diễn Tam-lộng là của quan Đổng-thống trị-sĩ Đỗ đình-Thuật, mỗi đồn-diễn ước hơn 2000 mẫu.

3) Đồn-diễn Miêu-nhuệ là của ông Nghị-viên Nguyễn Hữu-Lự, theo sườn núi Tam-đảo khai-khân ra, những chỗ đồi núi mà lập thành ruộng tốt, đồn-diễn này chạy dài qua hạt Tam-dương Bình-xuyên rộng ước hơn 6000 mẫu, nhiều chỗ nhân nước tự-nhiên trong suối núi chảy ra mà làm máng để dẫn vào ruộng không lo gì sự cạn lụt, thực là một tay giỏi đi khai-diễn.

4) Đồn-diễn Xuân-lãng là của ông Nghị-viên Trần Viết-Soạn mua ruộng của tổng Hương-canh tổng Xuân-lãng mà lập thành ra, rộng ước 2000 mẫu, đều là ruộng thực-diễn không tốn công khai-khân.

Lại có ấp Thi-dồng rộng ước 400 mẫu của ông Nghị-viên Nguyễn Văn-Tiến, ấp Bình-di ước 60 mẫu, ấp An-dương ước 200 mẫu đều của ông Nghị-viên Trần Kỳ, những ấp này đều nhân chỗ đồi núi mà khai-khân ra cả. Đến như ruộng của các dân xã nhà quê thì ruộng ở hạt Vĩnh-tường, Yên-lạc là tốt hơn, thứ hai đến

hạt Lập-thạch, còn ruộng ở hạt Tam-dương hạt Bình-xuyên thời ruộng mỏng lạn mà xấu.

Việc công-nghệ. — Dân tổng Định-trung huyện Tam-dương có nghề lấy đất thó dăm Bạc nung nổi đất, đem bán các tỉnh Thượng-du và Trung du giá rẻ mà được lợi nhiều. Dân tổng Hương-canh huyện Bình-xuyên có nghề nung gạch chum đựng nước, chậu trồng hoa và tiểu sành đem bán khắp cả mọi nơi.

Lại có lò làm gang để đúc lưỡi cày, sanh nổi và các đồ dùng. Xã Vĩnh-mỗ huyện Yên-lạc có nghề làm các đồ mây như ghế ngồi, giường nằm, bàn con, giá áo, càng ngày càng tinh-xảo.

Các chợ 10. — Ở tỉnh có chợ Cát. Xã Hương-canh huyện Bình-xuyên có chợ Cánh, xã Thổ-tang phủ Vĩnh-trường có chợ Dàng, xã Đâu-tri huyện Tam-dương có chợ Vàng, xã Yên-hạ huyện Tam-dương có chợ Mây, xã Thư-xá huyện Yên-lạc có chợ Lãm, xã Đại-lữ huyện Lập-thạch có chợ Lã, đều là nơi đổi bán hàng-hóa và trâu bò tiêu-thụ rất nhiều.

Các đồn trú. — Ở núi Liên-sơn núi Tam-đảo đều có đồn quân đóng, có quan Một khối xanh trông nom, quan Giám-binh ở tỉnh quản-đốc cả việc lính khối-xanh.

Đê sông. — 1. Đê sông lớn thì ở về bờ bên tả tự xã Bồ-sào huyện Bạch-hạc qua hạt Vĩnh-trường đến chỗ cống Lỗ xã Nghênh-tiên huyện Yên-lạc dài 32 cây-lô-mét.

2. Đê sông Đáy thì tự tổng Hoàng-chuế huyện Tam-dương đến tổng Nghĩa-yên huyện Bạch-hạc dài 13 cây. Đê 2 sông này đều là sung-yếu, nên phải phòng sẵn trước khi chưa có nước, là kỳ tháng chạp tháng giêng An-Nam.

Trường-học. — Ở tỉnh vẫn có trường Pháp-việt 2 lớp, sau học-trò càng đông không đủ chỗ ngồi, đến năm 1919, 1920 quan Công-sứ BOUCHET làm riêng một trường mới, vừa cao vừa rộng ngồi được hơn

250 người học-trò, còn chỗ trường cũ thì đặt làm trường con gái, ngồi được hơn 100 học-trò con gái.

Nhà Thương. — Lúc mới đặt tỉnh thì nhà thương làm hãy còn chật-hẹp, đến năm 1919, 1920 quan Công-sứ BOUCHET từ xin quan trên mua sở Y-tế của nhà Chung mà sửa-sang lại để làm nhà Thương, rộng-rãi hơn trước nhiều.

Tòa-Án. — Tòa Án trước đặt ở một buồng trong tòa Sứ, đến ngày đăng-đường đông quá chật-hẹp không đủ chỗ đứng, quan Công-sứ BOUCHET định lấy cái nhà xéc để làm Tòa-Án, nhưng chưa thi-hành, sau quan Công-sứ BRIDE sửa-sang nhà xéc ấy để làm Tòa án, làm buồng, đóng bàn ghế và chấn-song, đều theo như kiểu-mẫu ở tòa Thượng-thâm; năm 1922 đem tòa Án sang nhà ấy, thì đến ngày đăng-đường được rộng-rãi và nghiêm-trang.

Việc Cải-lương. — Ngày 12 tháng 8 năm 1921, thừa Nghị-định quan Thống-sứ thi-hành việc cải-lương hươn-chính, toàn tỉnh Vĩnh-yên này tất cả là 303 xã, thì năm nay (1924) đã được 280 xã 29 thôn lập xong Hội-đồng hương-chính, và được 273 xã-thôn làm xong sổ chi-thu và các sách. Chiều tính số thu của các xã-thôn trong năm 1923 được là 104.757 88 (do tính cả tiền gốc lãi quốc-trái công-dân ở trong ấy) lại tính số thu của các xã-thôn trong năm 1924 (do trừ không kể tiền quốc-trái công-dân) thì được là 93.044 00. Số hương-ước thì đã duyệt được 181 xã-thôn phát-giao dân tuân-hành rồi. Thư-ký, Thủ-quĩ đã có trường dạy ở tỉnh, học-trò đã thi đỗ được 483 người.

Nói tóm lại thì tỉnh Vĩnh-yên này việc học, việc công-nghệ, việc thương-cổ so với các tỉnh cũng không khác gì, duy có việc dẫn-thủy-nhập-diễn thì việc canh-nông được phát-dạt hơn, máng dẫn-thủy bắt đầu từ năm 1914 đến năm 1923 mới xong, cách làm là nhờ có nước sông Đáy tự tỉnh Tuyên-quang chảy xuống, xây cù đá ngang lòng sông để cho nước sông cao lên

phải trèo lên 2 bên bờ rồi đào ngòi xây cống ở bên bờ sông để lấy nước vào, chỗ cửa cống xây bằng đá và có máy xoay vận cánh cửa mở ra đóng vào rất tiện; rồi đào một cái kênh lớn nối vào cái ngòi ấy chạy vào trong đồng dài 50 cây để dẫn nước vào ruộng, lại đào 12 cái kênh nhỏ nối liền vào kênh lớn dài 82 cây để thông nước đi các cánh đồng khắp cả 5 phủ huyện, tưới được ước 45.000 mẫu An-Nam (17.000 mẫu tây). Bởi thế nghề làm ruộng ở tỉnh này được thịnh-vượng hơn các tỉnh khác, cũng là nhờ gặp được lúc bây giờ là thời-dại dùng các loài kim và các máy, lại nhờ cái phép học Bác-vật và học đo-lường của Qui-quốc để dùng

tri-khôn suy-tính mà làm ra, mới có quang-cảnh được tiến-hóa như thế.

Tôi làm Tuần-phủ ở đây đã 3 năm nay, xem sự-tích cũ mà cảm-nhớ người đời xưa, thấy công-việc mới làm mà vui-mừng cho dân gặp cái hội văn-minh này, đã nhờ được ơn mưa-móc thấm-nhuận của Triều-đình ta, lại học được cái học-thuật hay của Qui-quốc, có lẽ càng ngày càng tiến-hóa thêm lên, cùng được hưởng cái hạnh-phúc thái-bình, thịnh-vượng và tươi-tốt lắm thay.

NGUYỄN VĂN-BÀN
Tổng-đốc Hải-dương
(Nguyễn Tuần-phủ Vĩnh-yên)

CÂU CHUYỆN « TIỀNG TA » BÊN KINH-ĐÔ PHÁP

Một ngày kia, trong kỳ nghỉ lễ, anh em ba bảy, cùng nhau dạo phố, lững-thững ra đến ngoài ô, cửa vào rừng lớn (*bois de Vincennes*), ở phía tây thành-phố Paris. Bên bảo nhau vào rừng chơi. — Mới qua cái khung cửa tò-vò lá tết cảnh chen của Tạo-hóa phở bày cho đẹp khách du-xuân, mà ai nấy cùng một cảm-giác, cùng một mối tình, như mát-mẻ trong lòng, như lâng-lâng trong dạ, như thoát mình ra ngoài cõi phong-trần mà bước chân vào nơi lạc-thở vậy.

Cái hoàn-cảnh đã khác — mà hoàn-cảnh rất có ảnh-hưởng về tư-tưởng — thì tư-tưởng ắt cũng đổi thay.

Những câu chuyện gần đây nói dấy của anh em từ lúc bước chân ra đi đến giờ, thay hẳn phương-diện khác. Nhưng mới vào cái hoàn-cảnh mới, cũng như vào trong nhà mới, tất còn phải mất ít thì-giờ để nhường cho con mắt xem được thỏa-thích đã: ai có lòng thơ lai-láng, thì nài cỏ xanh, cây lá rậm, chim hót, nước hồ trong; ai hay chạnh nỗi nhớ nhà, thì nào bóng xế tà, cảnh trời dâm, khách ngao-du đó, ai người tri-âm!... mà nào ai chỉ cả bốn phương, thì phong-cảnh đó cũng tạm yên được tấm lòng viễn-vọng, tưởng-tượng mình như cái chim mới nở kia,

lông cánh chưa đủ, khó được cao bay, nhưng ngày tháng còn dài, trời xanh trước mắt... Ấy khi cùng nhau mới bước vào dưới bóng cây, thì xúc-cảnh sinh-tình, mỗi người một vẻ, mà ai nấy ngẫm-ngĩ trong khoảng mơ hồ, nào ai có nói với ai. Đi càng rảo bước, rừng vào càng sâu, rừng vào càng sâu thì cảnh rừng lại càng tĩnh, mà cái óc của anh em càng như hơi rượu bắt say.

Đến khi cảm-xúc quá thì chẳng biết cái thần-lực gì bắt phải phát-lộ ra lời nói. Vậy thử tôi cái câu chuyện của chúng tôi tự-nhiên phát ra lúc ấy, có ai đoán được nó bắt đầu thế nào chăng? Nếu ai cùng chúng tôi đi từ nấy đến giờ, chắc đoán rằng câu chuyện ấy bắt đầu bằng một tiếng thở dài chung.

Nhưng giọng thở dài ấy là giọng thở dài bên đất khách, cho nên lời nói theo cũng lạc hẳn tiếng nước nhà. Xin ai đừng vội trách, đã có lòng cùng chúng tôi đi ngoạn cảnh rừng, xin cũng cùng chúng tôi nghe câu chuyện cho đến lúc ra về, rồi hãy bình-phẩm, mới được công-bằng.

Một người trong bọn đứng dừng lại, chống mạnh cái « can » xuống đất, rủ anh em tìm chỗ nghỉ chân. Thì ngay đó, bãi cỏ xanh, cây cối rậm, một rãnh nước chảy tí-tách qua

gỗ đất trên xuống gỗ đất dưới, ngoảnh-ngheo theo chiều chỗ trũng mà chảy sen kẽ gốc hàng cây. Cùng nhau ngồi xuống, đi đã lâu nên người thấy mỏi : người ngồi tựa vào cột cây, kẻ nằm lẫn trên chiếu cỏ. Một người xuống lên câu chuyện bầu-củ kỳ thán năm mới này. — Câu chuyện bầu-củ vừa tàn, thì thốt-nhiên nghe một giọng nói có bề thanh-lịch, có vẻ nghiêm-trang, cùng lần khói thuốc từ gốc cây kia đưa đến. Anh em ngoảnh lại thì ra Tạ-quân ngồi đó, mãi bấy giờ mới lên tiếng. (Câu chuyện, từ đây nói bằng tiếng ta).

Tạ-quân nói (ký-giả đây văn-chương quốc-âm vụng-vẽ, nên chỉ chép lấy ý ra đây mà thôi) :

— Chúng ta ngồi đây, trên trời, dưới đất, chung-quanh những cỏ cùng cây, bao những tiếng ồn-ào trong thành-phố Paris đã bị ngăn hẳn từ lúc vào rừng, mà bao những cảnh cùng người khác với ta cũng lại xa-xa hẳn như cách ta mấy nghìn trùng vậy. Sao ta không tưởng-tượng như đương ngồi trong vườn Bách-thú, trên trại Hàng-hoa, mà cùng nhau nói tiếng nước nhà, phỏng có thú không ?

Phạm-quân trả lời :

— Tạ-quân nói rất có lý, phương-chi Tạ-quân là người trong Nam, mà trách ta câu ấy, không thể không nhận là một lời chí-lý, một ý rất cao. Nhưng có bốn điều, Tạ-quân cũng chẳng nên không công-nhận :

Một là bởi thói quen. — Muốn học tiếng nước người cho thông-thạo, ắt phải sang đất khách mới nên công : vì có đổi hoàn-cảnh như thế, thì mới nhiễm lấy được cái thần. Nhưng anh em ta sang đất Pháp, đã đành khoa ngôn-ngữ chỉ là cái phần phụ của mục-dịch ta đi du-học, mà chẳng phải là không nên đề ý. Ở đất người, chung-dụng với người, cần phải biết phong-tục nước người, đi sông tùy khúc, vào nhà theo tục, ấy là nghĩa thế. Thế mà muốn biết tục nước người, ta lại cần phải thạo tiếng nước người. Ấy vì lẽ đó, mà bấy lâu nay anh em mình quen thói động nói là nói tiếng người, cũng như bấy lâu học chữ nghĩa người động tư-tưởng là cũng tư-tưởng bằng óc người, còn óc mình tựa-bỏ như đồ rành về sau này mới dùng đến.

Cho nên rằng trong khi ta gặp nhau, xác Nam-Việt đó, hồn Nam-Việt đó, mà từ tiếng hỏi thăm, đến câu nói chuyện, đều tạm thay tiếng Pháp vào tiếng nước nhà cả.

Hai là bởi muốn cho nhau hiểu thông-đồng. — Ta nên nhắc lại cái vấn-đề ngôn-ngữ của nước ta, thì ta đã rõ thấy rằng có lắm khi người Bắc nói, người Nam không hiểu ; hay người Nam nói, người Bắc hiểu lầm. Cũng vì đó mà báo-giới bên nhà, Bắc Nam không mấy khi là chung cùng một ý. Rồi suy ra muốn việc xây trong xã-nội, phần nhiều in như câu nói « trống đánh xuôi, kèn thổi ngược ». Ấy là bởi đâu ? Bởi ngôn-ngữ không thông-đồng. Lại, câu chuyện thường còn chưa hiểu rõ được nhau, phương-chi đến những câu chuyện cao-xa đôi chút. Trong đám anh em ta đây, họp mặt có đủ cả người Bắc lẫn người Nam, muốn cùng nhau ai nấy cũng đều hiểu-lộ được ý riêng, thì tưởng dùng một thứ tiếng ngoài mà anh em đã quen cả, có lẽ tiện hơn.

Ba là bởi chúng ta đây không đủ chữ dùng. — Ta vẫn đành nhận rằng tiếng ta chẳng phải là nghèo, nhưng ở đời này cái trí-não con người ta càng rộng, cách sinh-nhai con người ta càng nhiều, mà cái tiếng dùng càng ngày càng phát-sinh ra ; hiện các nước văn-minh còn phải mượn gá các thứ tiếng, lập lấy thứ tiếng riêng để dùng, thì tiếng nước ta cũng chẳng dám tự-phụ đã là giàu. Các nhà lo về vận nước, tức là lo về hồn nước, mà tức là lo về tiếng nói diễn-dịch cái hồn ấy ra, đều sốt-sắng tìm-tòi nhiều tiếng mới, hoặc là mượn ở chữ Tàu, hay mượn ở chữ Tây, để gây lấy một nền quốc-văn của mình. Nhưng chúng ta đi du-học bên đất Pháp, dẫu tiếng « mẹ đẻ » không đến nỗi quên, — vì hồn chẳng lạc, thì tiếng chẳng hề quên, — nhưng các danh-từ mới ta cũng không được thuộc cho lắm, cho nên có nhiều ý ta muốn nói mà ta chẳng nghĩ được tiếng gì để diễn ra cho lộn. Những lúc ấy, tia tai đỏ mặt, tưởng chừng như cơn giận dè trên cổ họng vậy.

Bốn là bởi câu ý mà chẳng cần lời. — Anh Tạ ơi, chúng ta đây, chẳng phải như loài cây cỏ vô-trí, cũng biết đứng trong cảnh rừng này mà động tới lòng « nước cũ vườn xưa », Ai

ai cũng tưởng-tượng như ở trại Hàng-Hoa thành Hà-nội như anh vừa nói vậy, chớ có lẽ đâu chỉ biết tưởng đến cái khi ông J. J. Rousseau đến đây thăm bạn bị tù, hay chỉ nghĩ đến cái khi vua Louis ngự-giá gần đây để xử việc muốn dân. Nhưng một câu chuyện có ích trong quãng rừng không, tưởng chỉ cần ở ý, ý đại là hơn. Giả như ta nói tiếng nước nhà kém, muốn cố ép vào câu chuyện phải cần nhiều chữ mà ta không biết, thì không những người nói khó tả hết ý, mà có khi người nghe cũng chẳng hiểu được gì. Nông-nổi đó là bởi từ khi ta đi học đến giờ đã bao giờ ta được học tiếng nước nhà ta? — Ta-quân trách anh em thế cũng phải, anh em xin chịu lỗi, nhưng cũng xin đoán xét lại cho mấy lẽ vừa kể đó, và lượng cho cái nông-nổi khó-khẩn ấy.

Ta-quân ngắm-ngẫm hồi lâu, rồi nói :

— Cứ theo mọi lẽ Phạm-quân vừa kể, thì cái ý ban đầu của tôi càng rõ là ý rất tự-nhiên, mà chẳng nên hổ hoài. Tôi đâu chẳng thạo tiếng nước nhà, nhưng cũng cố nói với anh em về câu chuyện này.

Tiếng nói là gì? Tiếng nói là đồ dùng của sự nghĩ. Tiếng nói cốt để dịch những ý-tưởng bằng từng tiếng, những sự xét-đoán và bàn-bạc bằng từng câu, cho nên tiếng nói cùng với chế-độ, tư-tưởng, mĩ-thuật, văn-chương, đều coi như là những cái biểu-tượng ở bề ngoài của linh-hồn loài người đã gây dựng ra. Muốn cho linh-hồn ấy sống thì tiếng nói phải còn; mà muốn cho linh-hồn ấy sáng-suốt thì tiếng nói phải nên tỏ-điêm. Có người nghe nói « tỏ-điêm » đã nghĩ là phải mượn thêm tiếng khác mà sợ rằng lạc mất quốc-hồn chẳng. Nhưng không phải. Như nước Pháp, chưa đầy hai thế-kỷ sau khi bị La-mã thôn-tính, dân *Gaulois* dùng tiếng La-tinh cả; nhưng tiếng ấy, người *Gaulois* đổi khác ngay đi, điều-hòa với thổ-âm của mình, một là để cho thuận đầu lưỡi mình, hai là để cho thích-hợp với sự cần-dùng riêng của nói-giống mình. Nhân sự cải-cách điều-hòa đó, mà kết-quả thành ra tiếng Pháp ngày nay. Thế thì sự tỏ-điêm tiếng nói, dù nhân cũ mà tỏ-điêm thêm, hay mượn mới mà tỏ-điêm vào, đều không hại gì, chỉ cần để dùng để diễn được tinh-thần của một nói-giống mà vì đó giữ được linh-hồn của nói-giống mà

thôi. Nếu tiếng mất thì tinh-thần chẳng còn, linh-thần chẳng còn, thì linh-hồn mong sao sống được.

Ai cũng biết trong cái thế-kỷ muốn đại-đồng này, nước nào mạnh đã đành, — vì nước mạnh thì tiếng phải thịnh-hành, — còn nước yếu phải cố giữ lấy tiếng riêng, rồi tỏ-điêm cho đủ dùng, chính là đề-đối-đãi với ngoài. Nhưng muốn thế thì làm thế nào? chửc-trách ấy ở ai?

Làm thế nào? Phải rằng trong óc mỗi người đều phải biết tự-trọng, muốn tự-trọng phải trọng cả lời mình nói ra, đừng khinh tiếng mình, đừng thẹn nói tiếng nước mình. Tôi thấy anh em du-học bên này, nhiều khi gặp nhau, nếu có ai nói tiếng ta, thì người khác vội làm dáng-điệu đáng ghét, bảo nhau đừng nói tiếng cục-kịch khó nghe mà! Ôi! thế nào là cục-kịch? Thế nào là khó nghe? Đừng khi nào trong câu chuyện giữa đám hội, có người nước khác dự vào mà mình biết tiếng người ta muốn giữ lễ-phép với người ta thì hãy dùng tiếng họ cho cùng hiểu cả. Thử xem người Tàu người Nhật hay các người ngoại-quốc họ gặp nhau, họ nói chuyện, họ bàn-bạc với nhau, họ đều dùng tiếng nước họ cả. Ấy cũng là đề chia mỗi tinh-hương-quốc với nhau, mà cũng là đề tỏ cho người bản-xứ biết nước họ cũng có tiếng riêng để dùng. Sao mình không biết vậy?

Trọng tiếng không đủ giữ được tiếng, còn phải dùng đến luôn. Dùng đến luôn thì nói mới dễ, và lắm khi từng tiếng lại tự-nhiên đặt thêm được nhiều tiếng mới, thế cũng là cách tỏ-điêm đó.

Dùng đến luôn mà dùng xằng cũng vô-ích, lại phải cần-thận như khi nói tiếng nước ngoài cần sao cho đúng mẻo, thế thì tiếng mới thịnh.

Còn hỏi rằng chửc-trách ở ai? Không kể chi nước Pháp là nước văn-minh đối với ta muốn giữ chủ-nghĩa nhân-đạo, nghĩa là chẳng muốn phá-hoại cái phong-tục tốt, cái chế-độ hay, cùng các cách tỏ-chức trong xã-hội ta gây dựng ra bởi cái nền vững-chãi tự bốn ngàn năm, thì tiếng của ta chắc Nhà-nước Bảo-hộ chẳng hề khi nào muốn thay hẳn bằng tiếng Pháp. Nay chửc-trách ấy chính ở ta, ở vua, ở dân, ở hạng thượng-lưu

kiến-thức. Trên Triều-đình trọng tiếng quốc-âm thì dưới thứ-dân—như hóng theo nêu—phải dùng theo: dù nhà đi buôn, nhà làm thợ nhà làm ruộng, ai ai cũng dùng tiếng nước Nam của người Nam, thì dân nước Nam phải dùng tiếng nước Nam cả. Cái chức-trách ấy nặng nhất ở bọn thượng-lưu kiến-thức. Vì cái tinh-hoa nước nhà là chứa ở đó, cái vận-mệnh nước nhà là hệ ở đó; muốn truyền-bá ra, muốn tô-điêm vào, cũng do những tay người ấy.

Tôi nói đến đây, e lạc mất câu chuyện của anh em, nên tôi trở lại, mà kể cái lợi-hại cho anh em ta khi du-học đối với sự dùng hay không dùng tiếng nước nhà thế nào.

Ta đi du-học, vì sợ quên mới càng nên nói, vì sợ thiếu tiếng nên càng phải nói đến luôn. Nếu như chúng ta ở bên đất Pháp, đến khi ra về, tiếng nhà nói không quen, hay không biết đủ nói, thì hối có những hại gì?

Một là lại ở trong gia-đình. Về ở nhà thì những người trong nhà đều chỉ biết tiếng nước nhà, nếu ta không nói được cho người nhà hiểu thì cái tình ấy có vẻ không được thân. Hai là hại ở ngoài xã-hội, đến khi ra đối-phó việc đời mà chẳng nói được cho ai hiểu thì ý ta không đạt, còn ai tin ta, ai cùng ta mà bàn-bạc đến việc nọ việc kia. Cái nông-nổi ấy đã từng trông thấy nhiều lần. Nếu ta đây cũng vậy, thì cái công-phu ta học bấy lâu nay đem thi-thố ra hỏi rằng có ích cho những ai? Lấy tên hiệu gì mà đặt cho chúng ta? Chúng ta tự cam lòng đặt tên hiệu riêng

là « *hạng dở mùa, phường lãng-lỡ* ». Tôi xin anh em nên đề ý.

Phạm-quân lại đáp:

— Ta-quân lo xa quá. Kể người đi du-học—không kể đi tự thừa nhỏ, tức là lúc còn « *hấp bẹ* », thì ở lâu nước người, có lẽ quên hẳn tiếng nước nhà, — trừ hạng ấy ra thì trong anh em ta đây ai đã là quên hẳn. Thế người là tiếng nói trong một nước có hai thứ, thứ dễ thường dùng với thứ dễ dùng về lý-luận, văn-chương...

Ta-quân nói:

— Vì có hai thứ ấy, cho nên trong anh em ta đây, có người nhận được nhật-trình tạp-chỉ bên nhà, xem rồi, nên nhàn dịp thuật lại cho anh em nghe những tiếng mới, những chữ mới mà các nhà văn-sĩ dịch-đăng dùng trong các bài lý-luận văn-chương, dễ người không xem cũng được. Thế tôi tưởng cũng có ích bằng một vài giờ ngồi nghe diễn-thuyết trong các ban học vậy.

Ta-quân nói đến đó, anh em đều vỗ tay khen-ngợi. Cùng nhau reo lên rằng: « Ta nói chuyện tiếng ta từ nãy đến giờ đó! »

Vui-vẻ thay! ngày hôm đó, các cây cỏ trong rừng Vincennes mới được nghe tiếng An-Nam là lần thứ nhất, và được chứng một cuộc hùng-biên của mấy ngàn thiếu-niên Nam-Việt. Thứ hỏi cây cỏ có biết cảm tấm lòng thành-thực của anh em không?

Tà-tà bóng ngả về tây,

Anh em thơ-thần đang tay ra về!...

Paris, Avril 1924

LÊ-NGUYỄN

Du-Pháp học-sinh.

NHÀ QUÊ KỂ CHỢ

— Rõ cái nghèo là cái khổ! nhục quá!...
...Tôi nhìn ra cửa thấy một người nhà quê, đen - dùi, đội cái khăn dung - dúc, mặc cái áo rách, vạt đằng sau sấn cái vào thắt lưng, quần dơ nhọ - nhem, lại ống thấp, ống cao. Người ấy gánh một gánh nặng, những đồ đồng, nào hạc, nào mâm, nào cây nện, ... lễ-mễ bước vào, chào tôi xong, loạng - choạng đặt gánh xuống. Trời nắng trang - trang, người ấy có ý mỗi-một, thở hi-hục, mồ

hôi mồ kè chảy dòng-dòng.

Người này là người làng tôi, mang đồ ra Vạn - bảo cầm, lấy tiền về đóng thuế. Nhân tiện bàn đến tình-cảnh người nhà quê, người ấy nói: « Dân-tinh khổ lắm, ông ạ: Cơm không đủ no, áo không đủ ấm, lại phải đàn anh ăn hiếp. Làng nào cũng vậy, chỉ được một vài nhà giàu có, còn thì ăn bữa sáng lo bữa tối cá. Chúng tôi ở nhà quê, đầu tắt mặt tối, mà vẫn thiếu ăn thiếu mặc, cũng là vì mấy

ông đàn anh ý-quyền nạt-nộ, bòn rút của dân em đến xác như vờ, sơ như động mới thôi...»

Tôi nghe nói thế, sùng-sốt đáp: — Ông nói thế nào ấy, họa ngày trước mới thế, chứ bây giờ hương-chính đã cải-lương, việc làng có hội-đồng trông nom, công-minh ích-lợi lắm, còn đâu cái tệ-tục dè dặt dè cò, cướp cơm cướp áo của người hèn người yếu thế nữa?...

Người nhà quê đáp: — Thế ra các ông không rõ việc nhà quê thật. Các ông còn biết mất mùa là gì, cháy đồng là gì, nước ngập là gì, chỉ biết ăn ngon mặc đẹp, chơi-bời như sấm sét. Rõ trời không công! Không biết kiếp trước các ông tu thế nào mà bây giờ sướng thế? Chúng tôi ở nhà quê đói rách quá, nghĩ thân không bằng...

— Ông tưởng vậy, chứ chúng tôi ở tỉnh chưa chắc đã sướng.

— Thế thì chúng tôi sướng! Sướng lắm! Đàn anh ăn hiếp, lạm thuế, lấy tiền qui đã là một cái sướng; lại còn bọn cho vay lãi ngày lãi tháng bòn rút mới sướng nữa...

— Ở đâu chả vậy?...

— Nhưng ở nhà quê bọn ấy lại ác-nghiệp lắm; như tháng năm vay hai đồng bạc đóng sưu, tháng mười thành ngay năm đồng, thì còn mọc mũi sủi lắm sao được? Vay một trăm bạc tiêu việc cưới hay việc hiếu, trong năm mười tháng trời làm ngân gié lúa, không trả được, là quân « ăn cướp không có tội » lấy cả nhà đất, vườn ruộng, thì còn nở ngành xanh ngọn sao được!

— Phải, như thế thì ác quá. Họ không thương người chứt nào. Hắn như có tiền mà không trả đã đành, chứ người ta gặp lúc vận-hạn, cùng-khổ thì...

— Cùng-khổ lắm mới phải chịu, chứ

người nhà quê rất là lo nợ, sòng nợ, có hay lường gạt đầu. Nhưng này ông, nghe như Nhà-nước cấm cho vay nặng lãi, làm thế nào mà điều những quân ấy ra cho quan trên phạt thật nặng, để họ bớt đi thì dân nhà quê ơn lắm.

Tôi lắc đầu:

— Văn biết thế, nhưng khôn quân hút máu người ấy đã tham lại khôn, đã khôn lại gian, nó thiên-phương bách-kế, làm thế nào mà bắt được.

Người nhà quê nghĩ ít lâu rồi thở dài:

— Ờ, phải chịu thật.

Câu chuyện đến đây, người nhà quê đứng dậy lên Vạn-bảo.

...

Lên đến nơi, đông quá không cầm được lại phải về, một lát nữa lại lên, chen vào được, thì người khách làm công thét mắng, bắt mang đồ về đánh cho sáng đem lên mới cầm. Đánh xong đem lên cầm được ba đồng bạc! Ôi! Một gánh nặng đồ đồng lại phải đi một ngày đường, vất-vả bao nhiêu mới cầm được ba đồng bạc! Ba đồng bạc ấy đắt là chừng nào! Vì vào tay một vì làng chơi ở Hà-nội, thì món tiền ấy có qui bằng mấy đồng xu không?

Người nhà quê cầm được đồ rồi, lông-thông quang gánh về nhà tôi, ra đáng vui-vẻ lắm, đặt thúng vào xó nhà, thở dài hừ một cái, rồi cầm ba đồng bạc vừa đếm vừa nhìn, sắc mặt cùng vẻ con mắt tươi-mươi lắm, như người từ thừa bé đến giờ mới được trông thấy cái giấy bạc! Đếm xong cho vào ruột-tượng buộc lại rồi giắt thật kỹ vào thắt lưng. Ai không biết tiếng kẻ cắp Hà-nội. . . !

Người nhà quê nghĩ một lát, rồi nói:

— Tôi vẫn tưởng người Hà-nội phong-lưu lắm, nhưng có lẽ chẳng qua là

hào-nháng xằng dấy thôi.

— Phải, chỗ thành-phố hay hàng chợ, chuồng lá mặt, dầu tưng-kết đến đâu cũng phải sắm bộ cánh cho lịch-sự để đối đời. Nhưng có hay gì cái bánh-bao ấy? Nói ông đừng cười: chốc nữa ông gặp tôi đi ngoài phố, nào dây tây, áo sa, kính gọng vàng, trông thực màu mỡ, tưởng chừng tiền rừng bạc bể, thế mà vô-ý ngã vào hàng bánh da, chưa chắc sờ túi đã có mấy hào mà đến đâu!

— Hà, hà, hà. Có lẽ thực đấy. Nhiều người ăn sồi ở thi lắm. Lúc nấy tôi gặp một người đàn-bà ăn mặc lịch-sự, đi với đứa bé chừng 13, 14 tuổi mang cầm hai bộ quần áo tây.

— Được bao nhiêu?

— Được hai đồng rưỡi.

— Áo thế nào?

— Áo mùi ngà-ngà, sợi to, trông như đuôi ta.

Tôi gạt đầu:

— Thế mà được có hai đồng rưỡi! khờ!

— Nài mãi, nhưng chú Khách không

cầm thêm, vút ra gắt lên rằng: « Không cầm hơn đâu, không bằng lòng mang về mà lau. » Người đàn-bà cúi xuống rơm-rớm nước mắt. Sau phải cầm vậy.

— Thế lúc người ta về, ông đã về chưa?

— Người ấy cùng về với tôi, cùng đi một đường. người ấy đi trước tôi đi sau, cách giảm bước. Về đến đầu phố này, thấy người ấy bảo thẳng bẻ rằng: « Về đến phố nhà ngượng quá! »

Tôi nghe đến đây nghĩ ngay ra, ngay đầu phố tôi ở, có ông T... làm sở Mỏ. Nghe đầu ông ta ốm đã hơn một tháng. Vì ông ta làm công nhật nên nghĩ không được lương. Người ta đồn độ này nhà ấy túng lắm. Tôi nghĩ ra thì ông T... cũng có đứa em chừng 13, 14 tuổi. Mà người khách tôi nói hình-dung người đàn-bà gặp ở Vạn-bảo thì rành là vợ ông T... người béo, mũi cao... Phải! Không sai được nữa! Nghĩ đến mà ái-ngại thay...

Ấy câu chuyện nhà quê kể chợ ở nước ta bây giờ như thế.

Đ. R.

MẠNH-TỬ QUỐC-VĂN GIẢI-THÍCH⁽¹⁾

孟子國文解釋

V

IV

其不對樂者宮。孟齊
上得曰乎。亦王子宜
矣。則有。孟有曰。於王
非人子此賢雪見

Dịch-âm. — Tề Tuyên-vương kiến Mạnh-tử ư Tuyết-cung. Vương viết: « Hiền-giả diệc hữu thử lạc hồ? » Mạnh-tử đối viết:

« Hữu, nhân bất-đắc tắc phi kỳ thượng hĩ.

DỊCH-NGHĨA. — Vua Tuyên-vương nước Tề yết-kiến thầy Mạnh ở Tuyết-cung. Vua hỏi: « Người hiền-sĩ có vui cảnh này không? » Thầy Mạnh thưa: « Có, nhưng mà phạm-dân họ chẳng được vui, thì họ trách oán người trên đấy.

(1) Xem Nam-Phong số 78, 79, 80, 83.

Chú-giải. — *Tuyết-cung* = nguyên là biệt-cung của vua Tuyên-vương; khi thầy Mạnh đến nước Tề, vua đề Tuyết-cung cho thầy ở, nên mới yết-kiến thầy ở đấy. — *Hiền-giả* = là trở người hiền-sĩ.

也。者 民 而 爲 者 非 不
亦 同 不 民 非 其 得
非 樂 興 上 也。上 而

Dịch-âm. — « *Bất-dắc nhi phi kỳ thượng giả phi dã, vì dân thượng nhi bất dữ dân đồng lạc giả diệc phi dã.* »

DỊCH-NGHĨA. — « Chẳng được vui mà trách-oán người trên là không phải, làm người trên mà chẳng cùng dân cùng vui cũng là không phải. »

有 不 以 樂 民 憂 民 樂
也。王 天 以 亦 民 亦 民
者。下。天 憂 之 樂 之
未 然 下。其 憂 其 樂
之 而 憂 憂。者。樂。者。

Dịch-âm. — « *Lạc dân chi lạc giả, dân diệc lạc kỳ lạc, ưu dân chi ưu giả, dân diệc ưu kỳ ưu lạc dĩ thiên-hạ, ưu dĩ thiên-hạ, nhiên-nhi bất-vương giả, vị chi hữu dã.* »

DỊCH-NGHĨA. — « Vui sự vui của dân, thì dân cũng vui sự vui của mình; lo sự lo của dân, thì dân cũng lo sự lo của mình. Vui chung thiên-hạ, thế mà chẳng hưng-vượng, chưa có lẽ thế bao giờ. »

Chú-giải. — *Dĩ* = chữ *ĩ* ở đây, giống nghĩa như tiếng *vĩ*, đối với một người, thì chữ *ĩ* nên đọc là *vĩ* phần riêng; đối với thiên-hạ, thì chữ *ĩ* nên đọc là *vĩ* phần chung.

王 可 邪。而 附 吾 問 昔
觀 以 吾 南。朝 欲 於 者
也。比 何 放 僻。觀 晏 齊
於 修 於 遊 於 子 景
先 而 瑯 海 轉 曰。公

Dịch-âm. — « *Tích giả Tề Cảnh-công vấn từ Ân-tử viết : « Ngô dục quan ư Chuyển-phụ Triều-vũ, tuần-hải nhi nam, phóng ư Lang-da, ngô hà tu nhi khả dĩ tử ư tiên-vương quan dã. »* »

DỊCH-NGHĨA. — « Ngày xưa vua Cảnh-công nước Tề hỏi thầy Ân-tử rằng: « Ta muốn đi chơi ở núi Chuyển-phụ và núi Triều-vũ, noi bề sang phía Nam, đến ấp Lang-da, ta nên sửa-soạn thế nào mà có thể vi với sự chơi của đấng Tiên-vương được? »

Chú-giải. — *Ân-tử* = tên là Anh làm tướng đời vua Cảnh-công nước Tề. *Quan* = du-quan, nghĩa là đi xem xét. *Tiên-vương* = trở cáo vua; đời trước, như là: vua Vũ nhà Hạ, vua Thuang nhà Thương, vua Văn vua Vũ nhà Chu vẫn vậy; những vua ấy đều là vị thánh-vương, đạo-đức, chính-trị đủ làm phép cho người sau cả.

遊 以 不 省 職 也。諸 晏
一 休。給。耕 者 諸 侯 子
豫。吾 夏 而 述 侯 曰 對
爲 王 諡 補 所 朝 巡 曰。
諸 不 曰。不 職 於 狩。善
侯 豫。吾 足。也。天 巡 哉
度。吾 王 秋 無 子 狩 問
何 不 省 非 曰 者 也。
以 遊。歟 事 巡 巡 天
助。吾 而 者。職。所 子
一 何 助 春 巡 守 適

Dịch-âm. — « *Ân-tử đối viết : « Thiên tai văn dã! Thiên-tử thích chư-hầu viết tuần-thủ, tuần-thủ giả, tuần sở thủ dã; chư-hầu triều ư thiên-tử viết thuật-chức, thuật-chức giả, thuật sở chức dã; vô phi sự giả, xuân lĩnh canh nhi bổ bất-túc, thu lĩnh liêm nhi trợ bất-cấp. Hạ-ngạn viết : « Ngô-vương bất du, ngô hà dĩ hữu, ngô-vương bất dự, ngô hà dĩ trợ, nhất du nhất dự, vi chư-hầu độ. »* »

DỊCH-NGHĨA. — « Thầy Ân-tử thưa; « Quí thay lời vua hỏi! Vua thiên-tử đi đến nước chư-hầu, gọi là tuần-thủ, tuần-thủ nghĩa là tuần-hành những đất chư-

bầu coi giữ. Vua chư-hầu vào chầu vua thiên-tử gọi là thuật-chức, thuật-chức nghĩa là trần - thuật những chức - sự của mình. Không phải là không có việc đâu, mùa xuân xét việc cày, mùa thu xét việc gặt, mà giúp đỡ cho những người thiếu-thốn. Lời ngạn-ngữ đời nhà Hạ có câu : « Vua ta chẳng chơi, ta sao được sướng ; vua ta chẳng vui, ta sao được nhờ ; khi chơi khi vui, làm phép cho người. »

Chú-giải. — *Bất-túc, bất-cấp, đều nghĩa là không đủ, là thiếu-thốn. Hưu = tốt, là vui sướng. Dự là vui-vê.*

亡。食 惡。弱 食。面 今
爲 若 方 胥 勞 糧 也
諸 流。命 譏。者 食。不
侯 流 虐 民 弗 饑 然。
憂。連 民。乃 息。者 師
荒 飲 作 弱 弗 行

Dịch-âm. — « Kim dã bất-nhiên, sự hành nhi lương thực, cơ-giả phát thực, lao-giả phát tức, quyển-quyển tư sàm, dân nãi tác thắc, phương mệnh ngược dân, ẩm-thực nhược lưu, lưu-liên hoang-vong, vi chư-hầu ưu. »

Dịch-Nghĩa. — « Ngày nay thì không thể, quân đi nào lương ăn, kẻ đói chẳng được ăn, kẻ nhọc chẳng được nghỉ, ai nấy đều mắt gườm miệng bĩu, sinh lòng oán-giận. Thế là trái mệnh vua, làm hại dân, ăn uống như nước chảy, lưu-liên hoang-vong, làm lo cho các nước chư-hầu lo. »

Chú-giải. — *Quyển-quyển = gườm-gườm, là đáng mặt giận - ghét mà liếc trông. Tư = cũng như chữ tương, nghĩa là đều. Sàm = chê-bại. Thắc = oán ghét. Phương = cũng như chữ nghịch, nghĩa là trái. Nhược lưu = như nước chảy, là ý phao-phí tổn-bại. Lưu, liên, hoang, vong = nghĩa ở bài sau.*

厭 荒。無 之 而 流。忘 從
謂 樂 厭 連。忘 從 反 流
之 酒 謂 從 反 流 謂 下
亡。無 之 獸 謂 上 之 而

Dịch-âm. — « Tông lưu há nhi vong phân vị chi lưu ; tông lưu thường nhi vong phân vị chi liên ; tông thủ vô yêm vị chi hoang ; lạc tửu vô yêm vị chi vong. »

Dịch-Nghĩa. — « Theo dòng nước phóng thuyền xuống mà quên trở về gọi là lưu ; theo dòng nước phóng thuyền lên mà quên trở về gọi là liên ; theo con thú đi săn bắn không biết chán gọi là hoang ; uống rượu vui chơi không biết chán gọi là vong. »

行 君 行。亡 樂。連 無 先
也。所 惟 之 荒 之 流 王

Dịch-âm. — « Tiên-vương vô lưu-liên chi lạc, hoang-vong chi hạnh, duy quân sở hành dã. »

Dịch-Nghĩa. — « Đấng tiên - vương thời không có sự vui lưu-liên, cái nết hoang-vong ; duy tại vua muốn làm theo đảng nào thì làm. »

Chú-giải. — Đây là bảo vua muốn làm theo sự chơi của tiên-vương, hay là sự chơi lưu-liên-hoang-vong của kim-thời thì tùy-ý.

者 畜 招 之 我 足。是 國。景
好 君 是 樂。作 召 始 出 公
君 何 也。蓋 君 太 興 舍 說。
也。尤。其 徵 臣 師 發 於 大
畜 詩 招 相 曰。補 郊。戒
君 曰。角 說 爲 不 於 於

Dịch-âm. — « Cảnh-công duyệt, đại-giới u quốc, xuất xá u giao, u thị thủy hưng phát bồ bất túc ; triệu Thái-sư viết : « Vi ngũ tác quân-thần tương duyệt chi nhạc. » Cái Chủy-thiên Giốc-thiên thị dã. Kỳ thi viết : « Súc quân hà ưu », súc quân giữ hiệu quân dã. »

DỊCH-NGHĨA. — « Vua Cảnh-công đẹp lòng, truyền bảo khắp trong nước, làm nhà ra ở phía đông; rồi lại phát thóc kho để giúp đỡ cho người thiếu-thốn. Đòi quan Thái-sư bảo rằng: « Vì ta làm ra khúc nhạc tỏ về nghĩa vua tôi vui-vẻ cùng nhau. » Tức là khúc nhạc Chủy - thiều Giốc - thiều đó vậy. Thơ trong khúc có câu: « Ngăn vua lỗi gì » Ngăn vua ấy là yêu vua đấy. »

Chú-giải. — Giới = rầu, là lời cáo - mệnh. Xá = ở. Xuất-xá = làm nhà ra ngoài mà ở. Giao = cỡi, ngoài đồng. Hưng-phát = khởi lên, phát ra, nghĩa là phát thóc kho ra. Thái-sư = chức nhạc-quan. Quán-thần = Quán trở Cảnh-công. Thần trở Án-tử. Sát = ngăn-cấm. Vưu = tội lỗi.

Tổng-bình. — Cùng là một sự đi chơi, đấng Tiên-vương đi chơi thì dân được nhờ, mà ai cũng mong. Các ông vua đời Chiến-quốc đi chơi, thì dân khổn-khổ, mà ai cũng ghét. Bởi vì tiên-vương khi xưa mình sung-sướng, cũng muốn cho dân được sung-sướng; cho nên nhân khi đi chơi, mà xem xét cho dân, giúp đỡ cho dân. Các ông vua đời Chiến-quốc chỉ biết sung-sướng một mình mà thôi, cho nên đến nỗi lưu-liên hoang-vong, mà làm lo cho trong nước.

Đây là thầy Mạnh dẫn lời Án-tử bảo vua Cảnh-công, đề khuyên vua Tuyên - vương, mà cũng mong cho Tuyên-vương tự mình biết kén chọn lấy cách chơi vậy.

V

已毀明我皆曰。王齊乎。諸室毀謂人問宣

Dịch-âm. — Tề Tuyên-vương vẫn viết: « Nhân giai vị ngã hủy Minh-đường, hủy chư dĩ hồ? »

DỊCH-NGHĨA. — Vua Tuyên-vương nước Tề hỏi rằng: « Người ta đều bảo tôi hủy cái nhà Minh-đường đi, hủy chẳng, hay là đừng chẳng? »

Chú-giải. — Minh-đường = cái nhà của vua thiên-tử nhà Chu khi đông-tuần ngự đó, để chư-hầu lại châu, dựng lên ở núi Thái-sơn, thuộc về địa-phận nước Tề. Bấy giờ nhà Chu

đã suy, thiên-tử không đi tuần-thú nữa, cái nhà chỉ để không, mà vua chư-hầu thì không lên ngự ở đó, nên có người bảo nên hủy đi.

之則行也。者堂曰。孟矣。勿王王之者夫子毀政。欲堂王明對

Dịch-âm. — Mạnh-tử đối viết: « Phủ Minh-đường giả, vương-giả chi đường dã. Vương dục hành vương-chính, tắc vật hủy chi hĩ. »

DỊCH-NGHĨA. — Thầy Mạnh thưa: « Kia cái nhà Minh-đường ấy, là cái nhà của đấng vương-giả. Vua muốn làm chính-sự vương-giả, thì chớ hủy cái nhà ấy đi. »

云。王者子曰梁仕者王。得發天曰鯀。無者文曰。矣政下獨。老禁。世王王。富施之幼而罪祿。之政。人。仁。窮而無人。關治可。哀必民。無夫不市。岐得。此先而父曰孥。讓也。聞。焚斯無曰寡。老而耕與。獨。四告孤。老而不者對。者。者。此而無征。九曰。詩文四無妻澤一。昔

Dịch-âm. — Vương viết: « Vương-chính khả đắc văn dư? » Đối viết: « Tích-giả Văn-vương chi trị Kỳ dã, canh-giả cứu-nhất, sĩ-giả thế-tộc, quan-thị cơ nhi bất chính, trạch-lương vô cấm, tội nhân bất nô. Lão nhi vô thể viết quan, lão nhi vô phu viết quả, lão nhi vô tử viết đạo, ấu nhi vô phụ viết cô, thử tứ giả thiên-hạ chi cùng-dân, nhi vô cớ giả. Văn-vương phát-chính thi-nhân, tất tiên tư từ giả. Thì văn: « Khả hĩ phú-nhân, ai thử quỳnh-độc. »

DỊCH-NGHĨA. — Vua hỏi: « Chính-sự vương-giả, có thể kể cho nghe được chẳng? » Thầy thưa: « Ngày xưa vua Văn trị đất Kỳ như thế này. Người đi

cây chín phần nộp thuế một ; người làm quan đời đời ăn lộc ; chốn cửa ải, chốn họp chợ, xét-nét người lạ mà không đánh thuế ; nơi chăm lầy, bờ chắn cá, không có lệ cấm dân ; bắt tội người không bắt tội đến vợ con. Già mà không có vợ gọi là người quan, già mà không có chồng gọi là người quả, già mà không có con gọi là người độc, trẻ mà không có cha gọi là người cô, bốn hạng người ấy là kẻ cùng-dân trong thiên-bà, mà không biết kêu vào đâu đấy. Vua Văn khi làm ra chính-trị, thi-hành nhân-ân, tất làm ơn cho bốn hạng người ấy trước. Kinh Thi có câu : « Người giàu còn khá vậy, kẻ khổ đáng thương thay ! »

Chú-giải. — *Cửu-nhất* = theo phép tính-phần, chia đất ra vuông một dặm là một tỉnh, diện-tích ruộng chia trăm mẫu, ở trong vách ra hình chữ tỉnh 井 chia làm chín khu, mỗi một khu ruộng là một trăm mẫu, trăm mẫu ở giữa làm công-điền, tám trăm mẫu ở ngoài làm tư-điền; tám nhà dân đều được phần-thu tư-điền trăm mẫu ở ngoài, mà phải đóng-lưu cây cấy công-điền ở giữa, rồi nộp thóc cho vua ; thế là chín phần mà lấy thuế một phần. *Thế-lộc* = còn cháu các quan, người thành-tái thì được dùng làm quan, người không đủ dùng cũng cho ăn lộc. *Cơ* = xét. *Chính* = đánh thuế. *Trạch* = chăm, cái vùng nước lầy. *Lương* = bờ chắn cá. *Nô* vợ con. = *Khả* = còn khá. *Quỳnh* = khổn-khở.

...

與後者張于貨。寡則王
百可有干憂。詩人何曰
姓以積戈于云。好爲善
同愛倉戚囊。乃貨。不哉
之。方行揚思積對行。言
於啓者爰戡乃曰。王乎。
王行。有方用倉。昔曰。曰
何王襄啓光。乃者寡王
有。如權行。弓襄公人如
好也。故矢候劉有善
貨。然居斯糧。好疾之。

Dịch-âm. — *Vương viết* : « *Thiện tại ngôn hồ !* » *Viết* : « *Vương như thiện chi, tắc hà-vi bất hành ?* » *Vương viết* : « *Quả-nhân hữu tật, quả-nhân hiếu hóa.* » *Đỗ viết* : « *Tích-giả Công-Lưu hiếu hóa.* *Thi vân* : « *Nãi tích nãi thương, nãi khả hậu-lương, vu-thác vu-nang, tư-tập dụng quang, cung-thủ tư-trương, can qua thích dương, viên-phương khải-hành.* » *Cổ cư-giả hữu tích-thương, hành-giả hữu khả-lương dã, nhiên-hạ khả dĩ viên-phương khải-hành.* *Vương như hiếu-hóa, dữ bách-tính đồng chí, ư vương hà hữu.* »

DỊCH-NGHĨA. — *Vua nói* : « *Lời thầy nói phải thay !* » *Thầy nói* : « *Vua nếu cho là phải, thì làm sao chẳng chịu làm ?* » *Vua nói* : « *Quả-nhân này có tật, quả-nhân này hay thích của-cải.* » *Thầy thưa* : « *Ngày xưa ông Công-Lưu cũng thích của-cải.* *Kinh Thi có câu rằng* : « *Này đồng có đục, này nhà có kho, này bao này túi, bọc lấy lương khô. Mong dân yên hợp, cho nước về-vang ; nào cung nào thủ, này bắn này giương, nào can nào qua, nào thích nào dương, rồi mới bước lên đường.* » *Thế là cho kẻ ở nhà có kho đục, kẻ đi đường có bọc lương, rồi mới có thể khởi-hành ra đi được.* *Vua nếu thích của-cải, cùng làm lợi cả cho dân, thì sự hưng-vượng có khó gì.* »

Chú-thích. — *Tích* = đóng thóc để lộ ngoài đồng. *Thương* = kho thóc trong nhà. *Khả* = bọc. *Hậu* = lương khô. *Thác* = cái bọc không có đáy mà thắt lại hai đầu, tức là cái bao. *Nang* = cái túi có đáy, tức là cái rọ. *Tập* = yên hợp. *Cung-thủ* = cung tên. *Can-qua* = móc-mác, *Thích* = cái phủ, lưỡi búa. *Dương* = cái việt, lưới vớt, đều là tên đồ binh-khí đời xưa. *Viên* = bền. *Phương* = mới. *Khải-hành* = bắt đầu ra đi, là trở hồi vua Công-Lưu nhà Câu tự đất Kỳ thiên-đô sang đất Mân.

Đây là dẫn kinh Thi (thơ Công-Lưu, thiên Đại-nhũ) để tả rằng Công-Lưu hay làm cho dân được giàu có, thế là hay suy bụng hiếu-hóa của mình mà cho dân được nhờ.

百無是及西公好好王
姓曠辰姜水亶色。色。曰。
同夫。也。女。游。父。愛。對。寡
之。王。內。聿。至。來。厥。曰。人
於。如。無。來。干。朝。妃。昔。有
王。好。怨。胥。岐。走。詩。者。疾。
何。色。女。字。下。馬。云。太。寡
有。與。外。當。愛。率。古。王。人

Dịch-âm. — Vương viết : « Quả-nhân hữu tật, quả-nhân hiếu sắc. » Đối viết : « Tịch giả Thái-vương hiếu - sắc, ái quyết phi. Thi vấn : « Cồ công Đản-Phủ, lai chiểu tâu-mã, suất tây thủy-hử, chỉ vu Kỳ-hạ, viên cập Khương-nữ, duật lai tư vũ. » Đường thị-thời dã, nội vô oán-nữ, ngoại vô khoáng - phu. Vương như hiếu-sắc, dữ bách-tính đồng chi, ư vượng há hữu. »

Dịch-Nghĩa. — Vua nói: « Quả-nhân này có tật, quả-nhân này thích sắc đẹp. » Thầy thưa: « Ngày xưa vua Thái-vương cũng thích sắc đẹp, yêu vợ mình. Kinh Thi có câu rằng: « Ông Cồ công lên ngựa, sáng sớm chạy đi mau, phía tây nơi bến nước, núi Kỳ tới đến sau, ông với bà Khương-nữ, lại đó ở cùng nhau. » Đường lúc bấy giờ, trong không có gái oán không chồng, ngoài không có trai suông không vợ. Vua nếu thích sắc đẹp, cùng làm thỏa lòng bách-tính, thì sự hưng-vượng có khó gì. »

Chú-giải. — Quyết = chữ thay ngôi giống như tiếng mình tiếng nó. Cồ-công Đản-phủ = vua Thái-vương nhà Chu, hiệu là Cồ-công, tên là Đản-Phủ. Tâu-mã = chày ngựa, là nói khi Thái - vương phải chạy đi tránh nạn, người rợ Dịch nó đến xâm-lấn. Suất = nơi. Hử = bến nước. Duật = bèn, là tiếng đưa đẩy. Tư = cùng. Vũ = ở.

Đây là dẫn kinh Thi (thơ Miên, thiên Đại-nhã) để tỏ rằng vua Thái-vương đương lúc bá-thiền mà hay khiến bách-tính vợ chồng đều được đoàn-tụ, thế là hay suy bụng hiếu-sắc của mình mà làm cho dân đều được thỏa tình gia-thất.

Tẩu-bình. — Con người ta ai là chẳng có lòng hiếu-dũng, hiếu-hóa, hiếu-sắc, đó là cái thiên-lý tự-nhiên, mà cũng là cái nhân-tính người ta không thể tránh khỏi được. Song biết đem cái sở-hiếu theo về đường thiên-lý mà chung với thiên-hạ, ấy là bậc thánh biết trọn được tính trời. Nếu theo về đường nhân-dục mà riêng lấy một mình, ấy là người phạm tự làm mất bản-tính. Đó là hai đường lý với dục khác nhau không mấy tí, mà chung-quí thành ra một bên phải một bên trái, một bên dở một bên hay, cách nhau xa lắm. Nên thầy Mạnh nhân khi vua hỏi, mà kể rõ ra mọi lẽ cơ-vi, đều là để ngăn cấm cái bụng xằng, mà siển-phát ra cái bụng tốt đó. Cái phép dạy đời ấy, hình như sơ-lược mà thực là tinh-vi; cái sự khuyên người ấy, hình như dễ-dàng, mà thực là khôn-khéo vậy.

(Trích dịch lời tiên-nho)

(Còn nữa)

ĐÔNG-CHÂU dịch

TIỂU-THUYẾT

TUYẾT-HỒNG LỆ-SỬ (1)

雪鴻淚史

(Ai-tình tiểu-thuyết)

VIII

CHƯƠNG THỨ XIV (tiếp theo)

Sáng hôm sau tôi vẫn còn đang ngủ, thấy Thu-Nhi đẩy cửa vào, vất một phong

giấy ở chỗ tôi nằm, rồi chạy ngay ra. Tôi vội cầm lấy xem, thì là của Quân-Thiến đưa cho tôi, trong phong-bì có cả mấy cái

(1) Xem N.-P. từ số 77.

tờ của Lê Ảnh nữa. Chừng đêm hôm qua Thu-Nhi đã nói với Quân-Thiến cho tôi rồi, nên hôm nay Quân-Thiến mới sai Thu-Nhi giao những cái tờ này cho tôi xem. Tôi vội mở xem cái tờ của Quân-Thiến trước. Tờ rằng :

« Xin trình cậu Mộng-Hà biết cho : Tôi với cậu chưa được gặp mặt nhau một lần nào, mà đã có cái duyên-kiếp trăm năm với nhau, chưa tiếp nhau nửa lời, mà đã phải mượn bức thư nói chuyện với nhau, sự đó thật là đau-đớn khổ-sở-không thể sao dùng được .

« Hôm vừa rồi, sau khi chị Lê chết, tôi được xem cái tờ tuyệt-mệnh của chị ấy, mới biết cậu cùng chị Lê trong một năm rưỡi trời nay, có vướng một sự nhân-quả như thế. Tôi là người đứng giữa, mà mờ-mờ không biết chuyện gì cả, đến nỗi đề cho chị Lê cứ thế mà chết, mà không phép gì cứu được. Chị Lê chết, một nửa là vì cậu, một nửa cũng là vì tôi ; tôi đau lòng xót ruột lắm, chắc cậu cũng phải đau lòng xót ruột hơn tôi, nhưng tôi không hiểu làm sao cậu thế này. Tôi với cậu không quan-hệ gì với nhau cả, mà sao cậu nhận lời với chị Lê cái việc hôn nhân ấy ? Ừ, bảo rằng nhận lời đề cho chị ấy bằng lòng thì đã vậy, nhưng sao đã nhận lời mà không biết chiều lòng, mà lại đề cho chị ấy mang lòng uất-ức, không thể sao chịu được ? Hay là cậu lập-tâm cố làm cho chị ấy đến chết, thì mới bằng lòng hay sao ? ...

« Bây giờ tôi nói câu này, thật không dám oán cậu, nhưng thật đau xót về sự chị ấy chết, nên chắc cũng nhiều câu nói đường-dột quá-quắt lắm vậy, đa-tình đến như cậu, thử nghĩ lại những câu hôm trước, chuyện hôm xưa, chắc cũng phải cảm đau mà nghe lời trách của tôi, chứ đừng nên oán.

« Bây giờ chị Lê chết rồi, cảnh-tượng nhà tôi linh-lạc như thế này, chắc cậu cũng biết rồi đấy : ông già, một thân một mình, con thơ vất-vơ vất-vưởng, còn

biết trông cậy vào đâu hử ? Trong tờ tuyệt-mệnh của chị Lê để lại, có trông-cậy cậu những sự sau khi chị ấy chết, là sự gì đấy, tôi chắc cậu đã là người chí-sĩ, và cũng là một người chính-định, chắc cũng phải tính lấy một cách đề xử lý thân mình cho phải, mà lại khu-xử những công việc của người yêu của mình cho được đành lòng.

« Còn đến thân tôi bây giờ, đã hình như người bù-gin, tấm lòng tôi đã hình như đóng tro lạnh, cái danh-nghĩa tuy rằng vẫn còn, nhưng cái duyên-ngộ thì chắc là hao, có lẽ sắp theo chị Lê xuống đất mà thôi ! Thôi, cậu muốn nghĩ sao thì nghĩ, chứ đừng nghĩ đến tôi nữa. Chị Lê để lại hai cái tờ đây, một cái đề cho cậu, một cái đề tôi, xin đem trình cậu cả.

« Quân-Thiến kính thư. »

Tờ Lê-ảnh gửi cho tôi rằng :

« Than ôi ! Hà-lang ôi ! bây giờ thật quyết-biệt anh nhé, thật đến tận lúc chết, cũng chưa dám quên anh, còn đem một cái hơi sức đỡ sống đỡ chết, nhỏ như là sợi tơ, đề nói với anh vài câu này. Đương khi cầm bút mà viết, chắc anh ở xa, hãy còn đem một cái tình si, băng-khuàng ngóng đến tận góc bể bên trời, mà khẩn cầu cho người yêu của anh được bình-yên mạnh-khỏe.

« Tôi ở đời trăm cay nghìn đắng, còn sự gì là vui-thú nữa, vẫn định chết từ bao giờ rồi, đến bây giờ thì không thể sao chạm được một chút nào nữa. Than ôi ! Hà-lang ôi ! tôi chết sướng lắm, chứ anh đừng nên thương. Tôi nghĩ lúc ngày thường anh ở với tôi hậu như thế, bây giờ đột-nhiên nghe thấy tin tôi chết, chắc anh cũng ngất đi mà không sống được ; nhưng xin anh nghĩ rằng :

« Bây giờ kẻ khuất người còn,

« Tấm lòng ân-nghĩa cho tròn thủy-chung.

« Những việc gì là phận-sự anh nên làm, mà có thể đề cho tôi yên lòng được thì anh cứ thế mà làm, thế là yêu nhau nhiều lắm.

Còn những sự thương-xót nhau quá, mà đến nỗi đau quá hóa ốm, ốm quá lỡ chết mà đến nỗi lại giắt tay nhau xuống suối vàng, rồi đến nỗi bỏ hết những công việc trên đời của mình, mà không nhìn đến nữa, nếu thế thì anh lại làm khổ tôi về sau khi tôi chết nữa, mà cái chết của tôi cũng không ra gì ; tôi ở dưới chín suối nếu hãy còn khôn-thiêng, chỉ mong mỗi cầu khẩn cho anh đừng như thế.

« Cô Quân-Thiến cứ kể tái-đức, không những hơn gấp mười tôi, sau này chắc có thể đem cái hạnh-phúc gia-đình đến anh không biết chừng nào. Nếu trời soi-xét cái tình ấy cho, mà được như thế thật, thì anh và Quân-Thiến cũng không nỡ quên cái bụng của người mới-lái là Lê-Anh này.

« Nén hương ngào-ngạt, chén rượu thơm-tho, đem khói hương thổi lúc hoa bay, mượn chén rượu tưới khi xuân hết, thì chắc có lẽ cái linh-hồn tôi có còn khôn-thiêng cũng xin đuổi theo chiều gió đông, mà hưởng lấy cái mùi yêu-quí nhau, chắc không đến nỗi chết mà mất đầu, thật đấy.

« Nhưng tôi còn cần dặn anh một việc này, anh tài-hoa như thế, chưa làm được sự-nghiệp gì, gặp thời-buổi này phải nên đem tài ra mà dùng với đời, trước tôi đã khuyên anh nhiều lần mà anh không biết nghe, bây giờ thì tôi chắc chết rồi, con tằm đến chết vẫn còn vương tơ, anh nên hết sức mà làm những công việc tôi khuyên anh ngày trước, để dựng một cái công-danh như vàng như đá, không bao giờ nát được, chứ đừng cứ thế, kéo mà tôi chết cũng không đành.

« Con chim sắp chết kêu thương,

« Người ta sắp chết nhiều đường nói khôn.

« Ngày 24 tháng tư

« LÊ-ANH tuyệt-bút »

Lại xem cái tờ của Lê-Anh để lại cho Quân-Thiến rằng :

« Chị có một sự khuất-khúc chưa nói

cho cô biết, nhưng việc ấy có quan-hệ đến việc suốt đời của cô, nếu không nói với cô, thì thành ra phụ cô, mà cái lỗi của chị không còn nói tránh vào đâu được nữa.

« Bây giờ chị sắp chết, vậy phải đem cái sự mà xưa nay vẫn chứa đầy ăm-áp ở trong ruột, dốc hết cả cho cô nghe, để chuộc những sự không phải khi chị còn sống, nhưng chỉ sợ cái việc ấy rất lắt-léo khôn-khò, nên đã mấy bận muốn nói, mà lại cảm hầu khóa khẩu lại.

« Bây giờ chị ốm nặng lắm rồi, chắc rằng cách khi chết, cũng không bao lâu nữa đâu, mà cái việc này cũng không việc gì phải giấu cô mãi, bây giờ ốm nhẹ lắm rồi, không thể nói chuyện được, vậy xin nói bằng ngòi bút.

« Hôm nay tay cầm ngòi bút này, chính là ngày chị dùng ngòi bút lần cuối cùng, bây giờ mới thật là hối-rằng làm sao lại còn biết được một đôi chữ làm gì thế này ? Viết được mấy hàng chữ mà tay đã cóng, mắt đã hoa, đầu thì choáng-váng lao-đao, bụng thì dộn-dip thồn-thức, đánh trống ngực mà điếng đi, nước mắt lại không khác gì chuỗi hạt châu đứt giây lờ-tờ mà rơi vãi xuống ; trời ơi !

« Trước khi chị sắp nói với cô, chị muốn xin yêu-cầu một việc, vì cái lời chị nói nếu không thể lọt vào tai cô được chắc cô thoát nghe thì có lẽ tái mặt tròng mắt, vứt hết cả những bụng thương chị yêu chị, biến làm một sắc bĩ chị giận chị và bảo rằng : Nếu thế thì chết đáng ! Chị đã không cấm được cô giận chị, nếu thật cô giận chị thì chị sợ lắm, vì giận chị bao nhiêu chính là yêu chị bấy nhiêu, chị chẳng may vô-duyên không được hưởng cái bụng cô yêu chị cho đến lâu-dài, nhưng chị mừng rằng nếu cô giận cho chị thì cái tội của chị cũng tiêu-diệt đi được ít nhiều, vậy chị chỉ mong cho cô giận chị lắm.

« Sự này là sự lầm suốt một đời của chị, cái oan-nghiệt đã gieo mầm từ kiếp trước, dù chết chị cũng không dám oán-hận gì

nhưng vì việc có dính-dáng đến cô dễ hại đến cái tự-do của cô, nhưng cô nên biết sự đó là vì yêu cô mà nên nổi, ngờ đâu yêu cô mà thành phụ cô, bây giờ đem một cái chết để đền lòng cô và chuộc tội chị. Cô ơi ! Một tấm thương-tâm này cô còn biết đến cho chị nữa hay không ?

« Chị viết đến đây, bụng chị đau lắm, nhưng chết đến nơi rồi, nếu không kịp móc buồng gan ruột đưa cho cô xem thì sợ không kịp nữa, vậy cô phải biết cho chị rằng : khổ lắm ! Thật chị cầu lấy cái chết, chứ không phải tai ố, cô thấy chị ốm mà đêm ngày săn-sóc với chị, chị tự nghĩ không có phúc phận để hưởng cái lòng cô yêu chị, mà lại để lụy đến cô thế này, nghĩ đến câu ấy thì sự chết không thể chậm được chút nào nữa, vậy phải vội vàng kịp viết mấy hàng chữ để lại, rồi đợi giờ mà chết.

« Ngày xuân hoa nở sớm hai mươi,

« Chị mới hai mươi đã mất trời.

« Buồng không vắng-vẽ cùng ai,

« Cái đời ma-chướng là đời hồng-nhan.

« Mảnh tình như cánh hoa tàn,

« Gió xuân một trận chia tan cánh hồng !...

« Ông xanh kia đặt lệ, má-hồng mệnh-bạc, bao quân tội-tàn, chị đã phải chịu rồi, có dám oán gì ai đâu ? Ngờ đâu ông xanh kia dẫn-vật người ta chưa chán, gò-gấp người ta chưa chán, mài-rũa người ta chưa chán, lại còn đem một cách khác để xoay-xoa người ta đến chết mới thôi ! Bụng chị đã như đồng tro nguội, mà ông ấy cứ cố thôi lửa dóm lò, bụng chị đã như cái giếng khô, mà ông ấy cứ cò rẻ gió rợn sóng, chẳng qua ông ấy chỉ muốn cho chị sống làm một người nữa dần nữa vơi, thà làm con ma chịu oan chịu uổng ; không như thế thì làm thế nào cho chị chết được. Nghĩ trong một đời, trăm lần thất, nghìn lần buộc, dập rất dầy, bit rất kín, phỏng một cái lưới tình đen như thế, chị đã nhẩy ra mà lại chui vào đến hai lần, trước nhẩy ra tưởng đã là may, sau chui vào mới thật là khổ. Thôi, từ đây chị không

còn hi-vọng gì có một ngày giải-thoát được nữa, mình đã không tự-chủ được, nên đành chịu phải cho cái ma-tình nó điên-đảo mình. Chị làm lầm chị, hay là ai làm lầm chị, cũng chưa biết chừng, nhưng rút cục chỉ đến hết cái đời chị mới xong.

« Bây giờ chị sống không còn mấy, chết sắp đến nơi, chắc cái ông xanh tàn-nhân kia, và cái ma tình tai-ngược kia, đang vỗ tay nhau mừng rằng : công việc sắp xong rồi !

« Kiếp xưa những tội-tình gì,

« Kiếp này oan-nghiệt là vì ở đâu ?

« Mà sao đạo trời xử-tri chị cay-nghiệt thâm-khốc đến thế ?

« Việc này từ đầu đến đuôi, nhiều sự biến-ảo lắm, chị không kể hết được, ngày mai cô hỏi Mộng-Hà thì tự-khắc biết, nhưng xin biết cho rằng một tấm khổ-tâm của chị chưa từng đau cô chút nào. Cái việc hôn-nhân của cô, trước là muốn giúp cô một sự hay, sau là chị cũng cầu giải-thoát lấy thân chị, ngờ đâu lúc xong việc, mà cô uất-ức về việc mất đường tự-do, nên chị lấy làm sợ lắm, chị đã làm lầm chị, lỡ nào lại để cho cô mất cái hạnh-phúc, bây giờ mới biết sự ấy là sai-lầm quá.

« Đó là nói cái duyên-cớ vì sao mà chị chết, nhưng chị cũng còn may rằng câu gì cũng có thể nói chuyện với cô được.

« Trời sinh ra giống tình si,

« Đã vương thâm-kiếp tiec gì đến thân.

« Vậy chuyện này chị chết, là để đền lòng cô, và để tạ tội với người riêng của chị ở dưới suối vàng. Chị mong chết đã lâu mà vẫn không được, xưa nay con tạo oan người hồng-nhan, phỏng như đời chị thì còn nên quý-báu cái sống làm gì nữa ? Xin cô đừng cho chị là người chết thảm-dạ, mà nên mừng cho chị là người chết vui-thú sắp được thoát khỏi lưới tình, sắp được vượt qua bể khổ, mà chị em mừng thăm cho nhau. Chị yêu cô biết chừng nào, cô cũng yêu chị biết chừng

nào ! Non mười năm nay, sát tai kẻ má, vuốt tóc xoa dầu, chị dầu em chồng, khác nào như chị ả dì út.

*Cùng nhau đôi bạn chốn khuê-phòng,
Một giống thương-tâm phận má hồng.
Cả thì không mẹ chị không chồng,
Nửa kiếp làm chim gởi mạng chung.*

« Cô không nỡ dời chị mà đi đâu, chị sao nỡ bỏ cô mà vội chết ? Song tiếc yển cùng ăn cùng uống, thế nào cũng có lúc lìa nhau ; hẳn vắn cớ dù được dù thua, thế nào cũng có phen kết-ức. Một mình một bóng, chị đã như con nhạn lạc đàn ; bay truyền bay la, cô khác gì con oanh vỡ tổ. Giò lan nọ cúc, kẻ sớm người trưa ; cây cối cành chồi, tre già măng mọc ; chim kêu hoa rụng, đời chị đang đuổi bóng chiều hôm : đàn ngọt hát hay, thân cô sắp lều đàn diễm-kích.

« Như thế thì chị với cô không ở cùng nhau được lâu dài nữa, là cái phận-mệnh như thế, nhưng cũng vì cái sự-thế tất phải như thế. Chị vẫn không định bỏ cô, mà bây giờ chị em ta khôn có thể lưỡng-toàn được nữa. Thôi từ đây thật là quyết-biệt nhau mãi mãi đây nhé. Chị sống mà để cho cô thiệt hại đến cái hạnh-phúc thì dầu sống còn sướng gì, có lẽ lại khổ hơn cái chết, nghĩa là ngay bây giờ cái hạnh-phúc của cô được hoàn-toàn chỉ cốt quan-hệ về sự chị sống hay chết chị nói đến đây là hết.

« Nhưng lại còn một sự yêu-cầu với cô nữa ; chị chẳng may cái thân bạc-mệnh, vì tình-si làm hại một đời :

Đã đánh lỡ một lần hai,

Lòng xưa chút cũng nghĩ sai với lòng.

Mặt trắng soi khối tình-chung,

« Cái thân tuyết sạch gương trong vẫn còn.

« Bây giờ đem một cái chết để bảo-toàn cái hạnh-phúc cho cô, vậy cô lưỡng đến cái khổ-tâm của chị, xin cũng vì chỉ bảo-toàn cái danh-dự sau khi chết cho chị được khỏi mắc tiếng oan.

« Còn những việc trong gia-đình nhà ta chưa xong cả, việc ấy là quan-thiết về

tình cốt-nhục, chắc cô cũng làm thay cho chị được, không phải nói nhiều nữa... »

Lê-Ảnh chết cả nhà tôi vừa thương vừa náo mà lại có ý vui mừng, vì sắp đến ngày cưới tôi, nên người nhà cứ đem những lời vô-vị để khuyên-giải tôi, thật là khổ quá. Đến mười tám tháng sáu thì lại tiếp được tin Quán-Thiến chết.

Lê-Ảnh chết thì tôi vẫn biết cơ-trước, đến sự Quán-Thiến chết thì thật tôi không ngờ. Còn nhớ cái tờ của Quán-Thiến có nói với tôi một câu rằng : « Không lâu nữa sẽ theo chị Lê xuống dưới đất », tôi tưởng là một lời phẫn-kích mà nói ra, không ngờ bây giờ quả-nhiên thật.

Tôi xin phép mẹ tôi để sang viếng, mẹ tôi sai cả anh tôi cùng đi, đến nơi thì mới biết chuyện rằng : Quán-Thiến từ hôm nọ tôi về, thì bị ngay chứng thổ ra máu, đại ra máu, đến trưa hôm mười-bảy tháng sáu thì chết. Vì đương mùa nông-nực, phải nhập-quan ngay, khi tôi sang đến nơi, làm lễ viếng xong rồi, tôi theo anh tôi cùng về. Hãy còn nhớ khi bước chân ra về, Thu-Nhi đem quyển *Nhật-ký* của Quán-Thiến trao tay cho tôi, khi bấy giờ tôi hồn mê không biết gì cả, chưa kịp xem đến, về đến nhà mới mở ra xem, thấy *nhật-ký* chép sau này :

« Ngày mồng 5 tháng 6

« Từ khi chị Lê chết, tôi cứ hoảng hoảng hốt-hốt, giật mình giật mình, vợ-vợ vắn-vắn, không ra làm sao cả. Tôi thương chị Lê lắm, thương chị ấy vì tôi mà đến chết, nếu tôi không chết thì không lấy gì tạ chị Lê được. Hôm nay quả-nhiên phát bệnh ngặt, bệnh ấy tôi cũng không biết tại làm sao. Tôi đã muốn chết thì khỏi ốm sao được, tôi đã ốm thì chắc không bao lâu cũng đến chết, nhưng tôi e rằng : sau khi tôi chết người ta không biết vì cớ làm sao, vậy tôi phải kể rõ ra, nếu tôi còn sống ngay nào, cũng nên dựa cái gối cầm ngòi bút mà chép quyển *nhật-ký* này.

« Con tôi chết hẳn tờ còn vương, ngọn nến tàn rồi lệ chưa khô.

« Ngọn bút này, cái nghiên này, tập giấy này, thật làm vất vả cho tôi lần cuối cùng...

« Ngày mồng 6

« Thần tự-do ơi! Thần tự-do ơi! Thật là một ông thần tôi sùng-bái xưa nay. Sách Thái-Tây có nói rằng : « Không được tự-do thì chết », tôi chính là một nhà thực-hành câu nói ấy.

« Còn nhớ hôm nay năm ngoái, tôi còn đang làm nữ-học-sinh, ở trường Nga-hồ, hè khi đến giờ nghỉ, cùng với chị em bạn học, giắt tay nhau vào tràng thiê-thao, để luyện-tập những cách vệ-sinh, khi thì rủ nhau xuống dò di câu cá, khi ghé dò lại lên gốc cây mát, cùng nhau ngồi trên bàn đá bàn sư học-hành, vui-vẻ ung-dung biết là chừng nào. Có lúc bàn chuyện với một vài chị em thân, thường thường tức-giận về đường hủ-bai chuyên-chế, mà chớ xã-hội hay quen thói cũ, tư-phụ ta bây giờ muốn dựng một chủ-nghĩa trước cho đám đàn-bà, để lập cái danh-dự của mình, và lập cái tư-cách hoán-toàn của mình, hưởng cái hạnh-phúc của mình. Không bao lâu mà bây giờ bao nhiêu những sự không được tự-do, tôi phải trải hết cả, ném hết cả, tưới-tốt thay cái hoa tự-do kia, không khác gì như bông như bụi, bị gió đông kia đưa đi đưa lại, xiết ngược giắt xuôi, mà cũng phải chịu, vui-vẻ gì nữa, hi-vọng gì nữa, từ đây thân tôi đã làm thẳng bù-dìn, lòng tôi đã như trò nguội, tràng học Nga-hồ không ai trông thấy vết chân tôi nữa.

« Bây giờ nghĩ lại giá đừng có việc hôn-nhân, thì chắc năm nay tôi đã tốt-nghiệp, hoặc đi du-học nước khác, hoặc đi dạy học tràng khác, trời cao bề rộng, chốn nào là không đủ cho tôi bay lượn tự-do, việc gì đến nỗi tôi uất-ức mà đến chết,

« Mà tôi lại nghĩ rằng: giá lúc trước tôi đừng đi học, suốt đời cứ nằm trong chốn quê-hương hắc-ám này, không biết tự-do là vật gì nữa, thì đâu có sự gì trái mắt ngang tai có lẽ cũng coi như thường, việc gì tôi đến nỗi uất-ức mà chết thế mà. Thôi, bây giờ còn làm sao được nữa, đại đức chữ đồng, tấm lòng ai biết, thân-thể

cũng liễu thân-thể, xuân xanh đành mặc xuân xanh, tấm lòng xin tạ với nhân-duyên, tâm-sự đã biến thành ma-quỉ, mà lại có một sự rất đau đớn rằng: làm làm tôi, ăn hiếp tôi, tức là một người chị dâu rất yêu của tôi mà trong công việc ấy lại nhiều chuyện quanh-quéo lạ-lùng, đến nỗi chị Lê phải vì tôi mà chết. Trời ơi! Chị Lê chết thì thật thảm-đạm, tôi có oán oan chị dâu, không những tôi không oán chị tôi, mà tôi cũng không oán Mộng-Hà nữa, phiền-não có tìm ai đâu, tại ai cứ mua phiền-não, cùng một lòng nên thương, cùng một phương nên thương, thôi việc gì mà khổ...

« Ngày mồng 7

« Tôi ốm đã năm ngày rồi, vì làm sao mà tôi ốm, cái ốm của tôi không biết gọi là bệnh gì, gầy-gò, rờ-rạc như con ma khô, người bệnh ốm hàng một hai năm cũng chưa đến nỗi như thế. Tôi cũng biết thân không thể sao sống được, sáng hôm nay trở dậy, tôi mở cửa kính, ngó mặt ra để hấp lấy cái không-khí buổi sáng, trong bụng nghe cũng thấy hơi khoan-thư. Nhưng đang lúc yếu đứng lâu thì thấy chóng mặt hình như lao-dạo sắp ngã xuống, lại quay mình vào lẩn mình xuống cái gối mà nằm. Nhác trông cái gương treo, bụi lấp mờ-mịt, mới hiểu ra rằng trước khi sau tôi ốm đến nay chưa từng soi gương lần nào, hôm nay thử soi xem mặt da tiêu-tụy đến thế nào, có lẽ đem so-sánh với bông hoa cúc ngoài vườn chưa chắc ai gây ai béo. Người mĩ-nhân hay yêu cái gương là vì yêu cái bụng của mình, tôi đã không phải là người mĩ-nhân và lại là người sắp chết, thì tôi còn yêu gì cái gương này nữa!...

« Rõ-ràng ai đứng trong gương,

« Nhìn xem rõ khách đoan-tràng đứng kia.

« Ngày mồng 8

« Đêm hôm qua tôi lại bị phải trái gió, cái bệnh bốc lên chóng lắm, mê-mất không biết gì nữa, mãi đến chiều hôm nay mới thấy hơi bớt, tinh-thần cũng hơi có một

chút linh-tao, thấy tôi đón thầy thuốc đến kê đơn cân thuốc đem sắc cho tôi uống, nhưng tôi lựa khi vắng người rồi tôi bắt đi, chứ chưa uống chút nào. Đêm hôm ấy cũng hơi ngủ được một chút.

« Ngày mùng 9

« Nặng quá! vừa sốt vừa rét, nóng như lửa, rét như cắt, mồ-hôi ra như tắm. Tôi nhớ chị Lê quá, chị Lê là người hay ốm, cũng đã trải cái mùi ốm như thế này, bây giờ tôi lại ốm mà chị Lê thì đã thoát xuống suối vàng, không nhìn gì đến tôi nữa. Tôi có sợ gì chết đâu, nhưng những sự đau-dớn trong khi ốm mỗi ngày một thêm lên, tôi không còn hơi sức nào chịu được nữa. Chị ơi! nếu chị có khôn-thiêng, xin xét tấm lòng cho em, xin giúp cái linh-hồn của em để đánh nhau với cái thân xác.

« Ngày mùng 10

« Đau-dớn thay là người con không có mẹ! Ai là không có bố mẹ, bố mẹ ai là không thương con, nhưng mà mẹ thương con phần nhiều hơn bố thương con. Tôi tuy rằng chẳng may mẹ tôi bỏ tôi bảy năm trời, nhờ cha, anh và chị dâu, nhờ đấng trời làm hại nhà tôi, nửa đường anh tôi bỏ tôi, mẹ tôi chết, những người yêu tôi chỉ có cha tôi anh tôi và chị dâu tôi, mà anh tôi chết, thì tôi đã thiệt-trời, ngờ đâu ông trời khắc-bạc tất muốn cướp hết những người yêu của tôi mà đem đi, khiến cho tôi ở trong thế-gian này không có chút nào vui-thú về sự sống nữa rồi mới thôi; bây giờ, bây giờ tôi ốm ở trong xó nhà giờ sống, giờ chết, không còn mấy người là rất thân với tôi nữa. Giá mẹ tôi anh tôi và chị dâu tôi còn sống, thì đâu đến nỗi thế này. Tôi đã nhai xé một cảnh không thể sao kham được như thế nữa, muốn chết cũng chưa chết được, rồi tôi nghĩ mà thương đến mẹ tôi, lại xót đến thầy tôi, thầy tôi thì già rồi, mười-năm nay người sống người chết, việc tang việc tảo, cửa nhà điêu-linh như thế, hai hàng tóc bạc phơ-phơ, nếu

bây giờ tôi lại chết nốt nữa thì những khi buổi sớm, khi đêm khuya, khi vui-cười, khi hầu-hạ, ai là người bầu-bạn với thầy tôi trong khi ngọn gió bóng đèn. Khi tôi nghĩ đến thế thì tôi lại có một chút hi-vọng rằng đừng chết để được sống ở hầu thầy tôi mãi-mãi, nhưng mà nghe trong mình suy-lẫm, chiều nay chưa vững đỡ được đến sáng mai, chắc cái hi-vọng ấy cũng không ăn thua gì. Thầy ơi! nếu thầy có xét bụng con xin thầy biết cho con rằng không còn hơi sức nào mà tranh nhau với cái mệnh trời nữa.

« Ngày 11

« Thầy thuốc lại sang thăm, tôi cảm bụng thầy tôi quá, vậy cũng phải cố uống thuốc vậy, nhưng không ăn thua gì cả, thầy tôi biết rằng tôi ốm nặng, chốc chốc lại vào thăm tôi, rồi lại sờ lên trán tôi, xem ý lo sợ lắm, tôi thật đau lòng quá.

« Ngày 12

« Đến hôm nay thì mệt quá, không ngồi gượng được nữa, hễ cứ chớp mắt thì lại thấy chị Lê. Tôi cũng biết thân rằng chẳng được mấy ngày nữa, tôi mong giá Mộng-Hà sang đây để tỏ cái tâm-sự của tôi, thì chết mới thoát được. Tôi cùng Mộng-Hà tuy rằng cái tình-thần chưa phải là vợ chồng, nhưng cái danh-nghĩa là vợ chồng; nhưng Mộng-Hà chưa biết tin tôi ốm, thì biết đâu mà sang? Cho có biết tôi ốm, nhưng chắc có thiệt gì đến tôi mà sang? Bây giờ tôi chết, chưa biết Mộng-Hà cảm-tình đến nhường nào, có lẽ không còn nước mắt đau mà khóc đến người vợ chưa cưới nữa. Mộng-Hà có lượng đến bụng cho tôi, xin lượng cho rằng: tôi vì chị dâu tôi mà chết.

« Ngày 13.

« Khi tôi ốm dương díp nắng-nực quá, nên không biết nực chút nào, tình tôi yếu chịu nực, mà bây giờ đắp hai ba cái chăn vẫn thế rét. Thầy thuốc lại đến bắt mạch, xem mạch thấy ngàn-ngực mãi, rồi mới kê cho tôi cái đơn, thầy giận người nhà.

không biết nói năng gì, nhưng xem có ý lấy làm khó lòng lắm. Từ đấy thì thấy tôi cứ ngồi luôn bên mình tôi, thấy tôi rơm nước mắt bảo tôi rằng : Thần-sắc con kém lắm rồi, làm sao đến thế này ? — Tôi im không trả lời được, rồi nước mắt tôi chứa-chứa hết cái gối, thấm đến cả áo thấy tôi, cứ phải nhắm nghiền mắt lại. Trời ơi ! tấm lòng tôi không thể nói cho thầy biết được. . .

« Ngày 14.

« Tôi ốm nặng quá, không ăn uống được một giọt gì cả, chân tay dại-dột, và thở không ra hơi, tức hơi không thở được, như người chẹn lấy cổ, thầy tôi đã sai người đưa tin cho Mộng-Hà biết, tôi mong Mộng-Hà quá, mà không thấy sang. Thôi, bây giờ tôi không thể đợi được nữa rồi, đến chết mà tôi không được trông thấy mặt chồng tôi, thì tôi còn nhắm mắt làm sao được ? Sau khi tôi chết, chắc cái quyền nhật-ký này cũng được qua mắt chồng tôi, xin cứ trân-trọng, đừng xót tôi làm gì nữa, tôi chép đến đây, viết không thành chữ, từ đây thật không mang nổi cái quân bút nữa. . . »

Lê-Anh chết mà tôi chưa chết ngay, là vì còn có Quân-Thiến. Bây giờ Quân-Thiến cũng chết, thì tôi càng nên chết lắm. Tôi bèn cầm bút, chưa xuống dưới quyền nhật-ký của Quân-Thiến rằng :

« Đây là quyền nhật-ký khi vợ tôi ốm. Vợ tôi mười-tám tuổi, mất vào ngày 17 tháng 6 năm canh-tuất, nhật-ký này chỉ chép đến 14 thôi, giáng chừng ba hôm sau yếu quá không chép được nữa. Tôi tiếp được tin khi chậm, sang đến nơi thì đã không được kịp quyết-biệt nhau. Nghe khi vợ tôi ốm vẫn mong tôi mãi. Nhật-ký này là định để lại cho tôi, tôi thật phụ vợ tôi mà vợ tôi vẫn không oán tôi, mà lại biết lượng cho tôi thế này, cái đời không hay, tài bèn mệnh kém, vì đâu nên nỗi nát ngọc tan

vàng, một đời gặp cảnh đoạn-tràng mấy phen, tôi không chết ngay được, để tạ tấm lòng của vợ tôi, nhưng thế nào cũng phải chết để tạ tấm lòng của vợ tôi ; đi thôi ! đi thôi ! chết có khôn thiêng, trong cung ly-hận, sứt sẵn cho tôi một chỗ ngồi nhé. »

Tôi về đến nhà, cứ như ngày như đại, không nói không cười, mẹ tôi lo sợ quá, cấm không cho tôi đi ra khỏi ngõ, tôi lại càng mê càng cuồng lắm. Anh tôi biết ý tôi rồi khuyên tôi rằng : « Cậu muốn chết, thiếu gì chỗ chết, gặp thời-buổi này, không nên hoai-phí cái thân, cũng thì cái chết, cũng có chết mà nhẹ như cái lông bông, cũng có chết mà nặng như núi Thái-sơn, nên nghĩ kỹ mới được. Và lại Lê-Anh cũng thường khuyên chú đi du-học, vậy tôi bàn cách cho chú bây giờ lại chỉ đi du-học là hơn cả. »

Tĩnh-Am sang thăm thì cũng cứ nói hùn vào. Đoạn rồi anh tôi thu xếp để cho tôi sang Đông, may lại gặp Thạch-Si về, rồi tôi hẹn để cùng đi ; bây giờ chỉ còn hai ngày nữa thì đi vắng.

Giờ gió vượt trần bề khô, Tồn-sắc đi dẫu ; lia hồn theo xuống suối vàng, Kiều-sinh đừng chết. Lê-Anh ơi ! Quân-Thiến ơi ! Vong-hồn còn biết hay không, xem tôi gửi xác vào công cuộc gì ! . . .

Đến đây là hết nhật-ký của Mộng-Hà

(Còn chương thứ 15 dịch bổ thêm ở quyền Ngọc-lê-Hồn về việc khi Mộng-Hà chết, và dịch các bài tựa và lời phê-bình của Từ Trầm-Á, và phụ những lời bình-phâm của người sao-dịch.)

Nguyễn Hán-văn
của Từ Trầm-Á

M.-K. dịch

VĂN-UYÊN

Khuyên bạn không nên đeo-dăng cô đào.

Ngán nỗi cho ai cái bệnh gàn,
Bệnh gàn gàn đến tuyết trần-gian.
Đôi đường nghĩa cả chưa đền trọn,
Một khối tình riêng chả đập tan.
Đã trót gian tay cùng vũ-trụ,
Sao cho mở mặt với giang-san.
Thôi đừng lẳng-nhăng đeo đuổi nữa,
Há phải như ai giống kếp đàn.

Gái lỗi thì nhớ xuân.

Ơi hỡi chồng ơi khoảnh mấy chồng,
Chị em có cả chặt mình không.
Soi gương chán chửa gương nhẵn-nhó,
Trông bóng căm thay bóng thẹn-thùng.
Nhắn má đa-duyên ừ cũng thú,
Kẹn hom già kén luống toi công.
Mãi vậy không lê sơn son đề,
Cổi sống thâm ra vất ngọn hồng.

Con bò hai lần ăn cây ngô bị bắt.

Ngủ đâu ngủ thế hử con bò,
Dàng-buộc sao mày cứ tự-do ?
Sừng sỏ ra tuồng quen hớt ngọn,
Bà con mắt miếng hóa dơ trò.
Da vàng bay nở đem bôi nhọ,
Răng trắng ai còn muốn nhuộm cho.
Kìa cái chân voi tơ chỉ buộc,
Thôi đừng lên nước hợm mình to.

Vịnh bà Trưng nữ-vương.

Bừng-bừng lửa giận bởi vì đâu,
Son phấn xoa lòa cuộc bề đầu.
Một trận vẫy-vùng thân gái góa,
Ba quân tan-tác lũ quan Tàu.
Ra tay cung-kiếm em theo gót,
Mở mặt giang-sơn chị đứng đầu.
Sử sách nghìn năm còn chép đó,
Trung-trinh thụ chết tại mây râu.

Vịnh cô Kiều.

Trộm cắp trắng hoa đủ mọi trò,
Giá ba trăm lạng tính so-cò.
Hiếu vờ may gặp cơn gia-biến,
Nhân hào vì tham cái lễ to.
Mượn giấc chiêm bao quen đi Đạm,
Vào dinh Tổng-dốc gạ cu Hồ.
Khen cho mụ Hoạn tình đời thật,
Mèo mả gà đồng rõ mặt mo.

Ông Công ngày tết.

Chú bếp phen này diện « mới » sang,
Cũng huỳnh đai mạng mũ tai ngang.
Rầy không mặt muối đầu gio nữa,
Ngồi mát ầu dưng khối bạc vàng.

Đề tranh con sư-tử và con hổ.

Cùng nó cùng giống phải cùng thương,
Nòi giống bay ơ, chớ thị-thường.
Nền-nếp ra tuồng vương-tướng cả,
Hợp quần sớm biết để ai đương.

Đỗ Khắc-Sương

Thăm vườn cũ

Vườn này gây dựng tự bao giờ,
Cảnh-sắc nhìn xem đã khác xưa.
Gió thổi hắt-hiu chim lẻ-tẻ,
Hoa rơi tan - tác lá lơ-thơ.
Bóng dương ua-úa chiều xê-xế,
Mặt đất rầu-rầu cỏ xác-xơ.
Vun-tưới nào ai ai đó nhỉ,
Khiến người tiếc cảnh dạ bơ-vơ.

Ở đời

Đã trót sinh ra đứng với đời,
Ở đời phải nghĩ hời ai ơi !
Sao cho đáng mặt trời chung-đức,
Mà khỏi hoài công đất dưỡng-nuôi.
Nếu muốn thi gan cùng tạo-vật,
Phải liều dạn mặt với trần-ai.
Rời ra bịnh-phúc dành riêng đó,
Ấy chớ trời kia vẫn thử người.

Nông-phu tự-thán

(Mỗi câu có tên một cái vật dùng của nhà nông)

Nghĩ mình vất-vả quá thân trâu,
Cuộc gió cây mưa dầm quần dàu.
Bừa-bãi nợ-nần vì thuế mạ,
Mai-mòn khổ-não vì lo sầu.
Chiếc thân chịu quăm coi mà nhục,
Cái phận đeo thừng nghĩ lại đau.
Vồ-vập nào ai thương-thiết đến,
Phải liều hăng-hái để nuôi nhau.

Trả lời anh em

Anh em cứ bảo tớ hay thơ,
Đầu chẳng hay thơ tớ cũng ừ.
Cờ-bạc sẵn tiền lòng vẫn ghét,
Xương-ca mất thú tính không ưa.
Thế-trần những ngán đường đen bạc,
Non nước thêm buồn nỗi nắng mưa.
Bởi thế ngâm-nga cho giải-muộn,
Dám đâu ví được với người xưa.

NGUYỄN VĂN-NĂNG

Không sầu

Nghĩ lại không nên náo với sầu,
Người đời nào sống được bao lâu.
Rượu chè xin hãy chơi sung-sướng,
Sương-tuyết can chi chịu dài-dầu.
Điều nghĩ điều lo quảng bề thăm,
Gánh sầu gánh náo đỡ sông sầu.
Ai ơi! xin cứ chơi cho thỏa,
Kẻo nữa không bao cũng bạc đầu.

Đề tranh sơn-thủy

Cái cảnh thiên-nhiên cảnh lạ-lùng,
Hỏi ai tô-diễm ấy thiên-công.
Rập-rờn sóng bạc xô vào bến,
Lơ-lửng thuyền nan đậu giữa dòng.
Nhà cửa lơ-thơ trên bãi cát,
Núi non lẫn-khuất dưới vầng đông.
Ôm căn nào khách ngồi câu cá,
Cảnh đẹp dường này hãy đứng trông.

Lời anh sắm

I

Độc-địa làm chi thế hời trời?
Nỡ nào riêng ghét một mình tôi!
Việc nhà nghiêng-ngửa không cho rõ,
Sự thế tới-bờ chẳng được coi.
Thửa trước hẳn tôi tu vụng chắc,
Kiếp này ông mới dọa-dây chơi.
Thôi đành nhắm mắt làm thình vạy,
Còn thiết trông chi cái côi đời.

II

Còn thiết trông chi cái côi đời,
Gió trăng lưng túi hãy vui chơi.
Rượu khà giảm chén khi say tỉnh,
Đàn gảy mười cung lúc khóc cười.
Suốt tháng ấy ai xuôi ngược mãi,
Quanh năm đây tớ chỉ ngồi thôi.
Nghĩ càng thêm thẹn cùng non nước,
Thế cũng tu-mi đứng côi đời.

DƯƠNG ĐÌNH-TÂY

Viếng mộ bạn

I

Dầu-dãi phong-trần năm cỏ khấu,
Nghĩ tình cố-cựu xiết bao sầu!
Mười thu đèn-sách lán mây nổi,
Một khối văn-chương thước đất sầu.
Ngán nỗi sương thu cùng nắng hạ,
Mặc dầu gió Á với mưa Âu.
Dương minh tôi bác rầy đôi ngã,
Biết đến bao giờ lại gặp nhau?

II

Tôi bác ngày nào bé tí-nhau,
Mà nay kim-cổ đã đầu-dầu.
Bụi hồng bên đồng hồ ly-biệt,
Mây bạc đầu non khí thảm-sầu.
Một gánh kiên-khôn người chín tuổi,
Lưng bầu phong-nguyệt khách năm châu.
Nghĩ tình cố-cựu đôi hàng lệ,
Hoa cỏ thương ôi cũng mặc dầu!

NGUYỄN TRUNG-KHUYẾN

Triệu Âu

Phất cờ nương-tử chốn cương-trường,
 Ngồi giữ đầu voi tự dọc ngang.
 Dài vú đã nên hình dị-dạng,
 Già gan thêm tổ mặt phi-thường.
 Trên tờ thanh-sử còn ghi bút,
 Trong khách hồng-quần sẵn có gương.
 Mới biết Việt-Nam nhiều gái giỏi,
 Sau Trưng-vương lại nổi Bà-vương.

Lý Chiêu-hoàng

Hoa sen tám lá vận trời xui,
 Thân gái dành ra nổi lấy ngôi.
 Tám tuổi sá chi tưởng trẻ vội,
 Hai lòng chỉ tại bõm già thôi.

Lấy chồng chuyện khéo bày ra thế,
 Nường nước mưu sâu mắc phải rồi.
 Ngoại-thích gương còn tẩy liếp đó,
 Trách đầu xin chớ trách gì ai.

Mị-Ê

Bình-lửa vì đầu hồng dấy hiềm,
 Nỗi nhà nỗi nước nghĩ càng thêm.
 Không đem mặt ngọc dâng vua Lý,
 Quyết giữ lòng son đối chúa Chiêm.
 Ngồi quí dễ hầu thay dạ sắt,
 Sông sâu thả mượn giải gan lim.
 Chữ trinh đáng giá nghìn vàng thật,
 Thử lại mà xem miếu-mạo xem.

NGUYỄN VĂN-ÂN

THỜI-ĐÀM

Việc Âu - Mĩ

Tình-hình bên Pháp. — Kỳ trước đã nói về sự thay-đổi trong chính-cục nước Pháp. Nay nhận được các báo-chí mới sang mới biết rõ tình-hình. Xem đó thời ra những việc xảy ra ở nước Pháp trong hạ-tuần tháng năm và thượng-tuần tháng sáu vừa rồi, thật là một cuộc chính-biến rất quan-hệ. Những việc ấy đã lược-thuật trong mục « Thời-đàm » trước, nhất là việc quan Giám-quốc và Nghị-viện xung-đột nhau, đến quan Giám-quốc phải từ-chức về. Theo Hiến-pháp nước Pháp năm 1875 thì quan Giám-quốc chỉ là một chức quốc-trưởng đặt ra để làm vị, không có trách-nhiệm về chính-trị, hai viện họp thành quốc-hội bầu lên bảy năm, trong bảy năm ấy, chỉ trừ phạm tội phản-quốc phải đem ra quốc-hội xử, còn quốc-dân cũng như nghị-hội không ai trách-cứ được điều gì. Chỉ có tòa Nội-các của quan Giám-quốc cử ra là mới có trách-nhiệm đối với Nghị-viện, nếu Nghị-viện không bỏ về tén-dụng thời phải đi. Nhưng Nội-các đó, quan Giám-quốc cũng không liên-can gì vào đấy, vì không có trách-nhiệm. Chỉ phải thương-thuyết cùng Nghị-trưởng hai viện mà cử người khác ra lập Nội-

các mới mà thôi. Nghĩa là chỉ có cái hư-quyền đặt Nội-các, nhiều khi cũng không phải là tự mình kén-chọn, chứ không có thực-quyền gì về chính-trị. Hiến-pháp định như thế là chủ giữ cho hoàn-toàn cái chủ-nghĩa dân-chủ, và phòng cho khỏi sự chuyên-quyền của một người. Như thế thời địa-vị quan Giám-quốc tuy là đứng đầu nước mà thực là địa-vị khách-quan đối với cuộc chính-trị trong nước. Hiến-pháp đã chặt-chẽ đến thế, quan Giám-quốc cũng không thể làm gì vượt quyền được. Thế mà đảng đa-số ở Nghị-viện mới rồi công-nhiên trách quan Giám-quốc MILLERAND đã phạm Hiến-pháp và bắt phải từ-chức cho đến được mới nghe. Ông MILLERAND làm gì mà đến phạm hiến-pháp? Trước kỳ tổng-tuyên-cử ông chỉ diễn-thuyết có mấy lần đề tổ cái chính-kiến của ông cho quốc-dân biết và có ý tán-trợ cho « Quốc-dân liên-hiệp-đảng » (Bloc national) là đảng tự ông lập ra năm 1919, hồi bấy còn làm thủ-tướng. Các đảng phản-đối với đảng ấy lấy thế làm cảm-lâm. Khi tuyên-cử thời đảng quốc-dân bị thiểu-số, đa-số về các đảng tẻ-lọp lại thành « Tả - lực liên-hiệp-

đảng» (*Bloc ou Cartel des Gauches*). Các đảng này bấy giờ mới thừa-cơ hội sức công-kích ông MILLERAND, nói rằng ông làm Giám-quốc mà can-thiệp vào sự cạnh-tranh các chính-đảng, công-nhiên bênh đảng họ, gièm đảng kia, thế là trái nghĩa-vụ trung-lập của chức Giám-quốc, và phạm đến hiến-pháp, đảng Tả-dực nay được đa-số ở Nghị-viện phải ra cầm quyền thay đảng Quốc-dân, nhưng ông MILLERAND còn tại-chức thời quyết không chịu nhận quyền ở tay ông để lập Nội-các. Sự công-kích ấy kịch-liệt quá, nhưng ông MILLERAND cũng cứng không chịu ngay, nói rằng theo hiến-pháp quan Giám-quốc được bầu bảy năm, nghĩa-vụ là phải tại-chức cho hết hạn, không phạm tội phản-quốc không đảng nào có thể trách gì được; nếu để cho các chính-đảng can-thiệp đến quyền Giám-quốc thì không còn có thể thông gì nữa. Hai bên găng nhau đến hơn mười hôm, trong khi ấy thì nước Pháp hầu như không có Chính-phủ, vì lãnh-tu đảng Tả-dực là ông HERRIOT không chịu nhận lập Nội-các mà Nội-các POINCARÉ cũ thì chỉ quyền tạm trông coi việc giấy-má thường mà thôi. Ông MILLERAND cố kiếm cho được người giao lập Nội-các, nhưng trong đảng tả không ai nhận, mà ngoài đảng tả cũng không ai nhận, vì biết rằng ra đến Nghị-viện tất phải khuyh-đảo. Sau mới có ông FRANÇOIS MARSAL thuộc về đảng trung-ương, lỉnh bỏ Tài-chính Nội-các trước, chịu nhận lập một Nội-các tạm-thời, chủ-ý chỉ để tuyên-độc lời « cáo » của quan Giám-quốc cho hai Nghị-viện quyết-nghị, hai viện quyết thế nào, quan Giám-quốc và Nội-các sẽ tùy-nghị xử-trí. Khi Nội-các tạm-thời ra Nghị-viện thời đảng đa-số không công-nhận, không chất-vấn điều gì cả, dường như không thèm biết đến. Khi bỏ về thì số nhiều bỏ về không tin-dụng, ở Hạ-viện số về có nhiều hơn ở Thượng-viện. Hai viện đã không tin-dụng Nội-các tức là không chuân-y lời cáo của ông Giám-quốc, vì Nội-các đặt ra chỉ để tuyên-lời cáo ấy mà thôi. Ông MILLERAND đã rõ ý Quốc-hội như thế, chiều ngày 12 tháng 8 bèn gửi giấy từ-chức cho Nghị-trưởng hai viện. Hôm sau có giấy cáo cho cả quốc-dân nói rõ đầu-đuôi việc chính-biến và trách-nhiệm là tự đảng đa-số ở nghị-viện gây ra

một cái lộ không hay trái với ý-nghĩa Hiến-pháp. Thế là trong cuộc xung-đột nghị-viện với ông Giám-quốc, đảng đa-số Nghị-viện được thắng vậy.

Nay nghe lời của hai bên thời bên nào cũng đổ thừa cho nhau là trái hiến-pháp. Đảng tả-dực thì trách ông MILLERAND là giữa sắp khi tuyển-cử lại công-nhiên tỏ lòng bênh đảng họ gièm đảng kia, thế là trái với cái nghĩa-vụ trung-lập của quan Giám-quốc và thật là phạm hiến-pháp. Đảng ông MILLERAND thời nói rằng nhiệm-ký quan Giám-quốc là bảy năm, trong hạn ấy trừ tội phản-quốc, còn chức Giám-quốc là bất-khả xâm-phạm. Hiến-pháp đặt ra thế là có ý để cho chức Giám-quốc cao hơn cả các đảng-phái, không phải theo sự tiến-thoái của các đảng mà thay đổi, ngõ-hầu cho quốc-gia bao giờ cũng có một ngôi chủ-trương bất-dịch; nay vô-cố hay là vì những cơ không vào đâu, có kẻ vận-động cho quan Giám-quốc phải từ-chức, thế là phạm hiến-pháp. Xét ra thì bên nào cũng có lẽ cả. Quan Giám-quốc tuy không có thực-quyền chính-trị, nhưng có quyền kén chọn các quan Nội-các và làm chủ các hội-đồng chính-phủ. Như vậy thời dẫn quan Giám-quốc không tất-nhiên phải đồng-ý-kiến với Nội-các về mọi việc, song cũng không nên nhất-thiết phản-đối với Nội-các. Nay ông MILLERAND là người đảng Quốc-dân, mà đảng đa-số ở Nghị-viện lại là đảng Tả-dực; muốn lập Nội-các, ông chỉ có thể cử những người về đảng đa-số mà thôi, vì dùng người đảng khác tất ra Nghị-viện bị khuyh-đảo ngay. Thành ra túng-sử ông HERRIOT hay là một ông nào trong đảng tả có chịu nhận lập Nội-các đi nữa, Nội-các ấy sớm trưa rồi cũng đến xung-đột với quan Giám-quốc, và ông MILLERAND thế nào cũng có ngày phải từ-chức. Cho nên cứ ý-kiến những người bình-tĩnh xét về việc chính-biến này, thì đảng Tả-dực công-kích ông MILLERAND như thế cũng là quá, và bách ông từ-chức ngay cũng là vội, thật không khỏi thất-ư nóng-nảy. Có lẽ là cấm-giận đã lâu mà thừa-cơ cố danh cho đỡ chướng. Và lại còn có một lẽ nữa, là đảng Tả-dực không phải là không biết rằng ông MILLERAND sớm trưa thế nào cũng phải từ-chức, nhưng để cho ông tự-nhiên mà từ-chức

không bằng khiến cho ông cường-bách phải từ-chức, thế-lực đảng mình nhờ đó được tăng thêm lên.

Nay quan Giám-quốc cũ đã từ-chức, quan Giám-quốc mới đã bầu xong (xem kỳ trước), tình-tu đảng xã-hội-cấp-tiến là đầu các đảng liên-hợp về Tả-dục đã nhận lập Nội-các mới từ ngày 15 tháng 6, công việc của Nội-các này thế nào :

Kỳ trước đã nói qua về chủ-nghĩa và chương-trình các đảng tả vừa mới đắc-thắng kỳ tổng-tuyển-cử mới rồi. Bây giờ được ra cầm quyền, chắc là sẽ ra tay thi-hành chủ-nghĩa của mình. Nhưng theo lời một nhà báo Tây kia đã nói : « Nước Pháp ngày nay dấu thay đổi chính-phủ đến thế nào, dấu đảng nào lên cầm quyền đi nữa, chỉ có hai việc đại-quan-hệ không thể nào hoãn được và từ sáng đến chiều phải lo nghĩ luôn-luôn cho giải-quyết được. Hai việc ấy là việc nước Đức và việc đồng phát-lãng.»

Tài-chính nước Pháp hiện nay đương quân-bách, cho nên đồng phát-lãng cứ hạ giá mãi. Là vì Đức không chịu trả tiền bồi-thường cho Pháp. Muốn cho đồng phát-lãng khỏi-phục được giá cũ thời phải bắt được Đức trả nợ bồi-thường. Muốn bắt Đức trả nợ bồi-thường tuổi phải hiệp-lực với Đồng-minh cũ, như Anh, Mỹ, v. v., đàn-áp chính-phủ Đức. Nay Đồng-minh cũ có ý kháng-tảng, không thiết đến, vì sợ bồi-thường của mình chỉ có một phần ít, không bằng của Pháp, nên không bỏ công can-thiệp vào để giúp Pháp. Song Pháp lại nợ Đồng-minh nhiều, nhất là nợ nước Mỹ và nước Anh. Nếu Pháp không được Đức trả thì Pháp cũng không lấy đâu mà trả Anh, Mỹ được. Ấy vắn-đề phiền-phức như thế.

Trước khi thi-hành các việc khác, tòa Nội-các HERRIOT phải giải-quyết vấn-đề ấy đã. Nên Nội-các mới thành-lập, ông thủ-tướng HERRIOT đã liền sang *Londres* để thương-thuyết với thủ-tướng MAC DONALD nước Anh. Hai ông đều đồng-ý nhau thuận nhận lời báo-cáo của hội-đồng ủy-viên giám-định (*Comité des Experts*) về vấn-đề bồi-thường Đức và định mời các chính-phủ Đồng-minh (Pháp, Anh, Ý, Nhật, Tí) đến ngày 16 tháng 7 này họp thành hội-ng nghị ở *Londres* để bàn-định

các kế-hoạch thi-hành cái chương-trình của các viên giám-định. Theo chương-trình ấy thì các nước sẽ giúp nước Đức lập nhà băng, vay tiền của Vạn-quốc để trả nợ, lấy những tài-sản trong nước, như xe lửa, thuế thương-chính, rừng, mỏ, v. v., làm đảm-bảo. Muốn cho sự vay sự trả được sông-phẳng công-bình thời tuy nước Mỹ không ký hòa-ước, công-nhiên không có dự vào hội-ng nghị đồng-minh, — chỉ có phái người quan-sát mà thôi, — nhưng Đồng-minh đã nhờ chính-phủ Mỹ cử cho một người làm Tổng-quản-lý để trông nom về việc ấy. Và nước Mỹ là nước tài-chính thịnh nhất bây giờ, việc lập nhà băng cho nước Đức tất phải nhờ đến nước Mỹ mới xong. Lại ủy-hội giám-định nghĩ đặt thành cái chương-trình khôi-phục tài-chính cho nước Đức, cũng là nhờ có công người Mỹ nhiều, nhất là tướng-quân Dawes. Nước Mỹ ngày nay thật đứng vào địa-vị minh-chủ trong chính-cục Âu-châu vậy.

Tòa Nội-các HERRIOT xem ra được các nước Âu-Mỹ hoan-ngheh, vì đảng Tả-dục đối với các việc nội-chính ngoại-giao đều có ý khoan-dung hơn đảng Quốc-dân cũ. Ông Thủ-tướng POINCARÉ trước cũng là người có công to với nước Pháp, nhưng vì lòng nhiệt-thành với nước quá mà thành ra câu-chấp kháng-kháng, đối với liệt-cường không chịu nhượng-nghĩa chút nào, khiến cho các nước có lòng nghi-ky, nhất là nước Anh, mà mọi mối phân-tranh mãi không điều-đinh xong. Nay ông HERRIOT lên cầm quyền thì có lẽ các mối ấy sẽ mau giải-quyết được. Ông không những được các Đồng-minh cũ hoan-ngheh, mà lại được cả nước Đức hoan-ngheh nữa. Vì ông đã từng tuyên-bố rằng nếu nước Đức sẵn lòng nhận nợ và trả nợ cho thành-thực, thì ông sẽ cho rút quân ở hạt sông *Ruhr* về và sẽ bằng lòng cho nước Đức vào Hội Vạn-quốc.

Tuy vậy, công-việc của Nội-các HERRIOT cũng còn khó-khăn và nặng-nề nhiều lắm. Ngay ở trong nước còn phải đối-phó với các đảng cựu-dịch mình, nhất là đảng Quốc-dân trư, nay thành đảng phản-đối. Đảng Quốc-dân mới thất-bại, như còn chưa định hẳn, là một đảng đã cầm quyền quen

đến ngày tổ-chức lại tất có thể-lực mạnh lắm. Ông Giám-quốc MILLERAND cũ về nghỉ ít lâu, rồi có chân Nghị-viên hạt nào khuyết chắc sẽ ra ứng-cử và thế nào cũng được bầu; lĩnh-lự đảng Quốc-dân sau này chính là ông vậy. Ông đã bị công-kích thế nào, rồi ông sẽ công-kích lại như thế. Ấy là cái lẽ tuần-hoàn ở đời, mà cũng là cái thú vô-song của coa nhà chính-trị vậy.

Hội Vạn-quốc. — Trong chương-trình của tòa Nội-các HERRIOT có một điều nói rằng nên lo toan các cách để giữ cho thế-giới được hòa-bình, khỏi lại phải cái nạn chiến-tranh như trước nữa; như vậy thời phải giúp cho Hội Vạn-quốc có thể-lực để làm-thời có thể giải-quyết được mọi sự phân-tranh trong các nước.

Ta thường nghe thấy nói đến Hội Vạn-quốc luôn, cũng nên biết qua về chủ-nghĩa Hội Vạn-quốc thế nào và tình-hình bây giờ thế nào.

Hội Vạn-quốc xướng-lập ra từ sau khi chiến-tranh, hồi ký hòa-ước ở Versailles. Chương-trình Hội Vạn-quốc đặt ngay ở trước tờ hòa-ước và gồm từ điều thứ 1 cho đến điều thứ 26. Chương-trình ấy đại-khái định rằng các nước họp nhau thành một cuộc liên-minh, để tìm cách ngăn-ngừa sự chiến-tranh, cam-đoan rằng tương-lai hoặc có xảy ra sự phân-tranh gì với nhau thời phải đem ra cho Hội-đồng Vạn-quốc xử. Nếu một nước nào tự-tiện đem binh sang đánh nước khác thời cả các nước có ký ước sẽ coi nước ấy như kẻ thù chung và tức-khắc tuyệt-giao cả. Cái tôn-chỉ Hội Vạn-quốc ấy rất là cao - thượng. Nhưng mà liệt-cường đều có bụng tây-riêng cả, không ai thành-tâm tán-thành. Người khởi-xướng ra Hội Vạn-quốc là ông cố Giám-quốc nước Mĩ WILSON (1), thế mà chính nước Mĩ lại không chịu ký nhận. Cho nên mới lập ra

đã mấy năm nay chủ-ý là để giữ cuộc hòa-bình cho thế-giới, mà thế-giới dường như không hoan-ngheh vậy. Hay là các nước chỉ nói hòa-bình ở cửa miệng mà kỳ - thực trong bụng không muốn hòa-bình chẳng? Nhưng xem ra trong khoảng mấy tháng nay, từ khi ở nước Anh đảng công - nhân lao-động và ở nước Pháp đảng xã-hội cấp-tiến lên cầm quyền, thì dư-luận trong các nước có ý khuynh-hướng về Hội Vạn-quốc hơn trước. Đó cũng là một cái triệu-chứng hay vậy.

Hội Vạn-quốc đặt ở thành Genève, nước Thụy-sĩ (Suisse). Hiện đã có 54 nước, vừa lớn vừa nhỏ, có chân Hội, xin kể ra như sau này theo thứ-tự A B: *Afrique du Sud* (Nam-Phi, thuộc-địa tự-trị của nước Anh), *Albanie*, *Argentine*, *Australie* (Úc-châu, thuộc-địa tự-trị của nước Anh), *Autriche*, *Belgique*, *Bolivie*, *Brésil*, *Empire britannique* (Đế-quốc Anh), *Bulgarie*, *Canada* (thuộc-địa tự-trị của nước Anh), *Chili*, *Chine* (Tàu), *Colombie*, *Costa-Rica*, *Cuba*, *Danemark*, *Espagne*, *Estonie*, *Ethiopie*, *Finlande*, *France*, *Grèce*, *Guatémala*, *Haïti*, *Honduras*, *Hongrie*, *Inde* (mấy nước tự-trị ở Ấn-độ, do nước Anh bảo-hộ), *Irlande*, *Italie*, *Japon*, *Lettonie*, *Libéria*, *Lithuanie*, *Luxembourg*, *Nicaragua*, *Norvège*, *Nouvelle-Zélande* (thuộc-địa tự-trị của nước Anh), *Panama*, *Paraguay*, *Pays-bas*, *Pérou*, *Perse*, *Pologne*, *Portugal*, *Roumanie*, *Salvador*, *Royaume Serbe-Croate-Slovène*, *Siam*, *Suède*, *Suisse*, *Tchécoslovaquie*, *Uruguay*, *Vénézuéla*.

— Xem đó thời trong thế-giới hiện chỉ có ba nước lớn không có chân vào Hội Vạn-quốc, là nước Mĩ, nước Đức và nước Nga. Nước Mĩ hồi là theo chủ-nghĩa *Monroe* (Mạnh-la) không muốn can-thiệp đến việc Âu-châu, nhưng có lẽ có ngày hiểu rõ sự ích-lợi rồi cũng sẽ vào Hội. Còn hai nước Đức và Nga thì Vạn-quốc chưa chịu nhận cho vào hội. — Hội Vạn-quốc mỗi năm họp đại-hội-đồng một lần, quyết-nghị việc gì thời mỗi nước trên

(1) Xem bài nói về WILSON VÀ LINCOLN ở trên.

kia được một vé. Lại đặt ra một Hội-đồng tri-sự, hai tháng họp một lần, có bốn hội-viên vĩnh-viễn (là nước Pháp, nước Anh, nước Ý, nước Nhật) và sáu hội-viên thay lần lượt. Có một sảnh Thư-ký, coi việc giấy-má, đặt thường-trực luôn ở Genève. Lại có một tòa « Vạn-quốc Pháp-viện » (*Cour de justice internationale*), có 11 vị thẩm-phán, chọn trong những nhà pháp-luật có danh-giá và có đạo-đức trong vạn-quốc, để xử các việc phân-tranh trong các nước. Lại có một tòa « Vạn-quốc Lao-động-sân » (*Bureau international du Travail*), để dự-thảo các luật-án qui-định về việc lao-động trong các nước. Tòa này mỗi năm có đặt một đại-hội-đồng, mỗi nước được bốn người đại-biểu (nước Đức cũng có dự): 2 người của Chính-phủ, 1 người của các đoàn-thể chủ-nhân (*Organisations patronales*), 1 người của các đoàn-thể công-nhân (*Organisations ouvrières*). Ngoài các cơ-quan đó, Hội Vạn-quốc lại còn có những hội-đồng chuyên-môn, hội-đồng thường-trực, hội-đồng tạm-thời, tùy sự cần-dùng đặt ra.

Từ khi có Hội Vạn-quốc đến giờ đã chủ - trương điều - đình được các việc như sau này : năm 1921 việc đảo *Aland* (ngăn được sự chiến-tranh nước *Suède* và nước *Finlande*) ; việc địa-giới ở *Haute-Silésie* (ngăn được nước Đức và nước *Pologne* khỏi đánh nhau) ; việc địa-giới nước *Serbie* và nước *Albanie* ; — năm 1922, chủ-trương sự khôi-phục tài-chính cho nước *Autriche*, thật là cứu được nước ấy khỏi nguy-vong ; — năm 1923, đình địa-giới cho nước *Pologne* và nước *Lithuanie* ; dự-thảo cái chương-trình điều-đình về việc đảo *Corfou* (việc giao-thiếp nước *Italie* và nước *Grèce* xuất nĩa gây ra chiến-tranh) ; giải-quyết được việc phân-tranh về hạt *Javorzina* (việc nước *Tchécoslovaquie* và nước *Pologne*).

Xem như trên thì thấy nhiều những nước nhỏ, xưa nay không nghe tên bao giờ, cũng có chân vào Hội Vạn-quốc, và nước nhỏ không đủ sức chống với các cường-lân, chỉ trông cậy vào Hội Vạn-quốc để bảo-toàn được tính-mệnh. Hội Vạn-quốc nếu mà mở-mang phát-đặt ra thời chính là cái cơ-quan để hạn-chế các cường-quốc và bảo-hộ cho các tiểu-ban vậy.

Việc Á-đông

Việc nước Nhật và nước Mĩ. —

Việc xung-đột nước Nhật với nước Mĩ về vấn-đề di-dân, bề ngoài tựa-hồ như đã xuôi-xuôi, nhưng kỳ-thực chưa êm một chút nào. Mà tưởng cũng khó lòng cho bao giờ êm hẳn được. Sự thiệt-thòi về quyền-lợi còn có thể quên được, chứ sự nhục đến quốc - thể thì không bao giờ rửa sạch. Mà trong việc này, người Nhật-bản lấy làm một sự nhục cho cả nước mình. Người Nhật nghĩ thể tướng cũng không sai, vì cứ xét cái luật mới của nước Mĩ hạn-chế sự di-dân thì chẳng hay nước Mĩ có thật cố-ý xử nhục nước Nhật không, nhưng làm tựa-hồ như cố ý

vậy. Luật ấy định các số dân ngoại-quốc mỗi năm được di-cư vào đất Mĩ là lấy 2 phần trăm (2%) số dân di-cư trong năm 1890 làm gốc, thêm lên 100 nữa. Hai phần trăm số dân Nhật ở nước Mĩ năm 1890 là 41 người, nếu cứ theo luật mới thì từ nay người Nhật được vào ở nước Mĩ mỗi năm không được quá số 141 người. 141 người, kể có là bao, hơn ra hay kém đi ngần ấy cũng không thiệt-hại gì cho ai, không lợi-lộc gì cho ai. Thế mà người Mĩ nỡ đặt ra một điều riêng, nói rằng người Á-châu không thuộc vào lệ ấy, hiện ở nước Mĩ đã nhiều rồi, từ giờ không được vào thêm một người nào nữa ; tưởng giá cố-ý làm nhục

người ta cũng không làm được hơn nữa. Thành ra vấn-đề kinh-tế biến thành một vấn-đề chủng-tộc. Chỉ vì người Nhật-bản là người Á-châu, là giống da vàng, nên không được dãi bằng người các nước, chứ không phải là số di-dân ít hay nhiều vậy. Vẫn biết rằng nước Mỹ có quyền tự-do muốn dãi người ngoài đến ngụ-cư ở nước mình thế nào cũng được, cho nên Chính-phủ Nhật dẫu căm-tức thế nào cũng chẳng nói sao. Nhưng từ khi tin ấy truyền sang nước Nhật, thời khắp trong dân-gian lấy làm phẫn-kích lắm. Mới rồi có điện rằng có hai người chi-sĩ Nhật-bản giận quá đến tự-tử bằng lối mổ-bụng (*harakiri*) theo tục cũ nước Nhật, ở ngay gần tòa sứ Mỹ ở Tokyo. Chết rồi xem trong người có di-thư thống-trách Chính-phủ và quốc dân Mỹ. Dư-luận Nhật đòi Chính-phủ phải làm quốc-táng cho hai người ấy. Lại có một chàng thanh-niên Nhật thừa lúc lính canh vô-ý lén vào tòa sứ Mỹ, trèo lên nhờ lá cờ của Mỹ rồi mang chạy. Những việc như thế là phát-tiết một cái lòng công-phẫn vô-cùng uất-tích trong dân-gian, như than vùi dưới tro, không biết bao giờ bùng cháy vậy.

Việc nước Tàu. — Nội-các SUN PAO-KI (Tôn Bảo-Kỳ) thắng trước đã nghe dự-dịch từ-chức, vì Tổng-lý Nội-các với Tổng-trưởng Bộ Tài-chính (là WANG K'Ō-MIN = Vương Khắc-Mẫn) bất-bình nhau. Ngày mồng hai tháng 7 có tin là đã từ-chức rồi, chưa biết rõ ai lên thay, vì có hai cái điện khác nhau, một thì nói là Dr WELLINGTON KOU (Cố Duy-Quân, là ngoại-tướng trong Nội-các SUN), một cái nói là Dr YEN (Nhan Huệ-Khánh).

Ở miền trung-ương thì thế-luận OU PEI-FOU (Ngô Bội-Phu) có phần tấn-cự hơn trước. Mặt Từ-xuyên đã giúp được yên

ổn, mặt Quảng-dông thời đã bắt đầu phá quân xuống giúp cho TCHEN KIUNG-MING (Trần Quýnh-Minh) đánh SUN YAT-SEN (Tôn Văn). Quân TCHEN mấy lâu nay yếu thế không tiến được mấy, nay được OU giúp cho như thế, nếu hết sức đánh có lẽ thắng được SUN. Còn về mặt Nam thời ở Quảng-tây LOU YONG-TING (Lục Vinh-Đình) và ti-tướng là CHEN HONG-YING (Thần Hồng-Anh) đánh nhau đã mấy tuần nay, có ngày đã đánh đến tận Nam-ninh và cách địa-giới ta chừng 60 cây-lô-mét; mặt Đông thời quân Quảng-dông giúp cho CHEN để đánh LOU, mặt Bắc thời nghe dẫu có quân OU PEI-FOU đã phái xuống để giúp LOU. Về mặt Mãn-châu thời TCHANG TSO-LING (Trương Tác-Lâm) vẫn cứ hùng-cử một phương, thao-luyện quân-sĩ, không biết nuôi cái dã-tâm thế nào. Có người nói là mưu muốn kết-liên với SUN ở Quảng-dông để nhất-cử khuynh-đảo Chính-phủ Bắc-kinh và bọn OU PEI-FOU. Hiện nay thời còn đương phản-đối cái điều-ước Trung-Nga ký vừa rồi, điều-ước ấy Nghi-viện đã duyệt-y ngày 27 tháng 6. Tổng thống TSAO KOUN đã phái người ra Phụu-thiên (*Moukden*) để điều-định, chưa biết có xong không.

Nhân nói về điều-ước Trung-Nga, bữa ký ước, đại-biêu nước Nga là KARAHAN diễn-thuyết nói rằng quốc-dân Tàu nên biết cái bụng tử-tế của Chính-phủ mới nước Nga đối với nước Tàu, bao nhiêu những đặc-quyền của Nga ở Tàu, nước Nga nay vui lòng trả lại hết cả, thật là khác với các nước Âu-Tây kia cứ khư-khư giữ lấy đặc-quyền của mình, người ta có đòi thì đem binh-lực mà chống lại. Các báo Tây ở bên Tàu nói rằng những lời diễn-thuyết như thế là nguy-hiểm lắm, vì kích-thích cái lòng ổ-ngoại của người Tàu và làm cho phong-trào bài-ngoại mỗi ngày một thêm lên.

Việc trong nước

Thuế thương - chánh với đồ

hàng Nhật. — Từ ngày quan Toàn-quyền và phái-bộ kinh-tế đi công-cán ở Nhật về, vấn-đề thuế-thương-chánh với đồ hàng Nhật, các báo Tây ở đây hằng ngày thường nghị-luận đến. Chưa biết chính-phủ quyết-nghị thế nào, nhưng hiện nay có hai phái, mỗi phái giữ một thuyết khác nhau. Một phái không muốn cho đồ hàng Nhật vào đây được thuế-thương-chánh nhẹ, theo như lời Chính-phủ và các hội buôn Nhật xin, nói rằng có làm thế mới bảo-hộ được quyền-lợi cho các nhà buôn-bán công-nghệ Tây Nam, nếu không thì đồ Nhật-bản sẽ tràn vào khắp trong xứ và át cả các đồ Pháp và đồ bản-xứ đi, như thế vừa hại cho người Tây, vừa hại cho người Nam.

Một phái muốn cho đồ hàng Nhật, trừ ra mấy món sẽ đình, còn thì nhập - cảng đây được đánh thuế Thương - chánh nhẹ, nói rằng buôn-bán là giao-dịch, giao-dịch phải được tự-do thời mới có lợi cho cả người mua và cả người bán, không nên vì quyền-lợi riêng của mấy nhà buôn ở đây mà bắt cả và người tiêu dùng phải mua đắt, thế là không công-bằng. Hai thuyết cũng phải mà cũng không phải. Chính là hai cái chủ-nghĩa trái nhau về kinh-tế-học : chủ-nghĩa tự-do mậu-dịch (*libre échange*) và chủ-nghĩa bảo-hộ mậu-dịch (*protectionnisme*). Tưởng nên triệt-trung hai đảng là hơn : nếu đề cho đồ Nhật vào tự-do quá thời hại to cho các công-nghệ An-Nam ngày nay mới bắt đầu nhóm lên, không tài nào địch nổi với họ được ; hiện bây giờ ở bên ta có ít đồ Nhật là nhờ về thuế thương-chính nặng, họ phải bán đắt, ít người mua, nên không dám đem sang nhiều, nếu nhất-dân giảm thuế cho họ thời họ « tườn » sang rất nhiều, bán giá cực rẻ, không khỏi nguy cho mình ; — xét về một phương-diện khác thời những món ta không làm được cũng nên đánh nhẹ thuế cho họ đem vào nhiều, kéo bây giờ ít người bán, ta cứ

phải ăn đắt mãi. Nghe đâu Chính-phủ cũng có ý muốn chằm-chước như thế cho hai bên cùng được lợi mà không hại bên nào. Hiện nay đã hỏi ý-kiến các Hội Thương-mại và nhờ các Hội ấy điều-tra trong các nhà buôn bản-xứ.

...

Vấn-đề lụt. — Năm nay Bắc-kỳ lại bị lụt và lại lụt ở những tỉnh đã bị năm ngoái, như Bắc - ninh, Hưng - yên, Hải-dương. Thế thì ra cái vấn-đề lụt nay vẫn không thấy giải-quyết được chút nào cả. Mà các nhà bác-vật ngày nay cũng như vua quan ta ngày xưa, cũng đến phải chịu cái sức nước Hồng-hà. Ông kỹ-sư NORMANDIN là chánh sở Công-chính Bắc-kỳ đã nói rằng cách-trị ngày nay cũng không có phép ngăn nước lụt được, cũng đến phải theo lối cũ là đắp đê mà thôi. Đê thế thì sao không chằm sửa đắp các đê từ mùa nước cạn cho được vững-vàng mà chịu sức nước lên, lại đề cho nước mới bắt đầu lên đê đã vỡ rồi ? Sao lại không theo bản lối cũ giao-trách-nhiệm về đê-chính cho các quan An-Nam và các dân làng, duy đã thu tiền tạp-dịch rồi thời nên trích công-khố ra để trả công người làm cho được công-bằng ? Vấn-đề này quan-hệ lắm. Xin Chính-phủ phải nghĩ cách giải-quyết thế nào, không thời dân Bắc-kỳ cứ mỗi một năm một lần lụt như thế này khổ quá.

...

Hội-chợ Hà-nội. — Hội-chợ Hà-nội năm nay là lần thứ 6 sẽ mở từ ngày 30 tháng 11 đến ngày 14 tháng 12. Hiện ở trường Đấu-xảo đương làm tập-nập để dựng các gian hàng mới. Xem chừng năm nay có lẽ thịnh hơn mọi năm. Dự hội chợ năm nay không những riêng một Đông-Pháp và Đại-Pháp, lại các thuộc-dia Đại-Pháp và các nước Á-Đông nữa (Tàu, Nhật-bản, Cao-li, Phi-luật-tân, Tân-gia-lạp, Quần-đảo Mã-lai, v. v...)

Giới-thiệu sách mới.— Ông JACQUES LÊ VĂN-ĐỘC, là một nhà Pháp-học có tiếng ở Nam-Kỳ, xuất-bản ở nhà in Qui-nhơn (Trung-kỳ) một quyển Du-ký thuật chuyện đi chơi nước Đức, nước Anh, và nước Bỉ, bằng Pháp-văn, đề là : *A travers l'Allemagne, la Belgique et l'Angleterre. Impressions de voyage d'un Annamite*. Lời văn hoạt-bát, dễ đọc, dễ hiểu; lại cách ấn-loát cũng dễ coi, trông nghiêm-nhiên như một bộ tiểu-thuyết 7frs 50 của các hiệu sách lớn bên Paris vậy. Giá : 4 50, bán ở Imprimerie de Qui-nhơn (Annam).

— Xứ Bắc-kỳ ngày nay, của ông H. CHEROUSSET chủ báo *Eveil économique* soạn, ông TRẦN VĂN-QUANG dịch ra quốc-ngữ. Sách này làm theo lối độc-bản cho học-trò các trường dùng. Thuộc vào một bộ từng-thư đề là *Lectures tonkinoises*, do quan Thống-sứ Bắc-kỳ MONGUILLOT thăm-duyet.

— **Cải-lương thực-lục.** (Notions pratiques de réformes communales). Sách dạy về cách-thức làm việc cải-lương ở các làng. Của ông TRẦN VĂN-Minh, tham-tà toà Sứ Nam-dinh, soạn. Giá 0 80. Bán ở hiệu Kim-Đức-Giang, Hà-nội.

TẬP KỶ - YẾU CỦA HỘI KHAI - TRÍ - TIẾN - ĐỨC

Giấy xin vào Hội.— Trong tháng vừa rồi có những ông kê tên sau này có giấy xin vào Hội, hạn trong hai tháng trong các hội-viên ngài có điều gì dị-nghị xin viết thư về cho Hội biết.

Xin vào chân chủ-trì

1. — Ông Cao Đắc-Thiện dit Victor Commerçant à Lạng-sơn (do ông Nguyễn-Văn-Giáp giới-thiệu).

2. — Ông Hoàng Hữu-Phượng, Médecin auxiliaire à Thái-bình (do ông Nguyễn Văn - Vĩnh giới-thiệu).

3. — Ông Quách Văn-Thịnh, buôn-bán làng Phúc-lâm, tổng Hoàng-xá phủ Mỹ-đức Hà-đồng (do ông Vũ Văn-Nhà giới-thiệu).

4. — Ông Tạ Đình-Thọ, Secrétaire, maison J. Besnard, 28 rue Julien Blanc, Hà-nội.

Giấy xin ra Hội

1. — Ông Nguyễn Ngọc-Hoán, Thư-ký sở Lục-lộ, phủ Thọ-xuân, Thanh-hóa.

2. — Ông Nguyễn Hữu-Long, Hội-họa sở Lục-lộ, phủ Thọ-xuân, Thanh-hóa.

3. — Ông Trịnh Trọng-Phúc, Secrétaire principal des chemins de fer à Nam-dinh.

Ba ông trên này từ ngày 1er Août 1924 không có chân Hội Khai-Trí-Tiến.

Hội-viên mới.— Những ông kê tên sau này có giấy xin vào Hội đã đăng trong báo số 82 (Avril 1924), nay hết hạn hai tháng không có ai dị-nghị, được nhận vào Hội kể từ ngày 1er Août 1924.

Vào chân chủ-trì

Ông Bùi Văn-Thụy, — Hoàng Gia-Thụy, — Hoàng Ngọc-Bách, — Hoàng Văn-Giáp, — Lê Ngọc-Liên, — Nguyễn Hữu-Bật, — Phạm Đức-Tôn, — Trần Quang-Vinh, — Vũ Công-Tôn.

Chân thường hội-viên

Ông Trần Văn-Canh, — Phạm Hữu-ích.
(Cả thấy 11 ông : 8 ông chủ-trì; 2 ông thường hội-viên).

Cuộc Đấu - xảo Mĩ - nghệ.

Cuộc Đấu-xảo mĩ-nghệ của Hội ta năm nay định mở vào ngày 23 Novembre 1924. Hội đã đặt một hội-đồng các nhà mĩ-nghệ Tây-Nam đề tổ chức về cuộc Đấu-xảo. Hội-đồng có ông H. BRAND, Kiến-trúc-kỹ-sư ở tòa Công-chính làm đầu, và ông Lê Văn-Phúc làm thư-ký. Các nhà nghệ muốn hỏi-hạn gì về Đấu-xảo, xin viết thư hay trực-tiếp hỏi ông Lê Văn-Phúc, 82 phố hàng Gai Hà-nội.